TS. NGUYỄN TẤN HÙNG

MÂU THUẪN

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

MÂU THUẪN
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN

Cùng bạn đọc!

Cuốn sách các bạn đang có trong tay tuy đã đời cách đây đã 8 năm, nhưng thời gian không làm cho nó lạc hậu đi, mà trái lại còn giúp khẳng định thêm những tổng kết lý luận và giải pháp thực tiễn mà chúng tôi đã đưa ra trước đây. Tình hình trong nước và trên thế giới ngày càng làm sáng tỏ hơn xu thế phát triển, khả năng và phương pháp giải quyết các mâu thuẫn xã hội trên phạm vi toàn cầu cũng như trong mỗi quốc gia .

Vì quyển sách xuất bản với số lượng ít ỏi nên đã không thể đến tay tất cả các bạn đọc có sự quan tâm đối với vấn đề này, vì thế chúng tôi quyết định chế bản cuốn sách điện tử này để công bố trên mạng internet. Phiên bản này hoàn toàn theo đúng câu chữ, trang, đoạn, dòng trong sách được Nhà xuất bản *Khoa học xã hội* xuất bản năm 2005. Chỉ có font chữ được định dạng *lớn hơn*, khoảng cách các dòng chữ *thưa hơn* để có thể đọc một cách thỏa mái trên máy tính và một vài lỗi in ấn nhỏ được khắc phục.

Có một số ý kiến bổ sung nhỏ trong những biện pháp giải quyết mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản và một số mâu thuẫn quan trọng ở nước ta hiện nay, chúng tôi xin bày tỏ ở cuối phiên bản này.

Mong nhận được sự đóng góp của bạn đọc để chúng tôi hoàn thiện công trình này.

Tháng 9 năm 2013

Tác giả: **PGS. TS. Nguyễn Tấn Hùng**

T.S. NGUYỄN TẤN HÙNG

MÂU THUẪN
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2005

MỤC LỤC

Trang

Mở đầu: MÂU THUẪN - MỘT VẤN ĐỀ LỊCH SỬ VÀ NÓNG HỔI …… 11

Chương 1: KHÁI NIỆM VÀ KẾT CẤU CỦA MÂU THUẪN BIỆN CHỨNG …… 29

1. Khái niệm mâu thuẫn …….. 29

1.1. Hai quan niệm về mâu thuẫn ……..... 29

1.2. Mâu thuẫn biện chứng …… 32

2. Khái niệm mặt đối lập …….. 34

2.1. Đối lập hay mặt đối lập - cách gọi nào đúng hơn? ……... 34

2.2. Các định nghĩa về "đối lập", "mặt đối lập" ... 35

2.3. Cái gì có thể được xem là "mặt đối lập" ? … 36

2.4. Đối lập là quan hệ "động" …….. 38

2.5. Đối lập bên trong và đối lập bên ngoài ….. 39

3. Kết cấu của mâu thuẫn biện chứng ……... 42

3.1. Các quan niệm khác nhau về kết cấu của mâu thuẫn biện chứng …… 43

3.2. Các mặt đối lập và quan hệ giữa chúng như là thành phần chính trong kết cấu của mâu thuẫn biện chứng ……. 45

3.3. Hai cấp độ của mâu thuẫn biện chứng ….. 56

Chương 2: MÂU THUẪN BIỆN CHỨNG VÀ MÂU THUẪN LÔGÍC HÌNH THỨC. PHÂN LOẠI MÂU THUẪN BIỆN CHỨNG. ĐẶC ĐIỂM CỦA MÂU THUẪN XÃ HỘI ……. 71

1. Mâu thuẫn biện chứng và mâu thuẫn lôgíc hình thức …….. 71

1.1. Mâu thuẫn của sự vật và mâu thuẫn trong tư duy …….. 72

1.2. Antinômi và mâu thuẫn lôgíc hình thức …. 77

1.3. Ý nghĩa của việc nắm vững mâu thuẫn lôgíc hình thức và antinômi ……. 87

2. Phân loại mâu thuẫn biện chứng …… 93

1.1. Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản ……. 93

1.2. Mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn không chủ yếu …… 94

1.3. Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài ……... 96

3. Đặc điểm và phân loại mâu thuẫn xã hội ….. 97

3.1. Đặc điểm của mâu thuẫn xã hội …….. 97

3.2. Phân loại mâu thuẫn xã hội ……. 108

Chương 3: PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH MÂU THUẪN VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CĂN BẢN CỦA NÓ 118

1. Phương pháp phân tích mâu thuẫn 118

1.1. Mục đích của phân tích mâu thuẫn 118

1.2. Thực chất của phương pháp phân tích mâu thuẫn 120

2. Những nguyên tắc căn bản của phương pháp phân tích mâu thuẫn 121

2.1. Đi từ mâu thuẫn hiện tượng đến mâu thuẫn bản chất 121

2.2. Phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập 127

2.3. Thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập 134

2.4. Hiểu rõ nguồn gốc, điều kiện tồn tại và quá trình phát triển của mâu thuẫn 143

2.5. Nắm được hệ thống mâu thuẫn của sự vật và quan hệ của mỗi mâu thuẫn trong hệ thống ... 149

Chương 4: VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA VIỆC GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN 157

1. Những quan niệm không đúng trong vấn đề giải quyết mâu thuẫn 159

1.1. Giải quyết mâu thuẫn bị đồng nhất với việc xóa bỏ mâu thuẫn ……..... 159

1.2. Thỏa mãn với việc giải quyết mâu thuẫn ở cấp độ hiện tượng …….. 161

2. Các cách và hình thức giải quyết mâu thuẫn 163

2.1. Việc giải quyết triệt để, hoàn toàn của mâu thuẫn …….. 164

2.2. Việc giải quyết thường xuyên của mâu thuẫn ……. 168

3. Vai trò của giải quyết mâu thuẫn 174

31. Giải quyết mâu thuẫn là một động lực quan trọng của sự phát triển ……... 174

3.2. Vai trò của việc giải quyết thường xuyên và việc giải quyết triệt để, hoàn toàn của mâu thuẫn ……... 177

4. Một số nguyên tắc phương pháp luận của việc giải quyết mâu thuẫn …… 179

4.1. Nguyên tắc thống nhất giữa tuân thủ tính khách quan và phát huy cao độ vai trò của nhân tố chủ quan …… 180

4.2. Nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn phù hợp với bản chất và điều kiện tồn tại của mâu thuẫn ……... 188

4.3. Nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn phù hợp với từng giai đoạn phát triển của mâu thuẫn …… 192

4.4. Nguyên tắc tính hệ thống và tính đồng bộ trong việc giải quyết mâu thuẫn ……. 198

4.5. Nguyên tắc thống nhất giữa mục đích nhân đạo và biện pháp nhân đạo trong việc giải quyết mâu thuẫn xã hội ……. 200

Chương 5: NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT MỘT SỐ MÂU THUẪN QUAN TRỌNG TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI …… 207

1. Nhận thức lại về mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản và phương pháp giải quyết ……... 207

1.1. Bản chất của mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản …….. 208

1.2. Phương pháp giải quyết mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản ……..... 211

2. Mâu thuẫn giữa bóc lột và bị bóc lột …….. 219

2.1. Thế nào là bóc lột …… 219

2.2. Giải quyết mâu thuẫn giữa bị bóc lột và bóc lột …….. 220

3. Mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội …… 224

3.1. Sự thống nhất và đối lập giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội ……. 225

3.2. Giải quyết mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội …… 230

4. Mâu thuẫn giữa bình đẳng và bất bình đẳng 237

4.1. Khái niệm công bằng và bình đẳng xã hội …….. 237

4.2. Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội không chỉ là công bằng xã hội, mà còn là bình đẳng xã hội ……. 239

4.3. Quan hệ giữa bình đẳng và bất bình đẳng 240

4.4. Biện pháp giải quyết mâu thuẫn giữa bình đẳng và bất bình đẳng ……. 246

KẾT LUẬN ……. 251

TÀI LIỆU THAM KHẢO ……... 255

MỞ ĐẦU

MÂU THUẪN - MỘT VẤN ĐỀ LỊCH SỬ VÀ NÓNG HỔI

Mâu thuẫn là một hiện tượng khách quan, phổ biến. Lịch sử xã hội loài người đã sớm phát hiện và tìm cách giải quyết mâu thuẫn theo những cách tiếp cận khác nhau.

Ở Trung Hoa cổ đại thuyết Âm Dương ra đời rất sớm, về sau nó đã đạt tới mức hoàn chỉnh trong *Kinh Dịch*. Tư tưởng của triết thuyết này được các trường phái triết học thời Xuân Thu - Chiến Quốc kế thừa và phát triển.

Thuyết Âm Dương đã giải thích khởi nguyên và sự vận hành của vũ trụ từ *sự phân đôi cái thống nhất* thành hai mặt đối lập Dương và Âm và *sự phối hợp, tương tác, chuyển hóa lẫn nhau* giữa hai mặt đối lập này.

Dương và Âm lúc đầu dùng để chỉ những thuộc tính đối lập như khô - ẩm, sáng - tối, cương - nhu, cường - nhược, v.v., về sau được dùng một cách phổ biến để chỉ tất cả những mặt đối lập hợp thành vũ trụ và xã hội con người (như trời - đất, mặt trời - mặt trăng, ngày - đêm, sống - chết, trên -

dưới, sấp - ngửa, số chẵn - số lẻ, nam - nữ, vua - tôi, quân tử - tiểu nhân, v.v.).

Trong hai mặt đối lập tạo thành chỉnh thể, người Trung Hoa cổ đại luôn luôn nhấn mạnh mặt Dương *giữ vai trò chủ đạo và vượt trội hơn*.

Theo *Kinh Dịch*, vũ trụ từ một thể thống nhất đầu tiên (Thái cực) được phân ra thành hai mặt đối lập là Dương và Âm (Lưỡng nghi). Lưỡng nghi sinh ra Tứ tượng (Dương lớn, Âm nhỏ, Âm lớn, Dương nhỏ). Hai mặt đối lập này tuy có những thuộc tính trái ngược nhau, nhưng không loại trừ nhau một cách tuyệt đối. Dương và Âm tồn tại không tách biệt nhau mà *xâm nhập lẫn nhau*. Trong mặt này đã chứa đựng yếu tố của mặt kia. Trong Dương lớn có Âm nhỏ, trong Âm lớn có Dương nhỏ, chính vì vậy mà Dương biến đổi thành Âm và ngược lại. Chẳng hạn, trong ngày (Dương lớn) đã có yếu tố đêm (Âm nhỏ); Dương lớn nhỏ đi và Âm nhỏ lớn lên và như vậy ngày chuyển thành đêm. Dương và Âm còn hòa vào nhau. Người là kết quả sự phối hợp, hòa quyện vào nhau giữa khí dương và khí âm của trời đất mà tạo thành. Các mặt đối lập này kết hợp với nhau sinh ra Bát quái (Tám quẻ: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài). Bái quái sinh ra vạn vật.

Lão Tử là nhà triết học nổi tiếng với học thuyết về "đạo", được coi là người sáng lập ra trường phái triết học Đạo gia của Trung Quốc cổ đại. Trong chương 42 "*Đạo Đức kinh*" ông viết "Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh

ba, ba sinh vạn vật". "Vạn vật đều cõng âm mà ôm dương, điều hòa bằng khí trùng hư"[1].

Theo cách giải thích của Nguyễn Hiến Lê, "một" được hiểu theo những cách khác nhau là "thái cực", là "nguyên khí" (khí thống nhất). Về "hai" là Dương và Âm. Còn "ba" có thể được hiểu là *khí trùng hư* do khí dương và khí âm giao hòa với nhau mà sinh ra, hoặc là cái nguyên lý làm cho âm dương hòa vào nhau. Theo cách giải thích của François Cheng, nhà văn Pháp gốc Hoa thì "ba" gồm *trời, đất, người* biểu hiện của *dương khí, âm khí và trùng khí*.

Theo Lão Tử, Dương và Âm làm tiền đề tồn tại cho nhau, chuyển hóa lẫn nhau. Điều này cũng giống như quan niệm của Hêraclit ở Hy Lạp cổ đại. Trong chương 2, *Đạo Đức kinh*, Lão Tử viết: "Có và không sinh ra lẫn nhau; dễ và khó tạo nên lẫn nhau; ngắn và dài làm rõ cho nhau; cao và thấp dựa vào nhau; trước và sau theo nhau". "Ai cũng cho cái đẹp là đẹp, do đó mà sinh ra quan niệm về cái xấu; ai cũng cho điều thiện là thiện, do đó mà sinh ra quan niệm về cái ác". Cái họa và cái phúc cũng không có ranh giới tuyệt đối; trong phúc có họa, trong họa có phúc.

Trong quan niệm về Âm Dương, Lão Tử không xem mặt Âm bao giờ cũng yếu thế thua kém mặt Dương, thậm chí còn ngược lại. Chương 37, *Đạo Đức kinh*, ông viết: "Nhu nhược thắng cương cường" (mềm yếu thắng cứng mạnh). Ở

[1]. Nguyễn Hiến Lê (giới thiệu và chu dịch), *Lão Tử: Đạo Đức kinh*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1994, tr. 63.

chương 78 ông nhắc lại: "Nhược thắng cường, nhu thắng cương". Ông đưa ra ví dụ, *nước* là cái cực mềm nhưng chế ngự được cái cứng là *đá*; cứng mạnh là cùng loại *với cái chết*, còn mềm yếu là cùng loại với *sự sống* (kiên cương dã tử chi đồ, nhu nhược giả sinh chi đồ)[1].

Tư tưởng về sự phân đôi cái thống nhất thành các mặt đối lập, về sự tồn tại gắn bó không tách rời nhau giữa hai mặt đối lập, về sự xâm nhập lẫn nhau và chuyển hóa lẫn nhau giữa chúng là những *thành tựu* và *đóng góp* của thuyết Âm Dương ở Trung Hoa cổ đại vào lý luận về mâu thuẫn.

Tuy nhiên, quan điểm về mâu thuẫn ở Trung Hoa cổ đại có những hạn chế nhất định mà về sau phép biện chứng duy vật phải khắc phục:

- Việc phân chia tất cả sự vật, hiện tượng thành hai mặt đối lập theo một số thuộc tính chung Dương và Âm như đã nói trên là có tính *gò bó*, *gượng ép*, không phản ánh được tính đa dạng, muôn màu muôn vẻ của mâu thuẫn trong hiện thực.

- Chỉ mới thấy sự thống nhất (gắn bó, xâm nhập, chuyển hóa lẫn nhau) của các mặt đối lập, nhưng chưa thấy sự đấu tranh của chúng, có chăng chỉ thấy mặt này thịnh lên, mặt kia suy đi, chưa thấy sự bài trừ gạt bỏ, chống đối lẫn nhau giữa các mặt đối lập. Có người nhận xét là thuyết Âm Dương đúng hơn thuyết mâu thuẫn của triết học Mác vì nó

1. Nguyễn Hiến Lê (giới thiệu và chu dịch), *Lão Tử: Đạo Đức kinh*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1994, tr. 85 - 86; 113 - 114.

chủ trương sự thống nhất hài hòa giữa hai mặt đối lập. Thật ra, quan niệm về sự đấu tranh của các mặt đối lập trong triết học Mác là một thành tựu vượt trội hơn tất cả các lý thuyết về mâu thuẫn trước đó.

- Chưa thấy sự chuyển hóa về địa vị của các mặt đối lập, chẳng hạn, nam giới là Dương, mặt chủ đạo; còn nữ giới là Âm, mặt phụ thuộc thì vĩnh viễn cứ như vậy, không thể thay đổi được.

Ở phương Tây cổ đại, việc nghiên cứu về mâu thuẫn bao quát được cả hai lĩnh vực: *mâu thuẫn trong hiện thực khách quan và mâu thuẫn trong tư duy*. Các nhà triết học thời kỳ tiền Xô-crát ở Hy Lạp cổ đại đã có những phát hiện khá lý thú về sự tồn tại của các mặt, các khuynh hướng đối lập trong tự nhiên và xã hội.

Hêraclit (Heraclitus, 546 - 480 TCN), đã có tư tưởng về *sự thống nhất của các mặt đối lập* trong tất cả sự vật hiện tượng. Theo Hêraclit, "từ cái đơn nhất sinh ra tất cả và cái đơn nhất từ cái tất cả mà ra". Theo ông, tất cả sự vật hiện tượng đều chứa đựng những mặt đối lập, "Thượng đế là ngày và đêm, là mùa hạ và mùa đông, là chiến tranh và hòa bình". Các mặt đối lập là đồng nhất với nhau: sống và chết, thức và ngủ, trẻ và già, bệnh tật và sức khỏe, đói và no, mệt nhọc và nghỉ ngơi, cái sạch và cái bẩn, cái cao đẹp và cái thấp hèn, v.v., bản chất của chúng là một[1].

---

1. Xem: L.F. Ilichev, P.N. Phedoxeev, X.M. Covalev và V.G. Panov (chủ biên), *Từ điển Bách khoa triết học* (*Философский энциклопедический словарь*), Nxb Bách khoa Xôviết, Matxcơva, 1983, tr. 109 - 110.

Trong triết học Hêraclit, các mặt đối lập *làm tiền đề cho nhau*, có mặt này mới có mặt kia. "Bệnh tật làm cho sức khỏe quý hơn, cái ác làm cho cái thiện cao cả hơn, cái đói làm cho cái no dễ chịu hơn". Các mặt đối lập có thể chuyển hóa lẫn nhau. Ông nói: "Cái nóng lạnh đi, cái lạnh nóng lên. Cái ướt khô đi, cái khô ướt lại". Nhiều người đương thời đã không thể hiểu thấu được những tư tưởng biện chứng sâu sắc của Hêraclit nên coi ông là *nhà triết học tối nghĩa*.

Một truyền thống khác trong sự phát triển phép biện chứng ở Hy Lạp cổ đại, đó là việc đi sâu nghiên cứu *biện chứng của tư duy*, hay theo cách nói của Ph. Ăngghen, "biện chứng chủ quan" (Platôn, Arixtôt). Theo những người sáng lập ra nó thì phép biện chứng có nghĩa là "nghệ thuật tranh luận" tìm ra chân lý thông qua việc khẳng định tính đúng đắn của quan điểm của mình và bác bỏ lập luận của đối phương bằng cách vạch ra "mâu thuẫn" trong quan điểm, tư tưởng của đối phương.

Mâu thuẫn theo truyền thống phương Tây cũng vì thế mà có nghĩa là "lời nói trái ngược nhau" (contradiction). Hai phán đoán, một cái khẳng định, một cái phủ định về cùng một thuộc tính của đối tượng trong một quan hệ nhất định, ở một phương diện nhất định thì *không thể cùng đúng được*.

Arixtôt (384-322 TCN), một nhà triết học nổi tiếng có ảnh hưởng rất lớn đối với truyền thống triết học, lôgíc học,

khoa học, chính trị học phương Tây, đã có công sáng lập ra *Lôgíc học hình thức* (Formal Logic). Vì nó ra đời từ thời cổ đại nên còn được gọi là Lôgíc học truyền thống (Tradidional Logic). Trong các quy luật của tư duy lôgíc hình thức mà Arixtôt đưa ra có "quy luật phi mâu thuẫn" (Law of non-contradiction). Theo quy luật này, nếu tư duy chứa đựng mâu thuẫn thì tư duy sẽ không đúng.

Quy luật phi mâu thuẫn từ khi ra đời đã thực sự đóng một vai trò rất lớn trong tư duy lôgíc. Nó đảm bảo *tính nhất quán* của tư duy và nhất là nó được vận dụng để *bác bỏ* những quan điểm, tư tưởng không nhất quán, sai lầm.

Sử dụng lập luận về mâu thuẫn để phủ nhận hay nghi ngờ tính chân lý, đó là cách làm phổ biến từ thời cổ đại đến nay.

Nhà triết học duy vật vô thần nổi tiếng Hy Lạp cổ đại thuộc trường phái nguyên tử luận Êpicuya (Epicurus, 341-270 TCN) dùng lập luận sau đây để bác bỏ quan niệm về Thượng đế. Theo chủ nghĩa vô thần thì quan niệm tôn giáo về một vị Thượng đế *toàn năng, toàn thiện, giàu lòng nhân ái* sẽ mâu thuẫn với một thực tế không thể chối cãi được là trong thế giới đang tồn tại đầy rẫy *điều ác*. Êpicuya lập luận: Nếu Thượng đế muốn loại bỏ điều ác nhưng ngài không làm được thì ngài không phải là toàn năng. Còn nếu ngài có khả năng loại bỏ điều ác nhưng ngài không muốn làm thì ngài không phải người giàu lòng nhân ái. Còn nếu ngài muốn loại bỏ điều ác và ngài hoàn toàn có khả năng làm được thì thử hỏi tại sao điều ác vẫn tồn tại trong thế

giới? Trong thế giới tồn tại đầy rẫy điều ác có nghĩa là Thượng đế hoặc không phải là toàn năng, hoặc không phải là giàu lòng nhân ái. Điều này mâu thuẫn với quan niệm về một vị Thượng đế toàn năng, toàn thiện, giàu lòng nhân ái.

Tuy nhiên, việc vận dụng luật phi mâu thuẫn cũng *gây ra một sự nhầm lẫn đáng tiếc* quy mọi mâu thuẫn về sai lầm chủ quan. Tư duy có mâu thuẫn cũng đồng nghĩa với tư duy sai lầm.

Bên cạnh đó còn có việc áp dụng luật phi mâu thuẫn không đúng dẫn đến *nguỵ biện*.

Zênôn (Zeno, 490 - 430 TCN), nhà triết học thuộc phái Elê ở Hy Lạp cổ đại là trường phái duy vật siêu hình, khẳng định thế giới là một khối duy nhất, bất động. Để bác bỏ sự vận động, Zênôn đưa ra những "apôri" (nghịch lý). Theo ông, quan niệm vận động sẽ dẫn đến những nghịch lý như "mũi tên bay mà bất động", "Asin không đuổi kịp con rùa", v.v.. Giả sử Asin (Achilles, một nhân vật thần thoại Hy Lạp có sức mạnh phi thường, tất nhiên là chạy rất nhanh) đang chạy đuổi theo một con rùa (nổi tiếng là "chậm như rùa"). Cứ mỗi lần Asin đến vị trí con rùa đã ở thì con rùa đã đi khỏi vị trí đó một quãng đường, dù quãng đường mà con rùa đi được có nhỏ bao nhiêu chăng nữa thì nó vẫn ở về phía trước Asin. Với lập luận như vậy thì sẽ dẫn đến kết luận lôgíc là Asin sẽ không bao giờ đuổi kịp con rùa. Nếu quan niệm có vận động thì sẽ dẫn đến những nghịch lý kiểu như vậy. Do đó, *không thể có vận động*; vận động chẳng qua là giác quan bị đánh lừa mà thôi!

Quy quan niệm vận động về mâu thuẫn để bác bỏ nó, để khẳng định điều ngược lại là sự bất động, đó là cách làm của Zênôn. Còn đối với I. Cantơ (Immanuel Kant, 1724 - 1804) bản chất của thế giới là những "vật tự nó", do đó những câu hỏi về bản chất của thế giới, như: Thế giới có giới hạn trong không gian, có khởi đầu trong thời gian hay thế giới là vô hạn, không có khởi đầu? Thế giới được cấu tạo từ những phần tử nhỏ nhất, đơn giản nhất hay trong thế giới không có gì nhỏ nhất, đơn giản nhất? Có tự do hay tất cả đều tất yếu, đều tuân theo quy luật nhân quả? Có cái tất nhiên tuyệt đối (Thượng đế) hay không có? v.v.. là những điều không thể nhận thức được vì đó là những *antinômi*, tức những mâu thuẫn không bao giờ có thể giải quyết được.

Hêghen (Georg W. F. Hegel, 1770-1831), nhà triết học cổ điển Đức, "một thiên tài sáng tạo", "một nhà bác học có tri thức bách khoa" đã làm sống lại quan niệm biện chứng cổ đại, phát triển nó một cách có hệ thống. Ông đem lại *một quan niệm mới mẻ về mâu thuẫn*, đối lập với quan niệm truyền thống. Theo Hêghen, mâu thuẫn không còn là kết quả của sai lầm chủ quan, mà "mâu thuẫn là nguồn gốc của tất cả mọi vận động và của tất cả mọi sức sống". Trong mâu thuẫn của Hêghen, chính đề và phản đề không hoàn toàn loại trừ nhau một cách tuyệt đối, mà dung hợp với nhau thành "hợp đề". Sự giải quyết mâu thuẫn không phải là loại bỏ một trong hai mặt đối lập mà dẫn đến một quan niệm thứ ba dung hợp được cả hai quan điểm đối lập đó.

Tuy nhiên, mâu thuẫn của Hêghen vẫn còn *chưa ra khỏi hoàn toàn quan hệ chật hẹp của lôgíc học*, mặc dù lôgíc học Hêghen không còn là lôgíc học hình thức mà là lôgíc biện chứng. Hêghen coi mọi hiện tượng trong tự nhiên và xã hội như là biểu hiện của một bản chất thần bí nào đó có trước thế giới (ý niệm tuyệt đối) và ông đã quy sự phong phú, muôn màu muôn vẻ của mâu thuẫn trong thế giới hiện tượng về mâu thuẫn bản chất trong ý niệm.

C. Mác viết: "Sai lầm chủ yếu của Hêghen là ở chỗ ông hiểu mâu thuẫn của hiện tượng là sự thống nhất trong bản chất, trong ý niệm, kỳ thực bản chất của mâu thuẫn ấy cố nhiên là một cái gì đó sâu sắc hơn, cụ thể là mâu thuẫn bản chất."[1]

C. Mác và Ph. Ăngghen đã có công *cứu phép biện chứng ra khỏi cái vỏ duy tâm thần bí* trong triết học Hêghen. Các ông đã phát triển lý luận về mâu thuẫn trên lập trường duy vật. Đối với C. Mác và Ph. Ăngghen, mâu thuẫn "tồn tại một cách khách quan ở trong các sự vật và các quá trình và có thể bộc lộ ra dưới một hình thức hữu hình."[2]

Đối lập với quan niệm duy tâm về mâu thuẫn của Hêghen, trong tác phẩm đầu tay "*Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*", C. Mác viết:

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994 - 1995, t. 1, tr. 447.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, sđd, t. 20, tr. 173.

"Cũng giống như vậy, sự phê phán thật sự triết học đối với chế độ nhà nước hiện đại không chỉ vạch ra những mâu thuẫn của chế độ ấy, coi như là những mâu thuẫn tồn tại một cách hiện thực; nó còn giải thích những mâu thuẫn ấy; nó hiểu được quá trình phát sinh và tính tất yếu của những mâu thuẫn ấy. Nó hiểu chúng theo nghĩa đặc thù của chúng. Tuy nhiên, sự hiểu biết này không phải là ở chỗ, như Hêghen hình dung, đâu đâu cũng tìm ra những tính quy định của khái niệm lô-gíc, mà là ở chỗ hiểu được lô-gíc đặc thù của đối tượng đặc thù."[1]

C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin phát triển và vận dụng quy luật mâu thuẫn *ở cả hai phương diện mâu thuẫn biện chứng và mâu thuẫn lôgíc (luật phi mâu thuẫn)*. Chính các ông đã áp dụng luật phi mâu thuẫn để vạch ra sai lầm trong tư tưởng của Hêghen:

"Cụ thể là hệ thống ấy chứa đựng một mâu thuẫn bên trong không thể cứu chữa được: một mặt, tiền đề cơ bản của nó là một quan điểm cho rằng lịch sử nhân loại là một quá trình phát triển... nhưng mặt khác hệ thống ấy lại có kỳ vọng rằng chính nó là cái tận cùng của chân lý tuyệt đối ấy. Một hệ thống nhận thức về tự nhiên và lịch sử bao quát tất cả và vĩnh viễn không còn thay đổi nữa, một hệ thống như thế là mâu thuẫn với những quy luật cơ bản của tư duy biện chứng..."[2]

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, sđd, t. 1, tr. 448.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, sđd, t. 20, tr. 41.

Tuy nhiên, điều chủ yếu ở C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin là vận dụng quy luật mâu thuẫn để vạch ra nguồn gốc, động lực của sự phát triển của tự nhiên và xã hội. Theo các ông, động lực của sự phát triển lịch sử nói chung chính là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Từ mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, các ông đi đến phân tích mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Điều đáng chú ý là các ông nhận thức mâu thuẫn trong hệ thống, trong đó có mâu thuẫn cơ bản, mâu thuẫn phái sinh. Để giải quyết mâu thuẫn phải tìm ra cho được mâu thuẫn cơ bản của sự vật, hiện tượng.

Vận dụng lý luận về mâu thuẫn, C. Mác và Ph. Ăngghen đã xác định mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản chủ nghĩa và đề ra nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ph. Ăngghen viết "*Mâu thuẫn giữa sản xuất xã hội và sự chiếm hữu tư bản chủ nghĩa biểu hiện ra thành sự đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.*"[1]

Mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản quy định nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là *giải quyết mâu thuẫn đó* bằng cách *thủ tiêu chế độ tư hữu* - một hệ thống kinh tế trong đó một thiểu số người giàu có nắm hết tư liệu sản xuất, nắm quyền thống trị chính trị và sử dụng địa vị đó để chiếm đoạt kết quả lao động của xã hội - *thiết lập chế độ công hữu* về những tư liệu sản xuất chủ yếu và *quyền làm chủ về chính trị* của nhân dân lao động.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, sđd, t. 20, tr. 337.

V.I. Lênin phát triển lý luận mácxít về mâu thuẫn. Dựa trên việc phân tích những mâu thuẫn trên thế giới và ở nước Nga lúc bấy giờ, Người đã tiến hành cuộc cách mạng vô sản thành công, dẫn đến việc ra đời của một nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Cũng trên cơ sở phân tích những mâu thuẫn của nước Nga nảy sinh sau thời kỳ thực hiện chủ nghĩa cộng sản thời chiến, V.I. Lênin đã đưa ra *Chính sách kinh tế mới* (NEP). Nhưng rất tiếc sau khi V.I. Lênin qua đời những tư tưởng đổi mới của Người không được kế thừa.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong việc giải quyết mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản, các đảng cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa đã đồng nhất *sở hữu hữu xã hội* với *công hữu hóa, tập thể hóa* tư liệu sản xuất và tập trung trong tay bộ máy nhà nước toàn bộ nhiệm vụ quản lý kinh tế và phân phối sản phẩm xã hội cả ở cấp độ vĩ mô và vi mô.

Chính sai lầm này dẫn đến việc thủ tiêu các thành phần kinh tế tư nhân và kinh tế thị trường nói chung. Việc giải quyết không đúng vấn đề sở hữu chẳng những không khắc phục được tình trạng tách rời người lao động với sở hữu, mà còn làm cho sự tách rời đó phát triển theo một hướng khác, trầm trọng hơn: sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể trở thành xa lạ với người lao động. Vì vậy, người lao động thờ ơ với công việc của tập thể, mặc dù trong đó có lợi ích của họ.

Mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội được giải quyết một cách phiến diện, nặng về ưu tiên cho lợi ích xã hội, lợi ích cộng đồng, thiếu sự quan tâm thỏa đáng đến lợi ích cá nhân,

vì thế *lợi ích cá nhân bị biến dạng*, không trở thành động lực mà là *lực cản* của sự phát triển xã hội .

Tất cả những sai lầm trên dẫn đến *tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng* của chủ nghĩa xã hội trong thập niên 80 của thế kỷ XX. Tiếp đó, những sai lầm trong việc nhận thức và giải quyết những mâu thuẫn của thời kỳ khủng hoảng làm cho tình trạng khủng hoảng vốn đã nghiêm trọng lại càng trở nên nghiêm trọng hơn và là nguyên nhân dẫn đến *sự sụp đổ* của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Sự nghiệp đổi mới chủ nghĩa xã hội do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo thực hiện *đã đưa chủ nghĩa xã hội ở nước ta ra khỏi khủng hoảng và bước đầu đã đạt được những thành quả to lớn*. Sau 20 năm đổi mới, những kinh nghiệm thành công cũng như những khó khăn, thách thức cho phép và đòi hỏi chúng ta phải nhận thức lại *bản chất và cách giải quyết những mâu thuẫn trong thời kỳ quá độ*, gồm những mâu thuẫn *tàn dư* của xã hội cũ và những mâu thuẫn *mới* nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta *cần nghiên cứu lại lý luận về mâu thuẫn một cách có hệ thống theo tinh thần đổi mới và vận dụng nó để tiếp cận và giải quyết những mâu thuẫn trong xã hội ta hiện nay*. Vấn đề mâu thuẫn là một vấn đề phức tạp; mặc dù cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu ở Liên Xô trước đây và ở nước ta, nhưng mỗi công trình nghiên cứu thường chỉ giải quyết một số khía cạnh lý luận và thực tiễn của vấn đề mà thôi.

Hiện nay, vấn đề khủng bố và chống khủng bố đang là vấn đề nhức nhối của nhiều quốc gia và được toàn thế giới quan tâm. Tuy nhiên, "cái gốc mâu thuẫn" của vấn đề này là gì? Cuốn sách "Sự đụng độ giữa các nền văn minh" của Samuel P. Huntington, Giáo sư Đại học Harvard đưa ra đúng lúc nhưng lại là một sự xuyên tạc thực chất của mâu thuẫn chủ yếu hiện nay trên thế giới. Nó đã làm cho nhiều người hiểu nhầm rằng hiện nay trên thế giới không còn mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn kinh tế, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, mà chỉ còn là mâu thuẫn về văn minh, văn hóa. Tuy thế, lý luận của S.P. Huntington được nhiều học giả phương Tây hoan nghênh và tâng bốc tận mây xanh, như là một *lý luận khoa học đúng đắn nhất*, *một sự tiên tri thiên tài*.

Như vậy, nắm vững lý luận về mâu thuẫn và vận dụng nó một cách đúng đắn trong hiện thực là một vấn đề được đặt ra từ ngàn xưa và đến nay vẫn còn là vấn đề thời sự nóng hổi ở nước ta và trên thế giới. Cuốn sách này ra đời với mục đích đóng góp một phần nhỏ bé vào việc làm sáng tỏ những vấn đề trên.

Cuốn sách là kết quả của quá trình nghiên cứu tôi ấp ủ trong nhiều năm. Từ đề tài "*Phương pháp phân tích mâu thuẫn*", trong thời gian thực tập hai năm ở Liên bang Nga, về nước tôi tiếp tục nghiên cứu phát triển thành luận án tiến sĩ triết học với đề tài "*Phương pháp phân tích mâu thuẫn và sự vận dụng nó trong nghiên cứu quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội ở nước ta*". Luận án đã bảo vệ

thành công vào tháng 2 năm 2000 tại Viện Triết học thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - nay là Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Trong Luận án, tôi đi sâu nghiên cứu một số số khía cạnh lý luận của phạm trù mâu thuẫn; thực chất và những yêu cầu của phương pháp phân tích mâu thuẫn; vấn đề giải quyết mâu thuẫn và vận dụng lý luận đã nghiên cứu được để phân tích và giải quyết một số mâu thuẫn trong quá trình thực hiện công bằng xã hội nhằm góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế ở nước ta.

Vì bận rộn công việc và hơn nữa cũng cần phải có thời gian để suy ngẫm, rà soát lại những luận điểm và cách đặt vấn đề của mình, đồng thời để có thêm cơ sở thực tiễn để khẳng định và phát triển những kết quả nghiên cứu, do đó cho đến nay tôi mới quyết định chỉnh lý lại kết cấu, phát triển những luận điểm đã trình bày trong Luận án trước đây, bổ sung một số nội dung mới, chọn một cái tên thích hợp hơn cho công trình của mình và xin giới thiệu cùng quý vị bạn đọc.

Thực hiện công trình này, tôi đã tiếp thu và kế thừa lý luận về mâu thuẫn của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, quan điểm và phương pháp giải quyết mâu thuẫn của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cách mạng dân tộc dân chủ, đặc biệt là những kinh nghiệm thành công bước đầu trong cách tiếp cận và giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình đổi mới. Tôi cũng tiếp thu và kế thừa các kết

quả nghiên cứu của các nhà triết học ở Liên Xô trước đây và ở nước ta trong lĩnh vực này.

Nhân dịp xuất bản cuốn sách, tôi xin bày tỏ lòng tri ân đến Giáo sư Tiến sĩ V.N. Chernokozova, Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Trọng Chuẩn, Giáo sư Tiến sĩ Lê Hữu Tầng, Giáo sư Tiến sĩ Phạm Ngọc Quang, Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Long, Phó giáo sư Tiến sĩ Hồ Sĩ Quý, và các nghiên cứu viên của Viện Triết học thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam, những người đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong việc hoàn thành công trình này.

Tháng 9 năm 2005

Tác giả

CHƯƠNG 1

KHÁI NIỆM VÀ KẾT CẤU CỦA MÂU THUẪN BIỆN CHỨNG

1. KHÁI NIỆM MÂU THUẪN

1.1. Hai quan niệm về mâu thuẫn

Thuật ngữ *mâu thuẫn* (*contradiction* trong tiếng Anh, tiếng Pháp hay trong tiếng Nga[1]) vốn có nghĩa là *lời nói trái ngược nhau*. Từ *contradiction* gồm 2 từ gốc: *diction* (lời nói) và *contra* (tiếp đầu ngữ chỉ khuynh hướng trái ngược, chống đối). Từ trong tiếng Nga[2] cũng có kết cấu tương tự như vậy.

Lúc đầu, thuật ngữ *mâu thuẫn* được dùng trong *Lôgíc học hình thức* để chỉ những lời nói, những phán đoán trái ngược nhau, một cái khẳng định, một cái phủ định. Về sau thuật ngữ này được dùng trong phép biện chứng của Hêghen và phép biện chứng mácxít với một nghĩa rộng hơn, thậm chí khác với nghĩa nguyên thủy của nó; mâu thuẫn đã trở thành một phạm trù triết học, nó không chỉ có trong tư duy, mà cả trong hiện thực khách quan nữa.

Hiện nay, nhiều từ điển triết học ở phương Tây vẫn còn định nghĩa *mâu thuẫn* như là khái niệm của Lôgíc học.

1,2. Trong tiếng Nga, mâu thuẫn là *противоречие*

Chẳng hạn, *Từ điển triết học* của *Thomas Mautner* đã định nghĩa mâu thuẫn (contradiction) như sau:

"Hai phán đoán (statements), một cái khẳng định điều mà cái kia phủ nhận, được coi là có mâu thuẫn, mâu thuẫn với nhau và cùng tạo nên một mâu thuẫn. Chúng không thể cùng chân thật và không thể cùng giả dối. Mâu thuẫn là một quan hệ lôgíc (a logical relation) giữa hai phán đoán hay mệnh đề. Trong truyền thống Hêgen, thuật ngữ này được dùng một cách tự do hơn, và những quan hệ đối kháng và xung đột (relations of antagonism and conflict) trong thế giới vật lý và xã hội được miêu tả như là những mâu thuẫn."[1]

Từ "mâu thuẫn" trong tiếng Hán Việt được minh họa bằng câu chuyện ngụ ngôn khá dí dỏm. Một người thợ rèn đi bán rao hai loại binh khí: *mâu* là cái *kích* để đâm; *thuẫn* là cái *khiên* để đỡ. Khi quảng cáo cho cái mâu, anh ta khuếch trương loại mâu này sắc bén vô cùng, trên đời này không gì có thể đỡ nổi. Khi quảng cáo cho cái thuẫn, anh ta cũng lại thao thao bất tuyệt: loại thuẫn này cứng chắc tuyệt vời, không gì có thể đâm thủng. Nhiều người đổ xô đến mua. Duy có một người phát hiện ra "mâu thuẫn" ngay trong lời quảng cáo của người bán rao và lên tiếng hỏi: "Nếu lấy cái mâu này đâm vào cái thuẫn kia thì kết quả sẽ như thế nào?". Người thợ rèn lúng túng không giải thích được. Rõ ràng hai lời quảng cáo trên là hai phán đoán loại

1. Thomas Mautner (chủ biên), *Từ điển triết học* (A Dictionary of Philosophy), Blackwell Publishers Ltd, Oxford, 1996, tr. 85.

trừ lẫn nhau, không thể cùng đúng được. Nếu lấy cái mâu của người thợ rèn đâm vào cái thuẫn của anh ta thì sẽ có mấy trường hợp xảy ra. Một là cái thuẫn *bị đâm thủng*; trong trường hợp này lời quảng cáo về cái thuẫn là không đúng. Hai là cái thuẫn *không bị thủng*; trong trường hợp này lời quảng cáo về cái mâu không đúng. Ngoài ra, cũng còn có thể xảy ra *trường hợp thứ ba*: hai lời quảng cáo về cái mâu và cái thuẫn đều sai lầm nếu đem thử chúng với những cái mâu và cái thuẫn do những người thợ rèn khác có tài nghệ cao hơn sản xuất ra. Như vậy, hai lời quảng cáo của người thợ rèn đi bán rao có thể cùng sai, chứ không thể cùng đúng được.

Điều khá lý thú là thuật ngữ "mâu thuẫn" trong tiếng Hán có thể được hiểu như là *mâu thuẫn khách quan* (mâu thuẫn biện chứng) giữa *đâm* và *đỡ*, giữa *tác động* và *phản tác động*; đồng thời cũng có thể hiểu như là một *mâu thuẫn lôgíc*, tức là mâu thuẫn giữa hai lời quảng cáo của anh thợ rèn bán rao.

Để phân biệt mâu thuẫn với tính cách là phạm trù của phép biện chứng với khái niệm mâu thuẫn trong lôgíc học hình thức, người ta dùng những thuật ngữ khác nhau - *mâu thuẫn biện chứng* và *mâu thuẫn lôgíc hình thức*. Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng có những tính từ *biện chứng* hay *hình thức* đi sau danh từ *mâu thuẫn*; do đó tùy theo từng ngữ cảnh mà ta có thể phân biệt thuật ngữ *mâu thuẫn* được dùng với nghĩa là mâu thuẫn biện chứng hay mâu thuẫn lôgíc hình thức.

1.2. Mâu thuẫn biện chứng

Khái niệm *mâu thuẫn biện chứng* mà chúng tôi sử dụng trong tác phẩm này có ngoại diên bao gồm *tất cả những mâu thuẫn tồn tại khách quan* trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Tất nhiên, trong mâu thuẫn khách quan có chứa đựng những yếu tố chủ quan. Chúng tôi *không có ý định nói đến một loại mâu thuẫn không biện chứng* nào đó tồn tại khách quan trong tự nhiên và xã hội, trừ *mâu thuẫn lôgíc* - một loại mâu thuẫn *hoàn toàn chủ quan* có nguồn gốc từ sự sai lầm của tư duy. Để tránh sự nhầm lẫn giữa mâu thuẫn biện chứng với tính cách là nguồn gốc, động lực của sự vận động, phát triển và mâu thuẫn lôgíc hình thức là mâu thuẫn cần phải được loại bỏ để đảm bảo sự đúng đắn của tư duy, chúng tôi sẽ dành một tiết ở chương 2 để làm rõ về mâu thuẫn lôgíc và sự phân biệt giữa nó với mâu thuẫn biện chứng.

Từ điển Bách khoa triết học định nghĩa: "Mâu thuẫn biện chứng (диалектическое противоречие) là sự tác động lẫn nhau của các mặt, các khuynh hướng đối lập vừa bài trừ lẫn nhau, vừa nằm trong sự thống nhất nội tại và xâm nhập lẫn nhau, là nguồn gốc của sự tự vận động và sự phát triển của thế giới khách quan và của nhận thức"[1]

1. L.F. Ilichev, P.N. Phedoxeev, X.M. Covalev và V.G. Panov (chủ biên), *Từ điển Bách khoa triết học* (*Философский энциклопедический словарь*), Nxb Bách khoa Xôviết, Matxcơva, 1983, tr. 545.

F.F. Viackerev, trong một công trình tổng kết tình hình nghiên cứu mâu thuẫn ở Liên Xô trước đây khẳng định rằng các nhà nghiên cứu đã đạt được sự thống nhất trong định nghĩa và trong việc xác định những đặc trưng cơ bản của mâu thuẫn. Tác giả viết: "Định nghĩa được mọi người thừa nhận là: Mâu thuẫn - đó là mối quan hệ giữa các mặt đối lập (отношение между противо-положностями), chúng có đặc điểm là phủ định lẫn nhau, làm tiền đề cho nhau, xâm nhập lẫn nhau, không cân đối (không ngang nhau)."[1]

Như vậy, *mâu thuẫn* theo quan niệm của phép biện chứng duy vật (mâu thuẫn biện chứng) không phải là tổng số của hai mặt đối lập, mà là *mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa hai mặt đối lập*. Sự thống nhất và sự đấu tranh của các mặt đối lập là hai khía cạnh cơ bản trong mối quan hệ của chúng. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà nhiều tác giả định nghĩa: *mâu thuẫn biện chứng là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập*. Tuy nhiên, để hiểu vấn đề này một cách đầy đủ hơn, chúng tôi cho rằng trước hết cần xác định thế nào là mặt đối lập, sau đó cần nghiên cứu tỉ mỉ tất cả các khía cạnh trong mối quan hệ giữa chúng, tức là phải xem xét *cấu trúc của mâu thuẫn*.

1. F.F. Viackerev, *Thực trạng hiện nay của lý luận về mâu thuẫn biện chứng và con đường tiếp tục phát triển nó* (Современное состояние теории диалектического противоречия и пути ее дальнейшего развития). Trong: "Mâu thuẫn là nguồn gốc của sự phát triển" (Противоречие как источник развития), Đại học Tổng hợp Quốc gia Lêningrat, 1988, tr. 6.

2. KHÁI NIỆM "MẶT ĐỐI LẬP"

2.1. Đối lập hay mặt đối lập - cách gọi nào đúng hơn?

Các từ "đối lập", "mặt đối lập" trong tiếng Việt nhiều khi được dịch ra từ cùng một thuật ngữ trong tiếng nước ngoài, thí dụ, *opposites, contraries,* trong tiếng Anh, *contraires* trong tiếng Pháp, *противоположности* trong tiếng Nga; chúng là danh từ hay tính từ dùng làm danh từ và có nghĩa là *(những) cái đối lập*. Khi tra cứu kỹ cách dùng các thuật ngữ này trong các ngôn ngữ trên, chúng tôi thấy rằng cụm từ "Struggle of opposites" trong tiếng Anh, "La lutte des contraires" trong tiếng Pháp, "Борьба противоположностей" trong tiếng Nga, nếu được dịch sát nghĩa ra tiếng Việt thì phải nói là "đấu tranh của những (cái) đối lập". Ở trong các cụm từ này không có từ "mặt".

Do đó, theo chúng tôi, khi từ "đối lập", "cái đối lập" trong tiếng nước ngoài được chuyển sang tiếng Việt thành "mặt đối lập" thì thuật ngữ này *phải được hiểu với một ý nghĩa trừu tượng nhất.*

Trong các tài liệu tiếng Nga, đôi khi một số tác giả sử dụng từ "mặt đối lập" (противоположная сторона) khi muốn nhấn mạnh ý nghĩa cụ thể của khái niệm này và trong tiếng Việt cũng có tác giả dùng từ "đối lập" thay cho mặt đối lập, thí dụ, Giáo sư Tiến sĩ Phạm Ngọc Quang dùng cụm từ "những đối lập của thời đại".

2.2. Các định nghĩa về "đối lập", "mặt đối lập"

Một mâu thuẫn bao giờ cũng có hai mặt đối lập, giữa chúng có những mối quan hệ nhất định. Trong các từ điển, sách giáo khoa và tài liệu nghiên cứu triết học ở Liên Xô trước đây cũng như ở nước ta, khái niệm "*đối lập*", "*mặt đối lập*" được định nghĩa theo những cách khác nhau.

Từ điển triết học giản yếu, do I.V. Blauberg, P.V. Kopnin, I.K. Pantin đồng chủ biên, định nghĩa: "Đối lập (противоположность) là một trong hai mặt của mâu thuẫn biện chứng, nó vừa làm tiền đề, vừa loại trừ mặt kia, và mặt kia đến lượt nó cũng có quan hệ như vậy đối với mặt thứ nhất."[1]

Từ điển Bách khoa triết học cho rằng: "Đối lập là một trong hai nhân tố (момент : nhân tố, yếu tố, phương diện, khía cạnh...) "đang đấu tranh với nhau" của một thể thống nhất cụ thể, chúng là những mặt của một *mâu thuẫn*."[2]

Trong tác phẩm *Một số khía cạnh của phép biện chứng duy vật*, tác giả Ngô Thành Dương viết: "Mặt đối lập là mặt có tính chất, có khuynh hướng phát triển trái ngược nhau, chống đối nhau."[3]

---

1. I.V. Blauberg, P.V. Kopnin, I.K. Pantin (chủ biên), *Từ điển triết học giản yếu (Кратκий словарь по философии)*, Nxb Chính trị, Matxcơva, 1966, tr. 237.
2. L.F. Ilichev, P.N. Phedoxeev, X.M. Covalev và V.G. Panov (chủ biên), *Từ điển Bách khoa triết học,* Sđd, tr. 543.
3. Ngô Thành Dương, *Một số khía cạnh về phép biện chứng duy vật*, Nxb Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội, 1986, tr. 15.

Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Giáo trình quốc gia do Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh biên soạn) viết: "Khi nói tới những nhân tố cấu thành mâu thuẫn biện chứng, "đối lập", "mặt đối lập" là phạm trù dùng để chỉ những mặt có những đặc điểm, những thuộc tính, những tính quy định có khuynh hướng biến đổi trái ngược nhau tồn tại một cách khách quan trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Chính những mặt như vậy nằm trong sự liên hệ, tác động qua lại với nhau tạo thành *mâu thuẫn biện chứng*."[1]

2.3. Cái gì có thể được xem là "mặt đối lập"?

Trong các tài liệu và sách giáo khoa triết học, khái niệm "đối lập", "mặt đối lập" khi thì được xác định như là những *thuộc tính*, *khuynh hướng* vận động trái ngược nhau (thí dụ, lương thiện và độc ác, bóc lột và bị bóc lột); khi thì được xem như là những *mặt* trong đó có những thuộc tính, những khuynh hướng đối lập (thí dụ, mặt phải và mặt trái trong kinh tế thị trường); có khi còn được xem như là những *yếu tố, bộ phận* nằm trong một sự vật, hiện tượng hay trong các sự vật, hiện tượng khác nhau (giai cấp vô sản và giai cấp tư sản); thậm chí có khi bản thân các *sự vật, hiện tượng, hệ thống* cũng được xem là những mặt đối lập (thí dụ, hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa).

---

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình triết học Mác-Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 321.

Trong nhiều trường hợp, mặt đối lập là những thuộc tính vừa bài trừ lẫn nhau, vừa tồn tại gắn bó, xâm nhập lẫn nhau trong *cùng một sự vật*. Chẳng hạn, hai thuộc tính *giá trị* và *giá trị sử dụng* tồn tại trong cùng một hàng hóa; *cái đúng* và *cái sai*, *cái tốt* và *cái xấu*, *cái thiện* và *cái ác*, v.v., có thể tồn tại và đấu tranh với nhau trong cùng một con người. Trong trường hợp này, mặt đối lập chỉ có thể hiểu là những thuộc tính, khuynh hướng đối lập, chứ không phải là những bộ phận hay sự vật đối lập.

Ngoài ra, theo chúng tôi, *những yếu tố, bộ phận, sự vật, quá trình, hệ thống*, v.v., đều có thể được xem là những mặt đối lập. Tuy nhiên, dù thế nào đi nữa thì *bản chất* của sự đối lập bao giờ cũng được quy định bởi *những thuộc tính và khuynh hướng đối lập*.

Chẳng hạn, *nước Việt Nam thuộc địa* và *nước Pháp thực dân* trước đây có thể được xem là hai mặt đối lập. Tuy nhiên, đây không phải là sự đối lập giữa hai nước hay hai dân tộc, mà là sự đối lập giữa hai thuộc tính: "thực dân" và "thuộc địa". Khi nước Pháp không còn là thực dân nữa và Việt Nam không còn là thuộc địa của Pháp nữa; Việt Nam đã trở thành một nước độc lập và Pháp đã công nhận nền độc lập của Việt Nam thì hai nước không còn đối lập nhau về phương diện này nữa. Tuy nhiên, ở các phương diện khác hai nước vẫn còn có sự đối lập, chẳng hạn như giữa khuynh hướng xã hội chủ nghĩa và khuynh hướng tư bản chủ nghĩa. Do cách hiểu về bản chất của sự đối lập như vậy nên nhiều nước, nhiều dân tộc trước đây vốn thù địch nhau, nay có thể

trở thành bạn với nhau được. Người ta chỉ coi một nước nào đó là kẻ thù khi nước đó đi áp bức, bóc lột, xâm lược, nô dịch, phá hoại, kìm hãm sự phát triển của dân tộc mình.

2.4. Đối lập là quan hệ "động"

Hai thuộc tính chỉ được xem là hai mặt đối lập khi chúng có *sự tác động ngược chiều nhau*: bài trừ, gạt bỏ, chống đối lẫn nhau; điều đó có nghĩa là chúng được xét *trong quan hệ tác động lẫn nhau*.

Quan niệm của C. Mác về mâu thuẫn với tính cách là quan hệ tác động lẫn nhau của các mặt đối lập được các tác giả Xôviết phân tích rất sâu sắc như sau: "Sau khi vạch rõ tình trạng của các mặt mâu thuẫn và vị trí, vai trò của chúng, Mác xác định cái chủ yếu nhất, đặc trưng cho mâu thuẫn biện chứng. Đó là mối "tương quan tích cực" của chúng, tương quan này, theo Mác, là đấu tranh của các mặt đối lập. Thiếu mối tương quan ấy, thiếu đấu tranh có nghĩa là thiếu mâu thuẫn biện chứng. Chẳng hạn, sự đối lập giữa sở hữu và không có sở hữu, theo Mác, là một "sự đối lập vô vị", bởi vì ở đây không có "mối quan hệ qua lại *bên trong*", và chỉ có mối quan hệ ấy mới có thể "được quan niệm như là mâu thuẫn."[1]

Nếu hiểu mâu thuẫn theo tinh thần đó thì những thuộc tính chỉ được coi là đối lập nhau khi chúng *gắn liền* với

1. Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện Triết học, *Lịch sử phép biện chứng* (gồm 6 tập), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, t. 4, tr. 116

những khuynh hướng vận động, biến đổi trái ngược nhau, bài trừ, chống đối lẫn nhau. Trong khái niệm "mặt đối lập", *thuộc tính và khuynh hướng đối lập không tách rời nhau*.

2.5. Đối lập bên trong và đối lập bên ngoài

Một số nhà triết học Liên Xô trước đây coi sự đối lập của những thuộc tính bản chất bên trong của sự vật là *đối lập bên trong*, còn những biểu hiện ra bên ngoài của sự đối lập bên trong ấy là *đối lập bên ngoài*.

Chẳng hạn, *Từ điển Bách khoa triết học* viết: "Người ta phân biệt những đối lập bên trong và những đối lập bên ngoài (внутренние и внешние противоположности). Nếu những đối lập bên ngoài hiện ra như những đối cực của mâu thuẫn, vừa làm tiền đề cho nhau, vừa bài trừ lẫn nhau, nhưng chúng tồn tại như những mặt tương đối độc lập (thí dụ, giai cấp vô sản và giai cấp tư sản), thì những đối lập bên trong, trong khi phủ định lẫn nhau, chúng tồn tại trong mối quan hệ xâm nhập lẫn nhau (thí dụ, tính chất xã hội của sản xuất và phương thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa)."[1]

Cách tiếp cận này có căn cứ từ những tư tưởng của Ph. Ăngghen trong tác phẩm "*Chống Đuyrinh*" và tác phẩm "*Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học*"[2].

---

1. L.F. Ilichev, P.N. Phedoxeev, X.M. Covalev và V.G. Panov (chủ biên), *Từ điển Bách khoa triết học*, Sđd, tr. 543.
2. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994-1995, t. 20, tr. 377 và 380.

Một điều cần lưu ý là, sự phân biệt giữa đối lập bên trong và đối lập bên ngoài này không thay thế cho sự phân biệt giữa mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài (sự phân biệt giữa mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài là một vấn đề khác, sẽ được bàn sau). Đối với các tác giả *Từ điển Bách khoa triết học*, đối lập bên trong và đối lập bên ngoài không phải là những đối lập của hai loại mâu thuẫn khác nhau, mà của cùng một mâu thuẫn, nhưng *ở hai cấp độ khác nhau*.

F.F. Viackerev phát triển hơn nữa sự phân biệt hai cấp độ của mâu thuẫn,- cấp độ bên trong và cấp độ bên ngoài, trên cơ sở đó, tác giả phân biệt "*đối lập*" (противоположность) với "*mặt đối lập*" (противоположная сторона). Theo tác giả, ở cấp độ bên trong, mâu thuẫn là mối quan hệ của những đối lập, chứ chưa phân ra thành những mặt đối lập. "Nó là mối quan hệ - tác giả viết - không phải của các "mặt" đối lập (Оно является отношением не противоположных "сторон"), (khái niệm "mặt"(сторона) nói lên sự phân ly (разделенность), là đặc điểm của cấp độ bên ngoài, nhất là ở trình độ chín muồi của mâu thuẫn)."[1]

Cách tiếp cận về hai cấp độ của mâu thuẫn còn có tác dụng *vạch ra được mối quan hệ giữa thuộc tính và bộ phận khi chúng đóng vai trò mặt đối lập*. Ở cấp độ bên trong, mâu thuẫn là sự thống nhất và đấu tranh của những thuộc tính có khuynh hướng đối lập; còn ở cấp độ bên ngoài và

1. F.F. Viackerev, *Thực trạng hiện nay của lý luận về mâu thuẫn biện chứng và con đường tiếp tục phát triển nó*, sđd, tr. 9.

nhất là ở trình độ phát triển cao của mâu thuẫn, các mặt đối lập mới có sự phân ly thành những bộ phận, sự vật tương đối độc lập.

Theo chúng tôi, trong trường hợp có sự phân ly như đã nói trên, mặt đối lập không chỉ là những *bộ phận* khác nhau của sự vật, mà còn có thể là những *sự vật* khác nhau; vì sự phân biệt giữa bộ phận và sự vật chỉ có ý nghĩa tương đối. Thí dụ, giai cấp vô sản và giai cấp tư sản có thể xem là những sự vật khác nhau (hai giai cấp khác nhau), hoặc cũng có thể xem là những bộ phận khác nhau của một xã hội - xã hội tư bản. Ngoài ra, mặt đối lập cũng có thể là những *hệ thống* khác nhau, bởi vì một hệ thống cũng có thể xem là một bộ phận, một tiểu hệ thống của một hệ thống lớn hơn; chẳng hạn, hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa trước đây là những mặt đối lập.

Khi xem xét mặt đối lập là những bộ phận, những sự vật, những hệ thống, theo chúng tôi, có một số điều cần lưu ý:

Một là, tất cả những đối lập, dù đó là đối lập giữa những bộ phận, giữa những sự vật hay giữa những hệ thống v.v., *đều xuất phát từ sự đối lập giữa những thuộc tính* nhất định. Bản chất của một mâu thuẫn được quy định bởi sự đối lập của những thuộc *tính tất nhiên, cơ bản* ở các mặt hợp thành mâu thuẫn ấy. Thí dụ, sự đối lập giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản là sự đối lập giữa các thuộc tính: *chiếm hữu tư liệu sản xuất và không có tư liệu sản xuất, làm chủ và làm thuê, bóc lột và bị bóc lột, áp bức và bị áp bức, thống trị và bị thống trị.* Sự đối lập giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trước đây là sự đối lập giữa các thuộc

tính: *xã hội chủ nghĩa* và *tư bản chủ nghĩa, v.v.*. Tất nhiên, những thuộc tính này sở dĩ đối lập nhau vì chúng gắn liền với những khuynh hướng vận động trái ngược nhau, bài trừ nhau, chống đối nhau.

Hai là, không phải toàn bộ, mà *chỉ có một số thuộc tính* trong các bộ phận, sự vật, hệ thống đó đối lập với nhau. Thí dụ, khi nói tới mâu thuẫn giữa hai giai cấp hay hai nhà nước, không có nghĩa là tất cả những gì trong hai giai cấp hay hai nhà nước đó đều đối lập với nhau.

Ba là, sự đối lập giữa hai bộ phận, hai sự vật, hai hệ thống có thể là sự đối lập giữa các *thuộc tính cơ bản*, cũng có thể là sự đối lập giữa *các thuộc tính không cơ bản*. Chẳng hạn, người ta căn cứ vào sự đối lập giữa lợi ích cơ bản hay không cơ bản của các giai cấp, các lực lượng xã hội để xác định mâu thuẫn đối kháng hay không đối kháng.

Bốn là, đối lập giữa hai bộ phận, hai sự vật, hai hệ thống có thể là sự đối lập giữa các thuộc tính *tất nhiên*, cũng có thể là sự đối lập giữa một số dấu hiệu *không tất nhiên*. Nhiều khi, *một mâu thuẫn nhất định có thể vừa có khía cạnh tất yếu, vừa có khía cạnh không tất yếu*.

3. KẾT CẤU CỦA MÂU THUẪN BIỆN CHỨNG

Đứng trên quan điểm toàn diện để xem xét sự vật, hiện tượng cũng có nghĩa là xem xét sự vật, hiện tượng ở tất cả các mặt, các mối liên hệ. Bất cứ sự vật, hiện tượng nào cũng bao gồm nhiều mặt, nhiều yếu tố, bộ phận có liên hệ với nhau trong một *kết cấu*, một *hệ thống* nhất định. Mỗi mâu thuẫn

biện chứng đều *có một cấu trúc nhất định* và mỗi mâu thuẫn biện chứng đều có liên hệ với những mâu thuẫn khác tạo nên *hệ thống các mâu thuẫn* của sự vật, hiện tượng.

3.1. Các quan điểm khác nhau về kết cấu của mâu thuẫn biện chứng

Khái niệm *kết cấu của mâu thuẫn* (структура противоречия) được các tác giả Xôviết nêu ra từ năm 1963. Lúc đầu có tác giả như M.M. Rodentan còn nghi ngờ, nhưng cuối cùng thì khái niệm này đã được khẳng định trong sách báo và được nhiều tác giả bàn đến.

Ngoài *hai mặt đối lập và mối liên hệ giữa chúng* là *yếu tố chính trong kết cấu mâu thuẫn*, một số tác giả Xôviết còn xem xét kết cấu của mâu thuẫn trong sự tồn tại *hai cấp độ của mâu thuẫn: cấp độ bên ngoài và cấp độ bên trong*; chúng phân biệt nhau ở hình thức liên hệ giữa các mặt đối lập.

Một số tác giả khác cho rằng không nên hạn chế kết cấu mâu thuẫn ở hai cấp độ, vì như vậy chỉ thấy mâu thuẫn ở trạng thái tĩnh, chứ không thấy ở trạng thái động, do đó các tác giả này đề nghị đưa vào kết cấu mâu thuẫn *cả các giai đoạn phát sinh, phát triển và giải quyết mâu thuẫn*. F.F. Viackerev phản đối ý kiến trên và cho rằng, không nên đưa các giai đoạn phát sinh, phát triển và giải quyết mâu thuẫn vào trong kết cấu của mâu thuẫn vì đó chỉ là sự khác nhau trong khuôn khổ một kết cấu thống nhất của mâu thuẫn.[1]

1. F.F. Viackerev, Thực trạng hiện nay của lý luận về mâu thuẫn biện chứng và con đường tiếp tục phát triển nó, sđd, tr. 8 - 9.

Đối với A.N. Averianov, kết cấu của mâu thuẫn còn một số yếu tố sau đây: nguyên nhân và động lực của mâu thuẫn, yếu tố tự điều chỉnh và điều chỉnh của mâu thuẫn (факторы саморегулирования и регулирования), miền trung gian (нейтральная зона) của mâu thuẫn[1].

Theo chúng tôi, xác định kết cấu của mâu thuẫn biện chứng là vấn đề rất phức tạp, bởi vì, khi phân tích mâu thuẫn nhiều khi chúng ta gặp phải những yếu tố khó có thể xác định là chúng nằm trong kết cấu của mâu thuẫn hay nằm trong mối liên hệ của mâu thuẫn với môi trường bên ngoài.

Kết cấu của mâu thuẫn biện chứng trước hết bao gồm *các mặt đối lập và tất cả các mối liên hệ giữa chúng*. Bên cạnh đó, khi phân tích mâu thuẫn cần phải tính đến *những yếu tố trung gian* giữa hai cực đối lập, chẳng hạn, khi phân tích kết cấu giai cấp của một hình thái kinh tế - xã hội có giai cấp đối kháng, ngoài việc chỉ ra hai giai cấp cơ bản là hai cực đối lập, còn phải tính đến các giai cấp và tầng lớp trung gian nữa. Ngoài ra, việc xem xét mâu thuẫn ở hai cấp độ của nó: *cấp độ bên trong* (bản chất) và *cấp độ bên ngoài* (hiện tượng) sẽ giúp cho chúng ta phân biệt được đâu là bản chất của mâu thuẫn, đâu là những biểu hiện hiện tượng bên

1. A.N. Averianov, *Phạm trù mâu thuẫn trong hệ thống tư duy mới (Категория "противоречие" в системе нового мышления).* Trong: "Диалектическая сущность нового мышления" (Bản chất biện chứng của tư duy mới), Nxb Tư tưởng, Matxcơva, 1990, tr. 61-68.

ngoài của nó. Còn nguyên nhân cũng như yếu tố điều chỉnh của mâu thuẫn thì không nên đưa vào kết cấu của mâu thuẫn vì chúng không hoàn toàn nằm trong kết cấu nội tại của một mâu thuẫn nhất định.

3.2. Các mặt đối lập và quan hệ giữa chúng như là thành phần chính trong kết cấu của mâu thuẫn biện chứng

- Mỗi mặt đối lập cũng là một hệ thống

Một mâu thuẫn bao giờ cũng bao gồm hai mặt đối lập. Không thể có mâu thuẫn mà chỉ có một mặt.

Hai mặt đối lập nếu được xem xét ở khía cạnh trừu tượng nhất là *hai thuộc tính có khuynh hướng vận động trái ngược nhau, chống đối nhau*, thí dụ như bóc lột - bị bóc lột, áp bức - bị áp bức, thống trị - bị trị, v.v.. Tuy nhiên, một mâu thuẫn nhiều khi *không chỉ đơn giản là sự đối lập giữa hai thuộc tính riêng lẻ*, mà là sự đối lập giữa hai mặt, hai bộ phận, hai sự vật, v.v., trong đó mỗi mặt, bộ phận là *một tập hợp của nhiều thuộc tính*, trong đó có thuộc tính cơ bản, thuộc tính không cơ bản, thuộc tính bản chất, thuộc tính không bản chất.

Chẳng hạn, nếu chỉ có sự đối lập giữa bóc lột và bị bóc lột thì *chưa đủ điều kiện* để trở thành mâu thuẫn đối kháng. Mâu thuẫn đối kháng là mâu thuẫn giữa các tầng lớp, giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập nhau: một bên là giai cấp thiểu số *nắm tư liệu sản xuất, nắm quyền tổ chức lao động xã hội, bóc lột, áp bức, thống trị* ; còn bên kia là giai cấp đông đảo những người lao động *không có tư liệu sản xuất, làm thuê,*

bị bóc lột, bị áp bức, bị thống trị. Như vậy, trong mâu thuẫn giai cấp đối kháng, mỗi giai cấp là một mặt đối lập và mỗi mặt đối lập này là một hệ thống bao gồm nhiều thuộc tính khác nhau có liên hệ khăng khít với nhau (bóc lột - bị bóc lột; thống trị - bị trị, áp bức - bị áp bức, v.v.). Quá trình xóa bỏ mâu thuẫn đối kháng giai cấp là quá trình từng bước xóa bỏ trước hết là sự đối kháng về địa vị (thống trị, áp bức - bị trị, bị áp bức), rồi mới đi đến xóa bỏ sự đối kháng về lợi ích (bóc lột và bị bóc lột).

- Sự tương quan về bản chất của các mặt đối lập

Căn cứ vào tư tưởng của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin, các tác giả ở Liên Xô trước đây và ở nước ta đều thống nhất với nhau trong quan niệm về các quan hệ sau đây của các mặt đối lập: *thống nhất của các mặt đối lập, đấu tranh của các mặt đối lập, chuyển hóa của các mặt đối lập*.

Thực ra, cách phân chia này tuy đúng nhưng chưa lột tả hết tất cả các khía cạnh trong mối quan hệ giữa các mặt đối lập. Để góp phần làm rõ hơn vấn đề này, chúng tôi cho rằng cần thiết phải bổ sung thêm một số khía cạnh cụ thể trong mối quan hệ giữa các mặt đối lập như sau:

Trước hết, hai mặt đối lập trong một mâu thuẫn có *sự khác biệt, sự đối lập về bản chất*, nghĩa là, mỗi mặt có *bản chất riêng đối lập nhau*; nếu không có sự khác biệt, sự đối lập này thì không thể có mâu thuẫn. Tuy vậy, bên cạnh sự khác biệt, các mặt đối lập trong một mâu thuẫn còn có sự

tương đồng với nhau về bản chất ở một mức độ nhất định; trên cơ sở sự tương đồng này, chúng mới có thể hợp thành một thể thống nhất, mới có thể xâm nhập lẫn nhau, đấu tranh, chuyển hóa lẫn nhau được.

Thí dụ, *điện tích dương* và *điện tích âm* là hai loại điện tích trái dấu nhau, nhưng cùng một bản chất: chúng đều là điện. *Giai cấp vô sản* và *giai cấp tư sản* là hai giai cấp có bản chất khác nhau. Giai cấp vô sản là giai cấp lao động làm thuê, bị áp bức, bị bóc lột, bị thống trị; còn giai cấp tư sản thì ngược lại. Tuy nhiên, hai giai cấp này lại có sự tương đồng với nhau: chúng đều là những giai cấp trong xã hội tư bản, trong cùng một phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Trong tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêgen*, C. Mác viết: "Cực Bắc và cực Nam cũng đều là *những cực*; *bản chất* của chúng là đồng nhất; cũng vậy, *nam* giới và *nữ* giới tạo thành cùng một *loài*, cùng một *bản chất,* - bản chất con người. Bắc và Nam là những quy định đối lập của *cùng một* bản chất, là những khác biệt của cùng một *bản chất ở mức độ phát triển cao nhất của nó*. Chúng là bản chất được *phân hóa ra.*"[1]

Sự tương đồng về bản chất của các mặt đối lập cũng cần được hiểu một cách khác nhau tùy theo từng trường hợp cụ thể. Trong hai trường hợp C. Mác nêu ra trên đây, sự tương đồng về bản chất thể hiện ở chỗ, mỗi mặt là *một phần, một bộ phận* của cái bản chất chung (loài người, nam châm), sự

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 1, tr. 443 - 444.

đối lập của hai mặt là *sự đối lập trong cùng một bản chất chung ấy*.

- Sự xâm nhập và phân ly của các mặt đối lập

Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph. Ăngghen cho rằng không có sự xâm nhập tuyệt đối, cũng không có sự phân ly tuyệt đối của hai mặt đối lập. Ph. Ăngghen viết:

"Một khi phép biện chứng, dựa vào những thành tựu ngày nay của thực nghiệm khoa học tự nhiên của chúng ta, đã chứng minh rằng nói chung tất cả những sự đối lập có tính chất hai cực đều được quyết định bởi tác động qua lại của hai cực đối lập; rằng sự phân ly và sự đối lập của hai cực ấy chỉ tồn tại trong khuôn khổ sự liên hệ lẫn nhau và sự thống nhất của chúng, ngược lại, sự thống nhất của hai cực ấy chỉ tồn tại trong sự phân ly của chúng, và mối liên hệ qua của những cực ấy chỉ tồn tại trong sự đối lập của chúng với nhau, thì không thể có vấn đề sự hút và sự đẩy cuối cùng sẽ cân bằng, cũng không thể có vấn đề là một hình thái vận động này sẽ được phân bố và tập trung vào một nửa của vật chất, còn hình thái vận động kia thì sẽ được phân bố và tập trung vào một nửa khác, nghĩa là không thể có sự xâm nhập lẫn nhau, cũng như không thể có sự phân ly tuyệt đối của hai cực."[1]

Sự phân ly của các mặt đối lập tạo nên *hai cực đối lập* của mâu thuẫn; trái lại, sự xâm nhập lẫn nhau của hai mặt

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 20, tr. 522 – 523.

đối lập tạo nên *miền (khâu) trung gian* giữa hai cực đối lập ấy. Chẳng hạn, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, bên cạnh giai cấp vô sản và giai cấp tư sản là hai cực đối lập của xã hội ấy, còn có những giai cấp, tầng lớp trung gian nữa. Khâu trung gian cũng xuất hiện trong quá trình chuyển hóa từ cực đối lập này sang cực đối lập khác. Thí dụ, trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những yếu tố xã hội chủ nghĩa với tính cách là cái mới đại diện cho hình thái kinh tế - xã hội mới và những yếu tố tư bản chủ nghĩa với tính cách là những tàn dư của hình thái kinh tế - xã hội cũ, còn có vô số những yếu tố trung gian, quá độ nữa.

Ngoài ra, sự xâm nhập và phân ly của các mặt đối lập cũng *thể hiện khác nhau ở những cấp độ khác nhau, những trình độ phát triển khác nhau của mâu thuẫn*.

Ở giai đoạn mâu thuẫn mới hình thành, các mặt đối lập chủ yếu là *xâm nhập lẫn nhau*. Ở trình độ phát triển cao của mâu thuẫn, các mặt đối lập mới có sự *phân ly rõ ràng* thành hai cực đối lập. Chẳng hạn, sự tách rời giữa giống đực và giống cái trong sinh vật gắn liền với quá trình tiến hóa từ thấp đến cao của các giống loài sinh vật. Trong chế độ sở hữu tập thể nguyên thủy, sở hữu và lao động chưa tách rời nhau, người lao động cũng đồng thời là người sở hữu tư liệu sản xuất. Trong thời kỳ đầu của xã hội có tư hữu, sở hữu và lao động chưa tách rời nhau một cách hoàn toàn, nhưng khi xã hội có giai cấp phát triển đến trình độ cao thì, ở những giai cấp cơ bản của xã hội, sở hữu và lao động hoàn toàn tách rời nhau; người chiếm hữu tư liệu sản xuất thì không lao động, còn người lao động thì không có tư liệu sản xuất.

- Quan hệ về địa vị của các mặt đối lập

Trong quá trình phát triển, hai mặt đối lập thường có *địa vị không ngang nhau*, một trong hai mặt giữ vai trò chủ đạo sự vận động và sự phát triển của sự vật và hiện tượng .

Ngay từ thời cổ đại, thuyết Âm Dương trong triết học Trung Hoa cũng đã đưa ra tư tưởng về địa vị không ngang nhau của hai mặt đối lập : mặt Dương là mặt chủ đạo, còn mặt Âm là mặt phụ thuộc. C. Mác và Ph. Ăngghen đã từng nói: "Toàn bộ vấn đề là ở chỗ mỗi yếu tố trong hai yếu tố đó chiếm một địa vị xác định như thế nào trong sự đối lập. Chỉ tuyên bố rằng chúng là hai mặt của một chỉnh thể thống nhất thì chưa đủ."[1]

Có loại mâu thuẫn (mâu thuẫn trừu tượng) trong đó một mặt *luôn luôn* giữ vai trò chủ đạo, thí dụ, bản chất quyết định hiện tượng, tất nhiên quyết định ngẫu nhiên, lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng. Ngược lại, có loại mâu thuẫn (mâu thuẫn cụ thể), trong đó vai trò chủ đạo của các mặt đối lập có sự khác nhau ở những sự vật khác nhau, trong các giai đoạn phát triển khác nhau của cùng một sự vật. Vì vậy, nếu xem xét các mặt đối lập ấy một cách trừu tượng tách rời sự vật, hiện tượng và quá trình cụ thể, thì không thể biết được mặt nào trong hai mặt là mặt chủ đạo.

Khi nói rằng trong một mâu thuẫn cụ thể, luôn luôn có một mặt giữ vai trò chủ đạo (sự cân bằng của hai mặt cũng

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd,, t. 2, tr. 54

có thể xảy ra, nhưng chỉ là tạm thời), chúng tôi hoàn toàn không có ý cho rằng, trong bất kỳ mâu thuẫn nào cũng đều có một mặt tích cực, một mặt tiêu cực, một mặt tiến bộ, một mặt lạc hậu, một mặt thống trị, một mặt bị trị.

- Quan hệ tương tác giữa các mặt đối lập

Sự tác động lẫn nhau của các mặt đối lập là khía cạnh quan trọng nhất của mâu thuẫn. C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin và tất cả các nhà triết học mácxít đều đòi hỏi phải xem xét mâu thuẫn trong trạng thái vận động, trong sự tác động lẫn nhau của các mặt đối lập.

Trong tác phẩm *Lịch sử phép biện chứng*, các tác giả nhận xét rằng, khi phân tích mâu thuẫn giữa tư bản và lao động, C. Mác xem sự đối lập giữa hai mặt này là mối tương quan tích cực của chúng, tức là sự đấu tranh, loại trừ lẫn nhau giữa chúng.[1]

F.F. Viackerev, trong tác phẩm *Mâu thuẫn biện chứng*, viết :

"Mâu thuẫn là *quan hệ động (динамическое отношене)* của các mặt đó. Từ "động" ở đây có nghĩa rằng, các mặt đối lập không chỉ đơn giản cùng tồn tại trong không gian, mà giữa chúng có sự trao đổi tích cực về năng lượng (trong các hệ thống vô sinh), về năng lượng, về chất và về thông tin (trong các hệ thống sinh vật). Nói cách khác, mối quan hệ động là sự liên hệ lẫn nhau, đúng hơn là sự tác

1. Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện Triết học, *Lịch sử phép biện chứng* (gồm 6 tập), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, t. 4, tr. 116.

động lẫn nhau (ảnh hưởng lẫn nhau, làm thay đổi lẫn nhau, v.v.). Mâu thuẫn bây giờ được xem như là sự tương tác của các mặt (của các sự vật)."[1]

Trong sự tác động lẫn nhau của các mặt đối lập, trước hết phải nói đến *sự tác động ngược chiều*. Đó là *sự bài trừ, chống đối, phủ định lẫn nhau của các mặt đối lập*. Tác động ngược chiều nhau là *quan hệ tác động chủ yếu* của các mặt đối lập.

Tất cả các khía cạnh trình bày trên đây về mối quan hệ giữa các mặt đối lập có thể quy về *hai mối quan hệ chính*: *thống nhất và đấu tranh* của các mặt đối lập. Sự đồng nhất, xâm nhập lẫn nhau, phù hợp với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau, v.v., là những khía cạnh thuộc về quan hệ thống nhất của các mặt đối lập. Còn ngược lại, sự đối lập, sự không phù hợp, mất cân đối, địa vị không ngang nhau, sự tác động ngược chiều, kìm hãm, bài trừ, phủ định, chống đối lẫn nhau, v.v., thuộc về khái niệm đấu tranh của các mặt đối lập ; trong đó *thực chất của sự đấu tranh của các mặt đối lập là sự bài trừ, chống đối, phủ định lẫn nhau của chúng*.

- Sự chuyển hóa của các mặt đối lập

Ngoài quan hệ thống nhất và đấu tranh, sự chuyển hóa của các mặt đối lập cũng là một trong những nét đặc trưng

1. F.F. Viackerev, *Mâu thuẫn của sự vật và hình ảnh lý luận của nó (Предметное противоречие и ее теоретический "образ").* Trong: "Mâu thuẫn biện chứng" (Диалектическое противоречие), Nxb Chính trị, Matxcơva, 1979, tr. 60.

của mâu thuẫn. Chúng tôi đồng ý với tác giả Ngô Thành Dương, chuyển hóa của các mặt đối lập là một *phạm trù triết học với tính trừu tượng cao*. Tùy theo từng sự vật có mâu thuẫn khác nhau mà sự chuyển hóa của các mặt đối lập lại diễn ra một cách khác nhau. Do đó, cần phải phân tích cụ thể tình hình cụ thể để giải thích sự chuyển hóa của các mặt đối lập đúng như trong thực tế diễn ra, chứ không thể coi mọi sự chuyển hóa đồng loạt như nhau được.[1]

Theo chúng tôi, sự chuyển hóa của các mặt đối lập có thể phân ra thành hai trường hợp chính: *chuyển hóa từ mặt này sang mặt khác và chuyển hóa về địa vị của các mặt đối lập.*

Từ thời cổ đại, Hêraclit đã nêu tư tưởng về sự chuyển hóa của các mặt đối lập. Ông nói : "cái lạnh nóng lên, cái nóng lạnh đi, cái ướt khô đi, cái khô ướt lại" ... "tất cả là sự trao đổi của các mặt đối lập" . V.I. Lênin cũng nói nhiều về sự chuyển hóa của các mặt đối lập trong tác phẩm *Bút ký triết học*:

"*Phép biện chứng* là học thuyết vạch ra rằng những *mặt đối lập* làm thế nào mà có thể và thường là (trở thành) *đồng nhất,* - trong những điều kiện nào chúng là đồng nhất, bằng cách chuyển hóa lẫn nhau, -tại sao lý trí con người không nên xem những mặt đối lập ấy là chết, cứng đờ, mà là sinh động, có điều kiện, năng động, chuyển hóa lẫn nhau."[2]

---

1. Xem Ngô Thành Dương, *Một số khía cạnh về phép biện chứng duy vật*, Nxb Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội, 1986, tr. 36.
2. V.I. Lênin, *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1974-1981, t. 29, tr. 116 - 117.

Sự chuyển hóa của các mặt đối lập *trong mỗi trường hợp cụ thể phải được hiểu một cách khác nhau*. Không được đồng nhất khái niệm trừu tượng này với sự trực tiếp biến đổi từ mặt này thành mặt kia.

Chẳng hạn, sự chuyển hóa giữa nguyên nhân và kết quả là nguyên nhân sinh ra kết quả, kết quả được sinh ra lại tác động với sự vật, hiện tượng khác, trở thành nguyên nhân của một kết quả khác.

Sự chuyển hóa giữa cái đơn nhất, cái đặc thù và cái phổ biến có thể diễn ra theo hai hướng: cái mới lúc đầu có thể chỉ là thuộc tính đơn nhất của một sự vật nào đó, về sau biến thành thuộc tính chung cho nhiều sự vật; ngược lại, cái cũ trong một thời kỳ nào đó có thể là cái tương đối phổ biến, về sau trở thành lỗi thời và chỉ còn tồn tại như là những hiện tượng cá biệt mà thôi.

Trong quá trình nhận thức, sự chuyển hóa giữa bản chất và hiện tượng có nghĩa là bản chất biểu hiện ra ở các hiện tượng và, từ chỗ phân tích các hiện tượng, con người tiến lên tìm ra bản chất của sự vật.

Sự chuyển hóa về địa vị của các mặt đối lập cũng tùy từng trường hợp mà có cách hiểu khác nhau và chỉ được áp dụng ở những mâu thuẫn cụ thể. Quan hệ địa vị của các mặt đối lập (mặt chủ đạo, mặt không chủ đạo) có sự thay đổi trong những giai đoạn phát triển khác nhau của mâu thuẫn đó; nếu ở giai đoạn này, mặt này giữ vai trò chủ đạo, quyết định xu thế, chiều hướng vận động, phát triển của sự vật, thì sang giai đoạn khác, vai trò đó lại chuyển sang mặt khác.

Khi nghiên cứu mâu thuẫn và mối quan hệ giữa các mặt đối lập có một số điểm chúng ta cần lưu ý:

Một là, Bản chất và tên gọi của một mâu thuẫn nhiều khi không trùng khớp với nhau. Người ta có thể đặt tên cho một mâu thuẫn bằng cách lấy hai thuộc tính hay khuynh hướng bản chất đang đối lập nhau, thí dụ mâu thuẫn giữa điện tích dương và điện tích âm, giữa đồng hóa và dị hóa, giữa bóc lột và bị bóc lột. Cũng có khi người ta lấy hai mặt, hai sự vật mang những thuộc tính và khuynh hướng đối lập để đặt tên cho mâu thuẫn, thí dụ mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, mâu thuẫn giữa phe đồng minh và phe phát xít, v.v..

Hai là, ta cần phân biệt *mâu thuẫn cụ thể* với *mâu thuẫn trừu tượng* (mâu thuẫn chung, mâu thuẫn phổ biến). *Mâu thuẫn bao giờ cũng tồn tại một cách cụ thể,* trong cái cụ thể có chứa đựng cái chung, cái trừu tượng. Mâu thuẫn chung là kết quả sự khái quát một lớp mâu thuẫn cụ thể, thí dụ mâu thuẫn giữa sức hút và sức đẩy, giữa đồng hóa và dị hóa. Mâu thuẫn phổ biến là mâu thuẫn chung nhất của thế giới vật chất hay của xã hội loài người. Chẳng hạn, mâu thuẫn giữa vận động và đứng im, giữa bản chất và hiện tượng, giữa tất nhiên và ngẫu nhiên, giữa nội dung và hình thức, giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa chân lý và sai lầm, v.v.. Những mâu thuẫn chung và phổ biến này *không tồn tại độc lập*. Thí dụ, không có sức hút và sức đẩy tồn tại ở ngoài những vật thể cụ thể, không có lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

nằm ngoài xã hội, mà chỉ có sức hút của quả đất, sức đẩy của nước hay không khí, v.v., lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất của một xã hội cụ thể, như xã hội phong kiến, xã hội tư bản, xã hội xã hội chủ nghĩa v.v.. Không có chân lý và sai lầm chung chung, chúng bao giờ cũng tồn tại trong những tư tưởng, những học thuyết nhất định.

Nắm vững những khía cạnh lý luận này có ý nghĩa rất quan trọng: khi xem xét những đặc trưng, những mối quan hệ của các mặt đối lập, phải gắn chúng với những mâu thuẫn cụ thể nhất định, bởi vì, *một khái niệm trừu tượng về mâu thuẫn không thể thỏa mãn đầy đủ tất cả các đặc trưng, các mối quan hệ của các mặt đối lập*. Thí dụ, nếu ta xem xét quan hệ giữa sức hút và sức đẩy, giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa chân lý và sai lầm mà không gắn với một mâu thuẫn cụ thể, chẳng hạn, giữa sức hút của quả đất và sức đẩy của không khí, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giữa chân lý và sai lầm của hai luận điểm nào đó, thì không thể thấy chúng đồng nhất và khác biệt, đấu tranh và chuyển hóa lẫn nhau, ra đời và được giải quyết như thế nào.

3.3. Hai cấp độ của mâu thuẫn biện chứng

- Cơ sở phương pháp luận của việc phân biệt hai cấp độ của mâu thuẫn biện chứng

Trong quá trình nhận thức, con người không phải một lúc mà nắm ngay được một cách đầy đủ, chính xác các hiện tượng tự nhiên và xã hội. Nhận thức là một quá trình đi từ

chưa biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều, từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất chưa sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn. Do đó, phương pháp nhận thức biện chứng đòi hỏi phải tiếp cận sự vật, hiện tượng ở hai cấp độ - bản chất và hiện tượng. Từ sự nhận thức hiện tượng bên ngoài, con người đi sâu tìm hiểu, nắm được bản chất bên trong của những hiện tượng đó.

Tương tự như vậy, mâu thuẫn cũng phải được xem xét ở hai cấp độ: bản chất và hiện tượng. Trong quá trình nhận thức mâu thuẫn của sự vật, nhất là mâu thuẫn trong đời sống xã hội, trước tiên chúng ta đụng phải những mâu thuẫn thuộc lớp vỏ bên ngoài của đối tượng. Tư duy của chúng ta sẽ không tiến thêm một bước nào nếu chỉ dừng lại và thỏa mãn với những hiện tượng của cái bề ngoài ấy. Trong thực tiễn, khi chưa nắm được bản chất của mâu thuẫn mà đã tập trung giải quyết hiện tượng của chúng thì nhiều khi chỉ làm cho vấn đề thêm rắc rối. Do đó, cần phải phân biệt mâu thuẫn ở hai cấp độ và nắm được mối liên hệ giữa chúng.

Cơ sở phương pháp luận của việc phân biệt hai cấp độ của mâu thuẫn biện chứng là *cách tiếp cận duy vật biện chứng* của C. Mác và Ph. Ăngghen đối với mâu thuẫn. Chúng tôi xin dẫn chứng một mẫu mực của cách tiếp cận này; đó là là việc phân tích của Ph. Ăngghen về *mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản*.

Ph. Ăngghen viết: "Sự tách rời giữa một bên là những tư liệu sản xuất tập trung vào trong tay những nhà tư bản, và bên kia là những người sản xuất bị đẩy đến chỗ không còn

sở hữu gì nữa ngoài sức lao động của mình, đã hoàn thành. *Mâu thuẫn giữa sản xuất xã hội và sự chiếm hữu tư bản chủ nghĩa biểu hiện ra thành sự đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản."*[1]

Ở đây ta cần chú ý cụm từ "biểu hiện thành", nó hàm ý rằng mâu thuẫn giữa sản xuất xã hội và sự chiếm hữu tư bản chủ nghĩa là *bản chất*, là *cái gốc* của vấn đề; còn tất cả những *hiện tượng đối kháng* giữa vô sản và tư sản *là biểu hiện ra bên ngoài* của mâu thuẫn bản chất đó. Đó không phải là hai mâu thuẫn khác nhau. Càng không nên lầm tưởng rằng đó là hai mâu thuẫn cơ bản!

Mâu thuẫn giữa sản xuất xã hội và chiếm hữu tư bản chủ nghĩa là mâu thuẫn giữa những tính chất, quá trình đối lập nhau: một bên là tính chất xã hội, là quá trình xã hội hóa của nền sản xuất và một bên là tính chất tư bản chủ nghĩa của sự chiếm hữu về tư liệu sản xuất và sản phẩm xã hội. Nói cụ thể hơn, bản chất của mâu thuẫn là: một bên là *một thiểu số nhà tư bản nắm tư liệu sản xuất, nắm quyền quản lý và phân phối sản phẩm* (chiếm hữu tư bản chủ nghĩa) và nhờ đó, dành lấy cho mình phần lớn của cải do xã hội làm ra; còn bên kia là *đông đảo quần chúng vô sản, lực lượng chủ yếu sản xuất ra của cải* (sản xuất xã hội) thì chỉ được hưởng một phần nhỏ bé. Chính cái bản chất ấy biểu hiện thành *những hiện tượng*: sự giàu có, xa hoa của giai cấp tư sản, sự nghèo khổ của giai cấp vô sản, sự chống đối của giai

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Sđd, t. 20, tr. 377.

cấp vô sản từ hình thức thấp có tính tự phát như lãng công, phá hoại máy móc đến những cuộc đấu tranh kinh tế có tổ chức, như đình công, biểu tình đòi tăng lương, đòi cải thiện đời sống và điều kiện lao động, thậm chí dẫn đến những đỉnh cao là những cuộc đấu tranh chính trị giành chính quyền nhà nước.

Mâu thuẫn bản chất đó không chỉ biểu hiện thành mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, mà còn biểu hiện ra thành một loạt các mâu thuẫn hiện tượng khác nữa.

Ăngghen viết: "Mâu thuẫn giữa sự sản xuất xã hội và sự chiếm hữu tư bản chủ nghĩa tái hiện ra thành *sự đối lập giữa tính chất có tổ chức của sản xuất trong mỗi công xưởng riêng biệt với tình trạng vô chính phủ của sản xuất trong toàn thể xã hội*."[1]

Ngoài ra, Ăngghen còn chỉ ra các hiện tượng cũng xuất phát từ bản chất trên như: mâu thuẫn giữa sản xuất và trao đổi, tình trạng khủng hoảng thừa hàng hóa, thất nghiệp, v.v..

Việc nhận thức mâu thuẫn bắt đầu từ việc phát hiện ra những *hiện tượng* mâu thuẫn. Từ vô số những biểu hiện mâu thuẫn ở cấp độ hiện tượng, tư duy nhận thức tiến lên nhận thức bản chất của nó. Ngay việc *nhận thức mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản* ở C. Mác và Ph. Ăngghen cũng đi theo con đường đó.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Sđd, t. 20, tr. 380.

Ta biết rằng quá trình chuyển biến từ lập trường duy tâm và dân chủ cách mạng sang lập trường duy vật và cách mạng vô sản bắt đầu từ năm 1842 khi C. Mác và Ph. Ăngghen làm việc ở Nhật báo Sông Ranh. Hai ông đã dùng ngòi bút của mình để vạch ra những bất công trong các đạo luật của nhà nước quân chủ Phổ, bênh vực quyền lợi của người lao động. Năm 1843, C. Mác viết tác phẩm "*Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*", trong đó Mác vạch rõ và phê phán quan điểm duy tâm của Hêghen trong lĩnh vực nhà nước và pháp quyền, đồng thời dưới góc độ triết học, Mác cũng phê phán cách tiếp cận của Hêghen về phạm trù *mâu thuẫn*. Năm 1844, trong tác phẩm "Bản thảo kinh tế - triết học", C. Mác vạch trần những biểu hiện của sự tha hóa trong lao động của người công nhân trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Cũng trong năm đó, Ph. Ăngghen viết tác phẩm "*Tình cảnh giai cấp lao động Anh*".

Quan niệm về *mâu thuẫn bản chất* quy định toàn bộ mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản *dần dần được định hình* cho đến khi nó được chứng minh về mặt khoa học bằng học thuyết giá trị thặng dư trong tác phẩm "*Tư bản*" của C. Mác và trở thành một công thức ngắn gọn: "mâu thuẫn giữa sản xuất xã hội và sự chiếm hữu tư bản chủ nghĩa" trong tác "*Chống Đuyrinh*" là cả một quá trình *lâu dài*.

- Đặc điểm của mâu thuẫn bản chất và mâu thuẫn hiện tượng

Như đã nói trên, mâu thuẫn phải được nhận thức ở hai cấp độ: cấp độ hiện tượng và cấp độ bản chất hoặc có thể

gọi tắt là mâu thuẫn hiện tượng và mâu thuẫn bản chất. Tuy gọi là mâu thuẫn bản chất và mâu thuẫn hiện tượng, nhưng không được hiểu đó là hai mâu thuẫn khác nhau, tách rời nhau, cũng giống như tuy ta phân biệt bản chất và hiện tượng của sự vật, nhưng chúng ta không thể tách rời hai mặt đó được, vì bản chất thì biểu hiện thành hiện tượng, còn hiện tượng luôn luôn gắn liền với bản chất. Tuy nhiên, mâu thuẫn bản chất và mâu thuẫn hiện tượng không đồng nhất với nhau. Một mâu thuẫn bản chất có thể biểu hiện thành nhiều mâu thuẫn hiện tượng và ngược lại, mặt mâu thuẫn hiện tượng có thể là biểu hiện tổng hợp của nhiều mâu thuẫn bản chất khác nhau.

Hai cấp độ của mâu thuẫn phân biệt nhau ở *đặc điểm* của các mặt đối lập và các *mối liên hệ* giữa các mặt đối lập.

Mâu thuẫn bản chất là *sự thống nhất, đấu tranh, chuyển hóa giữa những thuộc tính, khuynh hướng đối lập ngay trong bản chất của sự vật*. Đó là sự phân đôi bản chất, là tính hai mặt của bản chất. Còn mâu thuẫn hiện tượng là biểu hiện ra bên ngoài của những đối lập từ bản chất bên trong.

Chẳng hạn, bản chất của sấm sét là mâu thuẫn giữa hai điện tích trái dấu nhau được tích tụ trong không gian (giữa hai đám mây tích điện trái dấu) hoặc giữa không gian với mặt đất. Còn hiện tượng là sự va chạm gây ra tiếng nổ và tia chớp. Trong đời sống xã hội, mâu thuẫn hiện tượng là sự xung đột giữa giữa các giai cấp, các tầng lớp; giữa các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội; các trào lưu triết học, chính trị, tôn giáo, sự xung đột giữa cá nhân với xã hội, giữa các nhà nước, các dân tộc, v.v..

Ở cấp độ bản chất, các mặt đối lập là *tính chất, khuynh hướng đối lập*. Hai tính chất, khuynh hướng này gắn bó với nhau, không tách rời nhau. Ở cấp độ hiện tượng các mặt đối lập mới có sự phân ly thành những *bộ phận đối lập*, thậm chí thành *những sự vật đối lập*. Tuy nhiên, hai mặt đối lập của mâu thuẫn bản chất và hai mặt đối lập của mâu thuẫn hiện tượng có mối liên hệ với nhau và điều này được các tác giả triết học Xôviết trước đây gọi là "đối lập bên trong" và "đối lập bên ngoài".

Trong lĩnh vực xã hội, mâu thuẫn bản chất là sự đấu tranh của những tính chất, khuynh hướng vận động, phát triển *có tính tất yếu, khách quan*, không phụ thuộc vào ý thức của bất kỳ giai cấp, tầng lớp, cá nhân nào; trong khi đó, mâu thuẫn hiện tượng *biểu hiện thông qua nhiều yếu tố chủ quan*. Sự đấu tranh của các mặt đối lập ở cấp độ hiện tượng (đấu tranh kinh tế, chính trị, tư tưởng, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ...) thường được thực hiện *bởi những chủ thể có ý thức*. Ý thức của chủ thể ngoài việc bị quy định bởi tính tất yếu khách quan của tồn tại xã hội, còn chịu ảnh hưởng của những hệ tư tưởng triết học, chính trị, tôn giáo, những truyền thống, phong tục tập quán, tâm lý sắc tộc, địa phương, lứa tuổi, nghề nghiệp, giới tính, v.v.. Như vậy, có thể nói, mâu thuẫn bản chất là mâu thuẫn khách quan, còn mâu thuẫn hiện tượng vừa có nguồn gốc khách quan, vừa mang tính chủ quan. Mâu thuẫn hiện tượng là *mâu thuẫn khách quan - chủ quan*. Ở đây, tính tất yếu khách quan được biểu hiện thông qua yếu tố tâm lý tự phát hay yếu tố nhận thức.

- Quan hệ giữa mâu thuẫn bản chất và mâu thuẫn hiện tượng

Mâu thuẫn bản chất quy định mâu thuẫn hiện tượng

Mâu thuẫn bản chất là mâu thuẫn giữa hai mặt đối lập trong bản chất của sự vật. Mỗi mặt này trong bản chất tất yếu biểu hiện ra bên ngoài thành những hiện tượng nhất định. Vì trong bản chất có hai mặt đối lập nên những hiện tượng mà hai mặt đối lập này biểu hiện ra tất yếu sẽ hợp thành những mâu thuẫn nhất định trong lớp vỏ hiện tượng của sự vật đó.

Thí dụ, người ta thường nói kinh tế thị trường có hai mặt - mặt phải và mặt trái. Đặc trưng cơ bản của kinh tế thị trường *trong giai đoạn hiện nay* là *sự sản xuất, trao đổi tự do thông qua quan hệ hàng hóa - tiền tệ*. Đồng tiền là phương tiện lưu thông chủ yếu. Ai sở hữu được đồng tiền thì quyết định tất cả, "có tiền mua tiên cũng được". Do đó mọi người đều tìm cách làm ra nhiều tiền nhất. Từ một mục đích thống nhất là "làm ra tiền" nảy sinh hai khuynh hướng đối lập nhau: khuynh hướng tích cực và khuynh hướng tiêu cực.

Khuynh hướng tích cực là muốn làm ra nhiều tiền thì phải mở rộng sản xuất, kinh doanh, không ngừng nâng cao chất lượng và số lượng của hàng hóa và dịch vụ. Khuynh hướng này là *khuynh hướng chủ đạo* trong kinh tế thị trường bởi vì, tiền suy cho cùng là do sản xuất tạo ra. Xét trên phương tiện toàn thể xã hội thì nếu sản xuất không phát triển thì số lượng đồng tiền lưu thông trên thị trường không thể tăng thêm được.

Một khuynh hướng thứ hai không thể coi thường được cũng xuất phát từ khả năng vốn có của kinh tế thị trường hiện nay là *người ta cũng có thể kiếm tiền từ tham nhũng hoặc làm ăn phi pháp, buôn bán gian lận*. Đó là con đường tiêu cực, khuynh hướng làm *kìm hãm* sự phát triển của sản xuất và làm rối loạn thị trường.

Hai khuynh hướng đối lập nhau trong kinh tế thị trường trong giai đoạn hiện nay tất yếu biểu hiện thành những hiện tượng mâu thuẫn gay gắt trong đời sống xã hội. Chỉ khi xã hội phát triển đến một trình độ có khả năng *kiểm soát được toàn bộ chất lượng của hàng hóa và dịch vụ cũng như việc làm ra tiền và tiêu tiền* của tất cả mọi người, ngăn chặn được khả năng làm tiền và tiêu tiền bất hợp pháp, thì những hiện tượng tiêu cực nói trên của kinh tế thị trường mới có thể chấm dứt được.

Nếu trong bản chất, các mặt đối lập phù hợp, ăn khớp với nhau, tác động với nhau một cách biện chứng thì mâu thuẫn thực sự là động lực của sự phát triển. Còn ngược lại, nếu trong bản chất các mặt đối lập không còn phù hợp, dung hợp với nhau được nữa thì mâu thuẫn bây giờ không còn là động lực, mà trở thành yếu tố kìm hãm sự phát triển. trong đời sống xã hội, nếu mâu thuẫn không được giải quyết kịp thời và thỏa đáng, nó có thể dẫn đến tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng, thậm chí sự sụp đổ của chế độ xã hội.

Trong tác phẩm "*Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*", C. Mác đã vạch ra sai lầm của Hêghen

coi mâu thuẫn giữa nhà nước của và xã hội công dân Phổ là một sự thống nhất trong bản chất, còn sự xung đột chỉ là hiện tượng bên ngoài. Mà bản chất ở đây, theo Hêghen là ý niệm, do đó chỉ cần quy mâu thuẫn của hiện tượng về sự thống nhất trong bản chất, trong ý niệm là coi như đã giải quyết mâu thuẫn rồi.

Mác viết: "Sai lầm chủ yếu của Hêghen là ở chỗ ông hiểu *mâu thuẫn của hiện tượng* là *sự thống nhất trong bản chất*, *trong ý niệm*, kỳ thực bản chất của mâu thuẫn ấy cố nhiên là một cái gì đó sâu sắc hơn, cụ thể là *mâu thuẫn bản chất*)."[1]

So với Hêghen, C. Mác và Ph. Ăngghen có quan niệm sâu sắc hơn về mâu thuẫn: Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập thể hiện ngay trong chính bản chất của mâu thuẫn của sự vật hiện thực.

Mâu thuẫn bản chất là cái bên trong sâu sắc, tương đối ổn định, còn mâu thuẫn hiện tượng biểu hiện bên ngoài đa dạng, phong phú, thường xuyên biến đổi

Vì hiện tượng đa dạng, phong phú hơn bản chất, nên mâu thuẫn hiện tượng cũng đa dạng, phong phú hơn mâu thuẫn bản chất. Mâu thuẫn bản chất có thể biểu hiện thành vô số mâu thuẫn hiện tượng. Cùng một mâu thuẫn bản chất nhưng trong điều kiện khác nhau thì biểu hiện thành những mâu thuẫn hiện tượng khác nhau. Chẳng hạn, cùng một bản chất của chủ nghĩa đế quốc nhưng có thể biểu hiện thành

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 447.

nhiều hiện tượng khác nhau: chiến tranh xâm lược, chiến tranh chống cộng, chiến tranh chống khủng bố và chiến lược diễn biến hòa bình, đấu tranh bảo vệ dân chủ, bảo vệ quyền con người, v.v..

Mâu thuẫn bản chất chỉ biến đổi căn bản khi sự vật chuyển sang trạng thái mới. Trong khi đó, mâu thuẫn hiện tượng lại không ổn định, thường xuyên biến đổi, lúc thì biểu hiện thành sự xung đột gay gắt, tưởng chứng không thể dung hòa được, lúc thì lắng đọng, êm dịu, tưởng chừng không còn có mâu thuẫn nữa.

Sở dĩ có tình trạng đó là vì, mâu thuẫn hiện tượng ngoài sự quy định của mâu thuẫn bản chất, nó còn bị quy định bởi những tác động từ bên ngoài. Do đó, nếu ta bỏ qua những tác động bên ngoài ảnh hưởng đến mâu thuẫn hiện tượng thì có thể dẫn đến đánh giá không đúng về bản chất của mâu thuẫn.

Sau đây chúng tôi xin nêu một số tác động bên ngoài có thể làm cho mâu thuẫn hiện tượng phát triển không phù hợp với mâu thuẫn bản chất (chủ yếu là nói về mâu thuẫn xã hội).

Một là, điều kiện thuận lợi hay khó khăn về kinh tế, chính trị, v.v.. Ví dụ, khi nền kinh tế phát triển thuận lợi thì những mâu thuẫn giai cấp và các mâu thuẫn khác tạm thời lắng dịu; ngược lại, khi đời sống kinh tế khó khăn, khủng hoảng thì những mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt.

Hai là, sự đe dọa của một lực lượng thứ ba có thể làm cho hai bên đang ở trạng thái chống đối nhau chuyển sang

trạng thái hòa hoãn tạm thời để đối phó với lực lượng thứ ba đó; nhưng khi sự đe dọa không còn nữa thì mâu thuẫn lại tiếp tục, vì bản chất của nó chưa thay đổi cơ bản. Thực tế lịch sử chứng minh rằng giai cấp thống trị thường lợi dụng, đôi khi khuếch đại sự đe dọa của một nguy cơ bên ngoài nào đó để xoa dịu mâu thuẫn bên trong, để thống nhất, tập hợp lực lượng bên trong.

Ba là, sai lầm trong đường lối, chính sách của nhà nước có thể làm cho mâu thuẫn vốn không đối kháng trở thành đối kháng. Về lý luận, điều này đã được Lênin nói đến và một số nhà triết học Xôviết nhắc lại trong các giáo trình triết học và các công trình nghiên cứu lý luận ở Liên Xô cũ, nhưng rất tiếc vấn đề này không được quan tâm đúng mức về mặt thực tiễn. Trong cuốn "*Nguyên lý triết học Mác-Lênin*" có viết: "Đừng nên quên rằng, mặc dù có sự khác biệt sâu sắc, giữa mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng không có một cái hố ngăn cách. Lênin đã từng nhấn mạnh rằng, trong trường hợp có sự sai lầm về chính sách, mâu thuẫn không đối kháng có thể trở nên gay gắt, sâu sắc, và trong những điều kiện nhất định có những nét của mâu thuẫn đối kháng. Trong bản chất của chúng mặc dù không có xu hướng phát triển như thế, nhưng xu hướng đó có thể phát sinh từ hoạt động thực tiễn sai lầm, từ đường lối chính trị sai lầm."[1]

1. *Nguyên lý triết học Mác-Lênin (Основы марксистско-ленинской философии),* Nxb Chính trị, Matxcơva, 1979, tr. 102.

Bốn là, sự kích động của các phần tử cực đoan, quá khích có thể đưa mâu thuẫn hiện tượng từ chỗ không đối kháng trở thành đối kháng. Chẳng hạn, nhiều cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo trong lịch sử và nhất là hiện nay ở nhiều nước, nhiều khi không xuất phát từ bản chất của mâu thuẫn vốn là không có tính tất yếu đối kháng, nhưng do bị kích động, xúi dục bởi những phần tử cầm đầu quá khích đã dẫn tới những cuộc chém giết, đổ máu không cần thiết. Thực ra chúng có thể giải quyết bằng con đường hòa bình, thương lượng.

Khi mâu thuẫn bản chất được giải quyết thì mâu thuẫn hiện tượng cũng thay đổi theo

Mâu thuẫn bản chất không phải là cái gì cố định, bất biến. Hai khuynh hướng đối lập trong mâu thuẫn bản chất cũng có sự phát triển. Có những giai đoạn các mặt đối lập đó ăn khớp, phù hợp với nhau nên không biểu hiện ra bên ngoài thành những hiện tượng xung đột gay gắt. Khi hai khuynh hướng đối lập đó phát triển đến mức độ không còn dung hợp với nhau được nữa thì hiện tượng đối kháng, khủng hoảng là tất yếu.

Trong tác phẩm "*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*", C. Mác và Ph. Ăngghen vạch rõ, mâu thuẫn và sự thù địch giữa các dân tộc xuất phát từ mâu thuẫn giai cấp.

"Hãy xóa bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ. Khi mà sự đối

kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự sự thù địch giữa các dân tộc cũng mất theo."[1]

Vấn đề khủng bố và chống khủng bố là vấn đề có tính toàn cầu và đang lôi cốn thế giới vào một cơn xoáy lốc. Tuy nhiên, người ta cố tình không muốn vạch ra hoặc xuyên tạc "bản chất" của mâu thuẫn - *cơ sở thực sự* của hiện tượng khủng bố và chống khủng bố. Nếu cứ quy kết nguyên nhân khủng bố về sự kỳ thị tôn giáo, sắc tộc, văn hóa, văn minh, v.v., thì chẳng những không giải quyết được vấn đề mà còn làm cho nó phức tạp thêm, ngày càng lún sâu vào sự bế tắc.

Tóm lại, về mâu thuẫn có thể gắn liền với hai quan điểm, hai phương pháp tiếp cận. Phép biện chứng duy vật tiếp cận mâu thuẫn như là những hiện tượng khách quan phổ biến trong tự nhiên, xã hội và tư duy (mâu thuẫn biện chứng). Lôgíc học xem xét mâu thuẫn như là những phán đoán, tư tưởng trái ngược nhau, không thể cùng đúng (mâu thuẫn lôgíc hình thức).

Theo quan điểm của phép biện chứng duy vật, mâu thuẫn là sự liên hệ, tác động lẫn nhau giữa các mặt đối lập. Về bản chất, mặt đối lập là những thuộc tính có khuynh hướng vận động ngược chiều nhau, bài trừ gạt bỏ, chống đối lẫn nhau. Tuy nhiên, cũng có thể hiểu mặt đối lập như là những mặt, bộ phận, sự vật, hệ thống mang những thuộc tính, khuynh hướng đối lập đó.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 624

Ở cấp độ bản chất, mâu thuẫn là sự đấu tranh giữa những thuộc tính, khuynh hướng đối lập. Ở cấp độ hiện tượng, mâu thuẫn biểu hiện thành sự xung đột giữa những mặt, bộ phận, sự vật, hệ thống mang những thuộc tính và khuynh hướng đối lập.

Vấn đề phân tích mâu thuẫn ở hai cấp độ bản chất và hiện tượng, nắm được mối quan hệ giữa chúng để nhận thức và giải quyết những mâu thuẫn của đời sống hiện thực có một tầm quan trọng to lớn. Chỉ khi nào nắm được và giải quyết được mâu thuẫn ở cấp độ bản chất thì mới thực hiện được được việc giải quyết mâu thuẫn một cách triệt để.

CHƯƠNG 2

MÂU THUẪN BIỆN CHỨNG VÀ MÂU THUẪN LÔGÍC HÌNH THỨC. PHÂN LOẠI MÂU THUẪN BIỆN CHỨNG. ĐẶC ĐIỂM CỦA MÂU THUẪN XÃ HỘI

Để hiểu rõ mâu thuẫn và đi sâu nghiên cứu những đặc trưng của mâu thuẫn biện chứng, chúng ta cần phân biệt mâu thuẫn biện chứng với mâu thuẫn lôgic hình thức. Đồng thời cần phải phân loại để nắm được sự khác nhau của mâu thuẫn biện chứng về vị trí, vai trò của chúng. Ngoài việc phân loại mâu thuẫn biện chứng nói chung, cần phải vạch ra những đặc điểm và đi sâu hơn trong việc phân loại mâu thuẫn xã hội.

1. MÂU THUẪN BIỆN CHỨNG VÀ MÂU THUẪN LÔGÍC HÌNH THỨC

Trong phép biện chứng duy vật, mâu thuẫn là hiện tượng *tất yếu*, *khách* quan, là *nguồn gốc* của sự phát triển. Trái lại, trong lôgíc học hình thức lại có luật *phi mâu thuẫn*. Do đó, phép biện chứng và lôgíc học hình thức tuy dùng chung một thuật ngữ "*mâu thuẫn*", nhưng *nội hàm* và *ngoại diên* của

hai khái niệm ấy rất *khác nhau*. Phân tích mâu thuẫn không phải lúc nào cũng nhằm vạch ra những mâu thuẫn biện chứng để tìm ra nguồn gốc, động lực của sự phát triển, mà nhiều khi còn nhằm phát hiện những mâu thuẫn lôgíc hình thức để chỉ ra tính chất hạn chế, không nhất quán, không chặt chẽ của một tư tưởng, một học thuyết nào đó. Không phải ngẫu nhiên mà trong triết học Hy Lạp cổ đại, phép biện chứng được quan niệm như là nghệ thuật tranh luận để tìm ra chân lý bằng cách vạch ra "mâu thuẫn" trong tư tưởng của đối phương để bác bỏ nó.

Để phân biệt "*mâu thuẫn*" trong quy luật mâu thuẫn của phép biện chứng với "*mâu thuẫn*" trong luật phi mâu thuẫn của lôgíc học hình thức, người ta gọi chúng bằng những cái tên khác nhau: *mâu thuẫn biện chứng* và *mâu thuẫn lôgíc hình thức* (gọi tắt là *mâu thuẫn lôgíc*).

Mâu thuẫn lôgíc hình thức là mâu thuẫn của tư duy. Vì vậy, để xác định mâu thuẫn lôgíc hình thức trước hết cần phải phân biệt mâu thuẫn của sự vật và mâu thuẫn của tư duy. Tuy nhiên, trong tư duy không chỉ có mâu thuẫn lôgic hình thức mà còn có mâu thuẫn biện chứng (antinômi) nữa. Do đó, cần phải phân biệt hai loại mâu thuẫn này trong tư duy.

1.1. Mâu thuẫn của sự vật và mâu thuẫn trong tư duy

- Mâu thuẫn của sự vật

Mâu thuẫn của sự vật là những mâu thuẫn tồn tại trong sự vật, hiện tượng khách quan không phụ thuộc chủ thể tư

duy, bao gồm mâu thuẫn trong tự nhiên (mâu thuẫn trong giới vô cơ, giới sinh vật, mâu thuẫn giữa sinh vật và môi trường); mâu thuẫn giữa xã hội với tự nhiên (nảy sinh trong quá trình sống và lao động sản xuất của con người) và mâu thuẫn trong đời sống xã hội (mâu thuẫn về lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp, giữa cá nhân và xã hội, mâu thuẫn giữa các mặt của đời sống xã hội, v.v.). Nói chung, mâu thuẫn của sự vật không phải là đối tượng nghiên cứu của lôgíc hình thức mà là đối tượng nghiên cứu của phép biện chứng, hay nói cách khác, chúng là những *mâu thuẫn biện chứng*.

Trong lôgíc học truyền thống, thuật ngữ "mâu thuẫn" (contradiction: lời nói trái ngược nhau) chỉ dùng để chỉ mâu thuẫn lôgíc trong tư duy. Đến triết học Hêghen và nhất là triết học Mác-Lênin, thuật ngữ này mới được mở rộng ra và được dùng phổ biến để chỉ cả mâu thuẫn trong hiện thực khách quan.

Trong tác phẩm *Giới thiệu về Mác và Ăngghen*, xuất bản năm 1987 ở Mỹ, *Richard Shmitt* viết: "Trong lôgíc học hình thức, một mâu thuẫn gồm hai mệnh đề không cùng chân thật, hoặc cùng giả dối; bởi vì câu này phủ nhận câu kia. Trong lôgíc học Hêgen, hai mặt đối lập có thể cùng chân thật; bởi vì, trong khi là một cái nhìn phiến diện về hiện thực thần thánh, mỗi mặt chỉ chân thật một phần mà thôi ". Và tác giả viết tiếp: "Khi Mác và Ăngghen dùng thuật ngữ "mâu thuẫn"(contradiction), các ông chỉ tất cả mọi chống đối, xung đột, và không phù hợp (oppositions, conflicts, and incoherences) chứ không

phải là những mâu thuẫn lôgíc (logical contradictions) theo nghĩa chặt chẽ của nó."[1]

- Mâu thuẫn trong tư duy

Mâu thuẫn trong tư duy là mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình con người phản ánh thế giới khách quan bằng tư duy trừu tượng của mình. Đó là mâu thuẫn giữa những phán đoán, tư tưởng, quan điểm trong tư duy khi phản ánh sự vật, hiện tượng.

Mâu thuẫn trong tư duy cũng có nhiều loại:

Mâu thuẫn giữa tư tưởng, quan điểm của các chủ thể khác nhau. Đó là những *mâu thuẫn về tư tưởng* giữa cá nhân này với cá nhân khác, giữa các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội, giữa các nhà tư tưởng, các học thuyết, các hệ tư tưởng. Thí dụ, sự đối lập giữa các trường phái triết học, như triết học Đêmôcrit và triết học Platôn ở Hy Lạp cổ đại, giữa thuyết tính thiện và thuyết tính ác ở Trung Hoa cổ đại, v.v.. Ngày nay, có vô số những sự đối lập về tư tưởng giữa các học thuyết triết học, chính trị, đạo đức, tôn giáo; giữa các lý thuyết khoa học tự nhiên, kinh tế học, xã hội học, v.v..

Những mâu thuẫn loại này *không phải là mâu thuẫn lôgíc*, vì chúng *không cùng nằm trong tư duy của một chủ thể*.

---

1. Richard Schmitt, *Nhập môn về Mác và Ăngghen: Sự cấu tạo lại có phê phán* (Introduction to Marx and Engels: A Critical Reconstruction), Nxb Westview Press, Boulder và London, 1987, tr. 47.

Mâu thuẫn giữa tư duy chủ thể với khách thể; giữa lời nói và việc làm (hành vi) của chủ thể. Những mâu thuẫn loại này nói lên sự giả dối trong tư duy, trong lời nói của chủ thể, nhưng chúng không phải là mâu thuẫn lôgíc. Vì mâu thuẫn lôgíc là mâu thuẫn *giữa hai tư tưởng, hai phán đoán*; còn những mâu thuẫn nói trên là mâu thuẫn giữa tư tưởng với đối tượng, giữa tư tưởng và hành động.

Mâu thuẫn trong quan điểm, tư tưởng của cùng một chủ thể khi chủ thể đứng trên những lập trường khác nhau, lợi ích khác nhau. Chẳng hạn, khi đứng trên lợi ích tập thể, lợi ích xã hội thì một người có thể có những tư tưởng vị tha, độ lượng, tốt đẹp, nhưng khi xuất phát từ lợi ích cá nhân ích kỷ thì cũng con người đó lại có thể có những quan điểm, tư tưởng chủ quan, ích kỷ, hẹp hòi, thậm chí độc ác. Khi đứng trên lập trường khoa học thì một nhà khoa học có thể đưa ra những quan điểm khách quan, đúng đắn; nhưng khi xuất phát từ lập trường giai cấp ích kỷ thì một nhà khoa học có thể đưa ra những kết luận không chân thực. Như vậy, cái thiện - cái ác; cái độ lượng - cái ích kỷ; cái khoa học - cái phản khoa học, v.v., có thể cùng tồn tại trong tư duy của một người.

Những mâu thuẫn này trong tư tưởng của mỗi cá nhân là phản ánh mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội, giữa lập trường khoa học và lập trường giai cấp, v.v.. Những mâu thuẫn này *nói chung* không phải là mâu thuẫn lôgíc hình thức. Tuy nhiên, trong những trường hợp nhất định, những mâu thuẫn này có thể được quy về

mâu thuẫn lôgíc hình thức bằng cách vạch ra cấu trúc cụ thể của từng mâu thuẫn nhất định.

Chẳng hạn, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra trong tư tưởng của G. Hêghen chứa đựng những mâu thuẫn bởi vì, tuy Hêghen "là nhà khoa học thiên tài, có đầu óc bách khoa", nhưng ông lại đứng trên lập trường của tầng lớp tư sản Đức bảo thủ, thỏa hiệp với giai cấp quý tộc phong kiến. Những mâu thuẫn giữa tư tưởng biện chứng và tư tưởng bảo thủ ở Hêghen có thể được vạch ra như là những mâu thuẫn lôgíc hình thức. Chẳng hạn, một mặt, Hêghen khẳng định sự vận động, phát triển không ngừng của thế giới, mặt khác lại phủ định tư tưởng đó khi cho rằng tư duy nhân loại đạt đến đỉnh cao tuyệt đối trong triết học Hêghen; chế độ xã hội đạt đến đỉnh cao nhất là nhà nước quân chủ Phổ.

Ph. Ăngghen viết: "Hệ thống Hêghen, với tính cách là một hệ thống như vậy, là một cái thai đẻ non khổng lồ, nhưng đó cũng là cái thai đẻ non cuối cùng trong loại của nó. Cụ thể là hệ thống ấy chứa đựng một mâu thuẫn bên trong không thể cứu chữa được: một mặt, tiền đề cơ bản của nó là một quan điểm cho rằng lịch sử nhân loại là một quá trình phát triển, quá trình ấy do chính bản chất của nó, không thể lấy việc phát hiện ra cái gọi là chân lý tuyệt đối mà coi đó là thành tựu trí tuệ được; nhưng mặt khác hệ thống ấy lại có kỳ vọng rằng chính nó là cái tận cùng của chân lý tuyệt đối ấy."[1]

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Sđd, t. 20, tr. 41.

Tóm lại, các loại mâu thuẫn đã nêu trên *có những đặc trưng khá rõ ràng* để phân biệt với mâu thuẫn lôgíc hình thức: mâu thuẫn của sự vật là mâu thuẫn bên ngoài tư duy; mâu thuẫn giữa tư duy với hiện thực, giữa lời nói với việc làm cũng không phải là mâu thuẫn trong nội bộ tư duy; mâu thuẫn giữa tư duy của các chủ thể khác nhau không phải là mâu thuẫn cùng một chủ thể; mâu thuẫn của cùng một chủ thể nhưng lại phản ánh những khía cạnh, phương diện khác nhau trong hiện thực cũng không phải là mâu thuẫn lôgíc vì mâu thuẫn lôgíc là mâu thuẫn của tư duy cùng một chủ thể phản ánh đối tượng ở cùng một phương diện, khía cạnh nhất định.

Trong tư duy còn một loại mâu thuẫn khác nữa - *antinômi,* là loại mâu thuẫn rất dễ bị nhầm lẫn với mâu thuẫn lôgíc hình thức, do đó chúng ta cần phải đi sâu hơn nữa trong việc làm rõ sự khác nhau giữa hai loại mâu thuẫn này.

1. 2. Antinômi và mâu thuẫn lôgíc hình thức

- Antinômi

Antinômi là mâu thuẫn giữa hai tư tưởng, phán đoán của chủ thể về cùng một khía cạnh, phương diện nhất định của đối tượng nhận thức. Tuy là hai phán đoán, tư tưởng đối lập nhau, nhưng chủ thể không thể xác định được phán đoán (tư tưởng) nào trong hai phán đoán là đúng đắn hoặc sai lầm. Vì vậy, I. Cantơ (Immmanuel Kant, 1724-1804, nhà khoa học tự nhiên và triết học Đức) xem antinômi như là những

mâu thuẫn *không bao giờ giải quyết được*. Ông đưa một loạt antinômi kiểu như vậy. Đó là:

Chính đề	**Phản đề**
1. Thế giới *có* khởi đầu trong thời gian và giới hạn trong không gian	1. Thế giới *không có* khởi đầu trong thời gian và giới hạn trong không gian
2. Mọi sự vật phức tạp đều do những sự vật *đơn giản nhất* hợp thành	2. Mọi cái đều phức tạp, *không có gì đơn giản nhất*
3. Ngoài tính tất nhiên và quan hệ nhân quả, còn *có tự do*	3. Không *có tự do*. Mọi cái đều theo tính tất nhiên và quan hệ nhân quả.
4. *Có* thực thể tất nhiên tuyệt đối (Thượng đế).	4. *Không có* thực thể tất nhiên tuyệt đối (Thượng đế).

Thí dụ, "*Vũ trụ có khởi đầu hay không có khởi đầu trong thời gian, có hạn hay vô hạn trong không gian*" là một trong những antinômi mà Cantơ nêu ra nhưng ông không giải quyết được, vì theo ông, không bao giờ có thể xác định được phán đoán nào chân thực hay giả dối. Nếu nói rằng vũ trụ xét về toàn bộ thì vô hạn, nhưng xét về từng sự vật, hiện tượng cụ thể thì có giới hạn (cả không gian và thời gian tồn tại của chúng) thì điều này hoàn toàn dễ hiểu, dễ chấp nhận, không có gì là mâu thuẫn cả. Nhưng đằng này, thuộc tính có hạn hay vô hạn đều được xét ở cùng một khía cạnh: vũ trụ được xét như một chỉnh thể toàn vẹn, nó có hạn hay vô hạn? Nếu ta tìm cách chứng minh nó có hạn thì sẽ dẫn đến sự phi lý và rơi vào kết luận ngược lại; còn nếu giả định nó vô hạn thì cũng rơi vào sự phi lý không hơn không kém.

Một antinômi *nổi tiếng* đã được Hêghen giải quyết một cách tài tình. Nguồn gốc của antinômi này là một trong những apôri (nghịch lý) mà Zênôn thuộc trường phái Elê ở Hy Lạp cổ đại đưa ra, đó là nghịch lý "Mũi tên đang bay mà bất động". Nếu ta chia thời gian bay của mũi tên thành những thời điểm nhỏ nhất và quãng đường đi của nó thành những điểm tương ứng với từng thời điểm kia ta sẽ có: ở mỗi thời điểm nhất định, mũi tên *đứng im ở một điểm nhất định* trên đường đi của nó. Thời gian bay của mũi tên là tổng số các thời điểm và kết quả di chuyển của mũi tên là tổng các kết quả ở tất cả các thời điểm. Vì kết quả ở mỗi thời điểm là một sự đứng im nên tổng số đứng im sẽ bằng đứng im. Như vậy, một mâu thuẫn xuất hiện: vận động bằng đứng im hay nói cách khác: *mũi tên di động nhưng bất động*. Mâu thuẫn này là một nghịch lý giống như một mâu thuẫn lôgíc hình thức (S này là P và S này không là P). Mục đích của nghịch lý mà Zênôn đưa ra là để khẳng định *tính chân thực của sự bất động* và *tính giả dối của sự vận động*.

Theo Hêghen, dù ta có chia nhỏ thời gian và quãng đường đi của mũi tên đến mức độ bao nhiêu đi nữa thì trong mỗi thời điểm đó mũi tên vẫn di động, không bao giờ trở thành đứng im được. Vận động không phải được hiểu trong thời điểm này sự vật ở chỗ này, sang thời điểm khác, sự vật ở chỗ khác. Như thế mới chỉ mô tả kết quả vận động chứ chưa nói lên bản chất của vận động. Vận động phải được hiểu là: trong mỗi lúc, sự vật vừa ở chỗ đó, vừa không ở chỗ đó; vừa ở chỗ đó vừa ở chỗ khác.

Sai lầm của Zênôn "vật di động nhưng bất động" cũng tương tự như khẳng định "đường cong là đường thẳng". Chẳng hạn, khi ta phân chia đường cong thành những đoạn nhỏ nhất thì ta có những *đoạn thẳng*; tổng đoạn thẳng là đường thẳng chứ không thể là đường cong được, như vậy đường cong là một đường thẳng.

Một ví dụ khác, mỗi viên gạch là một mặt phẳng, tổng các viên gạch (nền nhà) cũng là một mặt phẳng. Nhưng nếu ta kéo dài mặt phẳng đó ra hàng chục nghìn cây số thì lập tức ta sẽ có một mặt cong (vì vỏ địa cầu là mặt cong). "Mặt cong, đường cong nếu được chia nhỏ sẽ tạo thành một mặt phẳng, đọan thẳng"; điều khẳng định này chỉ đúng một nửa. Bất cứ một viên gạch nào cũng vừa có yếu tố "phẳng", vừa có yếu tố "cong", nhưng yếu tố "phẳng là chủ yếu, yếu tố "cong" là quá nhỏ, không nhận thấy. Nhưng nếu ta nối các viên gạch lại thành một mặt vô cùng lớn (thí dụ, mỗi chiều có 100.000.000 viên gạch= 20.000 km) thì yếu tố cong sẽ được nhân lên và cho ta một mặt cong. Còn nếu vên gạch chỉ có "phẳng" và không có "cong", thì yếu tố "phẳng" dù có được nhân lên đến hàng triệu lần vẫn không thể trở thành "cong" được. Tương tự như vậy, sự di động diễn ra *liên tục*, dù có chia nhỏ đến bao nhiêu vẫn là sự di động, không thể trở thành sự đứng im tuyệt đối được.

Như vậy, bản chất của antinômi là một *mâu thuẫn lôgíc biện chứng*. "viên gạch vừa phẳng, vừa không phẳng"; "vật di động trong mỗi thời điểm vừa ở một vị trí nhất định, vừa không ở vị trí đó". Vật lý học cũng đã có luận điểm rằng: vị

trí của điện tử đang chuyển động không thể được xác định một cách dứt khoát trong một thời điểm nhất định.

Theo F.F. Viackerev, antinômi là "hình ảnh" (образ) của mâu thuẫn khách quan", là "kết quả không phải đơn giản là sự vi phạm quy luật lôgíc, mà là cách đặt vấn đề một cách biện chứng (nhưng không phải là sự giải quyết nó)". Mặc dù antinômi là hình ảnh của mâu thuẫn khách quan, nhưng theo tác giả, "không một nghịch lý, không một antinômi nào có thể được xem là hình ảnh trùng khớp với mâu thuẫn khách quan. Trong chúng, mâu thuẫn khách quan được tái tạo lại chỉ về mặt phân đôi, sự khác nhau của những cái không thể dung hợp được với nhau, như antinômi nổi tiếng: vât thể di động, trong mỗi "lúc này", vừa ở, vừa không ở "chỗ này", chứ không phải như là sự xâm nhập lẫn nhau của các mặt đối lập, nhất là mâu thuẫn không được tái tạo về mặt hoạt động, nghĩa là sự tự vận động."[1]

I. Kant coi antinômi là những mâu thuẫn không thể giải quyết được. Một số nhà triết học ở Liên Xô trước đây cũng thừa nhận antinômi (антиномия), nhưng có cách tiếp cận khác hơn. Antinômi là mâu thuẫn *chưa* giải quyết được chứ không phải là mâu thuẫn *vĩnh viễn không thể* giải quyết được. Giải quyết antinômi không phải là loại bỏ một hoặc cả hai phán đoán, mà là *kết hợp hai mặt đối lập thành một thể thống nhất*.

1. F. Viackerev, *Mâu thuẫn của sự vật và hình ảnh lý luận của nó.* Trong: "Mâu thuẫn biện chứng", Nxb Chính trị, Matxcơva, 1979, tr. 68-69.

Khi những mặt đối lập mà antinômi phản ánh, được nghiên cứu, được xem xét trong mối quan hệ thống nhất, đồng nhất của chúng, thì antinômi coi như đã được giải quyết. Việc giải quyết antinômi sẽ góp phần khắc phục những hạn chế của lý thuyết đã có, hoặc dẫn đến sự hình thành một lý thuyết mới. Thí dụ, sự ra đời của lý thuyết vật lý cho rằng *bản chất của ánh sáng vừa là sóng vừa là hạt* đã giải quyết được antinômi từng tồn tại, khắc phục được hạn chế của hai lý thuyết mâu thuẫn nhau đã có trước đó về bản chất của ánh sáng.

Tuy nhiên, không phải bất kỳ antinômi nào cũng đều được giải quyết một cách dễ dàng. "Viên gạch phẳng vừa không phẳng" dù sao cũng là một antinômi đơn giản, có thể được phân tích và giải quyết bằng tư duy thông thường, không cần một trình độ khoa học cao lắm. Còn "vũ trụ vừa có hạn, vừa vô hạn", "vật di động trong mỗi lúc vừa ở một chỗ, vừa không ở chỗ đó" là những antinômi tương đối phức tạp, đòi hỏi phải có một trình độ khoa học và những công cụ khoa học nhất định mới có thể nhận thức và giải quyết được.

- Mâu thuẫn lôgíc hình thức

Mâu thuẫn lôgíc hình thức (gọi tắt là mâu thuẫn lôgíc) trước hết là mâu thuẫn trong tư duy *của cùng một chủ thể*. Đó là mâu thuẫn giữa hai tư tưởng (phán đoán) của chủ thể khi *phản ánh một đối tượng nhất định*. Hai tư tưởng (phán đoán) này *vừa khẳng định, vừa phủ định* sự tồn tại, một thuộc tính hay một mối quan hệ của đối tượng. Hai tư tưởng

(phán đoán) chỉ được coi là có mâu thuẫn lôgíc nếu cùng khẳng định và phủ định về cùng một điều *ở một phương diện cụ thể xác định*.

Về *cấu trúc*, mâu thuẫn lôgíc được hình thức hóa thành công thức tổng quát: *A ∧ không phải A*. (*A* và *không phải A* là những tư tưởng phủ định nhau. *A* có thể là phán đoán thuộc tính, phán đoán tồn tại hoặc phán đoán quan hệ. Nếu *A* là chân thực thì *không phải A* là không chân thực).

Mâu thuẫn lôgíc giữa các phán đoán thuộc tính được cụ thể hóa ở 4 nhóm sau:

1) S này là P và S này không là P . Thí dụ: "A là sinh viên" và "A không phải là sinh viên".

2) ∀S là P và ∀S không là P. Thí dụ: "Mọi cây hồng đều có gai" và "Mọi cây hồng đều không có gai".

3) ∀S là P và ∃S không là P. Thí dụ, "Mọi người Việt Nam đều yêu nước" và "Một số người Việt Nam không yêu nước"

4) ∀S không là P và ∃S là P. Thí dụ, "Mọi loài cá đều không sống trên cạn" và "Một số loài cá sống trên cạn".

Rõ ràng trong các trường hợp trên, nếu điều khẳng định là đúng thì điều phủ định là sai hoặc ngược lại. Có thể cả hai điều cùng sai, chứ không thể có hai điều cùng đúng được.

Mâu thuẫn lôgíc đôi khi còn được hiểu một cách gián tiếp khi chủ thể *khẳng định hai điều không thể cùng tồn tại trong hiện thực*.

Chẳng hạn, "Đồ vật này toàn màu đỏ và toàn màu xanh" cũng là một mâu thuẫn lôgíc, bởi vì trong hiện thực không thể có hai điều như vậy cùng tồn tại. Đã toàn màu đỏ thì không thể toàn màu xanh được.

Những trường hợp sau đây không phải là mâu thuẫn lôgíc: hai phán đoán vừa khẳng định vừa phủ định sự tồn tại, một thuộc tính, một mối quan hệ của đối tượng nhưng ở những phương diện khác nhau, không gian và thời gian khác nhau.

Nếu ta nói rằng "sinh viên này bây giờ vừa học giỏi vừa không học giỏi môn Anh văn" thì đó là một mâu thuẫn lôgíc hình thức. Nhưng nếu nói rằng "sinh viên này ở bậc phổ thông thì học giỏi nhưng lên bậc đại học thì không học giỏi" hoặc "sinh viên này học giỏi môn Anh văn nhưng không học giỏi môn Toán" thì dó không phải là mâu thuẫn lôgíc hình thức.

- Sự giống nhau và khác nhau giữa antinômi và mâu thuẫn lôgíc hình thức

Antinômi và mâu thuẫn lôgíc hình thức có một số điểm giống nhau là:

Chúng đều là mâu thuẫn trong tư duy của cùng một chủ thể.

Chúng đều nảy sinh trong quá trình tư duy của chủ thể phản ánh đối tượng ở cùng một thời điểm, một khía cạnh, một phương diện nhất định.

Chính những điểm giống nhau này làm cho người ta khó phân biệt antinômi với mâu thuẫn lôgíc hình thức. Một số tác giả đi tìm sự khác nhau của hai loại mâu thuẫn này *ở cấu trúc lôgíc của nó*, nhưng cách làm này *gặp bế tắc* vì có nhiều trường hợp antinômi và mâu thuẫn lôgíc hình thức có cấu trúc lôgíc giống nhau[1].

Theo chúng tôi, sự khác nhau giữa hai loại mâu thuẫn này là ở chỗ:

Mâu thuẫn lôgíc hình thức là mâu thuẫn được tạo nên từ hai phán đoán (hai tư tưởng) *hoàn toàn phủ định nhau*, *không thể dung hợp được với nhau*. Sở dĩ hai tư tưởng này không dung hợp được với nhau vì chúng phản ánh hai điều không thể cùng tồn tại trong hiện thực. Nếu điều này tồn tại thì điều kia không thể tồn tại được, vì chúng hoàn toàn loại trừ nhau. Do đó cả hai phán đoán (tư tưởng) trong mâu thuẫn lôgíc hình thức thì *không thể cùng chân thực*.

Còn *antinômi* là mâu thuẫn trong đó hai mặt đối lập (chính đề và phản đề) phản ánh hai hiện tượng hay hai thuộc tính *cùng tồn tại một cách khách quan trong hiện thực*. Tuy nhiên, hai tư tưởng này được coi là mâu thuẫn vì chúng phủ định lẫn nhau (một cái khẳng định, một cái phủ định về cùng một đối tượng ở cùng một khía cạnh, phương

1. Xem: Z.M. Orujdev, *Mâu thuẫn lôgíc hình thức và mâu thuẫn biện chứng. Sự phân biệt về cấu trúc* (*Формально -логическое и диалектическое противоречия. Различие структур).* Trong: "Диалектическое противоречие", Nxb Chính trị, Matxcơva, 1979, tr. 78 - 95.

diện nhất định). Do đó, chủ thể không thể kết hợp được hai tư tưởng đó trong tư duy của mình, *tưởng như* hai hiện tượng hay hai thuộc tính được phản ánh bởi hai phán đoán đó *không thể dung hợp được với nhau*, nghĩa là không thể cùng tồn tại. Nhưng đồng thời chủ thể cũng *không thể xác định được phán đoán nào là chân thực, phán đoán nào là không chân thực*.

Ngoài sự khác nhau về nội dung, antinômi và mâu thuẫn lôgíc hình thức còn có sự *khác nhau về nguồn gốc*. Mâu thuẫn lôgíc hình thức xuất hiện do *sự không nhất quán của tư duy*, do *sự không tuân thủ các quy luật, quy tắc của lôgíc học*; nó *không phản ánh* mâu thuẫn khách quan nào trong hiện thực. Còn sự xuất hiện antinômi là do *tính phức tạp của đối tượng nhận thức và do khả năng hạn chế của nhận thức con người* mà mâu thuẫn khách quan được phản ánh vào trong tư duy của chủ thể nhận thức thành mâu thuẫn chủ quan. Trong hiện thực, hai mặt, hai thuộc tính hay hai hiện tượng được phản ánh có thể cùng tồn tại, mặc dù đối lập nhau nhưng không hoàn toàn loại trừ nhau. Nhưng khi chúng được phản ánh vào trong tư duy, do trình độ hạn chế của nhận thức nên chủ thể không thể kết hợp chúng thành một thể thống nhất và tưởng như chúng không thể dung hợp được với nhau.

Sự khác nhau giữa antinômi và mâu thuẫn lôgíc hình thức còn ở *cách giải quyết chúng*. Mâu thuẫn lôgíc hình thức được giải quyết bằng cách *loại bỏ sự sai lầm* (loại bỏ một hoặc cả hai phán đoán). Còn antinômi được giải quyết

bằng cách *kết hợp hai mặt đối lập thành một thể thống nhất* trong tư duy.

1.3. Ý nghĩa của việc nắm vững mâu thuẫn lôgíc hình thức và antinômi

Nắm vững mâu thuẫn lôgíc hình thức có một ý nghĩa rất lớn. Phát hiện ra mâu thuẫn lôgíc là một trong những cách bác bỏ sai lầm của một tư tưởng, một học thuyết nào đó. Chính vì thế, trong Lôgíc học hình thức *có luật phi mâu thuẫn*.

C. Mác và Ph. Ăngghen vạch ra mâu thuẫn trong tư tưởng của Hêghen: tư tưởng về sự vận động, phát triển không ngừng của ý niệm tuyệt đối với tư tưởng cho rằng nhà nước quân chủ Phổ là hình thức nhà nước cao nhất, triết học Hêghen là đỉnh cao nhất của tinh thần tuyệt đối. Tư tưởng về sự vận động, phát triển không ngừng với tư tưởng về đỉnh cao tuyệt đối của sự phát triển *là một mâu thuẫn lôgíc*, vì chúng không thể dung hợp được với nhau.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã giải quyết mâu thuẫn này một cách tuyệt vời như sau:

"Đối với triết học biện chứng thì không có gì là tối hậu, là tuyệt đối, là thiêng liêng cả. Nó chỉ ra - trên mọi sự vật và trong mọi sự vật - dấu ấn của sự suy tàn tất yếu, và đối với nó, không có gì tồn tại ngoài quá trình không ngừng của sự sinh thành và của sự tiêu vong, của sự tiến triển vô cùng tận từ thấp lên cao. Bản thân nó cũng chỉ là sự phản ánh đơn thuần của quá trình đó vào trong bộ óc biết tư duy."[1]

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Sđd, t. 21, tr. 395

Như vậy trong cách giải quyết mâu thuẫn trong hệ thống Hêghen, các nhà sáng lập ra phép biện chứng duy vật đã tiếp thu và kế thừa ở Hêghen tư tưởng về sự vận động, phát triển không ngừng và loại bỏ tư tưởng về đỉnh cao tuyệt đối trong quá trình phát triển.

Bertrand Russell (1872-1970), nhà toán học, lôgíc học nổi tiếng người Anh, đại biểu xuất sắc của *chủ nghĩa thực chứng mới*, người được giải thưởng Nobel năm 1950, đã vận dụng *luật phi mâu thuẫn* để bác bỏ lập luận thần học về Thượng đế là nguyên nhân đầu tiên của tất cả mọi tồn tại và vận động. *Lập luận bằng nguyên nhân đầu tiên* (The First Cause Argument) lần đầu tiên được nhà thần học Trung cổ *Tômat Đacanh* (Thomas Aquinas) đưa ra và sau này được các đại biểu của *chủ nghĩa Tômat mới* phát triển. Lập luận này dựa trên sự thật là *mọi sự vật, hiện tượng đều có nguyên nhân* sinh ra, kể cả *mọi sự vận động cụ thể đều phải có một động lực*; từ đó nó đi đến khẳng định rằng: nếu đi ngược chiều thời gian thì ta sẽ đến *nguyên nhân đầu tiên*, *động lực đầu tiên của tất cả*, đó là *Thượng đế* (Chúa trời).

Bertrand Russell viết: "Khi tôi còn là một thiếu niên tôi thảo luận vấn đề này một cách nghiêm túc trong đầu óc của mình và trong một thời gian dài tôi đã chấp nhận lập luận bằng nguyên nhân đầu tiên, cho đến một ngày kia ở tuổi 18, tôi đọc tự tiểu sử của John Stuart Mill và tôi tìm thấy câu sau đây: "Cha tôi dạy tôi rằng câu hỏi 'Ai sinh ra ta' không thể trả lời được, bởi vì nó lập tức gợi ra một câu hỏi khác 'Ai sinh ra Thượng đế'. Chính

câu nói này đã chỉ cho tôi thấy, như bây giờ tôi vẫn cho như vậy, sự sai lầm trong lập luận bằng nguyên nhân đầu tiên. Nếu mọi cái đều phải có nguyên nhân, thì Thượng đế cũng phải có nguyên nhân sinh ra. Nếu có cái gì đó không cần nguyên nhân thì điều đó có thể áp dụng cho cả vũ trụ lẫn Thượng đế. Vì vậy lập luận trên không thể có một giá trị chân thực nào cả."[1]

Chủ nghĩa vô thần đã giải quyết mâu thuẫn lôgíc này bằng cách khẳng định rằng mọi sự vật, hiện tượng *cụ thể* thì *đều có* nguyên nhân. Kể cả nếu coi vũ trụ của chúng ta chỉ là một bộ phận của thế giới vật chất (như quan niệm của nhà thiên văn học Mỹ *Carl Sagan*: vũ trụ của chúng ta là một trong con số vô tận những vũ trụ khác), thì nó cũng phải có nguyên nhân sinh ra (Lý thuyết *Big Bang* cho rằng vũ trụ của chúng ta được hình thành từ *vụ nổ lớn*). Còn nếu hiểu vũ trụ theo nghĩa *thế giới vật chất nói chung*, thì đó không phải là một tập hợp có hạn mà là một *tập hợp vô hạn* cả về không gian và thời gian, thì *không có khởi đầu, không có kết thúc*. Nó *tồn tại tại tự nó* không do ai sinh ra và không bao giờ bị hủy diệt.

Tuy nhiên, sự phân biệt giữa mâu thuẫn lôgíc và mâu thuẫn biện chứng trong tư duy (antinômi) chỉ có tính chất tương đối. Việc xác định mâu thuẫn lôgíc nhiều khi

1. Bertrand Russel, *Tại sao tôi không theo Ki tô giáo và những tiểu luận khác về tôn giáo và các vấn đề có liên quan* (Why I am not a Christian and other Essays on Religion and related Subjects), Touchstone, Old Tappen, New Jersey, USA, 1967, tr. 5 – 7.

không chỉ căn cứ vào cấu trúc: "A ∧ không A", mà còn có cả "A ∧ B" (B = không A). Nhưng từ *B* suy ra *không A* nhiều khi có tính chủ quan. Chẳng hạn, hai phán đoán, một khẳng định, một phủ định sau đây: "Lúc này, cô Y vừa có mặt *ở Hà Nội*" và "Lúc này, cô Y *không có mặt* ở Hà Nội" là một mâu thuẫn lôgíc. Nhưng, hai phán đoán khẳng định sau đây : "Lúc này, cô Y có mặt ở Hà Nội" và "Lúc này cô Y có mặt ở Thành phố Hồ Chí Minh" cũng hợp thành mâu thuẫn lôgíc; bởi vì, nếu nói lúc này cô Y có mặt ở Thành phố Hồ Chí Minh thì cũng có nghĩa là "cô Y không có mặt ở Hà Nội".

Tuy nhiên, việc suy từ "B" thành "không A" không tránh khỏi có tính chủ quan. Cho nên, nhiều khi một mâu thuẫn khách quan được phản ánh trong tư duy biện chứng bị coi là mâu thuẫn lôgíc. Chẳng hạn, đối với tư duy siêu hình thì, đã phải tuân theo cái tất yếu và quy luật khách quan thì không thể có tự do sáng tạo; đã gọi là tự do thì không phải chịu một sự ràng buộc nào cả; đã làm theo kế hoạch thì không còn nói đến tự chủ; đã chuyên chính thì không còn nói đến tự do, dân chủ, v.v..

Nghiên cứu antinômi - mâu thuẫn biện chứng trong tư duy giúp ta có cách nhìn nhận biện chứng, linh hoạt, mềm dẻo, khắc phục được những hạn chế của tư duy siêu hình, cứng nhắc.

Tư tưởng của Hêraclit, trong chúng ta, sống và chết, thức và ngủ, trẻ và già là cùng một cái, được người đương thời coi là "tối nghĩa", cũng giống như tư tưởng Lão Tử, mặt đối

lập này lấy mặt kia làm tiền đề: "sang lấy hèn làm gốc, cao lấy thấp làm nền" "lấy sự mềm mỏng làm sức mạnh" là những tư tưởng có "mâu thuẫn" nhưng không phải là mâu thuẫn lôgíc.

Ph. Ăngghen đã có đánh giá rất cao đối với tư tưởng biện chứng của Hêraclit:

"Cái thế giới quan ban đầu, ngây thơ, nhưng xét về thực chất thì đúng đó là thế giới quan của các nhà triết học Hy Lạp cổ đại và lần đầu tiên đã được Hêraclit trình bày một cách rõ ràng: mọi vật đều tồn tại và đồng thời lại không tồn tại, vì mọi vật đang trôi đi, mọi vật đều không ngừng thay đổi, mọi vật đều không ngừng phát sinh và tiêu vong."[1]

Trong tác phẩm *Chống Đuyrinh*, Ph. Ăngghen đã chỉ ra: "Trong sinh hoạt hàng ngày, chúng ta biết và có thể nói một cách chắc chắn rằng một con vật đang tồn tại hay không tồn tại, nhưng nghiên cứu kỹ hơn nữa thì chúng ta lại thấy rằng đôi khi đó lại là một vấn đề hết sức phức tạp, như các luật sư hiểu rất rõ điều đó khi phải vò đầu bứt tai để tìm ra một giới hạn hợp lý mà nếu vượt quá thì việc giết một cái thai trong bụng mẹ sẽ bị coi là tội giết người. Cũng như không thể xác định một cách chính xác lúc chết là lúc nào, bởi vì sinh lý học chứng minh rằng cái chết không phải là một sự kiện đột ngột và trong khoảnh khắc, mà là một quá trình rất dài. Cũng giống như trong mỗi giây lát, bất kỳ một vật hữu cơ nào cũng vừa là bản thân nó, vừa không phải là bản thân

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, Sđd, t. 20, tr. 35.

nó; trong mỗi giây lát nó tiêu hóa những chất mà nó nhận được từ ngoài vào và bài tiết những chất khác ra khỏi nó; trong mỗi giây lát, một số tế bào trong cơ thể của nó chết đi và những tế bào khác được hình thành; sau một thời gian dài hay ngắn, những chất của cơ thể ấy đổi mới hoàn toàn và được những nguyên tử vật chất khác thay thế. Bởi thế mỗi vật hữu cơ bao giờ cũng là bản thân nó nhưng lại không phải là bản thân nó."[1]

Từ lâu, những quan hệ mâu thuẫn được phản ánh trong lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội, như quan hệ giữa *việc tuân thủ quy luật khách quan* và *sự tự do sáng tạo trong hoạt động của con người;* giữa *yêu cầu của sự tự chủ của cá nhân và cơ sở trong sản xuất, kinh doanh* với *tính kế hoạch của xã hội;* giữa *dân chủ* và *tập trung;* giữa *dân chủ* và *chuyên chính;* giữa *quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển xã hội* và *hoạt động có ý thức, tự giác của con người trong việc sáng tạo ra xã hội mới;* giữa *xóa bỏ giai cấp* và *chuyên chính giai cấp;* giữa *sự tiêu vong của nhà nước* và *sự tăng cường nhà nước*, v.v., là những đề tài mà các nhà tư tưởng chống cộng thường công kích, phê phán. Dưới con mắt của họ, đó là những mặt hoàn toàn loại trừ lẫn nhau.

Thật ra, những khẳng định nêu trên phản ánh những mặt ít nhiều trái ngược nhau tồn tại khách quan trong hiện thực, nhưng không phải là những mặt không thể dung hợp được với nhau. Mối quan hệ giữa chúng đã được các nhà lý luận

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn t*ập, Sđd, t.20, tr. 37 - 38.

của chủ nghĩa xã hội vạch ra nhưng chưa phải đã được giải quyết hoàn toàn. Trước đổi mới, trong mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, những mặt đối lập nêu trên nhiều khi *không được nhận thức và giải quyết đúng đắn*, đã làm cho các nhà tư tưởng chống cộng có cơ hội để bài bác, công kích lý luận về chủ nghĩa xã hội.[1]

Cùng với thực tiễn đổi mới chủ nghĩa xã hội và sự hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội, những quan hệ trên ngày càng được nhận thức một cách đầy đủ và được giải quyết một cách hợp lý hơn, tránh được những cách giải quyết sai lầm như đã từng xảy ra trong mô hình cũ về chủ nghĩa xã hội.

2. PHÂN LOẠI MÂU THUẪN BIỆN CHỨNG

Tùy theo vai trò, vị trí của mâu thuẫn trong hệ thống mâu thuẫn của sự vật, người ta phân ra các loại: mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản, mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn không chủ yếu, mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài.

2.1. Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản

Xét về vai trò của mâu thuẫn đối với *suốt quá trình* phát triển của sự vật, hiện tượng, người ta phân biệt mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản.

---

1. Xem A.S. Xipko, *Những mâu thuẫn trong học thuyết của Các Mác (Противоречия учения Карла Маркса)*, trong: "Через тернии", Nxb Tiến bộ, Matxcơva, 1990, tr. 60 - 83.

Mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn tất yếu, gắn liền với bản chất của sự vật, hiện tượng. Nó tồn tại trong suốt quá trình tồn tại của sự vật, hiện tượng. Nó là cơ sở nảy sinh và quyết định các mâu thuẫn không cơ bản khác. *Mâu thuẫn không cơ bản* là mâu thuẫn về một phương diện nào đó của sự vật. Nó *không quyết định* sự vận động, phát triển của toàn bộ sự vật, hiện tượng.

Xác định mâu thuẫn cơ bản giúp ta hiểu đúng bản chất của sự vật, hiện tượng. Trong sự nghiệp cách mạng, nắm được mâu thuẫn cơ bản của xã hội là cơ sở để xác định đúng đắn nhiệm vụ chiến lược của cách mạng.

Đảng Cộng sản Việt Nam đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích một cách đúng đắn hai mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ. Đó là: 1) Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam yêu nước, đấu tranh cho độc lập dân tộc với chủ nghĩa thực dân, đế quốc và 2) mâu thuẫn giữa giữa giai cấp nông dân và nhân dân lao động với giai cấp địa chủ phong kiến. Trên cơ sở phân tích hai mâu thuẫn cơ bản này, Đảng ta đề ra đường lối cho cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam: 1) Đánh đuổi bọn thực dân, đế quốc giành độc lập dân tộc (phản đế) và 2) Đánh đổ và xóa bỏ giai cấp địa chủ phong kiến đem lại ruộng đất cho nông dân (phản phong).

2.2. Mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn không chủ yếu

Xét về vai trò của mâu thuẫn đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng *trong một giai đoạn nhất định*,

người ta chia thành mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn không chủ yếu.

Mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn nổi lên hàng đầu trong một giai đoạn phát triển của sự vật. Xác định mâu thuẫn chủ yếu của sự vật, hiện tượng là cơ sở để xác định nhiệm vụ trung tâm trước mắt cần tập trung sức giải quyết. Giải quyết mâu thuẫn chủ yếu sẽ tạo điều kiện giải quyết những mâu thuẫn không chủ yếu (thứ yếu) ở cùng một giai đoạn.

Trong từng giai đoạn cụ thể của cách mạng cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta phân tích những mâu thuẫn nổi lên hàng đầu (mâu thuẫn chủ yếu), trên cơ sở đó chỉ ra kẻ thù chủ yếu cần ra sức đánh đổ và xác định nhiệm vụ trung tâm trước mắt của cách mạng trong giai đoạn đó. Giải quyết những mâu thuẫn chủ yếu của từng giai đoạn cách mạng cũng chính là *giải quyết từng bước* mâu thuẫn cơ bản của toàn bộ cuộc cách mạng.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, Đảng ta xác định *mâu thuẫn chủ yếu trong từng chặng đường* của thời kỳ quá độ, trên cơ sở đó đề ra nhiệm vụ trung tâm mà chặng đường đó phải hoàn thành.

Mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn chủ yếu có quan hệ chặt chẽ với nhau. Mâu thuẫn chủ yếu là *biểu hiện* của mâu thuẫn cơ bản hay tổng hợp các mâu thuẫn cơ bản của sự vật, hiện tượng ở một giai đoạn nhất định. Giải quyết mâu thuẫn chủ yếu sẽ góp phần từng bước giải quyết mâu thuẫn cơ bản.

2.3. Mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài

Xét về vị trí của các mặt đối lập đối với sự vật được xem xét, người ta phân chia mâu thuẫn biện chứng thành mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài.

Mâu thuẫn bên trong của sự vật là mâu thuẫn mà cả hai mặt đối lập đều nằm trong sự vật đó. *Mâu thuẫn bên ngoài* là mâu thuẫn giữa sự vật đó với sự vật khác. Thí dụ, mâu thuẫn giữa đồng hóa và dị hóa trong một cơ thể sinh vật, mâu thuẫn giữa các giai cấp trong một xã hội là mâu thuẫn bên trong. Còn mâu thuẫn giữa sinh vật và môi trường, mâu thuẫn giữa các quốc gia, các nhà nước là mâu thuẫn bên ngoài.

Tuy nhiên, không nên hiểu mâu thuẫn bên ngoài là mâu thuẫn của toàn bộ sự vật đó với sự vật khác mà chỉ là mâu thuẫn giữa *một mặt* của sự vật đó với *một mặt* của sự vật khác. Chẳng hạn, mâu thuẫn trong cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta không nên hiểu là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với nhân dân Pháp, Mỹ mà phải được hiểu một cách chính xác là mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam đấu tranh cho độc lập, tự do của Tổ quốc với bọn thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược.

Sự phân biệt mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài chỉ có tính chất tương đối, tùy theo phạm vi xem xét của chủ thể. Chẳng hạn, nếu đứng trong phạm vi một quốc gia mà xem xét thì mâu thuẫn giữa nước đó và nước khác là mâu thuẫn bên ngoài; còn nếu phạm vi xem xét là cả xã hội loài người trong

chỉnh thể thì những mâu thuẫn giữa các nước là mâu thuẫn bên trong của xã hội loài người nói chung.

Trong quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng, *mâu thuẫn bên trong giữ vai trò quyết định* còn mâu thuẫn bên ngoài tuy cũng rất quan trọng nhưng không giữ vai trò quyết định. Ví dụ, mâu thuẫn giữa sinh vật với môi trường tuy có vai trò rất quan trọng, chẳng hạn, thiếu phân bón, thiếu nước hoặc sâu rầy phá hoại có thể làm cho cây không phát triển hoặc chết đi, tuy nhiên yếu tố quyết định sự phát triển của sinh vật lại thuộc về sự tác động giữa các mặt đồng hóa - dị hóa, di truyền - biến dị bên trong sinh vật đó. Tương tự như vậy, sự vận động, phát triển của một dân tộc, về lâu về dài, do mâu thuẫn bên trong, lực lượng bên trong của dân tộc đó quyết định; còn sự tác động, hỗ trợ từ bên ngoài nhiều khi cũng có vai trò cực kỳ quan trọng trong những thời điểm nhất định, nhưng không giữ vai trò quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển của dân tộc đó.

3. ĐẶC ĐIỂM VÀ PHÂN LOẠI MÂU THUẪN XÃ HỘI

Để phân tích và giải quyết tốt mâu thuẫn xã hội cần phải hiểu rõ những đặc điểm và phân loại chúng một cách đúng đắn.

3.1. Đặc điểm của mâu thuẫn xã hội

Trước hết, cần nhấn mạnh rằng xã hội là một bộ phận của thế giới vật chất nói chung; xã hội ra đời từ tự nhiên, là

tiếp tục sự phát triển của tự nhiên. Chính vì thế, quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập - quy luật phổ biến của thế giới vật chất - cũng là quy luật phổ biến trong lĩnh vực xã hội. Sự tồn tại, phát triển và giải quyết mâu thuẫn trong xã hội cũng có tính khách quan như mâu thuẫn trong tự nhiên. Tuy vậy, mâu thuẫn xã hội có một số đặc điểm khác với mâu thuẫn trong tự nhiên như sau:

- Quan hệ chủ thể - khách thể

Xã hội là lĩnh vực hoạt động có ý thức của con người. Con người là chủ thể của quá trình lịch sử, tiến hành hoạt động của mình, giải quyết những mâu thuẫn trong đời sống của mình *một cách có ý thức*. Tuy vậy, điều đó không có nghĩa là con người hành động một cách thuần tuý chủ quan mà, suy cho cùng, hành động đúng đắn của con người bao giờ cũng là kết quả của sự nhận thức đúng đắn, sự phản ánh chân thực quy luật khách quan. Dĩ nhiên, bên cạnh ý thức đúng đắn, trong xã hội cũng còn có ý thức sai lầm dẫn đến hành động sai lầm của con người. Đặc điểm này của xã hội quy định đặc điểm của mâu thuẫn xã hội.

Theo G.M. Stracx trong cuốn *Mâu thuẫn xã hội*, một trong những đặc điểm của mâu thuẫn xã hội là *mối quan hệ chủ thể - khách thể*.[1]

Khác với mâu thuẫn trong tự nhiên không có quan hệ chủ thể - khách thể, mâu thuẫn xã hội là biểu hiện của

1. G.M. Stracx, *Mâu thuẫn xã hội* (Социальное противоречие), Nxb "Tư tưởng", Matxcơva, 1977, tr. 10 - 12.

những mối quan hệ xã hội nhất định và do đó luôn luôn có liên hệ bằng cách này hay cách khác với những chủ thể nhất định. Khi nói đến quan hệ chủ thể - khách thể trong mâu thuẫn xã hội thì điều được nhấn mạnh là: *quan hệ của con người với mặt đối lập của nó là quan hệ có ý thức*.

Chủ thể của mâu thuẫn xã hội có thể là trực tiếp, có thể là gián tiếp. Chủ thể là *trực tiếp* khi một trong những mặt đối lập là cá nhân, nhóm xã hội, giai cấp, dân tộc, quốc gia, v.v., còn mặt kia là tự nhiên, là khách thể; hoặc cả hai mặt đều là con người, nghĩa là mỗi mặt đồng thời vừa là chủ thể, vừa là khách thể so với mặt kia. Thí dụ, trong mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, nếu đứng về phía giai cấp vô sản, thì giai cấp vô sản là chủ thể so với giai cấp tư sản là khách thể; còn ngược lại, nếu đứng về phía giai cấp tư sản, thì giai cấp tư sản là chủ thể so với giai cấp vô sản là khách thể.

Chủ thể của mâu thuẫn xã hội có thể là *gián tiếp* khi những mặt đối lập của nó không phải là con người, mà là những "vật", hoặc là thuộc tính của những vật với tính cách là *kết quả lao động* của con người. Thí dụ, mâu thuẫn trong hàng hóa, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất cũ lỗi thời, v.v.. Tuy nhiên, đằng sau mâu thuẫn của những vật ấy là mâu thuẫn giữa người với người, hay nói cách khác, mâu thuẫn của những vật ấy là biểu hiện của mâu thuẫn giữa những con người.

Mâu thuẫn xã hội *không thể tồn tại bên ngoài những con người cụ thể*. Tách khỏi con người, tuyệt đối không có

một sự đấu tranh nào của các mặt đối lập trong xã hội. Chính vì thế, khi vạch ra những mặt đối lập trong mâu thuẫn xã hội, ngoài việc chỉ ra những tính chất, những khuynh hướng trái ngược nhau, chúng ta còn cần tìm xem những tính chất, những khuynh hướng đối lập đó có liên quan như thế nào tới những con người nhất định.

- Mâu thuẫn xã hội là mâu thuẫn về lợi ích

Mâu thuẫn xã hội bao giờ cũng *gắn liền với sự đối lập về lợi ích* của những con người nhất định (cá nhân, nhóm xã hội, v.v.). Thực chất của mâu thuẫn xã hội là mâu thuẫn giữa những lợi ích. Trước khi đi sâu vào vấn đề này, cần khẳng định một điều là, *sự phong phú, đa dạng về nhu cầu và lợi ích không tất yếu dẫn đến mâu thuẫn, nếu những lợi ích này không tác động ngược chiều nhau*. Mâu thuẫn chỉ xuất hiện ở những lợi ích có xu hướng vận động ngược chiều nhau, bài trừ, chống đối lẫn nhau. Bởi vì, lợi ích là phương tiện để thỏa mãn nhu cầu; khi những người, những nhóm xã hội có lợi ích trái ngược nhau, nghĩa là lợi ích của người này, nhóm xã hội này xâm phạm lợi ích, cản trở việc thực hiện nhu cầu của người khác, nhóm xã hội khác, thì giữa họ mới có sự đấu tranh với nhau để bảo vệ lợi ích của mình.

Nhu cầu và lợi ích của con người rất đa dạng và phong phú, thể hiện trong tất cả các lĩnh vực xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa, tinh thần, trong đó, *lợi ích kinh tế là lợi ích căn bản*. Khi những nhóm xã hội có sự đối lập ở lợi ích căn bản có tính chất sống còn thì giữa họ có *mâu thuẫn đối kháng* với nhau.

Mâu thuẫn xã hội có thể xuất phát từ những nhu cầu, lợi ích có tính tất yếu, nhưng cũng có thể xuất phát từ những nhu cầu không chân chính, từ sự nhận thức không đúng về lợi ích khách quan của mình. Đúng như nhận xét sau đây trong một cuốn sách giáo khoa triết học ở Liên bang Nga: "Đối với những con người riêng lẻ cũng như những nhóm xã hội, việc nhận thức được những gì là khách quan trong lợi ích của họ và những gì là mâu thuẫn với lợi ích của họ thì thật là khá phức tạp. Do vậy, họ có thể có những quan niệm đúng đắn, cũng như những quan niệm sai lầm (ảo tưởng) về những lợi ích thật sự của mình. Được chỉ đạo bởi những lợi ích ảo tưởng như vậy, họ có thể hành động ngược lại với lợi ích chân chính của mình, nghĩa là ngược lại với những gì sẽ đem lại việc thỏa mãn thật sự những nhu cầu nhiều mặt của mình..."[1]

Như vậy, có thể nói rằng ngay cả mâu thuẫn về sắc tộc, về tín ngưỡng cũng xuất phát từ sự đối lập về lợi ích. Xuất phát từ những nhu cầu có tính chất ảo tưởng, từ sự nhận thức không đúng về lợi ích chân chính của mình cũng có thể dẫn đến những xung đột giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với xã hội và giữa những nhóm xã hội khác nhau. Tuy nhiên, những mâu thuẫn như vậy, mặc dù thường xảy ra trong lịch sử từ trước đến nay, nhưng suy cho cùng, chúng không có tính tất yếu khách quan trong bản chất của chúng.

---

1. *Ttriết học (Философия)*, Sách giáo khoa do V.N. Lavrinenco chủ biên, Nxb Pháp luật (Юристь), Matxcơva, 1996. tr. 398.

Chính vì thế, phân tích mâu thuẫn xã hội phải *xuất phát từ việc phân tích sự đối lập của những lợi ích nhất định*. Khuyết điểm chủ yếu của việc phân tích mâu thuẫn trong chủ nghĩa xã hội trước đây là không vạch ra được mối liên hệ của mâu thuẫn xã hội với con người trong xã hội. Thường thường, có những tác giả chỉ dừng lại ở phân tích sự đối lập của những tính chất, khuynh hướng trừu tượng, mà không chỉ ra được những biểu hiện cụ thể của những mâu thuẫn này trong đời sống xã hội. Những mặt đối lập xã hội này gắn với lợi ích của các cá nhân, các nhóm xã hội nào, cuộc đấu tranh giữa chúng diễn ra như thế nào, đó là những điều ít được chú ý. Trong trường hợp này, mâu thuẫn xã hội *bị phi nhân hóa*. Cách phân tích mâu thuẫn mà không vạch ra những biểu hiện cụ thể của chúng là sự bắt buộc phải nhìn nhận một cách *miễn cưỡng* mâu thuẫn trong chủ nghĩa xã hội, nhưng thực chất là lẩn tránh chúng.

- Sự đấu tranh của các mặt đối lập trong xã hội là hoạt động có tổ chức

Xã hội là một hệ thống *có tổ chức cao*. Tổ chức xã hội bao gồm từ gia đình, tộc họ là những tổ chức nhỏ nhất, đến những tổ chức kinh tế, văn hóa, tôn giáo trong một quốc gia, cho đến các tổ chức quốc tế. Tổ chức xã hội quan trọng nhất hiện nay là *nhà nước*. Trong xã hội có giai cấp, các tổ chức xã hội ít nhiều mang tính giai cấp, là đại diện cho lợi ích và quyền lực của những giai cấp nhất định. Đặc điểm này của xã hội cũng quy định đặc điểm của mâu thuẫn xã hội, quy định sự đấu tranh, giải quyết mâu thuẫn xã hội.

Trong xã hội, ngoài mâu thuẫn giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với xã hội, giữa những nhóm xã hội (tầng lớp, giai cấp...), còn có *mâu thuẫn giữa những tổ chức xã hội*. Sự nhận thức và giải quyết mâu thuẫn xã hội, dù đó là mâu thuẫn có tính chất cá nhân cũng ít nhiều phải thông qua những tổ chức xã hội nhất định. Con người chỉ thực sự trở thành chủ thể của xã hội khi họ hành động một cách tự giác và có tổ chức. Như vậy, *sự can thiệp của các tổ chức xã hội vào mâu thuẫn xã hội không phải là sự can thiệp không cần thiết, mà là một yếu tố tất yếu của quá trình vận động và giải quyết mâu thuẫn xã hội*. Tuy nhiên, ở đây có một số điều cần lưu ý là: trong xã hội có giai cấp, các tổ chức xã hội do các giai cấp bóc lột lập ra, đại diện cho lợi ích của những giai cấp, tầng lớp ấy, chưa phải là đại diện cho lợi ích chung của mọi thành viên, do đó, sự can thiệp của những tổ chức này nhiều khi không phải là sự can thiệp đúng đắn, phù hợp với quá trình khách quan của sự giải quyết mâu thuẫn.

Vì lẽ đó, việc nhận thức và giải quyết mâu thuẫn xã hội thông qua các tổ chức xã hội mặc dù là tất yếu, nhưng *có thể đúng hoặc không đúng với bản chất của mâu thuẫn khách quan*. Sự sai lầm trong nhận thức và giải quyết mâu thuẫn xã hội, ngoài nguyên nhân giai cấp, còn có thể xuất phát từ trình độ nhận thức và tổ chức thực hiện của các tổ chức xã hội, nhất là của tổ chức nhà nước. Vạch rõ điều đó giúp ta khắc phục hai khuynh hướng không đúng: *một là,* phủ nhận khả năng và sự cần thiết của sự can thiệp tự giác của các tổ chức xã hội, tổ chức nhà nước vào quá trình nhận thức và giải quyết mâu thuẫn xã hội; *hai là,* can thiệp một

cách chủ quan, thô bạo vào quá trình khách quan của mâu thuẫn xã hội, không tính đến khả năng nhận thức và trình độ tổ chức thực hiện của các tổ chức này.

- Mâu thuẫn xã hội có tính khách quan - chủ quan

Mặc dù sự ra đời và tồn tại của mâu thuẫn xã hội không phụ thuộc vào ý thức con người, nhưng *sự nhận thức và, do đó, sự đấu tranh và giải quyết mâu thuẫn xã hội, ngoài khía cạnh khách quan, còn có khía cạnh chủ quan của nó*.

Trong bản chất của nó, mâu thuẫn xã hội là sự thống nhất và đấu tranh của những tính chất, khuynh hướng khách quan. Tính tất yếu khách quan của một mâu thuẫn xã hội nhất định biểu hiện ở chỗ: sự ra đời và tồn tại của nó *không phụ thuộc vào ý thức của bất kỳ cá nhân nào, giai cấp nào*; trong những điều kiện lịch sử nhất định, mâu thuẫn đó là *không tránh khỏi, không thể xóa bỏ được*. Thí dụ, trong mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và tính chất tư bản chủ nghĩa của sự chiếm hữu, ta thấy cả hai mặt đều có tính khách quan, không phụ thuộc ý thức của giai cấp tư sản hay giai cấp vô sản. Mâu thuẫn này biểu hiện thành sự đối kháng về lợi ích giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản; sự đối kháng này cũng có tính tất yếu, khách quan.

Tuy nhiên, sự đối lập giữa vô sản và tư sản, biểu hiện thành sự đấu tranh giữa hai giai cấp, phải thông qua sự nhận thức của những cá nhân nhất định trong hai giai cấp đó. Sự nhận thức này có thể *ở cấp độ tâm lý cá nhân, tâm lý xã hội, hoặc ở cấp độ hệ tư tưởng*. Nếu nó chỉ được nhận thức

ở cấp độ tâm lý thì sự đối kháng giữa vô sản và tư sản chỉ có thể biểu hiện ở những hiện tượng như đập phá máy móc, đấu tranh lẻ tẻ chống cá nhân một nhà tư bản này hay một nhà tư bản khác, v.v.. Từ khi chủ nghĩa Mác ra đời, sự nhận thức mâu thuẫn và sự đấu tranh giữa vô sản và tư sản được nâng lên đến trình độ nhận thức lý luận, tức sự đi sâu nhận thức bản chất của mâu thuẫn và sự đấu tranh có tổ chức trên bình diện giai cấp để giải quyết mâu thuẫn đó.

Do tính phức tạp và nhất là do có khía cạnh chủ quan nên mâu thuẫn xã hội nhiều khi *không được nhận thức đúng với bản chất của nó*; vì thế, sự đấu tranh của các mặt đối lập và sự giải quyết mâu thuẫn xã hội nhiều khi diễn ra trái với bản chất của mâu thuẫn. Chẳng hạn, để giải quyết những mâu thuẫn vốn không đối kháng thì người ta dùng bạo lực chém giết lẫn nhau trong các cuộc chiến tranh sắc tộc, tôn giáo, v.v.. Việc nhận thức và giải quyết không đúng mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong thời kỳ trước đây, như ta đã biết, đã dẫn đến sự trì trệ trong sản xuất.

Khía cạnh chủ quan của sự nhận thức và giải quyết mâu thuẫn xã hội ngoài nguyên nhân là *tính phức tạp* của mâu thuẫn xã hội và *sự tác động của môi trường đối với chủ thể của mâu thuẫn*, còn có nguồn gốc từ *ảnh hưởng của những hệ tư tưởng triết học, chính trị, tôn giáo, hoặc của những phong tục, tập quán trong xã hội*. Chẳng hạn, do chịu ảnh hưởng của tư tưởng khoa học hay chịu ảnh hưởng của tôn giáo, một nhóm xã hội này hay nhóm xã hội khác, trong những thời kỳ lịch sử khác nhau, có những cách giải quyết

khác nhau đối với những mâu thuẫn giữa xã hội và tự nhiên và mâu thuẫn giai cấp trong xã hội, bằng con đường cải tạo tự nhiên và cải tạo xã hội để làm cho cuộc sống hiện thực ngày càng tốt đẹp hơn, hoặc bằng con đường "giải thoát", để mưu cầu hạnh phúc ở kiếp sau, ở thế giới bên kia. Do nền kinh tế phát triển thuận lợi hay gặp khó khăn mà mâu thuẫn giai cấp và những mâu thuẫn xã hội khác tạm thời lắng dịu hay trở nên gay gắt khác thường. Trước sự đe dọa của một lực lượng thứ ba mà cả hai bên đang chống đối nhau tạm thời hòa hoãn để đối phó với lực lượng đó. Sự tác động của lực lượng cách mạng hay thế lực đế quốc bên ngoài có thể xoa dịu hay khoét sâu mâu thuẫn bên trong của một quốc gia, dân tộc. Sai lầm trong đường lối, chính sách của nhà nước, sự kích động của những phần tử cực đoan, quá khích đều có thể đưa mâu thuẫn từ chỗ không đối kháng thành xung đột đẫm máu.

- Mâu thuẫn xã hội có tính lịch sử

Một đặc điểm khác của mâu thuẫn xã hội là *tính lịch sử* của nó biểu hiện rất rõ**.** Các hiện tượng xã hội thường biến đổi nhanh hơn so với các hiện tượng tự nhiên; nhất là càng về sau, xã hội biến đổi và phát triển với tốc độ ngày càng tăng. Do đó, mâu thuẫn xã hội cũng biến đổi, phát triển nhanh hơn. Các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau có những mâu thuẫn khác nhau. Khi một hình thái kinh tế - xã hội cũ mất đi và được thay thế bằng một hình thái kinh tế - xã hội mới thì mâu thuẫn cơ bản của nó và những mâu thuẫn nảy sinh từ mâu thuẫn cơ bản đó cũng mất theo,

nghĩa là hệ thống mâu thuẫn của hình thái kinh tế - xã hội đó cũng mất theo và một hệ thống mâu thuẫn mới xuất hiện cùng với hình thái kinh tế - xã hội mới. Ngoài ra, những mâu thuẫn phổ biến cho tất cả các hình thái kinh tế - xã hội hoặc cho một số hình thái kinh tế - xã hội cũng có những biểu hiện đặc thù của chúng trong mỗi hình thái kinh tế - xã hội, thậm chí trong từng giai đoạn phát triển của cùng một hình thái kinh tế - xã hội. Chẳng hạn, mâu thuẫn giai cấp biểu hiện khác nhau trong xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội phong kiến, xã hội tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản cũng có những biểu hiện khác nhau trong chủ nghĩa tư bản và trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, xã hội là lĩnh vực hoạt động có ý thức của con người, vì thế mâu thuẫn xã hội có những đặc điểm riêng của nó. Mâu thuẫn xã hội có quan hệ chủ thể - khách thể; quan hệ giữa con người với mặt đối lập của nó là quan hệ có ý thức. Thực chất của mâu thuẫn xã hội là mâu thuẫn giữa những lợi ích; tùy theo tính chất các lợi ích đối lập mà mâu thuẫn xã hội có tính chất khác nhau. Xã hội là lĩnh vực có tổ chức nên mâu thuẫn xã hội, ngoài mâu thuẫn giữa các cá nhân, các tầng lớp, các giai cấp... còn có mâu thuẫn giữa các tổ chức xã hội. Trong sự giải quyết mâu thuẫn xã hội, ngoài hoạt động của bản thân các mặt đối lập còn có sự can thiệp của các tổ chức xã hội. Mâu thuẫn xã hội ngoài khía cạnh khách quan của nó, còn có khía cạnh chủ quan nữa. Tính lịch sử của mâu thuẫn xã hội biểu hiện rất rõ.

3.2. Phân loại mâu thuẫn xã hội

Mâu thuẫn xã hội có nhiều loại. Việc phân loại mâu thuẫn xã hội sẽ giúp ta hiểu được tính đặc thù của mỗi loại mâu thuẫn và đề ra được phương pháp thích hợp cho việc giải quyết mâu thuẫn từng loại mâu thuẫn đó.

- Các tiêu chuẩn phân loại mâu thuẫn xã hội

Ngoài việc phân loại mâu thuẫn nói chung, như phân loại mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài, mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản, mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn không chủ yếu, chúng ta cần đi sâu hơn nữa để phân loại mâu thuẫn xã hội.

Có các tiêu chuẩn khác nhau để phân loại mâu thuẫn xã hội:

+ Tùy theo *mối quan hệ chủ thể - khách thể*, người ta phân ra: mâu thuẫn giữa xã hội với tự nhiên, và mâu thuẫn giữa người với người trong xã hội.

+ Tùy theo căn cứ vào *từng mặt của đời sống xã hội*, người ta phân ra: mâu thuẫn kinh tế, mâu thuẫn chính trị, mâu thuẫn tư tưởng và mâu thuẫn giữa các mặt đó.

+ Tùy theo *bản chất của mâu thuẫn* (mâu thuẫn ở lợi ích căn bản hay không căn bản) người ta phân ra: mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng.

+ Tùy theo *tính phổ biến của mâu thuẫn trong lịch sử*, mâu thuẫn xã hội được phân ra: mâu thuẫn phổ biến của xã hội loài người, mâu thuẫn chung cho một số hình thái kinh

tế - xã hội, mâu thuẫn của một hình thái kinh tế - xã hội, mâu thuẫn của từng thời kỳ cụ thể.

+ Xét về quan hệ của mâu thuẫn với một hình thái kinh tế - xã hội nhất định, người ta phân biệt *mâu thuẫn vốn có* (của hình thái kinh tế - xã hội đó) và *mâu thuẫn tàn dư* (của hình thái kinh tế - xã hội cũ).

- Mâu thuẫn giữa xã hội với tự nhiên và mâu thuẫn giữa người với người

Thuộc về *mâu thuẫn giữa xã hội với tự nhiên* là những mâu thuẫn trong đó *chủ thể là con người*, còn *khách thể là giới tự nhiên* tồn tại độc lập với ý muốn chủ quan của con người. Mối quan hệ này có thể được xem xét trên bình diện nhân loại hay từng địa phương.

Mối quan hệ giữa xã hội-tự nhiên thể hiện ở hai khía cạnh: quan hệ sinh học và quan hệ thực tiễn. Mối quan hệ giữa con người với điều kiện khí hậu, thời tiết thuộc về quan hệ sinh học. Người ta có thể chết hoặc mang bệnh tật vì điều kiện tự nhiên quá khắc nghiệt. Thí dụ, ở Ấn Độ trong những năm qua có hàng nghìn người chết vì rét và nóng quá sức chịu đựng của cơ thể, hàng trăm nghìn người mắc bệnh vì nguồn nước có chất độc. Ngoài ra, trong môi trường sống chung quanh con người có vô số những loại vi sinh vật luôn luôn đe dọa tính mạng của con người. Thí dụ, đại dịch HIV đang hoành hành ở tất cả các nước trên thế giới, dịch SARS, dịch cúm gia cầm gây kinh hoàng ở nhiều nước trên thế giới trong thời gian qua.

Như vậy, quan hệ giữa xã hội và tự nhiên là quan hệ có mâu thuẫn. Để giải quyết loại mâu thuẫn này đòi hỏi phải phát triển lực lượng sản xuất và khoa học kỹ thuật, phải có sự phối hợp hoạt động giữa các dân tộc, quốc gia trên thế giới.

Ngoài mâu thuẫn trong quan hệ sinh học, mâu thuẫn xã hội-tự nhiên còn thể hiện *trong thực tiễn lao động sản xuất*. Đó là mâu thuẫn trong mối quan hệ *giữa người lao động với đối tượng lao động*. Người lao động luôn luôn tìm cách khai thác ngày càng nhiều hơn, có hiệu quả hơn những đối tượng lao động đã có, tìm ra những đối tượng mới. Còn đối tượng lao động tuy có nguồn gốc từ tự nhiên nhưng không phải bất kỳ ai, ở bất cứ thời kỳ nào cũng có thể khai thác được, mà nó *đòi hỏi ở người lao động một trình độ kiến thức và kỹ năng nhất định*. Sự tác động giữa người lao động với đối tượng lao động được thực hiện thông qua tư liệu lao động (chủ yếu là công cụ lao động). Nhờ phát triển công cụ lao động mà con người ngày càng giải quyết một cách có hiệu quả hơn mâu thuẫn giữa người với tự nhiên.

Thuộc về *mâu thuẫn giữa người với người* là những mâu thuẫn trong đó chủ thể và khách thể *đều là con người*. Chủ thể và khách thể ở đây được xét trên nhiều bình diện: cá nhân, giai cấp, dân tộc. Thí dụ, mâu thuẫn giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với xã hội, giai cấp với giai cấp, giai cấp với dân tộc, dân tộc với nhân loại. Nhiều khi, những mặt đối lập của loại mâu thuẫn này được xem xét như là những thuộc tính của vật thể, nhưng thực chất đó là sự đối lập

trong quan hệ giữa người với người. Chẳng hạn, đằng sau sự đối lập giữa giá trị và giá trị sử dụng, giữa sản xuất và tiêu dùng là sự đối lập về lợi ích giữa người sản xuất và người tiêu dùng; đằng sau mâu thuẫn giữa kinh tế và chính trị là mâu thuẫn giữa người sản xuất, tiêu dùng và nhà nước.

Vì chủ thể và khách thể đều là con người cho nên tùy theo chỗ đứng để xem xét mà ai được coi là chủ thể, ai được coi là khách thể. Chẳng hạn, nếu đứng trên lập trường giai cấp vô sản để xem xét thì giai cấp vô sản là chủ thể còn giai cấp tư sản và nhà nước của nó là khách thể. Ngược lại, nếu đứng trên lập trường giai cấp tư sản thì giai cấp tư sản là chủ thể còn giai cấp vô sản và tất cả những hoạt động chống đối, đấu tranh của nó là khách thể.

- Mâu thuẫn kinh tế, mâu thuẫn chính trị và mâu thuẫn tư tưởng

Sự phân biệt các loại mâu thuẫn này được căn cứ trên *các lĩnh vực hoạt động* của con người.

Mâu thuẫn kinh tế là mâu thuẫn giữa người với người trong lĩnh vực kinh tế, tức là trong hoạt động sản xuất kinh doanh của con người. Đó là mâu thuẫn trong quan hệ sản xuất (mâu thuẫn giữa người với người trong sở hữu, quản lý và phân phối), mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng.

Nguyên nhân của mâu thuẫn này là *sự đối lập giữa các lợi ích kinh tế*. Ai cũng muốn *tăng mức thu nhập* của mình, tuy nhiên trong thực tế thì của cải xã hội làm ra là *có hạn*, cho nên thu nhập người này tăng lên thì người kia phải giảm

đi. Mặt khác, những cá nhân, tập thể với năng lực hạn chế nhưng lại có khuynh hướng giành lấy những *lợi thế bên ngoài* (như lợi thế về chiếm hữu tư liệu sản xuất, nắm quyền quản lý và phân phối; độc quyền sản xuất, kinh doanh; lợi thế trong công tác quản lý nhà nước; lợi thế về tư cách pháp nhân, v.v.) để giành lấy phần hơn người khác.

Mâu thuẫn chính trị là mâu thuẫn về địa vị và lợi ích trong việc quản lý nhà nước, trong việc thực hiện những quyền và nghĩa vụ công dân. *Nguyên nhân* của loại mâu thuẫn này là do trong *xã hội dựa trên chế độ tư hữu*, một thiểu số giai cấp bóc lột do nắm được trong tay bộ máy nhà nước, sử dụng công cụ bạo lực để áp bức đông đảo quần chúng, duy trì trật tự bất công trong xã hội. Các giai cấp bị áp bức, bị thống trị phản kháng chống lại chế độ chính trị, bộ máy nhà nước của giai cấp thống trị.

Mâu thuẫn chính trị là biểu hiện của mâu thuẫn kinh tế. Tuy mâu thuẫn chính trị là mâu thuẫn trong lĩnh vực nhà nước pháp quyền, nhưng nhà nước và pháp quyền lại là công cụ để bảo vệ và thực hiện những lợi ích kinh tế nhất định, do đó mâu thuẫn trong lợi ích kinh tế tất yếu dẫn đến mâu thuẫn trong lĩnh vực chính trị. Khi chế độ tư hữu không còn nữa, khi trong đời sống kinh tế không còn mâu thuẫn đối kháng thì *quyền lực nhà nước sẽ mất hết tính chất chính trị* và vì thế mâu thuẫn chính trị cũng sẽ không còn nữa. Như vậy, giải quyết mâu thuẫn chính trị phải gắn liền với việc giải quyết mâu thuẫn kinh tế.

Mâu thuẫn tư tưởng là mâu thuẫn giữa những quan điểm, lý luận, niềm tin… của những chủ thể khác nhau trong xã hội.

Về nguyên nhân hình thành, mâu thuẫn tư tưởng phản ánh mâu thuẫn về địa vị, lợi ích vật chất của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội. Trong xã hội có giai cấp đối kháng, mỗi giai cấp có địa vị, lợi ích, điều kiện sinh hoạt vật chất đối lập nhau nên tư tưởng của họ cũng đối lập nhau. Tuy nhiên, như C. Mác chỉ rõ, giai cấp nào thống trị trong kinh tế thì cũng thống trị trong tư tưởng. Bởi vì:

Một là, tư tưởng của giai cấp thống trị là *phản ánh của phương thức sản xuất đang giữ vai trò chủ đạo, thống trị* trong xã hội. Chẳng hạn, khi phương thức sản phong kiến thống trị hơn một nghìn năm ở phương Tây và hai nghìn năm ở phương Đông thì những tư tưởng phong kiến là tư tưởng thống trị. Khi phương thức sản xuất xuất tư bản chủ nghĩa đang còn là phương thức sản xuất tiến bộ, hoặc ít ra nó cũng là phương thức sản xuất đang đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn bất cứ một phương thức sản xuất nào khác thì tư tưởng và lối sống tư sản đương nhiên là được nhiều người chấp nhận.

Hai là, giai cấp nắm tư liệu sản xuất vật chất, nắm nhà nước thì cũng nắm tư liệu sản xuất tinh thần (hệ thống các cơ sở giáo dục-đào tạo, các phương tiện thông tin đại chúng, v.v..) nên tư tưởng của nó được truyền bá rộng rãi trong xã hội. Trong tác phẩm "*Hệ tư tưởng Đức*", C. Mác và Ph. Ăngghen viết:

"Trong mọi thời đại, những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị. Điều đó có nghĩa là giai cấp nào là lực lượng vật chất thống trị trong xã hội thì cũng là lực lượng tinh thần thống trị. Giai cấp nào chi phối những tư liệu sản xuất vật chất thì cũng chi phối luôn cả những tư liệu sản xuất tinh thần, thành thử nói chung tư tưởng của những người không có tư liệu sản xuất tinh thần cũng đồng thời bị giai cấp thống trị đó chi phối. Những tư tưởng thống trị không phải là cái gì khác mà chỉ là sự biểu hiện tinh thần của những quan hệ vật chất thống trị, chúng là những quan hệ vật chất thống trị được biểu hiện đến hình thức tư tưởng."[1]

Ngoài ra nguyên nhân giai cấp, mâu thuẫn tư tưởng còn có nguồn gốc từ tính phức tạp của quá trình nhận thức. Nhận thức không phải là quá trình đơn giản, trực tiếp mà là quá trình đi từ cái cụ thể trong cuộc sống đến những khái niệm trừu tượng, rồi từ những khái niệm trừu tượng đi đến cái cụ thể. "Nhận thức là sự phản ánh giới tự nhiên bởi con người. Nhưng đó không phải là một phản ánh đơn giản, trực tiếp, hoàn chỉnh, mà là một quá trình cả một chuỗi những sự trừu tượng, sự cấu thành, sự hình thành ra các khái niệm, quy luật etc..."[2]

"Con người không thể nắm được = phản ánh = miêu tả toàn bộ giới tự nhiên một cách đầy đủ, "tính chỉnh thể trực

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, Sđd, t. 3, tr. 67.
2. V.I. Lênin, *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1974 - 1981, t. 29, tr. 192.

tiếp của nó", con người chỉ có thể đi gần mãi đến đó, bằng cách tạo ra những trừu tượng, những khái niệm, những quy luật, một bức tranh khoa học về thế giới, v.v. và v.v.."[1]

Do vậy những kết quả nhận thức của con người, nhất là đối với những vấn đề xã hội phức tạp có thể khác nhau, thậm chí đối lập nhau. Chẳng hạn, sự đối lập giữa quan điểm duy vật và quan điểm duy tâm, giữa quan điểm hữu thần và quan điểm vô thần lúc đầu đều có nguồn gốc từ quá trình nhận thức. C. Mác và Ph. Ăngghen viết:

"Ngay cả những ảo tưởng hình thành trong đầu óc con người cũng là những vật thăng hoa tất yếu của quá trình đời sống vật chất của họ, một quá trình có thể xác định được bằng kinh nghiệm và gắn liền với những tiền đề vật chất."[2]

Tuy nhiên, những ảo tưởng, sai lầm trong nhận thức của con người về sau được phát triển và duy trì bởi phong tục, tập quán, lợi ích đẳng cấp. Chúng trở thành công cụ thống trị của giai cấp thống trị. Sự thống trị của một hệ tư tưởng nhất định bao giờ cũng đi đôi với sự thống trị của một giai cấp nhất định. Cho nên, khi trong xã hội không còn giai cấp nào thống trị thì cũng không cần đến một hệ tư tưởng thống trị nữa.

"Toàn bộ cái bề ngoài đó, cái bề ngoài tựa hồ như sự thống trị của một giai cấp nhất định chỉ là sự thống trị của những tư tưởng nhất định, tất sẽ tự tiêu tan, một khi sự

1. V.I. Lênin, *Toàn tập*, sđd, t.29, tr. 193.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 3, tr. 38.

thống trị của bất cứ giai cấp nào không còn là hình thức của chế độ xã hội nữa, nghĩa là một khi không còn cần phải biểu hiện lợi ích riêng thành lợi ích chung, hoặc biểu hiện "cái phổ biến" thành cái thống trị nữa."[1]

- Mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng

Để phân biệt mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng cần lưu ý mấy điểm sau đây:

Mâu thuẫn đối kháng và không đối kháng chỉ được xem xét *trong đời sống xã hội*. Còn trong tự nhiên, người ta không phân biệt hai loại mâu thuẫn này.

Mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng phải được xem xét trên bình diện *quan hệ giai cấp*. Sự phân biệt giữa đối kháng và không đối kháng phải được xem xét ở cấp độ *bản chất*, trong mối quan hệ về lợi ích cơ bản.

Nếu mâu thuẫn là sự đối lập một cách *tất yếu* giữa *những lợi ích cơ bản* (lợi ích sống còn) thì đó là mâu thuẫn đối kháng. Còn nếu chỉ đối lập ở những lợi ích không cơ bản thì đó là mâu thuẫn không đối kháng. Do vậy, mâu thuẫn đối kháng xuất phát từ sự đối lập ở địa vị và lợi ích kinh tế, nhưng không phải bất cứ sự đối lập về địa vị và lợi ích kinh tế nào cũng là mâu thuẫn đối kháng. Chỉ có sự bóc lột, áp bức, bất công về kinh tế mới gây nên sự đối kháng. Còn những sự xung đột về tôn giáo, sắc tộc đẫm máu, tuy bề ngoài có vẻ như là sự đối kháng, nhưng thực chất nhiều khi không có tính tất yếu, không

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t.3, tr. 69 - 70.

xuất phát từ lợi ích cơ bản của đông đảo quần chúng, mà là do nhận thức sai lầm, do sự kích động, sự lừa bịp gây ra thì không phải là mâu thuẫn đối kháng.

- Mâu thuẫn phổ biến và mâu thuẫn đặc thù và mâu thuẫn riêng

Mâu thuẫn xã hội có thể là những *mâu thuẫn phổ biến* cho tất cả các hình thái kinh tế - xã hội. Đó là mâu thuẫn giữa xã hội với tự nhiên, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, v.v..

Mâu thuẫn xã hội có thể là mâu thuẫn *đặc thù* của một số hình thái kinh tế - xã hội. Chẳng hạn, mâu thuẫn giai cấp đối kháng, mâu thuẫn giữa các nhà nước, giữa các dân tộc là những mâu thuẫn chung cho các hình thái kinh tế - xã hội dựa trên chế độ tư hữu.

Mâu thuẫn xã hội có thể chỉ là *mâu thuẫn riêng* của một hình thái kinh tế - xã hội, của một giai đoạn lịch sử nhất định. Thí dụ, mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, cạnh tranh kinh tế giữa các tập đoàn tư bản là mâu thuẫn chỉ có trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Tóm lại, đời sống xã hội là một lĩnh vực rất phức tạp; cho nên vạch ra đặc điểm và phân loại mâu thuẫn xã hội là điều kiện quan trọng để nhận thức xã hội. Nhận thức các mâu thuẫn xã hội có ý nghĩa rất quan trọng đối với Đảng và Nhà nước trong việc đề ra đường lối chiến lược, sách lược, vạch ra chính sách chủ trương đúng đắn để giải quyết các mâu thuẫn xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển tiến lên.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH MÂU THUẪN VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CĂN BẢN CỦA NÓ

1. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH MÂU THUẪN

1.1. Mục đích của phân tích mâu thuẫn

Về thực chất, quá trình nhận thức, nhất là nhận thức xã hội là vạch ra nguyên nhân, động lực và quy luật vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng. Điều đó sẽ không thể nào thực hiện được nếu không hiểu rõ mâu thuẫn của chúng; bởi vì mâu thuẫn là nguồn gốc, là động lực phát triển của sự vật, hiện tượng, là nguyên nhân của những biến cố lịch sử. Chính vì thế, việc nhận thức mâu thuẫn có thể xem là *một trong những điều kiện* để nhận thức quy luật vận động, phát triển của thế giới nói chung và của xã hội nói riêng.

Để nhận thức mâu thuẫn, con người không có cách nào khác là phải phân tích mâu thuẫn. Mục đích của việc phân tích mâu thuẫn là nhận thức sâu sắc từng mâu thuẫn cụ thể, nắm được hệ thống mâu thuẫn của sự vật hiện tượng, tìm ra mâu thuẫn cơ bản, mâu thuẫn chủ yếu để giải quyết chúng thúc đẩy sự vật phát triển đi lên. Phương pháp phân tích mâu thuẫn đã được vận dụng phổ biến không chỉ trong triết học mà cả trong các ngành khoa học cụ thể để nhận thức các hiện tượng tự nhiên và xã hội và tư duy.

Các nhà vật lý học đã phân tích năng lượng thành *sức hút và sức đẩy*, phân tích hiện tượng điện thành *điện dương và điện âm*. Các nhà sinh học đã phân tích quá trình hoạt động sống của sinh vật thành *đồng hóa và dị hóa*, *di truyền và biến dị*, coi "đấu tranh để sinh tồn" là quy luật của giới sinh vật. Các tôn giáo nói đến mâu thuẫn giữa *thể xác và linh hồn*. Các nhà phân tâm học nói đến mâu thuẫn giữa *vô thức và ý thức*. Thuyết Âm Dương ở Trung Hoa cổ đại, phép biện chứng của Hêraclit ở Hy Lạp cổ đại đã đặt vấn đề nhận thức sự vật, hiện tượng bằng cách phân đôi chúng thành những mặt đối lập và nghiên cứu mối quan hệ giữa các mặt đối lập ấy.

Triết học Hêghen và triết học mácxít coi sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là hiện tượng phổ biến của tự nhiên, xã hội và tư duy mà còn là *quy luật cơ bản nhất* của phép biện chứng. C.Mác, Ph.Ăngghen đã có công phát triển lý luận về mâu thuẫn theo hướng duy vật và vận dụng nó để phân tích mâu thuẫn của xã hội loại người và nhất là hệ thống mâu thuẫn của xã hội tư bản . V.I. Lênin, trên cơ sở phân tích mâu thuẫn của thế giới và của nước Nga vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã đưa chủ nghĩa xã hội từ lý luận thành hiện thực, mở ra cho nhân loại một thời đại mới- thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng dân tộc, dân chủ, Đảng ta đã nhận định, đánh giá tình hình cách mạng bằng cách phân tích những mâu thuẫn cụ thể của xã hội ta và

của thế giới trong mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác cho đến thắng lợi hoàn toàn. Ngày nay, công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa đòi hỏi chúng ta phải nhận thức và giải quyết một cách đúng đắn những mâu thuẫn của xã hội cũ và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong quá trình xây dựng xã hội mới. Ngoài ra, tình hình phức tạp của thế giới đòi hỏi chúng ta phải có một thái độ tĩnh táo và phương pháp khoa học để phân tích và nhận thức những mâu thuẫn của thế giới đúng với bản chất của chúng.

1.2. Thực chất của phương pháp phân tích mâu thuẫn

Phân tích mâu thuẫn là *sự nhận thức mâu thuẫn* không chỉ dừng lại ở chỗ nhận thức đúng bản chất của từng mâu thuẫn, mà còn đi sâu nhận thức kết cấu của từng mâu thuẫn cụ thể, vạch ra mối liên hệ giữa các mặt đối lập trong mâu thuẫn, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện tồn tại của mâu thuẫn và điều quan trọng là phải vạch ra hệ thống mâu thuẫn của sự vật cùng với vị trí, vai trò và mối liên hệ giữa các mâu thuẫn trong hệ thống.

Nội dung cụ thể của phương pháp phân tích mâu thuẫn bao gồm những bước sau đây:

- *Xác định đúng bản chất của từng mâu thuẫn của sự vật, hiện tượng*. Đây là thao tác đầu tiên của tư duy trong quá trình phân tích mâu thuẫn của sự vật, hiện tượng. Nếu không xác định đúng bản chất của mâu thuẫn thì quá trình phân tích tiếp theo sẽ bị chệch hướng.

- Phân tích kết cấu của mâu thuẫn để *nhận thức tỉ mỉ từng mặt đối lập* cấu thành mâu thuẫn và *mối quan hệ* giữa các mặt đối lập đó.

- Phân tích *nguyên nhân* (nguồn gốc) của mâu thuẫn. Nghiên cứu *quá trình phát sinh, phát triển và giải quyết* của một mâu thuẫn cụ thể .

- Phân tích *hệ thống* mâu thuẫn của sự vật, hiện tượng để xác định đúng *vị trí, vai trò* của từng mâu thuẫn trong hệ thống, vạch ra *mâu thuẫn cơ bản, mâu thuẫn chủ yếu* của sự vật, hiện tượng.

2. NHỮNG NGUYÊN TẮC CĂN BẢN CỦA PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH MÂU THUẪN

Hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người phải tuân theo những nguyên tắc chung nhất mà triết học Mác-Lênin đã vạch ra. Đó là: nguyên tắc tính khách quan, nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc lịch sử - cụ thể, nguyên tắc phát triển, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Việc phân tích mâu thuẫn tất nhiên *trước hết* phải tuân theo những nguyên tắc trên. Tuy nhiên, phương pháp phân tích mâu thuẫn có những nguyên tắc và yêu cầu riêng có nó. Sau đây, chúng ta thử khảo sát một số nguyên tắc và yêu cầu này.

2.1. Đi từ mâu thuẫn hiện tượng đến mâu thuẫn bản chất

Như đã trình bày ở chương 1, mâu thuẫn có hai cấp độ: hiện tượng và bản chất. Nhận thức mâu thuẫn là *đi từ mâu*

thuẫn hiện tượng đến mâu thuẫn bản chất. Mâu thuẫn bao giờ cũng biểu hiện ra bên ngoài thành những hiện tượng nhất định, tất nhiên có hiện tượng tích cực và hiện tượng tiêu cực. Thông thường người ta đi từ những hiện tượng tiêu cực để tìm ra mâu thuẫn. Trong lĩnh vực xã hội, mặt tiêu cực của mâu thuẫn biểu hiện ở *sự xung đột, trì trệ, khủng hoảng* đời sống kinh tế, chính trị, tâm lý, tư tưởng bên trong của cá nhân, trong quan hệ giữa cá nhân với xã hội, giữa các giai cấp, tầng lớp.

Từ hiện tượng mâu thuẫn đến bản chất của mâu thuẫn hoàn toàn không phải là vấn đề đơn giản. Chẳng hạn, trong suốt thời kỳ lịch sử lâu dài của xã hội phong kiến có những hiện tượng tương đối phổ biến, một mâu thuẫn mà ai cũng nhìn thấy, cũng thừa nhận, đó là: *kết cục bi thảm thường dành cho những người có tài năng ; số phận bạc bẽo thường là người bạn đời của những người con gái có nhan sắc*. Tuy nhiên, bản chất của những mâu thuẫn hiện tượng này là gì? Để trả lời cho câu hỏi này có một triết thuyết mà người phương Đông ai cũng biết; đó là thuyết "tài mệnh tương đố" và thuyết "hồng nhan bạc mệnh". Theo những triết thuyết này thì bản chất của những mâu thuẫn trên là sự *đối lập, không dung hợp được* giữa *tài năng với số mệnh*, giữa *sắc đẹp với hạnh phúc*. Những mâu thuẫn này được nâng lên thành *tính quy luật*.

Trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, số phận bạc bẽo của Thuý Kiều đã được tiền định bởi mặt đối lập của nó là sắc đẹp của nàng. Nhìn vào nhan sắc của Thuý Kiều, một thầy tướng số đã tiên đoán ngay tương lai của nàng:

“ Anh hoa phát tiết ra ngoài,

Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa”.

Đúng là trong xã hội phong kiến có những hiện tượng mâu thuẫn như đã nói trên. Nhưng đó chỉ là hiện tượng, còn bản chất của những hiện tượng mâu thuẫn đó lại là một vấn đề khác. Nếu chỉ dừng lại ở những mâu thuẫn hiện tượng đó thì chúng ta chẳng tiến lên một bước nào cả, thậm chí lại rơi vào *chủ nghĩa thần bí*. Tại sao tài và mệnh, sắc đẹp và hạnh phúc lại không dung hợp với nhau? Nếu đi sâu hơn một chút thì ta thấy những đối lập này tuy không phải là cá biệt nhưng quyết không phải là hiện tượng phổ biến, lại càng không phải là những hiện tượng tất yếu phải có. Ngay trong xã hội phong kiến, không phải bất cứ người đẹp nào cũng bạc mệnh; không phải bất cứ người nào có tài năng đều chịu số phận đen tối.

Như vậy, “tài mệnh tương đố”, “hồng nhan bạc mệnh” *không phải là mâu thuẫn bản chất, tất yếu*, mà chúng chỉ là những hiện tượng, là *biểu hiện của một mâu thuẫn bản chất sâu sắc hơn*. Dựa trên phương pháp luận của triết học duy vật mácxít, chúng ta có thể chỉ ra mâu thuẫn bản chất của những hiện tượng trên chính là *mâu thuẫn giai cấp*. Giai cấp địa chủ quý tộc phong kiến chiếm hữu tư liệu sản xuất, nắm lấy trong tay bộ máy bạo lực là nhà nước. Do vậy những người có tài năng đều là *tôi tớ* của một triều đại. Nếu làm tôi tớ cho một *minh quân* thì trung thành với vua cũng có nghĩa là trung thành với dân tộc; ngược lại nếu gặp hôn quân bạo chúa thì phục vụ cho bọn chúng cũng có nghĩa là

phản lại nhân dân. Vì thế những người có tài có đức hoặc từ chối hợp tác, cam chịu một cuộc sống khổ cực nhưng trong sạch, hoặc cộng tác để rồi một ngày nào đó lãnh một bản án tử hình một cách thê thảm và oan ức. Số phận những người phụ nữ có nhan sắc đa phần cũng bi đát như những người có tài năng. Trong chế độ tư bản hiện nay, một xã hội dựa trên chế độ tư hữu, những hiện tượng mâu thuẫn trên cũng chưa có thể mất đi.

Chính vì thế để xóa bỏ hoàn toàn những hiện tượng trên, trước hết phải xóa bỏ chế độ tư hữu và sự thống trị của giai cấp bóc lột. Trong một xã hội có trình độ kinh tế và khoa học, văn hóa phát triển cao dựa trên chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu và một nhà nước thật sự dân chủ, thì tài mệnh sẽ chẳng những không còn "tương đố" nữa mà những người có tài năng sẽ được xã hội trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng; người phụ nữ có sắc đẹp sẽ không còn "bạc mệnh" nữa, mà nhan sắc của họ sẽ thật sự có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Từ mâu thuẫn hiện tượng tìm ra mâu thuẫn bản chất, đó là cách làm của C. Mác và Ph. Ăngghen. Từ những hiện tượng bất công và xung đột trong xã hội, các ông đã tìm ra và phân tích những mâu thuẫn ở cấp độ bản chất, như mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa sở hữu và lao động trong lịch sử nhân loại và "mâu thuẫn giữa sản xuất xã hội và hình thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa".

"Như vậy là theo quan điểm của chúng tôi, tất cả mọi xung đột trong lịch sử đều bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa

những lực lượng sản xuất và hình thức giao tiếp"… "Như chúng ta đã thấy, mâu thuẫn ấy giữa lực lượng sản xuất và hình thức giao tiếp đã xảy ra nhiều lần trong lịch sử từ trước cho đến nay, song vẫn không làm hại đến cơ sở của nó, thì lần nào cũng đều phải nổ ra thành một cuộc cách mạng, đồng thời lại mang những hình thức phụ khác nhau như: tổng thể những xung đột, những sự xung đột giữa các giai cấp khác nhau, những mâu thuẫn về ý thức, đấu tranh tư tưởng, v.v., đấu tranh chính trị, v.v.. Đứng trên quan điểm thiển cận, ta có thể nắm lấy một trong những hình thức phụ đó và coi nó là cơ sở của những cuộc cách mạng ấy."[1]

Chính từ hiện tượng xung đột trong xã hội tư bản, C. Mác và Ph. Ăngghen tìm ra mâu thuẫn bản chất, mâu thuẫn cơ bản quy định toàn bộ sự vận động, phát triển của xã hội tư bản chủ nghĩa- đó là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và hình thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa.

C. Mác vạch ra sai lầm của Hêghen là chỉ xem xét mâu thuẫn bản chất từ *ý niệm, khái niệm lôgíc*. Vì thế, Hêghen tuyệt đối hóa sự thống nhất của các mặt đối lập trong bản chất của mâu thuẫn. Thật vậy, nếu xuất phát từ khái niệm lôgíc như cách làm của Hêghen thì người phân tích bao giờ cũng thấy các mặt đối lập tồn tại gắn bó trong sự thống nhất với nhau; sự đối lập gay gắt, sự xung đột chỉ thể hiện ở cấp độ hiện tượng mà thôi. Chẳng hạn, nếu phân tích mâu thuẫn

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 3, tr. 107 – 108.

giữa vô sản và tư sản từ khái niệm của chúng thì ta chẳng thấy tính tất yếu của sự đối kháng giữa hai giai cấp đó.

Theo C. Mác không phải là xuất phát từ khái niệm lôgíc để phân tích bản chất của mâu thuẫn, "không phải là ở chỗ, như Hêghen hình dung, đâu đâu cũng tìm ra những tính quy định của khái niệm lôgíc, mà là ở chỗ hiểu được lôgíc đặc thù của đối tượng đặc thù."[1]

Lôgíc đặc thù nằm trong những đối tượng đặc thù. Từ việc nghiên cứu những đối tượng đặc thù ta rút ra được lôgíc đặc thù của chúng, chứ không phải bắt tất cả những đối tượng đó tuân theo cái lôgíc đã có sẵn ở đâu đó trước khi có thế giới vật chất.

Hồ Chí Minh nói, khi sự vật có vấn đề tức là có mâu thuẫn. Khi có vấn đề thì phải nghiên cứu cho rõ *cái gốc mâu thuẫn* trong vấn đề đó là gì.

"Sao gọi là vấn đề? Khi việc gì có mâu thuẫn, khi phải tìm cách giải quyết, tức là có vấn đề. Khi đã có vấn đề, ta phải nghiên cứu cho rõ cái gốc mâu thuẫn trong vấn đề đó là gì."[2]

"Cái gốc mâu thuẫn trong vấn đề" mà Hồ Chí Minh muốn nói ở đây tức là *mâu thuẫn bản chất*, nguồn gốc nảy sinh và tồn tại của hiện tượng có vấn đề. Trong tình hình hiện nay nay trên thế giới, có nhiều vấn đề mà người

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 1, tr. 448.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994-1996, t. 5, tr. 302.

ta chưa tìm ra hoặc cố tình không muốn "nghiên cứu cho rõ cái gốc mâu thuẫn" của nó. Chẳng hạn, tại sao có vấn đề khủng bố? Tại sao nhiều người liều chết để thực hiện những vụ khủng bố giết người khủng khiếp? Có tìm ra mâu thuẫn bản chất của vấn đề này thì mới tìm ra được giải pháp đúng đắn cho vấn đề. Còn cứ luôn miệng nói "hồng nhan bạc mệnh", "tài mệnh tương đó", "chống khủng bố" thì chẳng những không nhìn nhận đúng thực chất của vấn đề mà còn chẳng bao giờ giải quyết được triệt để vấn đề nêu ra.

Đi từ mâu thuẫn hiện tượng đến mâu thuẫn bản chất là *một nguyên tắc* cần được áp dụng trong phân tích mâu thuẫn. Nó đòi hỏi chúng ta không được dừng lại, thỏa mãn ở mâu thuẫn hiện tượng; phải phân biệt đâu là hiện tượng, đâu là bản chất; phải căn cứ trên *vô số* những mâu thuẫn hiện tượng, phân loại chúng, phải áp dụng các phương pháp của tư duy như *khái quát hóa, trừu tượng hóa*, loại bỏ những cái ngẫu nhiên, bề ngoài, đi sâu vào bên trong mới xác định được bản chất của chúng. Ngoài ra, cần phải tránh việc xác định bản chất của mâu thuẫn từ tư duy *chủ quan*, bằng *phương pháp tư biện*, rút mâu thuẫn từ "ý niệm", như cách làm của các nhà triết học duy tâm.

2.2. Phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập

Khi đã xác định được mâu thuẫn bản chất của vấn đề, bước tiếp theo của phương pháp phân tích mâu thuẫn là đi sâu nghiên cứu các mặt đối lập cấu thành mâu thuẫn, tức phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập của nó.

Phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập không chỉ là *một nguyên tắc căn bản* của phương pháp phân tích mâu thuẫn, mà còn được V.I. Lênin đánh giá là *thực chất*, là một trong những *bản chất* của phép biện chứng.

"Sự phân đôi cái thống nhất và sự nhận thức các bộ phận mâu thuẫn của nó (...), đó là *thực chất* (một trong những "bản chất", một trong những đặc trưng hay đặc điểm cơ bản, nếu không phải là đặc trưng hay đặc điểm cơ bản nhất) của phép biện chứng."[1]

Mỗi sự vật, hiện tượng, quá trình trong tự nhiên, xã hội, tư duy là một thể thống nhất của các mặt đối lập, vừa liên hệ, ràng buộc, phụ thuộc lẫn nhau, vừa bài trừ, chống đối, phủ định lẫn nhau. Chính vì thế, việc nhận thức sâu sắc và toàn diện về sự vật, hiện tượng không thể có được nếu không phân chia thể thống nhất ấy thành các mặt đối lập và nghiên cứu chúng một cách tỉ mỉ; mỗi mặt được nghiên cứu một cách sâu sắc, hết mặt nọ đến mặt kia, mặt này được tạm thời trừu tượng hóa khỏi mặt kia. Phân chia thể thống nhất thành từng mặt, từng bộ phận để nghiên cứu chúng dưới dạng trừu tượng, trong sự tách rời giữa chúng là *khả năng*, là *điều kiện đầu tiên duy nhất* để tư duy nhận thức xâm nhập vào kết cấu bên trong của sự vật và phát hiện ra các mối liên hệ, các quá trình nội tại của nó.

Thế nào là phân đôi cái thống nhất ? Trước hết, chúng ta cần lưu ý rằng, trong *Bút ký triết học*, thuật ngữ "*phân đôi*"

---

1 V.I. Lênin, *Toàn tập*, sđd, t. 29, tr. 378.

(раздвоение) được V.I. Lênin dùng đôi khi ở khía cạnh bản thể luận, đôi khi ở khía cạnh nhận thức luận. Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà ta có thể phân biệt thuật ngữ này được dùng ở khía cạnh nào.

Ở khía cạnh bản thể luận, sự phân đôi mô tả quá trình hình thành những mâu thuẫn cụ thể của sự vật. Sự phát triển được thực hiện bằng cách phân đôi thể thống nhất thành các mặt đối lập, vừa liên hệ, gắn bó với nhau, vừa bài trừ, phủ định lẫn nhau. Khi sự triển khai của các mặt đối lập đã đạt đến một trình độ nhất định thì mâu thuẫn được giải quyết hoàn toàn, sự vật chuyển lên một trạng thái mới về chất. Tất nhiên, điều này không áp dụng đối với những *mâu thuẫn phổ biến* tồn tại cùng với thế giới vật chất, như mâu thuẫn giữa vận động và đứng yên, giữa phát triển và thụt lùi, giữa cái riêng và cái chung, giữa nội dung và hình thức, v.v., vì những mâu thuẫn này cũng như bản thân vật chất, không có khởi đầu và kết thúc. Còn ở sự hình thành những mâu thuẫn cụ thể thì quá trình phân đôi là điều *phổ biến.*

Để thấy được sự phân đôi thể thống nhất thành những mặt đối lập, ta phải *xem xét sự phát triển trong một thời gian nhất định*. Chẳng hạn, nếu chỉ xem xét trong phạm vi xã hội tư bản chủ nghĩa, thì người ta có lý để nói nói rằng, ngay từ đầu xã hội tư sản đã mang trong mình sự đối lập giữa vô sản và tư sản, giữa thành thị và nông thôn, v.v., chứ không phải là sau khi xã hội tư bản ra đời một thời gian mới có sự phân chia ra thành những mặt đối lập ấy. Tuy nhiên, nếu xem xét trong phạm vi lịch sử lâu dài của xã hội loài

người, ta sẽ thấy, trong thời kỳ nguyên thủy chưa có sự phân chia giai cấp, sự phân biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa thành thị và nông thôn. Những mâu thuẫn này không phải đã có sẵn ngay từ đầu của xã hội loài người, mà chỉ xuất hiện ở một giai đoạn nhất định, và tất nhiên sẽ được giải quyết ở một trình độ phát triển nhất định của xã hội .

Chính vì thế, Ph. Ăngghen khẳng định rằng sự vận động, phát triển là "sự vận động thông qua những mặt đối lập"[1], là "sự phân ra thành những đối lập, sự đấu tranh và việc giải quyết những đối lập đó"[2]. C. Mác xem sự ra đời, sự đấu tranh và sự giải quyết của mâu thuẫn là bản chất của sự vận động, phát triển. Ông viết: "Cái cấu thành bản chất của sự vận động biện chứng, chính là sự cùng nhau tồn tại của hai mặt mâu thuẫn, sự đấu tranh giữa hai mặt ấy và sự dung hợp của hai mặt ấy thành một phạm trù mới"[3]. V.I. Lênin cũng phân biệt hai quan điểm về sự phát triển: đối với quan điểm siêu hình, phát triển chỉ là sự tăng giảm về lượng, lặp lại. Còn đối với quan điểm biện chứng thì phát triển là "sự phân đôi của cái thống nhất thành những mặt đối lập bài trừ lẫn nhau và mối quan hệ lẫn nhau giữa các mặt đối lập ấy."[4]

Còn *phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập* mà chúng ta bàn ở đây là *thuộc về lĩnh vực nhận thức*

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, t. 20, tr. 694.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, sđd, t. 20, tr. 845.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen, sđd, t. 4, tr. 191.
4. V.I. Lênin, *Toàn tập*, sđd, t. 29, tr. 379.

luận, là một trong những nguyên tắc của phương pháp nhận thức biện chứng - phương pháp phân tích mâu thuẫn. Nó là thao tác của tư duy, là *phép biện chứng chủ quan*, là *hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan.*

Phân đôi cái thống nhất thành những mặt đối lập là một thao tác căn bản của tư duy trong quá trình phản ánh, quá trình nhận thức mâu thuẫn của sự vật, hiện tượng. Do đó, đòi hỏi đầu tiên của việc áp dụng phương pháp phân tích mâu thuẫn là *phải phân đôi một cách chính xác* thể thống nhất thành những mặt đối lập.

Việc phân đôi cái thống nhất thành những mặt đối lập, mặc dù là thao tác của tư duy, nhưng *không phải là thao tác chủ quan, tùy tiện*. Sự vật có mâu thuẫn gì, có những mặt đối lập nào - điều đó không do người phân tích quyết định, mà *do chính sự vật quyết định*. V.I. Lênin nói đến *sự phân đôi cái thống nhất*, tức sự phân đôi thể thống nhất của các mặt đối lập, chứ không phải là sự phân đôi một sự vật bất kỳ. Không thể phân chia sự vật thành những mặt đối lập mà nó vốn không có trong thực tế.

Như vậy, sự phân đôi cái thống nhất thành những mặt đối lập là một vấn đề cực kỳ phức tạp, *đòi hỏi một trình độ nhận thức cao cũng như một thái độ thực sự khách quan khoa học*. Do đó, trong thực tế điều đó có thể được thực hiện một cách đúng đắn, khoa học, cũng có thể được thực hiện một cách chủ quan, ngụy biện, sai lầm. Sự phân đôi đó có thể phản ánh chính xác sự thật khách quan, phản ánh sự vật đúng như nó đang tồn tại trong thực tế,

hoặc có thể chỉ là sự gán ghép một cách tùy tiện, sự xuyên tạc, bịa đặt do trình độ hạn chế của tư duy hay do một mục đích ích kỷ nào đó.

Nguyên tắc phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập đòi hỏi không những phải phân chia các mặt đối lập một cách chính xác, khoa học, mà còn *phải nhận thức các mặt đối lập một cách đúng đắn*. Nếu không nhận thức một cách cụ thể, chính xác từng mặt thì không thể hiểu một cách đúng đắn mối quan hệ giữa các mặt đó.

Thí dụ, để nắm được một cách khoa học mối quan hệ giữa ý thức với vật chất, tránh được những sai lầm duy tâm, duy ý chí thì trước hết, chúng ta phải phân chia hiện thực thành hai lĩnh vực - vật chất và ý thức - và nghiên cứu hai phạm trù đó một cách tỉ mỉ. C. Mác trong *Tư bản* đã bắt đầu bằng sự phân đôi *hàng hóa* - cái tế bào đơn giản nhất của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - thành hai mặt đối lập : giá trị và giá trị sử dụng và nghiên cứu các mặt đó một cách tỉ mỉ, riêng lẻ, trước khi nghiên cứu mối quan hệ giữa chúng. Ngay cấu trúc của bộ *Tư bản* cũng phản ánh nguyên tắc phân đôi đó. Nền sản xuất thống nhất được phân chia thành hai quá trình: quá trình sản xuất và quá trình lưu thông. Toàn bộ quyển thứ nhất được dùng để nghiên cứu "*quá trình sản xuất* tư bản chủ nghĩa tự nó xem như một quá trình sản xuất trực tiếp, trong khi đó không kể đến tất cả những ảnh hưởng thứ yếu do hoàn cảnh ở bên ngoài quá trình ấy gây ra". Quá trình lưu thông là đối tượng nghiên cứu của quyển thứ II. Trong phần 3 quyển II và toàn bộ

quyển III, quá trình sản xuất và lưu thông được nghiên cứu trong mối quan hệ giữa chúng .

Việc nhận thức các mặt đối lập đòi hỏi phải *xem xét một cách khách quan, chính xác tính chất và vai trò của từng mặt* tạo thành chỉnh thể. Tính chất và vai trò của các mặt đối lập là cái vốn có của sự vật, hiện tượng, không do con người gán ghép một cách tùy tiện được.

Tính chất, đặc điểm và vai trò của các mặt đối lập có sự khác nhau trong những giai đoạn khác nhau của mâu thuẫn, chẳng hạn, tính chất và vai trò của giai cấp tư sản và giai cấp vô sản có những thay đổi nhất định trong các thời kỳ khác nhau - ở các thế kỷ XVII, XVIII, XIX và XX. Ngay cả giai cấp tư sản cũng có vai trò tích cực, tính chất tiến bộ và cách mạng trong một thời kỳ nhất định. Ngoài ra, thế giới hiện thực còn có những mâu thuẫn mà trong đó không có mặt nào có thể xem là tích cực hay tiêu cực, tiến bộ hay lạc hậu.

Quan điểm siêu hình nhìn thấy ở bất kỳ mâu thuẫn nào cũng có hai mặt : tốt và xấu, tích cực và tiêu cực, tiến bộ và lạc hậu. Nhưng như trên đã phân tích, không phải trong bất kỳ trường hợp nào những yếu tố tích cực, tiến bộ cũng tập trung ở một mặt, còn những yếu tố lạc hậu, lỗi thời thì tập trung ở mặt kia. Thay vì phân tích một cách cụ thể, khách quan tính chất, đặc điểm và vai trò của mỗi mặt, những người theo quan điểm siêu hình chỉ đơn giản gán ghép tính chất tích cực, tiến bộ cho một mặt và tính chất tiêu cực, lạc hậu cho mặt kia; trên cơ sở đó

họ đề ra nhiệm vụ xóa bỏ mặt xấu, mặt tiêu cực và giữ lại mặt tốt, mặt tích cực. Về điểm này chúng ta cần nhớ lại lời C. Mác phê phán Prudông: "Chỉ với việc tự đề ra cho mình vấn đề loại bỏ mặt xấu, người ta cũng đã chặn đứng sự vận động biện chứng rồi."[1]

Mẫu mực trong việc nhận thức các mặt đối lập một cách biện chứng khách quan là cách tiếp cận của C. Mác, Ph. Ăngghen đối với chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Các ông nhìn thấy trong chủ nghĩa duy tâm của G. Hêgen, đằng sau cái vỏ thần bí, các ông nhìn thấy cái hạt nhân hợp lý của nó. Tuy đánh giá cao chủ nghĩa duy vật vô thần của L. Phoiơbăc, nhưng các ông cũng chỉ ra tính chất siêu hình và duy tâm về xã hội của chủ nghĩa duy vật đó.

Tóm lại, sự phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập đòi hỏi không những phải phân đôi cái thống nhất một cách đúng đắn, phù hợp với thực tế khách quan, mà còn phải nhận thức các mặt đối lập ấy một cách chính xác, khoa học, phân tích tỉ mỉ các tính chất, đặc điểm, vai trò của mỗi mặt tạo nên cái toàn thể ấy.

2.3. Thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập

Thuật ngữ "*thống nhất*", "*đồng nhất*" của các mặt đối lập (единство, тождество противоположностей) cũng được V.I. Lênin dùng ở hai khía cạnh: bản thể luận và nhận thức luận.

Ở khía cạnh *bản thể luận*, khái niệm *thống nhất, đồng nhất* của các mặt đối lập được dùng để chỉ một phương diện

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 4, tr. 191.

trong mối quan hệ giữa hai mặt đối lập: các mặt đối lập tồn tại trong sự gắn bó, xâm nhập, quy định lẫn nhau, có một số đặc điểm tương đồng với nhau và có thể chuyển hóa lẫn nhau trong những điều kiện nhất định.

Về mặt *nhận thức luận*, khái niệm *thống nhất, đồng nhất* của các mặt đối lập được dùng để chỉ một nguyên tắc của phương pháp nhận thức biện chứng là *nắm, phản ánh, nhận thức sự vật trong chỉnh thể, trong mối liên hệ ràng buộc, phụ thuộc lẫn nhau của các mặt đối lập tạo nên sự vật đó*.

V.I. Lênin nói : "Sự đồng nhất của các mặt đối lập ("sự thống nhất" của chúng, nói như vậy có lẽ đúng hơn ? tuy ở đây sự phân biệt giữa các từ đồng nhất và thống nhất không quan trọng lắm. Theo một nghĩa nào đó cả hai đều đúng), đó là sự thừa nhận (sự tìm ra) những khuynh hướng mâu thuẫn, *bài trừ lẫn nhau*, đối lập, trong *tất cả* các hiện tượng và quá trình của giới tự nhiên (*kể cả* tinh thần và xã hội). Điều kiện của một sự nhận thức về tất cả các quá trình của thế giới trong "*sự tự vận động*" của chúng, trong sự phát triển tự phát của chúng, trong đời sống sinh động của chúng là sự nhận thức chúng với tính cách là sự thống nhất của các mặt đối lập."[1]

V.I. Lênin nêu lên nguyên tắc thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập ngay sau nguyên tắc phân đôi cái thống nhất. V.I. Lênin cũng lưu ý rằng phân tích mâu thuẫn không

---

1. V.I. Lênin, *Toàn tập*, sđd, t. 29, tr. 379.

phải là đơn giản liệt kê ra những ví dụ trong đó có những cặp mặt đối lập, tuy Ph. Ăngghen cũng làm như vậy nhưng chỉ để phổ thông hóa mà thôi, chúng không được coi là quy luật của nhận thức. Đối với V.I. Lênin, phân tích mâu thuẫn là phải nắm mâu thuẫn trong sự thống nhất của các mặt đối lập, trong sự đấu tranh, sự chuyển hóa của chúng, trong sự phát triển của mâu thuẫn.

Sở dĩ cần phải nắm các mặt đối lập trong sự thống nhất, đồng nhất của chúng, vì mỗi mặt trong hai mặt đối lập là một bộ phận của cái toàn thể, do đó, *nếu chỉ nghiên cứu một mặt thì chưa có được tri thức về cái toàn thể*. Hơn nữa, các mặt đối lập không tồn tại như những bộ phận độc lập, riêng lẻ, mà mặt này lấy mặt kia làm tiền đề tồn tại cho mình. Bởi vậy, *việc nghiên cứu mỗi mặt dưới dạng thuần tuý, trong sự tách rời với mặt kia chưa đem lại tri thức sâu sắc, đúng đắn về chính mặt đó*. Cái khó của tư duy là không thể nghiên cứu sự vật nếu không chia cắt chúng thành từng mặt, từng bộ phận để xem xét. Nhưng chính việc chia cắt đó lại có khả năng làm cho tư duy phản ánh phiến diện, không chính xác về đối tượng.

V.I. Lênin cũng đồng ý với G. Hêgen về điểm này: "Cái luôn luôn gây khó khăn, đó là tư duy, bởi vì nó xét những vòng khâu của một đối tượng trong sự tách rời nhau, mà trong hiện thực, chúng là gắn liền với nhau". Và V.I. Lênin nói tiếp: "Chúng ta không thể biểu hiện, thể hiện, đo lường, hình dung sự vận động mà không cắt đứt tính liên tục, không đơn giản hóa, không làm thô lỗ, không tách rời,

không làm chết cứng cái đang sống. Việc tư duy (không những tư duy mà cả cảm giác) hình dung sự vận động (không những sự vận động mà **tất cả** các khái niệm) bao giờ cũng làm thô lỗ, làm chết cứng.

Đấy chính là *bản chất* của phép biện chứng. *Chính bản chất ấy* đã được thể hiện trong công thức: thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập."[1]

Chính vì thế, tư duy không được dừng lại ở sự phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập, mà phải tiến lên tổng hợp chúng lại, nghiên cứu mối quan hệ giữa chúng. Kết quả của việc phân tích mâu thuẫn không phải là nhận thức sự vật với những mặt đối lập riêng lẻ của nó, mà là *nắm bắt sự vật trong sự thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập*.

Nguyên tắc phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập và nguyên tắc thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập không tách rời nhau, chúng có mối liên hệ khăng khít với nhau. Sự nhận thức mâu thuẫn chỉ có thể thực hiện bằng cách phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập. Tuy nhiên, việc nhận thức các mặt đối lập dưới dạng thuần tuý, trong sự tách rời giữa chúng chỉ là *điều kiện ban đầu, tạm thời*, sau đó tư duy tiến lên *nghiên cứu các mặt đối lập trong mối liên hệ, ràng buộc, xâm nhập, chế ước lẫn nhau*. Khi xem xét mặt này không được quên mặt kia; nếu tách rời mặt này khỏi mặt kia thì nó

1. V.I. Lênin, *Toàn tập*, sđd, t. 29, tr. 275.

không còn là nó nữa. Bản chất và vai trò của mỗi mặt chỉ được xác định trong mối quan hệ với mặt kia mà thôi. Xem xét sự vật không phải như là tổng số các mặt đối lập, mà như là sự thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập.

"Phân đôi cái thống nhất" để nhận thức các mặt đối lập và "thống nhất, đồng nhất các mặt đối lập" để nắm sự vật trong chỉnh thể là hai nguyên tắc tuy phản ánh hai quá trình khác nhau, nhưng chúng *làm tiền đề cho nhau, bổ sung lẫn nhau*. Nếu không phân đôi để nghiên cứu kỹ từng mặt thì không thể nắm các mặt đối lập trong sự thống nhất, đồng nhất của chúng. Ngược lại, nếu phân đôi mà không tổng hợp lại để nắm các mặt đối lập trong sự thống nhất, đồng nhất của chúng thì việc phân tích mâu thuẫn cũng chưa thoát khỏi sự hạn chế của quan điểm siêu hình.

Trong bài "*Tính mâu thuẫn của nhận thức và sự nhận thức mâu thuẫn"*, B.M. Kedrov nhận xét: "Vận động của nhận thức thông qua sự phân tích đi đến sự tổng hợp chỉ là sự lùi bước, sự xa rời khỏi tính toàn vẹn và tính cụ thể của đối tượng nghiên cứu để phân chia và giải thích một cách trừu tượng các bộ phận của nó; làm việc đó chỉ là để sau đó nhận thức đối tượng một cách đầy đủ hơn, chính xác hơn ngay trong tính toàn vẹn và tính cụ thể của nó."[1]

"Khi cả hai mặt đối lập, - ông viết tiếp, - tạo nên bản chất của đối tượng đó trong sự thống nhất của chúng đã

1. B.M. Kedrov, *Tính mâu thuẫn của nhận thức và sự nhận thức mâu thuẫn* (Противоречивость познания и познание противоречия). Trong: "Диалектическое противоречие" (Mâu thuẫn biện chứng), Nxb Chính trị, Matxcơva, 1997, tr. 18.

được nghiên cứu từng mặt một trong sự trừu tượng do chặn lại cái đang vận động, làm chết cứng cái đang sống, làm tầm thường, làm thô lỗ những kết quả nhận thức, là đã đến lúc trên cơ sở những nghiên cứu trước đó, tư tưởng con người có khả năng gắn cả hai mặt đối lập lại thành cái thống nhất, làm sống lại, khôi phục lại mâu thuẫn đã bị chia cắt thành từng bộ phận, và nhất là đem lại sự vận động cho cái đã bị chặn lại, làm hồi sinh cho cái đã bị làm cho chết cứng."[1]

A.P. Septulin cũng có nhận xét tương tự : "Tính tất yếu của việc phân đôi chỉnh thể được nhận thức thành các mặt đối lập và vạch ra mối liên hệ qua lại giữa chúng bắt nguồn từ thực tế là mỗi thành tạo vật chất (sự vật, đối tượng) là sự thống nhất của các mặt đối lập, bao hàm những khuynh hướng đối lập" , và do đó, " *Tách ra trong ý thức những mặt này, mặt kia của chỉnh thể cần nghiên cứu và hợp nhất chúng nhằm thu được tri thức mới* là một khâu cơ bản để chiếm lĩnh bằng lý luận các đối tượng và hiện tượng của thế giới bên ngoài."[2]

Tư duy siêu hình không nắm được sự thống nhất của các mặt đối lập, tách rời mặt nọ khỏi mặt kia, đối lập chúng một cách cứng nhắc, xem chúng như những đối cực bài trừ nhau một cách tuyệt đối, không thể dung hợp với nhau được. Thuật ngụy biện thường tuyệt đối hóa một trong hai mặt đối

1. B.M. Kedrov, sđd, tr. 19.
2. A.P. Septulin, *Phương pháp nhận thức biện chứng*, Nxb Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội, 1987, tr. 148, 201.

lập (tuyệt đối hóa mặt nào là do ý đồ chủ quan của họ) dẫn đến phủ nhận hoàn toàn mặt kia.

Trong lịch sử triết học người ta đã biết đến nhiều dẫn chứng về những sai lầm như vậy. Chẳng hạn, trong quan hệ giữa tất yếu và tự do trong hoạt động của con người, có quan điểm tuyệt đối hóa cái tất yếu, phủ nhận mọi tự do; ngược lại, cũng có quan điểm tuyệt đối hóa tự do đến mức phủ nhận mọi cái tất yếu và quy luật khách quan. V.I. Lênin cũng đã phê phán quan điểm chủ quan và thuật ngụy biện về mối quan hệ giữa cái tương đối và cái tuyệt đối. V.I. Lênin nói : "Đối với phép biện chứng khách quan, *trong* cái tương đối *có* cái tuyệt đối. Đối với chủ nghĩa chủ quan và thuật ngụy biện thì cái tương đối chỉ là tương đối và loại trừ cái tuyệt đối."[1]

Nguyên tắc thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập không chỉ áp dụng trong việc phân tích sự vật, hiện tượng khách quan, mà còn áp dụng cho cả việc xem xét các khái niệm trong tư duy của con người. Bởi vì, các mâu thuẫn khách quan tất yếu được phản ánh trong tư duy của con người thành những cặp khái niệm, cặp phạm trù, trong đó mỗi khái niệm, mỗi phạm trù phản ánh một mặt nào đó, nghĩa là nó có liên hệ với một khái niệm, một phạm trù khác phản ánh mặt đối lập với nó. Do đó, những khái niệm, những phạm trù biện chứng này không cô lập, cứng nhắc, mà chúng *có sự đồng nhất với nhau, xâm nhập lẫn nhau;*

---

1. V.I. Lênin, *Toàn tập*, sđd, t. 29, tr. 380.

chúng luôn luôn vận động, phát triển và có thể chuyển hóa lẫn nhau trong những điều kiện nhất định.

V.I. Lênin viết : "Không phải chỉ là (1) *mối liên hệ*, và mối liên hệ khăng khít của tất cả mọi khái niệm và phán đoán, mà là (2) *chuyển hóa* từ cái này sang cái kia, và không những là chuyển hóa, mà là (3) *đồng nhất của các mặt đối lập* - đó là điều chủ yếu đối với Hêghen".[1]

Tuy nhiên, V.I. Lênin cũng lưu ý rằng, tính linh hoạt của các khái niệm nếu được "áp dụng một cách *khách quan*, nghĩa là phản ánh tính toàn diện của quá trình vật chất và sự thống nhất của quá trình đó, thì đó là phép biện chứng, là sự phản ánh chính xác sự phát triển vĩnh viễn của thế giới". Tuy nhiên, "Tính linh hoạt đó áp dụng một cách chủ quan = chủ nghĩa chiết trung và ngụy biện".[2]

Như vậy, theo V.I. Lênin, việc áp dụng tính linh hoạt của các khái niệm có thể dẫn đến phép biện chứng hoặc dẫn đến chủ nghĩa chiết trung và thuật ngụy biện. Vấn đề tùy thuộc vào chỗ việc áp dụng đó có tính khách quan hay là mang tính chủ quan.

Trong lịch sử triết học đã có nhiều biểu hiện của sự đồng nhất các mặt đối lập không dẫn đến phép biện chứng mà dẫn đến chủ nghĩa chủ quan, chủ nghĩa chiết trung và thuật ngụy biện.

---

1. V.I. Lênin, *Toàn tập*, sđd, t. 29, tr. 186.
2. V.I. Lênin, *Toàn tập*, sđd, t. 29, tr. 118.

Chủ nghĩa chiết trung thường kết hợp các mặt đối lập một cách vô nguyên tắc, tức là kết hợp những mặt, những yếu tố về nguyên tắc không thể cùng tồn tại trong một thể thống nhất với nhau được, thí dụ, sự kết hợp những yếu tố duy vật và duy tâm trong một hệ thống triết học nào đó. Sự thống nhất và đồng nhất của các mặt đối lập là cái khách quan vốn có trong bản thân sự vật, chứ không phải là do sự kết hợp chúng lại một cách chủ quan, tùy tiện được.

Thuật ngụy biện, ngoài việc phân đôi cái thống nhất một cách tùy tiện, tuyệt đối hóa một mặt nào đó như đã nêu trong phần trước, còn có một số biểu hiện khác như sau:

Một là, sự đồng nhất của các mặt đối lập trong thuật ngụy biện dẫn đến *xóa nhòa ranh giới* giữa chúng. Thật ra, khi phép biện chứng khẳng định rằng giữa các mặt đối lập hợp thành mâu thuẫn không có một ranh giới cứng nhắc, tuyệt đối; giữa chúng có vô số những điểm chung, tương đồng với nhau, thì điều đó hoàn toàn không có nghĩa là giữa chúng không có một sự khác biệt, đối lập, một ranh giới nhất định. Thế nhưng, một số quan điểm triết học đã tìm cách xóa nhòa ranh giới đó. Thí dụ, một số nhà triết học duy tâm chủ quan, như G. Beccơly, Đ. Hium đồng nhất cảm giác (là cái chủ quan) với sự vật (là cái khách quan), coi hai cái là một, coi sự vật cũng chính là cảm giác. Trong triết học Trung Hoa cổ đại, Trang Tử ở mức độ nào đó cũng là người xóa nhòa ranh giới giữa ta và vật, giữa đúng và sai, giữa phúc và họa, giữa sống và chết ...[1]

1. Xem Nguyễn Hiến Lê (giới thiệu và chu dịch), *Trang Tử và Nam hoa kinh*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1994, tr. 26, 55, 95, 102.

Hai là, thuật ngụy biện thường áp dụng sự chuyển hóa của các mặt đối lập một cách tùy tiện, bất chấp điều kiện cụ thể. Khi phép biện chứng khẳng định các mặt đối lập có thể chuyển hóa lẫn nhau, thì điều đó không có nghĩa là nó tuyên bố rằng sự chuyển hóa đó diễn ra bất chấp những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể. Thí dụ, không phải trong bất cứ điều kiện nào cái phúc và cái hoạ, cái sướng và cái khổ, cái tốt và cái xấu, cái thiện và cái ác, v.v., cũng có thể chuyển hóa lẫn nhau được.

2.4. Hiểu rõ nguồn gốc, điều kiện tồn tại và quá trình phát triển của mâu thuẫn

Nghiên cứu mâu thuẫn trong trạng thái "động" không dừng lại ở việc nghiên cứu sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các mặt đối lập, mà còn phải *nghiên cứu mâu thuẫn trong quá trình*: sự ra đời, điều kiện tồn tại, quá trình phát triển và giải quyết mâu thuẫn. Vấn đề giải quyết mâu thuẫn sẽ được nghiên cứu trong một chương riêng. Trong tiết này, chỉ đề cập vấn đề nguyên nhân, điều kiện tồn tại và quá trình phát triển của mâu thuẫn.

Những mâu thuẫn phổ biến của thế giới vật chất thì cũng giống như bản thân thế giới vật chất là không *có khởi đầu, không có kết thúc*, cho nên không thể nói đến nguyên nhân của chúng. Chẳng hạn, ta không thể đặt ra câu hỏi: Tại sao thế giới có mâu thuẫn, tại sao trong cuộc sống chứa đầy mâu thuẫn? Tại sao vật chất vừa có vận động vừa có đứng im, vừa có phát triển vừa có thụt lùi, v.v..

Còn đối với một mâu thuẫn cụ thể thì ta có thể và cần phải đặt ra câu hỏi về nguyên nhân của nó.

Trong tác phẩm "*Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*", C. Mác viết:

"Cũng giống như vậy, sự phê phán thật sự triết học đối với chế độ nhà nước hiện đại không chỉ vạch ra những mâu thuẫn của chế độ ấy, coi như là những mâu thuẫn tồn tại một cách hiện thực; nó còn giải thích những mâu thuẫn ấy; nó hiểu được quá trình phát sinh và tính tất yếu của những mâu thuẫn ấy."[1]

Nguyên nhân (nguồn gốc của mâu thuẫn) có thể là nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân có tính tất yếu, nguyên nhân không có tính tất yếu, hoặc nhiều khi là tổng hợp của nhiều loại nguyên nhân.

Hiểu được nguồn gốc (nguyên nhân) một mâu thuẫn nhất định giúp ta xác định giải pháp đúng đắn để giải quyết mâu thuẫn ấy. Nguyên nhân chủ quan, không có tính tất yếu thì có thể loại bỏ được và như vậy mâu thuẫn có thể được giải quyết sau khi nguyên nhân của nó bị loại bỏ. Còn mâu thuẫn xuất phát từ nguyên nhân có tính tất yếu khách quan thì quá trình giải quyết mâu thuẫn phải tuân theo quy luật khách quan, nghĩa là không thể loại bỏ được mâu thuẫn khi nguyên nhân của nó vẫn còn tồn tại một cách tất yếu.

Điều này được C. Mác và Ph. Ăngghen vận dụng trong phân tích mâu thuẫn giai cấp. Nguyên nhân của sự phân

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 1, tr. 448.

chia xã hội thành những giai cấp đối kháng là *sự phát triển chưa đầy đủ của lực lượng sản xuất* và *sự ra đời của chế độ tư hữu*. Ngoài nguyên nhân kinh tế là nguyên nhân cơ bản, còn có những nguyên nhân khác như bạo lực, cướp bóc, lừa đảo, lợi dụng địa vị, quyền lực, v.v..

"Sự phân chia xã hội thành giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột, thành giai cấp thống trị và giai cấp bị trị là kết quả tất yếu của sự phát triển thấp trước đây của sản xuất. Chừng nào mà toàn bộ lao động xã hội chỉ cung cấp được một số sản phẩm chỉ vượt quá rất ít số tư liệu cần thiết cho sự tồn tại của mọi người, do đó, chừng nào lao động choán hết hay gần hết thì giờ của tối đại đa số thành viên trong xã hội, thì chừng đó xã hội tất nhiên phải chia thành giai cấp. Bên cạnh đại đa số hoàn toàn phải lao động một cách không tự nguyện ấy, thì hình thành nên một giai cấp được giải phóng khỏi công việc lao động sản xuất trực tiếp và do vậy nó làm những công việc chung của xã hội như: quản lý lao động, công việc nhà nước, tư pháp, khoa học, nghệ thuật, v.v.. Do đó quy luật phân công lao động chỉ làm cơ sở cho sự phân chia thành giai cấp. Nhưng điều đó hoàn toàn không loại trừ việc sử dụng bạo lực, cướp bóc, mánh khoé và lừa bịp trong sự hình thành các giai cấp, và không cản trở các giai cấp thống trị, một khi đã nắm được chính quyền sẽ cũng cố địa vị của nó trên lưng các giai cấp lao động và biến việc quản lý xã hội thành việc bóc lột quần chúng."[1]

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 20, tr. 390 - 391.

Như vậy, sự phân chia xã hội thành giai cấp là có tính khách quan, tất yếu do chế độ tư hữu và quy luật phân công lao động trong điều kiện lực lượng sản xuất thấp và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Khi lực lượng sản xuất còn ở trình độ quá thấp phù hợp với chế độ công hữu nguyên thủy thì sự phân công lao động cũng chưa phát triển. Những người quản lý thị tộc, bộ lạc cũng lao động sản xuất như những người khác, chưa hình thành một tầng lớp quản lý tách rời lao động sản xuất. Đồng thời cũng do trình độ quá thấp của lực lượng sản xuất, không có của cải dư thừa nên tình trạng ăn bám, bóc lột cũng không thể tồn tại được.

Ở một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất tất yếu hình thành một giai cấp nắm hết tư liệu sản xuất, quản lý sản xuất, từ đó nắm quyền quản lý nhà nước, lợi dụng địa vị trong sản xuất và quản lý nhà nước để "chiếm đoạt lao động" của giai cấp những người lao động. Điều này cũng được V.I. Lênin phân tích trong tác phẩm "*Sáng kiến vĩ đại*".

Cũng theo các nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác-Lênin, giai cấp không phải là hiện tượng vĩnh viễn; nó chỉ tồn tại trong những điều kiện lịch sử nhất định. Nếu giai cấp ra đời và tồn tại dựa trên sự phát triển không đầy đủ của lực lượng sản xuất, thì giờ đây nó sẽ bị sự phát triển đầy đủ của lực lượng sản xuất xóa bỏ.

"Nhưng nếu do đó sự phân chia thành giai cấp có một tồn tại lịch sử chính đáng nào đó thì nó cũng chỉ có thể có lý do ấy trong một thời kỳ nhất định, trong những điều kiện

xã hội nhất định. Nó dựa trên sự sản xuất không đầy đủ; nó sẽ bị sự phát triển đầy đủ của lực lượng sản xuất hiện đại xóa bỏ."[1]

Từ việc phân tích sự ra đời và tồn tại của giai cấp, Ph. Ăngghen chỉ ra khả năng và điều kiện xóa bỏ giai cấp. Đó là *một trình độ phát triển cao của sản xuất.* Bởi vì, với trình độ cao của lực lượng sản xuất thì chế độ tư hữu mới trở thành vật cản trở sự phát triển xã hội, người lao động mới có đủ năng lực và thời giờ tham gia vào các công việc chung. Họ sẽ trở thành người chủ thật sự của xã hội xã hội. Lúc đó, xã hội sẽ *không có cần đến một giai cấp đặc biệt* chiếm hữu tư liệu sản xuất và nắm độc quyền trong quản lý sản xuất, quản lý nhà nước và xã hội.

"Và thật vậy sự xóa bỏ giai cấp xã hội giả định phải có một trình độ phát triển lịch sử trong đó sự tồn tại không chỉ của một giai cấp thống trị nhất định này hay một giai cấp thông trị nhất định khác, mà là của một giai cấp thống trị nói chung, do đó ngay cả sự phân chia giai cấp, cũng đều trở thành một điều không hợp thời đại, trở thành lỗi thời. Do đó sự xóa bỏ giai cấp giả định phải có một trình độ phát triển cao của sản xuất, trong đó việc một giai cấp đặc biệt chiếm hữu tư liệu sản xuất và sản phẩm, và do đó, chiếm cả quyền thống trị chính trị, độc quyền giáo dục và chỉ đạo tinh thần, không những trở nên thừa mà còn cản trở sự phát triển kinh tế, chính trị và tinh thần nữa."[2]

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 20, tr. 391.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 20, tr. 391.

Sự bất bình đẳng nam nữ cũng được Ph. Ăngghen phân tích một cách khoa học trong tác phẩm "*Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và nhà nước*". Dựa trên những tài liệu khoa học do các nhà xã hội sưu tập, Ph. Ăngghen chỉ ra rằng, chế độ mẫu quyền tồn tại phổ biến trong các thị tộc nguyên thủy. Khi trồng trọt và chăn nuôi ra đời và cùng với sự phát triển của chế độ tư hữu thì sự bất bình đẳng nam nữ lại chuyển sang một cực khác: đưa địa vị người đàn ông lên hàng chủ yếu và địa vị người phụ nữ xuống hàng thứ yếu.

"Chế độ mẫu quyền bị lật đổ là *sự thất bại lịch sử có tính chất toàn thế giới của giới phụ nữ*."[1]

Do trình độ phát triển thấp của lực lượng sản xuất và sự phân công lao động xã hội mà người phụ nữ chịu sự thua kém về nhiều mặt so với nam giới. Từ sự phân tích đó, Ph. Ăngghen chỉ ra điều kiện để xóa bỏ sự bất bình đẳng nam nữ:

"Sự thống trị của người đàn ông trong hôn nhân chỉ đơn thuần là kết quả của sự thống trị của họ về kinh tế, và sẽ tiêu vong cùng với sự thống trị về kinh tế."[2]

"Chỉ có thể giải phóng được người phụ nữ khi người phụ nữ có thể tham gia sản xuất trên quy mô xã hội rộng lớn và chỉ phải làm công việc trong nhà rất ít. Nhưng chỉ với nền đại công nghiệp hiện đại, là nền công nghiệp không những thu nhận lao động của phụ nữ trên quy mô lớn, mà còn trực tiếp đòi hỏi phải có lao động phụ nữ và

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 21, tr. 93.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 21, tr. 127.

ngày càng có xu hướng hòa tan lao động tư nhân của gia đình trong nền sản xuất công cộng, thì mới có thể thực hiện được điều nói trên."[1]

2.5. Nắm được hệ thống mâu thuẫn của sự vật và quan hệ của mỗi mâu thuẫn trong hệ thống.

Mâu thuẫn trong tự nhiên và trong xã hội đều tồn tại với những *hệ thống* nhất định. Mỗi mâu thuẫn là một tiểu hệ thống nằm trong một hệ thống lớn bao gồm nhiều mâu thuẫn. Do đó, việc *xem xét mâu thuẫn trong hệ thống* của nó cũng là *một trong những nguyên tắc* của phương pháp phân tích mâu thuẫn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn:

"Phải phân tích rõ ràng và có hệ thống, phải biết rõ cái nào là mâu thuẫn chính, cái nào là mâu thuẫn phụ."[2]

Cách tiếp cận cấu trúc-hệ thống đối với mâu thuẫn áp dụng không chỉ đối với *cấu trúc nội tại* của từng mâu thuẫn, mà còn cho cả *hệ thống mâu thuẫn* của sự vật. Cụ thể là:

- Vạch ra tất cả các mâu thuẫn vốn có của sự vật.

- Chỉ ra đặc điểm (đối kháng hay không đối kháng ...), vị trí (mâu thuẫn bên trong hay mâu thuẫn bên ngoài) của từng mâu thuẫn.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 21, tr. 241.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, sđd, t. 5, tr. 302.

- Vạch ra mâu thuẫn cơ bản, mâu thuẫn chủ yếu trong hệ thống.

- Chỉ ra sợi dây liên hệ giữa các mâu thuẫn trong toàn bộ hệ thống.

- Ngoài ra, cần nghiên cứu đầy đủ mối liên hệ của mâu thuẫn của sự vật với môi trường bên ngoài, với điều kiện không gian, thời gian của sự tồn tại của sự vật.

Khi phân tích hệ thống mâu thuẫn của sự vật, như mâu thuẫn của một chế độ xã hội, của một thời kỳ lịch sử, trước hết chúng ta phải chỉ ra tất cả những mâu thuẫn của nó trên tất cả các mặt: kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng, v.v.. Đồng thời phải xác định *tính chất* của từng mâu thuẫn, như đối kháng - không đối kháng, cơ bản - không cơ bản, chủ yếu - thứ yếu ...

Việc xác định *mâu thuẫn đối kháng hay không không đối kháng* giúp ta *có thái độ đúng đắn* đối với từng mâu thuẫn cụ thể, phân biệt đâu là bạn, đâu là thù. Trong cách mạng dân tộc dân chủ, mâu thuẫn giữa lực lượng cách mạng với các thế lực thực dân, đế quốc và tay sai (trong đó có giai cấp tư sản mại bản) là mâu thuẫn đối kháng. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, mâu thuẫn giữa lực lượng cách mạng với các thế lực thù địch là mâu thuẫn đối kháng; nếu quên điều này sẽ rơi vào ảo tưởng.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, mâu thuẫn giữa công nhân với những người quản lý doanh nghiệp tư nhân *không còn là mâu thuẫn đối kháng* như trong xã hội tư bản nữa. Các doanh nhân không phải là đối tượng của cách

mạng, mà họ là *một trong những lực lượng quan trọng* của cách mạng. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cạnh tranh kinh tế là mâu thuẫn không đối kháng, những đối thủ cạnh tranh không phải là những "kẻ thù" của nhau; bởi vì những đối thủ đang cạnh tranh đều có chung lợi ích căn bản và đều cần phải tuân thủ những nguyên tắc chung về kinh doanh, về luật pháp, về đạo đức. Do đó, việc sử dụng bạo lực hoặc thủ đoạn hèn hạ để cạnh tranh trong bất cứ tình huống nào cũng đều trái với nguyên tắc kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mâu thuẫn về tư tưởng và tín ngưỡng tuy vẫn còn nhưng không phải là mâu thuẫn đối kháng, cho nên các mặt đối lập chỉ có thể đấu tranh với nhau *bằng tranh luận*, chứ *không thể bằng biện pháp áp đặt*, lại càng *không thể bằng bạo lực* được. Ở một số nước tiên tiến hiện nay, người ta tổ chức những cuộc tranh luận trên internet và trong các trường đại học giữa những đại biểu thần học và vô thần về rất nhiều vấn đề liên quan đến tôn giáo và chủ nghĩa vô thần. Hai bên đưa ra những lập luận lôgíc để chứng minh quan điểm của mình, bác bỏ quan điểm đối phương trước sự tham dự và bỏ phiếu tán thành hay không tán thành của hàng nghìn thính giả. Những cuộc tranh luận như vậy giúp cho mỗi bên có điều kiện hiểu biết lẫn nhau, phát triển lý luận của mình và nhất là qua đó đề cao tư duy lôgíc, khắc phục niềm tin mù quáng trong quần chúng.

Việc phân loại *mâu thuẫn bản chất và mâu thuẫn không bản chất*, *mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn không cơ bản,*

mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn không chủ yếu giúp ta nắm được những mâu thuẫn giữ vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng.

Chẳng hạn, mâu thuẫn bản chất núp đằng sau những hiện tượng khủng bố, ném bom liều chết, v.v., đang diễn ra hằng ngày trên thế giới là gì?

Từ một bài báo công bố năm 1993 trên Tạp chí *Ngoại giao* (Mỹ), đến năm 1996, S.P. Huntington cho ra đời một cuốn sách có nhan đề *"Sự đụng độ giữa các nền văn minh và sự thiết lập lại trật tự thế giới",* trong đó luận điểm cơ bản là cuộc đụng độ giữa các nền văn minh là mâu thuẫn chính của thế giới hiện nay. Ông chia thế giới thành nhiều nền văn minh: văn minh phương Tây, văn minh Khổng giáo, văn minh Nhật Bản, văn minh Hồi giáo, văn minh Hinđu, văn minh Chính thống giáo Xlavơ, văn minh Mỹ Latin và có thể là văn minh châu Phi, trong đó có hai nền văn minh quan trọng nhất đối lập với phương Tây là nền văn minh Hồi giáo và nền văn minh châu Á. S.P. Huntington viết:

"Giả thuyết của tôi là nguồn gốc cơ bản của sự xung đột trong thế giới mới trước hết sẽ không phải là vấn đề ý thức hệ hay kinh tế. Những sự chia rẽ to lớn trong nhân loại và nguồn gốc chủ yếu của xung đột sẽ là văn hóa... những xung đột chính của nền chính trị toàn cầu sẽ diễn ra giữa các quốc gia và những nhóm có nền văn hóa khác nhau."[1]

---

1. S.P. Huntington, *Sự đụng độ giữa các nền văn minh* (The Clash of Civilizations), Tạp chí Ngoại giao (Foreign Affairs), 1993, Mùa Hè, t. 72, số. 3, tr. 7 - 9.

Quan điểm của S.P. Huntington được nhiều học giả hoan nghênh nồng nhiệt, được coi là "một trong những sự giải thích khoa học tốt nhất". Nhất là sau vụ "11 tháng Chín" và cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ nhằm vào Afganistan, Iraq, càng có nhiều người thán phục "sự tiên tri", "dự báo thiên tài" của Samuel P. Huntington. Thật ra, sự đụng độ giữa các nền văn minh, hay nói đúng hơn là giữa các nền văn hóa chỉ là *mâu thuẫn hiện tượng*, còn bản chất của nó vẫn là mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và các dân tộc bị áp bức, mâu thuẫn giữa các thế lực đơn phương, đơn cực, bá quyền với các lực lượng chống lại. Những mâu thuẫn này *một phần* bị biến dạng thành các cuộc khủng bố chống Mỹ và những thế lực thân Mỹ.

Giữa các nền văn hóa cũng có mâu thuẫn nhất định. Các dân tộc có nền văn hóa khác nhau *thường có khuynh hướng học tập lẫn nhau để bổ sung, phát triển* nền văn hóa của dân tộc mình; đồng thời cũng sẵn sàng *khước từ và chống đối lại* sự du nhập những yếu tố văn hóa nước khác không phù hợp hoặc có hại cho văn hóa của dân tộc mình. Tuy nhiên, mâu thuẫn văn hóa không phải là mâu thuẫn đối kháng nên không thể dẫn đến những cuộc xung đột đẫm máu.

Việc nắm vững mâu thuẫn của sự vật, hiện tượng trong tính hệ thống, xác định đâu là mâu thuẫn cơ bản, mâu thuẫn chủ yếu; đâu là là mâu thuẫn phái sinh *giúp ta thấy được mối liên hệ quy định lẫn nhau giữa các mâu thuẫn*. Chẳng hạn mâu thuẫn dân tộc, mâu thuẫn tôn giáo bị quy

định bởi mâu thuẫn giai cấp. Khi đối kháng giai cấp trong nội bộ một dân tộc mất đi thì sự thù địch giữa các dân tộc, các tôn giáo cũng sẽ mất theo.

Trong "*Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*", C. Mác và Ph. Ăngghen viết:

"Hãy xóa bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự sự thù địch giữa các dân tộc cũng mất theo."[1]

Mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp, các lực lượng xã hội đến lượt nó lại bị quy định bởi mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất lỗi thời, mâu thuẫn giữa sở hữu và lao động (giữa chế độ tư hữu và lao động làm thuê).

Như vậy, việc giải quyết một mâu thuẫn nhất định phải lấy việc giải quyết những mâu thuẫn khác làm tiền đề. Chẳng hạn, việc khắc phục tình trạng khủng bố hiện nay trên thế giới sẽ không thể thực hiện được nếu không giải quyết mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức với các thế lực đế quốc, mâu thuẫn cá nhân và xã hội, mâu thuẫn giữa các giai cấp, sắc tộc, tôn giáo v.v., trong nội bộ một dân tộc cũng như giữa các dân tộc trên thế giới.

Ngoài việc phân loại, đánh giá vị trí, vai trò của các mâu thuẫn của sự vật, hiện tượng, việc phân tích hệ thống

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 4, tr. 624.

mâu thuẫn còn đòi hỏi phải tính đến *các yếu tố điều chỉnh của mâu thuẫn*. Nghiên cứu giới sinh vật và xã hội, người ta thấy có sự tồn tại của những yếu tố tự điều chỉnh và điều chỉnh. Những yếu tố này ra đời và tồn tại một cách khách quan nhằm đảm bảo mối liên hệ hài hòa giữa các mặt đối lập. Chẳng hạn, não bộ và hệ thần kinh là yếu tố điều chỉnh mâu thuẫn giữa các yếu tố trong cơ thể sinh vật và mối quan hệ giữa sinh vật với môi trường; thị trường là yếu tố điều chỉnh mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng; đạo đức là yếu tố điều chỉnh mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội; nhà nước, luật pháp là những yếu tố điều chỉnh chung cho tất cả các mặt của đời sống xã hội trong xã hội có giai cấp.

Khi một cơ thể sinh vật không còn khả năng tự điều chỉnh được mối liên hệ giữa hai mặt đồng hóa và dị hóa thì cũng có nghĩa là nó không còn khả năng hoạt động bình thường nữa. Khi một nhà nước không còn khả năng điều những mâu thuẫn trong xã hội thì xã hội sẽ rơi vào khủng hoảng. Các yếu tố điều chỉnh và tự điều chỉnh có vai trò rất quan trọng trong việc giải quyết thường xuyên đối với mâu thuẫn, đảm bảo sự kết hợp hài hòa các mặt đối lập.

Tóm lại, phương pháp phân tích mâu thuẫn đòi hỏi chúng ta trước hết phải xác định đúng bản chất của từng mâu thuẫn thông qua vô số những mâu thuẫn hiện tượng; tiếp đến là phải phân tích cụ thể để nắm được cấu trúc của từng mâu thuẫn (phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập); phải nắm các mặt đối lập trong mối quan hệ

giữa chúng (trong sự thống nhất, đồng nhất của chúng); phải hiểu rõ nguyên nhân, điều kiện tồn tại của mâu thuẫn và quá trình phát triển của mâu thuẫn; cuối cùng phải nắm được hệ thống mâu thuẫn của sự vật và mối liên hệ của mỗi mâu thuẫn trong hệ thống đó.

Phân tích mâu thuẫn là điều kiện quyết định trong việc nhận thức mâu thuẫn cũng như nhận thức sự vật, hiện tượng nói chung. Có phân tích mâu thuẫn một cách đúng đắn thì mới tìm ra phương pháp đúng đắn để giải quyết mâu thuẫn.

CHƯƠNG 4

VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA VIỆC GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN

Nhận thức mâu thuẫn *gắn liền* với việc giải quyết mâu thuẫn. Mục đích của việc nhận thức mâu thuẫn là để, trên cơ sở hiểu biết thực chất của từng mâu thuẫn hiện thực cụ thể, tìm ra con đường, biện pháp giải quyết mâu thuẫn một cách đúng đắn. Mâu thuẫn chỉ trở thành động lực của sự phát triển trong chừng mực nó *được giải quyết thường xuyên, kịp thời và hợp quy luật*. Trái lại, sự nhận thức và giải quyết *không đúng* mâu thuẫn xã hội làm cho mâu thuẫn *bị biến dạng*, có thể gây ra những xung đột xã hội không cần thiết, thậm chí dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của chế độ xã hội.

Triết học Mác không dừng lại ở sự giải thích thế giới, mà mục đích quan trọng hơn của nó là nhằm *cải tạo thế giới*. Để có thể cải tạo thế giới một cách hợp quy luật, trước hết chúng ta phải nhận thức được những quy luật và khả năng tất yếu khách quan của sự vật, hiện tượng. Không phải ngẫu nhiên mà Michel Vadée, một nhà triết học Pháp, đã cho rằng C. Mác là "nhà tư tưởng của cái có thể"; cái có thể

(le possible) ở đây được tác giả hiểu như là *cái khả năng tất yếu của sự phát triển*. Triết học Mác nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển của thế giới, bản chất và những quy luật của chủ nghĩa tư bản cũng là nhằm tìm ra những khả năng tất yếu khách quan để cải tạo xã hội đó, vượt qua xã hội đó.

Mục đích của việc nghiên cứu mâu thuẫn cũng vậy. Nó *không phải* chỉ để giúp chúng ta hiểu được tính tất yếu khách quan của mâu thuẫn rồi chấp nhận chúng như là những *định mệnh* đã an bài. Triết học Mác *không chỉ* thừa nhận mâu thuẫn mà còn *vạch ra khả năng giải quyết* từng bước để đi đến giải quyết triệt để, hoàn toàn những mâu thuẫn xã hội đang tồn tại. Đúng như Michel Vadée nhận xét: "Đối với Mác, con người đang có ý thức về quá trình lịch sử và càng ngày càng phải có ý thức hơn. Trong chừng mực đó, họ có thể đẩy nhanh việc giải quyết mâu thuẫn ngay khi mà họ hiểu biết ngày càng nhiều hơn về các động lực phát triển thực sự trong quá khứ và trong hiện tại."[1]

Để hiểu một cách thấu đáo vấn đề giải quyết mâu thuẫn, trước hết cần làm rõ khái niệm khoa học này, sau đó cần nghiên cứu kỹ những nguyên tắc chung của việc giải quyết mâu thuẫn. Trong chương này, chúng tôi cũng chủ yếu đề cập đến *mâu thuẫn trong đời sống xã hội.*

1. Xem Michel Vadée, *Marx nhà tư tưởng của cái có thể* (gồm 2 tập), Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, t. 1, tr. 4; t. 2, tr. 333 - 334.

1. NHỮNG QUAN NIỆM KHÔNG ĐÚNG TRONG VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN

Những thiếu sót được trình bày sau đây, tuy phần lớn đã được khắc phục trong quá trình đổi mới ở nước ta, nhưng dù sao việc nhìn lại chúng một cách có hệ thống có thể sẽ bổ ích cho việc xây dựng một cách tiếp cận mới đối với việc giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh trong xã hội ta hiện nay.

1.1. Giải quyết mâu thuẫn bị đồng nhất với việc xóa bỏ mâu thuẫn

Trong thời gian trước đây cũng như hiện nay, nhiều khi khái niệm "*giải quyết mâu thuẫn*" bị đồng nhất với việc *xóa bỏ mâu thuẫn.* Cách hiểu này xuất phát từ quan niệm không thừa nhận tính tất yếu, khách quan của mâu thuẫn, cho rằng bất kỳ mâu thuẫn nào cũng đều không bình thường, trái tự nhiên, cũng đều xấu và tiêu cực. Theo quan niệm này, mâu thuẫn cản trở, kìm hãm sự phát triển; do đó chỉ có loại bỏ mâu thuẫn mới làm cho sự vật phát triển được.

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với quan điểm của G.X. Batisev trong tác phẩm "*Mâu thuẫn với tính cách là phạm trù của lôgíc học biện chứng*" . Tác giả viết : "Giải quyết mâu thuẫn biện chứng không có gì chung với việc "loại bỏ" nó" , "*Loại bỏ* mâu thuẫn biện chứng là hoàn toàn không có khả năng. Ở đây nguyện vọng và ý chí của bất kỳ ai đều không có vai trò gì hết"... "Giải quyết mâu thuẫn biện chứng là *giành thắng lợi* đối với vấn đề, "giải quyết" nó một

cách giả tạo bằng cách "loại bỏ" là *chạy trốn* một cách nhục nhã, thậm chí là lẩn tránh ngay cả cách đặt vấn đề."[1]

Trong thời gian trước đây, việc giải quyết mâu thuẫn bị đồng nhất với việc loại bỏ mâu thuẫn và thường được thực hiện bằng cách *tiêu diệt, loại bỏ một trong hai mặt* hợp thành mâu thuẫn. Mặc dù tính vô căn cứ của cách giải quyết mâu thuẫn như vậy đã bị nhiều nhà lý luận phê phán, nhưng trên thực tế, nó vẫn vô tình hay hữu ý được áp dụng một cách tương đối phổ biến. Cách làm này xuất phát từ *sự đánh giá không đúng vai trò của mỗi mặt đối lập tạo nên chỉnh thể*. Toàn bộ tính đa dạng, phong phú của mâu thuẫn xã hội bị quy kết một cách giản đơn về mâu thuẫn giữa *cái mới và cái cũ, cái tốt và cái xấu* và cuộc đấu tranh của hai mặt đối lập tất yếu sẽ dẫn đến *mặt này thắng mặt kia*, tức cái mới thắng cái cũ. Những thí dụ về cách giải quyết mâu thuẫn như vậy có thể tìm thấy trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội thời kỳ trước đổi mới, như giải quyết mâu thuẫn giữa hai hình thức sở hữu - sở hữu xã hội và sở hữu tư nhân, giữa độc quyền và cạnh tranh, giữa kế hoạch và thị trường, giữa lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân, v.v..

Hậu quả của việc giải quyết mâu thuẫn bằng cách loại bỏ một mặt và giữ lại mặt kia, trên thực tế là biến một mặt vốn là cái phiến diện thành cái toàn diện, cái bộ phận thành

1. G.S. Batisev, *Mâu thuẫn với tính cách là phạm trù của lôgic học biện chứng* (Противоречие как категория диалектической логики), Nxb Đại học, Matxcơva, 1963, tr. 80, 83, 85.

cái toàn thể, cái tương đối thành cái tuyệt đối. Tất nhiên, quá trình phát triển của sự vật không loại trừ khả năng cái lúc đầu chỉ là bộ phận về sau biến thành cái toàn thể, một mặt của sự vật (cái mới xuất hiện trong lòng cái cũ) biến thành một bản chất độc lập. Tuy nhiên, điều đó chỉ xảy ra một cách hợp quy luật trong những điều kiện nhất định, chứ không phải được thực hiện một cách chủ quan, bất chấp những điều kiện cụ thể. Cách "giải quyết" mâu thuẫn bằng cách loại bỏ mâu thuẫn, loại bỏ một trong hai mặt đối lập chẳng những không giải quyết được mâu thuẫn mà chỉ làm cho mâu thuẫn bị biến dạng mà thôi.

1.2. Thỏa mãn với việc giải quyết mâu thuẫn ở cấp độ hiện tượng

Do tính bảo thủ của cơ chế cũ trong thời kỳ trước đổi mới, người ta thường *thỏa mãn với việc giải quyết mâu thuẫn ở hiện tượng, lẩn tránh việc giải quyết mâu thuẫn ở bản chất của nó*. Cách giải quyết này chỉ tạo ra một sự thống nhất tạm thời ở hiện tượng bên ngoài của xã hội, nhưng trong bản chất, mâu thuẫn vẫn chưa được giải quyết.

Nhìn bề ngoài của đời sống xã hội ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước thời kỳ khủng hoảng, có vẻ như mọi mâu thuẫn đều được giải quyết một cách tốt đẹp: không có cạnh tranh kinh tế, không có biến động trong giá cả, thị trường và đời sống; không có sự xung đột về lợi ích giữa các cá nhân, giữa các giai cấp, giữa các chủng tộc; không có sự đối lập giữa người giàu và người nghèo, giữa lao động

trí óc và lao động chân tay, giữa thành thị và nông thôn, v.v., nhưng thực ra đó chỉ là những biểu hiện bên ngoài, còn trong bản chất, sự xung đột giữa nền sản xuất xã hội với hình thức sở hữu, quản lý, phân phối tập trung quan liêu, bao cấp vẫn càng ngày càng phát triển gay gắt và không được giải quyết kịp thời. Mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, giữa các tầng lớp nhân dân và nhà nước... tích lũy lâu ngày, bị *biến dạng*, trở thành cái *kìm hãm* sự phát triển xã hội, cuối cùng dẫn đến tình trạng khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội.

Trái với quan niệm siêu hình, phép biện chứng duy vật cho rằng mâu thuẫn có quá trình ra đời, tồn tại và phát triển một cách khách quan và do đó, *sự giải quyết mâu thuẫn cũng là quá trình khách quan, không phụ thuộc vào nguyện vọng chủ quan của bất kỳ cá nhân hay giai cấp nào*. Con người không thể xóa bỏ mâu thuẫn khách quan hay xóa bỏ một mặt của nó. Tuy nhiên, điều khẳng định này chỉ nhằm chống lại việc giải quyết mâu thuẫn một cách chủ quan, tùy tiện, chứ tuyệt nhiên không nhằm hạ thấp vai trò to lớn của nhân tố chủ quan trong việc giải quyết mâu thuẫn. Thế nhưng, nhân tố chủ quan dù to lớn đến bao nhiêu cũng không thể đi ngược lại quy luật khách quan. Vai trò của nhân tố chủ quan có tác dụng đến mức độ nào phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng trước hết, phụ thuộc vào việc nhận thức đúng đắn bản chất của mâu thuẫn và những điều kiện khách quan của sự giải quyết mâu thuẫn.

2. CÁC CÁCH VÀ HÌNH THỨC GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN

Hiện nay, *chưa có* một nhà triết học hay một cuốn sách giáo khoa nào có ý định đưa ra một *định nghĩa thống nhất* cho khái niệm "giải quyết mâu thuẫn". Có lẽ cũng chưa có một khái niệm triết học nào phức tạp và gây ra bao nhiêu sự nhầm lẫn bằng khái niệm giải quyết mâu thuẫn. Bởi vì, có *nhiều cách* giải quyết mâu thuẫn khác nhau, mỗi cách lại có *những hình thức khác nhau*.

Mâu thuẫn được giải quyết bằng nhiều cách và hình thức đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, mâu thuẫn được giải quyết theo cách nào, sự chuyển hóa của các mặt đối lập được thực hiện bằng những hình thức nào không phải do con người quyết định. Con người không thể tự đề ra những cách và những hình thức giải quyết mâu thuẫn theo ý muốn chủ quan của mình. Do đó, việc nghiên cứu vạch ra tất cả các cách và các hình thức giải quyết mâu thuẫn trong thế giới khách quan sẽ cho chúng ta một cách nhìn bao quát hơn và giúp chúng ta tránh được những sai lầm chủ quan có thể có trong vấn đề giải quyết mâu thuẫn.

Trước hết chúng ta nhận thấy rằng tất cả các hình thức giải quyết mâu thuẫn có điểm chung là *khi mâu thuẫn đã được giải quyết thì sự xung đột giữa hai mặt đối lập vĩnh viễn mất đi hoặc tạm thời lắng dịu*. Tuy nhiên, tùy theo kết quả của việc giải quyết mâu thuẫn: mâu thuẫn vĩnh viễn mất đi hay mâu thuẫn vẫn còn nhưng sự đấu tranh giữa hai mặt đối lập tạm thời mất đi hoặc lắng dịu, mà người ta chia ra *các cách giải quyết mâu thuẫn khác nhau*.

C. Mác và Ph. Ăngghen nói đến nhiều cách và nhiều hình thức giải quyết mâu thuẫn. Nhìn chung, có thể khái quát chúng lại thành *hai cách* cơ bản: *việc giải quyết mâu thuẫn một cách thường xuyên, cục bộ* và *việc giải quyết mâu thuẫn một cách triệt để, hoàn toàn*.

2.1. Việc giải quyết triệt để, hoàn toàn của mâu thuẫn

Trước hết, nói về *việc giải quyết triệt để* hay *giải quyết hoàn toàn* đối với mâu thuẫn.

Cũng tương tự như điều khẳng định: vật chất thì vô thủy vô chung, còn những sự vật, hiện tượng cụ thể thì bao giờ cũng có quá trình ra đời, tồn tại và mất đi; sự tồn tại của mâu thuẫn cũng cần phải được hiểu như vậy. Có những mâu thuẫn tồn tại phổ biến như bản thân thế giới vật chất (thí dụ, mâu thuẫn giữa cái riêng và cái chung, giữa bản chất và hiện tượng, giữa tất nhiên và ngẫu nhiên, giữa cái vô hạn và cái có hạn, v.v.); có những mâu thuẫn tồn tại lâu dài gắn liền với những lĩnh vực nhất định của thế giới vật chất, thí dụ, mâu thuẫn giữa đồng hóa và dị hóa ra đời cùng với giới sinh vật và chỉ mất đi khi giới sinh vật không còn nữa; có những *mâu thuẫn cụ thể* gắn liền với những sự vật cụ thể, những mâu thuẫn này có quá trình ra đời, trải qua những giai đoạn phát triển nhất định và cuối cùng sẽ mất đi - tức là được giải quyết hoàn toàn.

Điều khẳng định trên cũng được áp dụng cho đời sống xã hội: xã hội loài người nói chung thì tồn tại *lâu dài*, nhưng một hình thái kinh tế - xã hội *cụ thể* thì chỉ tồn tại

trong một khoảng thời gian *có hạn*. Do vậy, mâu thuẫn xã hội cũng *có những cái tồn tại lâu dài* cùng với xã hội loài người, cũng *có những cái chỉ tồn tại có thời hạn* trong một hay một số hình thái kinh tế - xã hội. Chẳng hạn, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất nói chung là mâu thuẫn *phổ biến* của xã hội loài người, nó tồn tại trong tất cả các hình thái kinh tế - xã hội, do đó, không thể nói rằng có sự giải quyết hoàn toàn mâu thuẫn này. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong từng hình thái kinh tế - xã hội thì lại được giải quyết hoàn toàn cùng với sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội đó bằng hình thái kinh tế - xã hội mới cao hơn. Chẳng hạn, *mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất có tính xã hội và hình thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa* biểu hiện thành sự đối kháng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản với tính cách là *mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản* thì sẽ được giải quyết hoàn toàn cùng với sự hoàn thành của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Việc giải quyết triệt để, hoàn toàn đối với mâu thuẫn được thực hiện bằng *những hình thức phong phú* :

Một trong những hình thức này là *sự chuyển hóa cuối cùng của các mặt đối lập từ mặt này sang mặt kia*. Ph. Ăngghen viết : "Biện chứng gọi là *khách quan* thì chi phối trong toàn bộ giới tự nhiên, còn biện chứng gọi là chủ quan, tức là tư duy biện chứng, thì chỉ là phản ánh sự chi phối, trong toàn bộ giới tự nhiên, của sự vận động thông qua những mặt đối lập, tức là những mặt, thông qua sự đấu tranh

thường xuyên của chúng và sự chuyển hóa cuối cùng của chúng từ mặt đối lập này thành mặt đối lập kia, resp (tương tự) với những hình thức cao hơn, đã quy định sự sống của giới tự nhiên."[1]

Đây là hình thức giải quyết mâu thuẫn, chẳng hạn, *giữa cái cũ và cái mới,* giữa các hình thái kinh tế - xã hội ... Cái mới ra đời từ trong lòng cái cũ, là mặt đối lập với cái cũ, hợp thành với cái cũ một mâu thuẫn. Sự giải quyết mâu thuẫn này chính là *cái mới phủ định cái cũ*, đưa sự vật tiến lên một *trạng thái mới về chất*. Lúc đó, cái mới không còn là một *mặt* nữa, mà trở thành một *sự vật mới* có mâu thuẫn mới. Thí dụ, trong thế kỷ XV-XVI, những tiền đề của chủ nghĩa tư bản xuất hiện trong lòng hình thái kinh tế - xã hội phong kiến, là mặt đối lập của chế độ phong kiến. Kết quả cuối cùng của cuộc đấu tranh của hai mặt đối lập này là chế độ tư bản chủ nghĩa phủ định chế độ phong kiến, hay nói cách khác là sự chuyển từ chế độ phong kiến lên chế độ tư bản chủ nghĩa. Chế độ tư bản chủ nghĩa từ chỗ chỉ là mầm mống trong xã hội phong kiến đã trở thành một sự vật độc lập.

C. Mác và Ph. Ăngghen cũng nói đến hình thức giải quyết mâu thuẫn bằng sự "*dung hợp*" của hai mặt đối lập "*thành một phạm trù mới*"[2]. Trong đời sống hiện thực, việc giải quyết mâu thuẫn không phải lúc nào cũng bằng cách

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 20, tr. 694.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 4, tr. 191.

mặt này chiến thắng, phủ định mặt kia. Nhiều khi mâu thuẫn được giải quyết bằng cách cả hai mặt dung hợp lại với nhau tạo thành sự vật mới. Cách giải quyết này có ở trong giới vô sinh (quá trình tạo thành hợp chất), trong sinh vật (giống đực và giống cái), trong tư duy (hai lý thuyết phiến diện đối lập nhau dung hợp với nhau tạo nên một lý thuyết thứ ba hoàn chỉnh hơn).

Việc giải quyết triệt để hoàn toàn của một mâu thuẫn còn được thực hiện bằng cách *cả hai mặt của mâu thuẫn đều mất đi, sự vật chuyển lên một chất mới, với mâu thuẫn mới*. Chẳng hạn, khi mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản được giải quyết một cách triệt để thì cả hai giai cấp đều mất đi. Mâu thuẫn giai cấp mất đi hoàn toàn, nhưng chủ nghĩa xã hội thì vẫn còn những mâu thuẫn khác của nó.

Điều đáng chú ý là việc giải quyết triệt để, hoàn toàn của một mâu thuẫn nhất định chỉ được thực hiện *khi mâu thuẫn đã phát triển lên đến đỉnh cao của nó*, "khi mâu thuẫn đó lên tới cực độ"[1] như Ph. Ăngghen đã khẳng định

V.I. Lênin cũng có ý kiến tương tự:

"Chỉ khi nâng lên đến chóp đỉnh của mâu thuẫn thì những cái nhiều hình nhiều vẻ mới trở nên động (regsam) và sống đối với nhau, - và mới chứa đựng một tính phủ định, tức là *sự phốc động bên trong của tự vận động và của sức sống*."[2]

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, sđd, t. 20, tr. 455.
2. V.I. Lênin, *Toàn tập*, sđd, t. 29, tr. 152.

Việc giải quyết triệt để, hoàn toàn của một mâu thuẫn nào đó có thể coi như sự xóa bỏ, sự vượt qua mâu thuẫn đó, nhưng tất nhiên phải được hiểu như là quá trình khách quan, chứ không phải là việc làm chủ quan tùy tiện. Michel Vadée đã trích một đoạn trong bản thảo tác phẩm *Tư bản* của C. Mác và có nhận xét như sau: "Trên quan điểm hiện thực, thì sự phát triển của cải chỉ tồn tại trong các mâu thuẫn; trên quan điểm khả năng, thì sự phát triển của cải rõ ràng là khả năng loại bỏ những mâu thuẫn đó"... "Điều đáng chú ý ở đây là quan điểm về khả năng là chủ yếu hơn quan điểm về hiện thực hiện diện. Tình trạng thực tế (chính là sự đối lập giữa lao động và của cải), là mâu thuẫn giữa chúng. Chế độ xã hội thực tế dựa trên sự tồn tại của những mâu thuẫn này: nó phân cách của cải và lao động. Nhưng sự phát triển của cải (giá trị sử dụng, tài sản) lại mở ra một "khả năng"- khả năng vượt qua những mâu thuẫn hiện tồn giữa nghèo khổ và giàu có, giữa lao động của những người này và sự nhàn rỗi của những người khác. Khả năng này, đôi lúc theo hệ thống thuật ngữ của Hêghen, Mác gọi là một khả năng "trở thành" hoặc "đặt ra". Nó gắn liền không những với một hiện thực mâu thuẫn, mà còn với một sự phát triển trong thời gian: đó là một "khả năng có tính lịch sử"."[1]

2.2. Việc giải quyết thường xuyên của mâu thuẫn

Việc giải quyết quyết thường xuyên, hay *việc giải quyết cục bộ* cũng là một cách giải quyết mâu thuẫn. Mâu thuẫn

1. Michel Vadée, *Marx nhà tư tưởng của cái có thể* (gồm 2 tập), Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, t. 1, tr. 18 - 19.

không phải chỉ được giải quyết một lần cuối cùng, mà còn là quá trình thường xuyên được giải quyết. Nó không phải, sau khi ra đời, tích lũy dần dần mãi cho đến khi phát triển đến tột đỉnh mới được giải quyết, mà ngược lại, *mâu thuẫn thường xuyên được giải quyết và thường xuyên được tái tạo lại trên cơ sở cao hơn.* Khi nói rằng: "vận động là một mâu thuẫn", Ph. Ăngghen cũng khẳng định rằng "sự nảy sinh thường xuyên và việc giải quyết đồng thời mâu thuẫn này - đó cũng chính là sự vận động" và "sự sống cũng là một mâu thuẫn tồn tại trong bản thân các sự vật và các quá trình, một mâu thuẫn thường xuyên nảy sinh và tự giải quyết, và khi mâu thuẫn chấm dứt thì sự sống cũng không còn nữa và cái chết xảy đến."[1]

Không những vận động cơ giới, vận động sinh vật, mà cả nền sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng "vận động trong những mâu thuẫn thường xuyên được khắc phục, nhưng cũng thường xuyên được tái hiện như thế". Theo các tác giả của *Lịch sử phép biện chứng mácxít*, mâu thuẫn được giải quyết và tái hiện lại không phải là cái ngoại lệ, cái đặc thù mà bao giờ cũng phải được nghiên cứu với tư cách là cái thuộc về lôgíc của sự vận động phổ biến .

Theo quan niệm của C. Mác, việc thực hiện và giải quyết mâu thuẫn là quá trình diễn ra đồng thời. *Lịch sử phép biện chứng mácxít* nhận xét:

"Cần nhấn mạnh rằng chỉ dẫn của Mác về "tính đồng thời" không phải là nói tới *hai* quá trình khác nhau diễn

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 20, 173 - 174.

ra song hành với nhau - sự thực hiện và sự giải quyết mâu thuẫn, mà là một quá trình thống nhất, trong đó mâu thuẫn tìm được sự thực hiện cho mình tùy theo mức độ giải quyết của mình (cũng như tùy theo mức độ triển khai và tái hiện lại...)"[1]

Trong việc giải quyết thường xuyên, cục bộ*, mâu thuẫn không mất đi, không bị thủ tiêu hoàn toàn*, mà thực chất đây chỉ là *tái lập sự thống nhất* (sự phù hợp, cân đối, ăn khớp...) của các mặt đối lập dưới một hình thức khác, khi sự thống nhất đó đã bị phá vỡ do quá trình đấu tranh của chúng.

Một câu hỏi được đặt ra là : Tại sao mâu thuẫn lại có thể thường xuyên được giải quyết và được tái tạo trở lại ? Theo chúng tôi, *mâu thuẫn cũng như mỗi mặt đối lập của nó đều nằm trong quá trình vận động*; do đó, sự phù hợp, ăn khớp, cân đối ban đầu của hai mặt đối lập dần dần nhường chỗ cho sự không phù hợp, mất cân đối giữa chúng. Tuy vậy, khi hai mặt không phù hợp, mất cân đối, không ăn khớp với nhau, không có nghĩa là mâu thuẫn đã đến lúc bị phá vỡ, bị xóa bỏ, mặc dù sự đấu tranh của hai mặt lúc này đã trở nên gay gắt.

Như đã trình bày ở phần trên, mỗi mâu thuẫn khách quan đều có *các yếu tố tự điều chỉnh* nội tại của nó, bên cạnh đó, trong sự vật cũng có *các yếu tố điều chỉnh chung cho cả hệ thống;* do đó nó có khả năng *tái lập lại sự phù*

---

1. Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện Triết học, *Lịch sử phép biện chứng* (gồm 6 tập), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, t. 4. tr. 322 - 323.

hợp, sự cân đối giữa hai mặt. Thí dụ, trong nền kinh tế thị trường, khi sản xuất và tiêu dùng trở nên mất cân đối, thị trường sẽ là yếu tố điều chỉnh, tái lập sự cân đối giữa hai mặt này. Tương tự như vậy, chủ nghĩa tư bản, như ta đã biết, có khả năng tự điều chỉnh một số mâu thuẫn của nó ở một mức độ nhất định, trong một phạm vi nhất định, thông qua vai trò nhà nước và các công cụ điều chỉnh khác.

Như vậy, trong việc giải quyết thường xuyên của mâu thuẫn, *cái bị thủ tiêu không phải là bản thân mâu thuẫn, cũng không phải là một trong hai mặt đối lập, mà là sự không phù hợp, sự không thống nhất của các mặt đối lập*. Tuy nhiên, sự đồng nhất, sự thống nhất của các mặt đối lập, mặc dù đã được phục hồi, cũng chỉ là tạm thời và tất nhiên sẽ bị phá vỡ bởi sự phát triển tiếp theo của mâu thuẫn.

Trong cách giải quyết thường xuyên, cục bộ của mâu thuẫn, có mấy điểm cần chú ý:

Một là, việc giải quyết này *không phải là sự* "*dẫm chân tại chỗ*", *sự vận động trong vòng khép kín*, mà nó nằm trong quá trình phát triển của mâu thuẫn. Mỗi lần mâu thuẫn tạm thời được giải quyết và được tái tạo là một lần nó có sự phát triển mới, mặc dù đó chưa phải là sự thay đổi về chất. Chính sự đấu tranh và giải quyết thường xuyên làm cho mâu thuẫn luôn luôn đổi mới. Theo C. Mác, "các mâu thuẫn... thường xuyên bị vượt bỏ, nhưng cũng thường xuyên được tái tạo... Tất cả các mâu thuẫn đều sống lại dưới hình thức mới."[1]

---

1. Lịch sử phép biện chứng, sđd, t. 4, tr. 324 - 325.

Hai là, khả năng giải quyết mâu thuẫn bằng cách tự điều chỉnh *không phải là vô hạn*. Trong nhiều trường hợp, mâu thuẫn phát triển càng cao thì khả năng đó *càng giảm đi*, và đến một giới hạn nhất định, mâu thuẫn hoàn toàn mất hết khả năng tự điều chỉnh, không thể tái lập sự thống nhất của hai mặt được nữa. Khi hai mặt đối lập không còn có thể dung hợp được với nhau, cuộc đấu tranh của chúng sẽ trở nên gay gắt, dẫn đến phá vỡ hoàn toàn sự thống nhất của chúng, tức là dẫn đến sự giải quyết triệt để, hoàn toàn mâu thuẫn đó. "Chủ nghĩa tư bản hiện nay, - Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhận xét,- ở vào giai đoạn phát triển mới - giai đoạn tư bản độc quyền xuyên quốc gia. Chủ nghĩa tư bản vẫn còn khả năng tự điều chỉnh để tồn tại và phát triển. Nhưng sự điều chỉnh bắt buộc có tính quy luật đó của chủ nghĩa tư bản hiện đại càng làm tăng thêm mâu thuẫn vốn có giữa tính chất xã hội hóa của sản xuất và hình thức chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Sự điều chỉnh đó trong khi làm tăng thêm lợi nhuận tư bản chủ nghĩa thì đồng thời cũng tạo ra trong lòng chủ nghĩa tư bản những tiền đề phủ định nó."[1]

Việc giải quyết thường xuyên *có thể được xem như là việc giải quyết cục bộ* của mâu thuẫn trên con đường tiến tới giải quyết triệt để, hoàn toàn là vì những lý do sau đây:

Một là, mặc dù việc giải quyết thường xuyên làm cho các mặt đối lập được kết hợp hài hòa với nhau, nhưng điều

1. Võ Nguyên Giáp, *Những xu thế chủ yếu của thế giới hiện nay và tính chất của thời đại*, Tạp chí Cộng sản, số 12 (6 - 1997), tr. 13.

đó không có nghĩa là mâu thuẫn nhờ đó mà tồn tại vĩnh viễn. *Việc giải quyết thường xuyên, suy cho cùng, không thay thế được việc giải quyết triệt để của mâu thuẫn*. Sự thống nhất của các mặt đối lập chỉ có tính chất tương đối, nó thường xuyên bị phá vỡ bởi sự đấu tranh của chúng. Nhờ có các yếu tố tự điều chỉnh và điều chỉnh mà sự thống nhất của các mặt đối lập được tái lập nhưng, như trên đã nói, khả năng tự điều chỉnh của mâu thuẫn cũng như khả năng điều chỉnh của sự vật đối với mâu thuẫn, nhất là đối với mâu thuẫn đối kháng, không phải là vô hạn. Quá trình phát triển của mâu thuẫn sẽ dẫn đến một giai đoạn, ở đó các mặt đối lập không thể dung hợp với nhau được nữa, mâu thuẫn cần phải được giải quyết một cách triệt để. Thực tế cho thấy, trong xã hội có giai cấp, mặc dù giai cấp thống trị thông qua bộ máy nhà nước của mình tìm mọi cách điều hòa thường xuyên mâu thuẫn giai cấp, nhưng rốt cục cũng không thể duy trì vĩnh viễn sự thống trị của giai cấp đó.

Hai là, giải quyết thường xuyên của mâu thuẫn có tác dụng làm cho cả hai mặt đối lập vận động, phát triển đến trình độ chín muồi để có thể thực hiện được sự chuyển hóa cuối cùng của chúng, tức mâu thuẫn được giải quyết triệt để, hoàn toàn. *Không có quá trình giải quyết thường xuyên thì không thể có việc giải quyết triệt để của mâu thuẫn*. Thí dụ, giải quyết thường xuyên mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất làm cho lực lượng sản xuất phát triển dẫn đến bước nhảy thay thế phương thức sản xuất cũ bằng phương thức sản xuất mới, tức giải quyết triệt để mâu thuẫn giữa hai mặt của phương thức sản xuất cũ. Trong thời kỳ quá độ ở nước ta, giải quyết thường xuyên mâu thuẫn

giữa bóc lột và bị bóc lột, tuy không có nghĩa là thủ tiêu ngay hiện tượng bóc lột, nhưng cũng không có nghĩa là duy trì vĩnh viễn hiện tượng bóc lột, mà là *từng bước tiến tới xóa bỏ mọi sự bóc lột*.

3. VAI TRÒ CỦA GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN

3.1. Giải quyết mâu thuẫn là một trong những động lực quan trọng của sự phát triển

"Mâu thuẫn là nguồn gốc, động lực của sự vận đông, phát triển". Điều khẳng định quen thuộc này tuy có vẻ như đơn giản nhưng chính lại là một trong những vấn đề đã gây ra tranh luận gay gắt.

Một số tác giả ở Liên Xô trước đây *phân biệt nguồn gốc với động lực* của sự phát triển để kết luận rằng mâu thuẫn nói chung là nguồn gốc của sự phát triển, chỉ có sự giải quyết mâu thuẫn mới là động lực của sự phát triển. Có một loại ý kiến khác chỉ thừa nhận vai trò động lực của sự phát triển chỉ *ở một trong hai mặt đối lập* (mặt đại diện cho cái mới), hoặc chỉ *ở một khâu của mâu thuẫn* (như là sự đấu tranh của các mặt đối lập hoặc sự giải quyết mâu thuẫn), hoặc chỉ *ở một giai đoạn* (giai đoạn mâu thuẫn chưa chín muồi) của mâu thuẫn. Còn mặt đại diện cho cái cũ thì kìm hãm sự phát triển, cũng như mâu thuẫn ở trình độ chín muồi mà không được giải quyết thì không còn vai trò động lực nữa. Một số ý kiến đông hơn cho rằng *mâu thuẫn là nguồn gốc, động lực của sự phát triển ở tất cả các khâu* (thống nhất, đấu tranh và giải quyết), *ở tất cả các giai đoạn* phát triển của mâu thuẫn.

Theo F.F. Viackerev, "khi nói về động lực (движущие силы) thì điều được nhấn mạnh là những tác nhân trực tiếp của quá trình phát triển, nhất là những tác nhân của quá trình giải quyết mâu thuẫn. Trái lại, khái niệm "nguồn gốc của sự phát triển" ("источник развития"), theo chúng tôi, chỉ ra trước hết là những yếu tố kích thích và duy trì quá trình phát triển... Nguồn gốc tạo ra khả năng thực tế cho quá trình phát triển có định hướng, còn động lực thì biến khả năng này thành hiện thực."[1]

Ở nước ta, GS. TS. Lê Hữu Tầng cũng phân biệt giữa nguồn gốc và động lực của sự phát triển. Ông cho rằng, "khi nói tới 'nguồn gốc' hay 'động lực' là muốn nói tới vai trò của một yếu tố nào đó trong sự vận động và phát triển của sự vật, trong đó *nguồn gốc* là cái *gây nên* sự vận động và phát triển, còn *động lực* là *cái thúc đẩy* sự vận động và phát triển ấy".

Không đồng ý với quan điểm coi nguồn gốc của sự phát triển là mâu thuẫn, còn động lực của sự phát triển là sự giải quyết mâu thuẫn, ông cho rằng, "mâu thuẫn vừa là nguồn gốc vừa là động lực của mọi sự vận động", nhưng khái niệm "động lực của sự phát triển" rộng hơn khái niệm "nguồn gốc của sự phát triển", vì động lực của sự phát triển không chỉ có mâu thuẫn mà còn có những yếu tố khác nữa.[2]

---

1. F.F. Viackerev, Thực trạng hiện nay của lý luận về mâu thuẫn biện chứng và con đường tiếp tục phát triển nó, sđd, tr. 14 - 15.
2. Lê Hữu Tầng (Chủ biên), *Về động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 14 - 15.

Chúng tôi không phản đối ý kiến của một số tác giả là có sự phân biệt giữa nguồn gốc và động lực của sự phát triển. Mâu thuẫn ra đời và tồn tại *là nguồn gốc của sự vận động và phát triển*. Chúng tôi cũng đồng ý rằng mâu thuẫn ra đời chỉ mới là khả năng, mặc dù trong mâu thuẫn đó đã có một định hướng phát triển, nhưng việc khả năng này có biến thành hiện thực hay không là do *sự đấu tranh của các mặt đối lập*. Nhưng suy cho kỹ thì mâu thuẫn luôn luôn gắn liền với sự đấu tranh của các mặt đối lập; không thể có mâu thuẫn mà không có đấu tranh giữa các mặt đối lập. Sự đấu tranh của hai mặt đối lập trong khi mâu thuẫn chưa được giải quyết triệt để cũng làm cho cả hai mặt đều có sự vận động, phát triển ở một mức độ nhất định. Do đó, ta có thể khẳng định mà không sợ sai lầm rằng, *mâu thuẫn (thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập) vừa là nguồn gốc, vừa là động lực của sự vận động và phát triển*.

Tuy nhiên, nếu ta đi sâu xem xét từng mặt đối lập tạo thành mâu thuẫn, từng khâu khác nhau gắn liền với từng giai đoạn khác nhau của nó, thì có thể có sự khác nhau trong vai trò động lực của các mặt, các khâu, các giai đoạn đó. Vấn đề là ở chỗ *phải phân tích cụ thể một tình hình cụ thể*. Chẳng hạn, khi mâu thuẫn đang ở giai đoạn chưa chín muồi thì sự thống nhất của các mặt đối lập có vai trò rất quan trọng, đấu tranh phải phục tùng sự thống nhất; nhưng khi mâu thuẫn đã phát triển lên giai đoạn chín muồi thì sự đấu tranh giữa hai mặt đối lập để phá vỡ thể thống nhất cũ, thiết lập thể thống nhất mới có vai trò quan trọng hơn.

Tất cả các mặt, các khâu của mâu thuẫn đều có vai trò nhất định đối với quá trình phát triển của sự vật. Tuy nhiên, sự đấu tranh của các mặt đối lập nếu không gắn liền với việc giải quyết mâu thuẫn đúng quy luật, nghĩa là mâu thuẫn không được giải quyết thường xuyên và kịp thời, hoặc chỉ được giải quyết một cách chủ quan tùy tiện, thì mâu thuẫn sẽ được *tích tụ lại*, sự phát triển bị chặn lại và sự vật *bị biến dạng*. Do đó, có thể nói *việc giải quyết mâu thuẫn là khâu quan trọng nhất trong vai trò động lực của mâu thuẫn đối với quá trình phát triển.*

Tất nhiên, chúng tôi hoàn toàn tán thành ý kiến của GS TS. Lê Hữu Tầng, động lực của sự phát triển không chỉ ở mâu thuẫn mà còn ở nhiều yếu tố khác nữa. Sự đồng thuận, sự thương yêu, tương trợ, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa người với người cũng là một động lực *vô cùng quan trọng* của sự phát triển. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào vai trò của các yếu tố tinh thần này để phủ nhận hay hạ thấp vai trò của sự đấu tranh của các mặt đối lập, của giải quyết mâu thuẫn thì là một điều sai lầm không thể khoan nhượng được. Bởi vì xã hội là một cơ cấu, trước hết là vật chất, với những mâu thuẫn tất yếu khách quan của nó, còn tình cảm, đạo đức, v.v., thuộc về ý thức, chỉ là tính thứ hai so với vật chất mà thôi.

3.2. Vai trò của việc giải quyết thường xuyên và giải quyết triệt để, hoàn toàn của mâu thuẫn

Cả hai cách giải quyết mâu thuẫn: giải quyết thường xuyên, cục bộ và giải quyết triệt để, hoàn toàn đều là động

lực của sự phát triển, nhưng *mỗi cách giải quyết có vai trò khác nhau*. Việc giải quyết thường xuyên, cục bộ tuy có làm cho sự vật không ngừng đổi mới, nhưng đó *chỉ là sự vận động của sự vật trong phạm vi chất cũ*; còn giải quyết triệt để, hoàn toàn của mâu thuẫn (mâu thuẫn cơ bản) của sự vật thì *mới làm cho sự vật có sự thay đổi hoàn toàn về chất*.

Việc giải quyết thường xuyên của mâu thuẫn, nhất là những mâu thuẫn trong điều kiện xã hội ta ngày nay, có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của đời sống xã hội. Nó đảm bảo sự thống nhất hài hòa của các mặt đối lập, tạo động lực cho sự phát triển. Nó giúp ta khắc phục được những hiện tượng ngẫu nhiên, chủ quan, không tất yếu trong quá trình phát triển của mâu thuẫn. Nó có tác dụng giải tỏa kịp thời, không để cho mâu thuẫn tích lũy và biến dạng, giúp xã hội tránh được những xung đột, khủng hoảng không nhất thiết phải có. Kinh nghiệm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây cho thấy, do những mâu thuẫn khách quan của đời sống xã hội không được nhận thức một cách đúng đắn và không được giải quyết một cách thường xuyên, kịp thời, hợp quy luật, chúng đã tích tụ lâu ngày và biến dạng, dẫn đến sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, vai trò động lực của việc giải quyết mâu thuẫn đối với quá trình phát triển *phải được hiểu một cách cụ thể gắn liền với bản chất, trình độ phát triển và điều kiện tồn tại của từng mâu thuẫn cụ thể*. Không phải lúc nào sự đấu

tranh một mất một còn, sự phủ định lẫn nhau của các mặt đối lập cũng là động lực của sự phát triển. Điều này chỉ đúng ở một số mâu thuẫn nhất định, trong những điều kiện nhất định. Nhiều khi, *sự kết hợp hài hòa của các mặt đối lập, sự đấu tranh với những hình thức và mức độ phù hợp với bản chất của mâu thuẫn và sự giải quyết thường xuyên của mâu thuẫn cũng là động lực của sự phát triển*.

Không phải ngẫu nhiên mà trong mỗi thời kỳ lịch sử người ta nói về vai trò động lực của việc giải quyết mâu thuẫn một cách khác nhau. Trong thời kỳ đấu tranh cách mạng, người ta nhấn mạnh nhiều hơn đến việc giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực cách mạng, bằng sự đấu tranh không khoan nhượng, một mất một còn. Trái lại, trong thời kỳ hòa bình của xã hội, sự kết hợp hài hòa của các mặt đối lập, đấu tranh trong khuôn khổ sự thống nhất được các nhà triết học, các nhà chính trị coi như là một động lực quan trọng của sự phát triển xã hội.

4. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA VIỆC GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN

Trên cơ sở những tư tưởng của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin và Hồ Chí Minh, qua kinh nghiệm giải quyết mâu thuẫn của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, cũng như của nước ta trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ và nhất là trong công cuộc đổi mới đất nước, chúng ta có thể khái quát và rút ra một số vấn đề có tính nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc giải quyết mâu thuẫn nói chung, đặc biệt là mâu thuẫn xã hội nói riêng như sau:

4.1. Nguyên tắc thống nhất giữa tuân thủ tính khách quan và phát huy cao độ vai trò của nhân tố chủ quan

Quan điểm tính khách quan của sự xem xét là quan điểm cơ bản, chiếm vị trí hàng đầu trong phép biện chứng duy vật. Quan điểm này xuất phát từ nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức, ý thức là sự phản ánh của thế giới khách quan. Quan điểm này cần phải được quán triệt không chỉ trong việc nhận thức mâu thuẫn như đã trình bày ở trên, mà còn cả trong việc giải quyết mâu thuẫn.

Một trong những khác biệt căn bản ở quan niệm của C. Mác và G. Hêgen về mâu thuẫn là *điểm xuất phát* của sự nghiên cứu. Mặc dù G. Hêgen cho rằng phép biện chứng nghiên cứu mâu thuẫn trong chính bản chất của các đối tượng, nhưng ông lại coi bản chất của sự vật chỉ là "*ý niệm*", do đó, điểm xuất phát của ông để nghiên cứu và giải quyết mâu thuẫn không phải là mâu thuẫn của sự vật mà là *khái niệm mâu thuẫn*. Trái lại, điểm xuất phát của C. Mác và Ph. Ăngghen là thừa nhận sự tồn tại khách quan của mâu thuẫn trong bản thân các sự vật, hiện tượng. Theo Ph. Ăngghen, mâu thuẫn "tồn tại một cách khách quan ở trong bản thân các sự vật và các quá trình và có thể bộc lộ ra dưới một hình thức hữu hình."[1]

Mâu thuẫn là quá trình khách quan nên con người không thể giải quyết mâu thuẫn một cách tùy tiện bằng ý chí chủ

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 20, tr. 173.

quan của mình được. Như vậy, một vấn đề được đặt ra là: Nếu sự giải quyết mâu thuẫn là khách quan thì *con người có vai trò như thế nào trong việc giải quyết mâu thuẫn*?

Như ta đã biết, mâu thuẫn xã hội có đặc điểm khác với mâu thuẫn tự nhiên, mâu thuẫn xã hội bao giờ cũng gắn liền với những chủ thể nhất định, cho nên *việc giải quyết mâu thuẫn xã hội không thể tách rời ý thức và hoạt động của những chủ thể đó*.

Đối với mâu thuẫn giữa con người với tự nhiên thì con người, với tư cách là chủ thể của mâu thuẫn, bằng hoạt động sản xuất vật chất của mình mà cải tạo tự nhiên, vận dụng quy luật tự nhiên vào phục vụ cho đời sống của mình. Con người vừa khai thác tự nhiên, vừa tái tạo tự nhiên, đảm bảo sự hài hòa giữa con người và tự nhiên. Tuy nhiên, việc giải quyết mâu thuẫn giữa con người với tự nhiên không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của con người; bởi vì, trong việc giải quyết này, nếu con người vi phạm quy luật tự nhiên, quy luật sinh học, quy luật xã hội, chẳng hạn như phá hoại môi trường sống, phá hoại thế cân bằng sinh thái, vi phạm những quy tắc đạo đức, văn hóa, v.v., thì những vi phạm đó sẽ dẫn đến hậu quả khôn lường.

Trong trường hợp những mâu thuẫn mà cả hai mặt đối lập đều là con người, nghĩa là chủ thể của mâu thuẫn là những cá nhân, tầng lớp, giai cấp, v.v., thì sự đấu tranh của các mặt đối lập và sự giải quyết mâu thuẫn *chính là hoạt động của các cá nhân, nhóm xã hội đó*. Hoạt động đấu tranh này có thể là tự phát, không có tổ chức, hoặc tự giác, có tổ chức.

Sự giải quyết mâu thuẫn xã hội cũng như sự giải quyết mâu thuẫn trong tự nhiên bao giờ cũng là kết quả của hoạt động đấu tranh của các mặt đối lập tạo thành mâu thuẫn. Tuy nhiên, sự giải quyết mâu thuẫn trong đời sống xã hội không phải trong mọi trường hợp đều diễn ra một cách đúng đắn. Bởi vì, sự giải quyết mâu thuẫn xã hội bao giờ cũng phải thông qua sự nhận thức của chủ thể; nếu sự nhận thức đó không đúng thì hoạt động đấu tranh để giải quyết mâu thuẫn sẽ không phù hợp với bản chất của mâu thuẫn. Tất nhiên, vì mâu thuẫn có tính khách quan nên cuối cùng chúng cũng tìm được con đường đi cho mình đến chỗ được giải quyết đúng đắn, hợp quy luật; nhưng dù sao, việc nhận thức và giải quyết sai lầm đối với mâu thuẫn xã hội trong một thời gian nhất định cũng gây ra những tổn thất không cần thiết cho xã hội. Như vậy, đối với mâu thuẫn xã hội, *việc giải quyết một cách chủ quan, không đúng với bản chất của mâu thuẫn chẳng những không phải là động lực của sự phát triển, mà còn làm cho mâu thuẫn bị biến dạng, trở thành vật kìm hãm sự phát triển*.

Trong sự giải quyết mâu thuẫn xã hội, bên cạnh hoạt động của chính hai mặt đối lập đấu tranh với nhau, còn có *vai trò của sự can thiệp từ bên ngoài*, như sự can thiệp của nhà nước và các tổ chức xã hội khác, của các tổ chức quốc tế, v.v.. Sự can thiệp từ bên ngoài có tác dụng làm thay đổi một trong hai mặt đối lập, hoặc cả hai mặt, có thể giúp cho việc giải quyết mâu thuẫn diễn ra một cách đúng đắn hơn. Tuy nhiên, không phải lúc nào, sự can thiệp từ bên ngoài cũng có tác dụng tích cực đối với việc

giải quyết mâu thuẫn, mà trái lại, trong nhiều trường hợp, nó có thể đi ngược lại với tiến trình khách quan của lịch sử. Chẳng hạn, sự can thiệp của các thế lực đế quốc vào mâu thuẫn nội bộ của một dân tộc, có tác dụng giúp cho các thế lực phản động trong dân tộc đó có sức mạnh đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân, gây cho phong trào cách mạng nhiều khó khăn, tổn thất, làm cho mâu thuẫn trong nội bộ dân tộc đó bị biến dạng.

Trong thời đại ngày nay, *nhà nước có vai trò ngày càng to lớn trong việc giải quyết mâu thuẫn*. Nhà nước là người đứng ra tổ chức và phối hợp hành động của cộng đồng xã hội trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa xã hội và tự nhiên và mâu thuẫn trong đời sống xã hội. Nhà nước với hệ thống tổ chức và quản lý chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, với hệ thống chính sách và luật pháp của nó là *một trong những yếu tố điều chỉnh quan trọng nhất* đối với mâu thuẫn xã hội.

Tuy nhiên, sự can thiệp của nhà nước vào việc giải quyết mâu thuẫn trong đời sống xã hội cũng có thể đúng đắn, tích cực, nhưng cũng có thể sai lầm, tiêu cực. Chẳng hạn, sự can thiệp của nhà nước vào việc giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, nếu đúng quy luật sẽ có tác dụng thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển của lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất; nhưng nếu sự can thiệp này không đúng sẽ có tác dụng ngược lại, làm biến dạng mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Từ sự phân tích trên có thể rút ra kết luận rằng, việc giải quyết mâu thuẫn xã hội tuy là vấn đề có tính khách quan, nhưng *không tách rời hoạt động của con người*. Con người *bằng ý thức của mình, bằng hoạt động của mình, thông qua những tổ chức xã hội của mình* mà giải quyết mâu thuẫn, nhưng việc giải quyết đó *không phụ thuộc ý muốn chủ quan* của con người. Vấn đề quan trọng là ở chỗ, việc giải quyết mâu thuẫn phải *căn cứ trên sự nhận thức đúng đắn* bản chất và điều kiện tồn tại của mâu thuẫn, trên cơ sở đó *phát huy cao độ nhân tố chủ quan* trong việc đề ra những biện pháp, tìm ra những phương tiện thích hợp, tổ chức và phối hợp hoạt động của tập thể, của cộng đồng trong việc giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh. Khi khẳng định tính khách quan của sự giải quyết mâu thuẫn, chúng ta hoàn toàn không phủ nhận hoặc xem nhẹ vai trò của nhân tố chủ quan. Thừa nhận mâu thuẫn tất yếu khách quan không có nghĩa là khoanh tay chấp nhận mâu thuẫn như những định mệnh. Đúng như nhận xét của GS. TS. Lê Hữu Nghĩa, "trong thời kỳ đổi mới, tư duy biện chứng về mâu thuẫn thể hiện ra là: *chấp nhận mâu thuẫn để giải quyết mâu thuẫn*"[1].

Yếu tố chủ quan là rất cần thiết và ngày càng có vai trò to lớn trong việc giải quyết mâu thuẫn, nhưng yếu tố chủ quan không được đi ngược lại quy luật khách quan. Con người chỉ có thể trên cơ sở phân tích một cách khách quan, chính xác từng mâu thuẫn hiện thực mà có cách giải quyết

1. Lê Hữu Nghĩa, *Phép biện chứng của công cuộc đổi mới ở nước ta*, Tạp chí Nghiên cứu lý luận, số 4/1997, tr. 4.

phù hợp với bản chất và trình độ chín muồi của mâu thuẫn khách quan. Ở đây có một số trường hợp có thể xảy ra:

Một là, nếu con người *không nhận thức được bản chất của mâu thuẫn*, bị mâu thuẫn khách quan chi phối, lôi cuốn vào cuộc đấu tranh của các mặt đối lập một cách tự phát, thì sẽ làm *nô lệ* cho tính tất yếu mù quáng và do đó, *không có tự do*.

Hai là, nếu con người *nhận thức sai*, giải quyết mâu thuẫn một cách chủ quan, *không đúng với bản chất* của nó thì sẽ làm cho mâu thuẫn *bị biến dạng*; chẳng những mâu thuẫn không còn là động lực mà biến thành *vật kìm hãm* sự phát triển.

Ba là, nếu con người *nhận thức đúng đắn* và giải quyết mâu thuẫn *một cách thường xuyên, kịp thời, hợp quy luật*, *phù hợp với bản chất của nó*, thì khi đó yếu tố chủ quan trùng hợp, ăn khớp với yếu tố khách quan và có tác dụng thúc đẩy nhanh quá trình phát triển và giải quyết của mâu thuẫn khách quan. Kết quả là *mâu thuẫn trở thành động lực thực sự của sự phát triển.* Khi nhận thức và giải quyết được mâu thuẫn xã hội, con người sẽ *làm chủ* được xã hội, lúc đó mới thực sự *có tự do*.

Như vậy, trong việc giải quyết mâu thuẫn xã hội**,** *nhân tố khách quan và nhân tố chủ quan phải thống nhất với nhau, trong đó nhân tố khách quan giữ vai trò quyết định, nhân tố chủ quan phải phù hợp với nhân tố khách quan.*

Gắn liền với mối quan hệ giữa nhân tố khách quan và nhân tố chủ quan, có một khía cạnh khác cần được xem xét,

đó là *quan hệ giữa yếu tố tự phát và yếu tố tự giác* trong việc giải quyết mâu thuẫn xã hội. Tính tự phát và tính khách quan trong việc giải quyết mâu thuẫn là hai cái khác nhau. Mặc dù trong tính tự phát có yếu tố khách quan, nhưng *tính tự phát không đồng nhất với tính khách quan*, bởi vì trong tính tự phát còn có yếu tố tâm lý. Tâm lý xã hội là phản ánh tồn tại xã hội ở hiện tượng bên ngoài, chưa đi sâu nhận thức bản chất của các hiện tượng đó. Do đó, *nhiều khi việc giải quyết mâu thuẫn theo tâm lý cá nhân và tâm lý xã hội có thể dẫn tới sai lầm*, không đúng với bản chất của mâu thuẫn khách quan.

Chúng tôi tán thành nhận xét sau đây trong cuốn sách giáo khoa "*Triết học*" ở Liên bang Nga: "Kể từ khi con người nhận thức được những tình huống khách quan của đời sống của mình, những nhu cầu của mình và phương thức tối ưu để thỏa mãn chúng, con người không còn tác động một cách tự phát nữa, mà là tự giác. Ở đây nói về sự nhận thức những hiện tượng này ở quy mô không chỉ đời sống của mỗi cá nhân riêng lẻ mà là của toàn thể xã hội... Điều chủ yếu là làm thế nào hạn chế đến mức tối đa lĩnh vực của tính tự phát và mở rộng lĩnh vực biểu hiện của tính tự giác trong đời sống và hoạt động của con người và trong sự phát triển xã hội."[1]

Như vậy, khi nói tới vai trò của yếu tố chủ quan trong việc giải quyết mâu thuẫn thì *điều được nhấn mạnh là yếu tố tự giác*, tức là sự nhận thức và giải quyết mâu thuẫn một

1. Triết học (*Философия*), V.I. Lavrinenco chủ biên, Matxcơva, 1996., tr. 389 - 390.

cách khoa học, theo tinh thần của phép biện chứng duy vật. Còn việc giải quyết mâu thuẫn dựa trên tinh thần của các hệ tư tưởng duy tâm, tôn giáo và các hệ tư tưởng phản động, hoặc dựa trên sự thôi thúc của yếu tố tâm lý tự phát thì không phải là sự giải quyết đúng đắn, phù hợp với bản chất của mâu thuẫn. Ở đây cần khắc phục hai khuynh hướng không đúng: một là, tuyệt đối hóa yếu tố tự giác dẫn đến sai lầm chủ quan, duy ý chí trong việc giải quyết mâu thuẫn; hai là, phủ nhận vai trò của yếu tố tự giác, tức sự phân tích và giải quyết mâu thuẫn một cách khoa học và có kế hoạch. Bởi vì, nếu mâu thuẫn không được nhận thức và giải quyết một cách tự giác, khoa học, thì lúc đó trận địa này sẽ bị chiếm lĩnh bởi các yếu tố tâm lý tự phát, hoặc bởi các hệ tư tưởng sai lầm, phản động.

Yếu tố chủ quan, tự giác của việc giải quyết mâu thuẫn còn thể hiện ở *năng lực của bộ máy lãnh đạo, quản lý xã hội*, tức là người tổ chức việc giải quyết mâu thuẫn (chính đảng, nhà nước, các tổ chức quốc tế, v.v.). Trong giai đoạn hiện nay, có nhiều mâu thuẫn phải được giải quyết một cách đồng bộ, chẳng những bằng nỗ lực có tổ chức của toàn thể xã hội, mà còn bằng cả sự hợp tác của tất cả các nhà nước và dân tộc trên toàn thế giới. Đó là những mâu thuẫn trong quan hệ giữa xã hội và tự nhiên (như vấn đề dân số, vấn đề môi trường, vấn đề dịch bệnh, v.v.), trong quan hệ xã hội như vấn đề tôn giáo, sắc tộc, vấn đề chống khủng bố, v.v..

Quan điểm đúng đắn của triết học Mác về quan hệ giữa tất yếu và tự do, giữa việc thừa nhận thực tại khách quan có

mâu thuẫn với việc chỉ ra khả năng chủ quan của con người trên cơ sở nhận thức được cái tất yếu để giải quyết mâu thuẫn trên con đường tiến tới tự do, đã làm cho triết học Mác chẳng những thoát khỏi những sai lầm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan và thuyết định mệnh, mà còn vượt ra khỏi những khuôn khổ chật hẹp của cái gọi là "quyết định luận kinh tế tầm thường" mà nhiều nhà tư tưởng phương Tây đã từng gán ghép cho Mác.

4.2. Nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn phù hợp với bản chất và điều kiện tồn tại của mâu thuẫn

Mâu thuẫn nói chung rất đa dạng, phong phú, có nhiều loại với những bản chất khác nhau. Mâu thuẫn xã hội nói riêng là mâu thuẫn gắn liền với lợi ích của con người, nhưng con người lại có vô số những lợi ích khác nhau, do đó mâu thuẫn giữa họ cũng khác nhau. Tùy theo sự đối lập xuất hiện ở những lợi ích nào mà trong xã hội có sự khác nhau về bản chất của những mâu thuẫn xã hội. Chính vì thế, việc giải quyết mâu thuẫn xã hội phải được thực hiện *theo những cách cụ thể khác nhau, tùy theo bản chất của những mâu thuẫn đó*.

Trước hết, với mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng, do có bản chất khác nhau, nên cách giải quyết cũng khác nhau về nguyên tắc.

Trong lịch sử, *mâu thuẫn đối kháng thường được giải quyết bằng bạo lực cách mạng*. Sở dĩ như vậy, vì trong các xã hội có giai cấp, giai cấp bóc lột nắm trong tay bộ máy

bạo lực, sẵn sàng đàn áp mọi sự chống đối của quần chúng nên quần chúng phải sử dụng bạo lực mới có cơ may giải quyết được mâu thuẫn. Tuy nhiên, trong điều kiện mới, khi giai cấp vô sản và nhân dân lao động nắm chính quyền, nắm trong tay bộ máy bạo lực, thì *một số* mâu thuẫn đối kháng có thể được giải quyết bằng *con đường không bạo lực*, tránh được những xung đột xã hội nhất định.

Về nguyên tắc, *mâu thuẫn không đối kháng tuyệt đối không thể giải quyết bằng bạo lực*. Bởi vì, mâu thuẫn không đối kháng là mâu thuẫn về những lợi ích không cơ bản, không có tính chất sống còn, nên có thể dùng biện pháp giáo dục, thuyết phục, thương lượng để giải quyết. Đối với mâu thuẫn trong lĩnh vực nhận thức, biện pháp giải quyết chỉ có thể là giáo dục, tranh luận, đấu tranh tư tưởng, v.v.. Chỉ khi nào người có nhận thức sai tự nguyện nhận ra sự sai lầm của mình thì mâu thuẫn mới được giải quyết hoàn toàn, bởi thế không thể dùng biện pháp áp đặt để giải quyết mâu thuẫn tư tưởng được.

Thông thường, bản thân mâu thuẫn không đối kháng không có xu hướng phát triển khách quan thành mâu thuẫn đối kháng. Tuy nhiên, trong điều kiện có sự sai lầm trong đường lối, chính sách, trong hoạt động thực tiễn của nhà nước, mâu thuẫn có bản chất không đối kháng có thể phát triển thành xung đột bạo lực không cần thiết.

Các tác giả của *Những nguyên lý triết học Mác - Lênin* viết : "Đừng nên quên rằng, mặc dù có sự khác biệt sâu sắc, giữa mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng không có một cái hố ngăn cách. Lênin đã từng nhấn mạnh

rằng, trong trường hợp có sự sai lầm về chính sách, mâu thuẫn không đối kháng có thể trở nên gay gắt, sâu sắc, và trong những điều kiện nhất định có những nét của mâu thuẫn đối kháng. Trong bản chất của chúng mặc dù không có xu hướng phát triển như thế, nhưng xu hướng đó có thể phát sinh từ hoạt động thực tiễn sai lầm, từ đường lối chính tri sai lầm."[1]

Mâu thuẫn kinh tế, mâu thuẫn chính trị, mâu thuẫn tư tưởng... có cách giải quyết đặc thù của mỗi loại. Mâu thuẫn kinh tế chỉ có thể được giải quyết về cơ bản bằng con đường kinh tế. Các biện pháp khác đối với nó chỉ là thứ yếu. Mâu thuẫn tư tưởng, thí dụ, mâu thuẫn giữa duy tâm và duy vật, mâu thuẫn giữa vô thần và hữu thần, mâu thuẫn giữa các tín ngưỡng khác nhau, mâu thuẫn giữa các lý thuyết đối lập trên con đường đi tìm chân lý, v.v., chỉ có thể được giải quyết bằng con đường đối thoại, tranh luận và chứng minh bằng thực tiễn, chứ không thể bằng bạo lực, hoặc bằng cách áp đặt.

Hơn thế nữa, *mỗi khía cạnh khác nhau của một mâu thuẫn cụ thể cũng phải có cách giải quyết khác nhau; trình tự thời gian giải quyết từng khía cạnh cũng có thể khác nhau*. Thí dụ, mâu thuẫn giai cấp có khía cạnh kinh tế, khía cạnh chính trị, khía cạnh tư tưởng; mâu thuẫn giữa tôn giáo và vô thần, giữa các tôn giáo, ngoài khía cạnh tín ngưỡng, còn có khía cạnh chính trị, văn hóa.

---

1. *Nguyên lý triết học Mác-Lênin* (Основы марксистско-ленинской философии), Nxb Chính trị, Matxcơva, 1979, tr.102.

Điều kiện khách quan và chủ quan của sự tồn tại mâu thuẫn cũng có ảnh hưởng rất lớn đối với việc giải quyết chúng. Như trên đã nói, trong giai đoạn hiện nay ở nước ta, khi giai cấp vô sản và nhân dân lao động đã nắm chính quyền nhà nước, một số mâu thuẫn đối kháng có thể được giải quyết bằng con đường không bạo lực.

Ngoài ra, việc giải quyết mâu thuẫn còn chịu ảnh hưởng của tình hình chính trị, kinh tế của mỗi nước. Chẳng hạn, việc giải quyết một số mâu thuẫn trong thời kỳ chiến tranh khác với việc giải quyết chúng trong thời kỳ hòa bình. Trong điều kiện chiến tranh, khi lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội có mâu thuẫn thì xã hội đòi hỏi cá nhân phải hy sinh lợi ích riêng vì lợi ích chung của giai cấp và dân tộc. Trái lại, trong thời kỳ hòa bình, giải quyết mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội là sự kết hợp hài hòa hai lợi ích đó.

Truyền thống dân tộc cũng có ảnh hưởng rất lớn tới việc giải quyết mâu thuẫn xã hội, do đó cần phải ra sức phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong việc giải quyết mâu thuẫn. Dân tộc Việt Nam vốn có "lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống...".[1]

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội,1998, tr. 56.

Đó là những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đảng ta đã thực sự phát huy được những truyền thống này trong việc giải quyết các mâu thuẫn của xã hội ta trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ để thực hiện độc lập dân tộc, người cày có ruộng, thực hiện hòa hợp dân tộc. Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới, cần phát huy hơn nữa những truyền thống quý báu đó trong việc giải quyết các mâu thuẫn của xã hội ta hiện nay, nhất là những mâu thuẫn có liên quan tới sự kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội ở nước ta.

4.3. Nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn phù hợp với từng giai đoạn phát triển của mâu thuẫn

Như đã được trình bày ở phần trước, sự tồn tại và phát triển của mâu thuẫn từ khi ra đời cho đến khi hoàn toàn mất đi có thể chia ra thành hai giai đoạn chủ yếu: giai đoạn mâu thuẫn đang phát triển và giai đoạn mâu thuẫn đã chín muồi.

Ở giai đoạn mâu thuẫn đang phát triển, giải quyết mâu thuẫn không phải là xóa bỏ mâu thuẫn, bởi vì tính tất yếu khách quan trong bản chất của nó không cho phép nó bị xóa bỏ. Ở giai đoạn này, giải quyết mâu thuẫn là khôi phục, tái lập (ở một trình độ mới) sự thống nhất (sự phù hợp, sự ăn khớp, sự cân đối ...) giữa các mặt đối lập đã bị quá trình đấu tranh của chúng phá vỡ.

Để giải quyết mâu thuẫn ở giai đoạn này, cần chú ý lý luận của Lênin về *sự kết hợp các mặt đối lập*. Lênin viết :

"Nhưng dù sao chúng ta cũng đã học được ít nhiều chủ nghĩa Mác, đã học được rằng làm thế nào và khi nào có thể và cần phải thống nhất các mặt đối lập, và điều chủ yếu là trong thời gian ba năm rưỡi của cuộc cách mạng của chúng ta, trong thực tiễn chúng ta đã nhiều lần thống nhất các mặt đối lập."[1]

Xin lưu ý rằng, từ "thống nhất" trong câu trích dẫn trên đây được dịch từ chữ "соединить", nghĩa chính xác của nó là *kết hợp*. Lý luận về sự kết hợp các mặt đối lập đã được Lênin vận dụng để giải quyết những mâu thuẫn ở nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười, nhất là trong thời kỳ thực hiện *Chính sách kinh tế mới*.

Lý luận của V.I. Lênin về sự kết hợp các mặt đối lập đã được một số tác giả triết học ở Liên Xô trước đây (thí dụ, P.N. Phedoxeev), và ở nước ta (như Phạm Ngọc Quang, Lê Hữu Tầng, Lê Hữu Nghĩa, v.v.) coi là một trong những phương pháp giải quyết mâu thuẫn trong thời kỳ quá độ và trong chủ nghĩa xã hội.

Tất nhiên, giải quyết mâu thuẫn bằng sự kết hợp các mặt đối lập cũng có thể áp dụng đối với những mâu thuẫn mang tính chất địch ta (đối kháng), hoặc mâu thuẫn giữa cái cũ - cái mới nhưng chỉ là bước "tạm thời" mà thôi. *Sự kết hợp các mặt đối lập không phải là xóa bỏ mâu thuẫn,* cũng *không phải là điều hòa mâu thuẫn một cách vô nguyên tắc*, mà theo GS. TS. Phạm Ngọc Quang, đó là sự mềm dẻo

---

1. V.I. Lênin, *Toàn tập*, sđd, t. 42, tr. 259.

trong chính sách của Nhà nước Xôviết trong việc tìm bạn đồng minh để đấu tranh chống kẻ thù chung, trong việc sử dụng một loạt những nhân tố tích cực của cái cũ phục vụ cho sự nghiệp xây dựng cái mới, trong việc giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, như kết hợp chính sách dàn đều với chính sách có trọng điểm, nhiệt tình cộng sản với hạch toán kinh tế, dân chủ với tập trung, thuyết phục với cưỡng bức, động viên tư tưởng với khuyến khích vật chất, quy luật chiến tranh với quy luật hoà bình, v.v., bằng cách không phải thủ tiêu một trong hai mặt đối lập, mà kết hợp chúng lại trong một thể thống nhất biện chứng, vừa đấu tranh với nhau, vừa thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển.[1]

Sự kết hợp các mặt đối lập một cách có nguyên tắc cũng được Đảng ta vận dụng trong cách mạng dân tộc dân chủ và nhất là trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, thí dụ kết hợp kế hoạch với thị trường, kết hợp chính sách kinh tế với chính sách xã hội, hợp tác với cạnh tranh trong quan hệ quốc tế, giữ vững độc lập, tự chủ với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, v.v.. Đúng như GS. TS. Lê Hữu Nghĩa nhận xét: "Ở đây công thức của Lênin về sự tự giác kết hợp các mặt đối lập có ý nghĩa phương pháp luận cực kỳ quan trọng nhằm chống cả hữu khuynh và "tả" khuynh".[2]

---

1. Xem: Phạm Ngọc Quang, *Thử vận dụng lý luận về mâu thuẫn vào thời kỳ quá độ ở nước ta*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 90 - 101.
2. Lê Hữu Nghĩa, *Phép biện chứng của công cuộc đổi mới ở nước ta*, Tạp chí Nghiên cứu lý luận, số 4/1997, tr. 4.

Chỉ ở giai đoạn chín muồi, *mâu thuẫn mới có thể được giải quyết triệt để, hoàn toàn*. C. Mác và Ph. Ăngghen tuy có nói rằng:

"Không một hình thái xã hội nào diệt vong trước khi tất cả những lực lượng sản xuất mà hình thái xã hội đó tạo địa bàn đầy đủ cho phát triển, vẫn chưa phát triển, và những quan hệ sản xuất mới, cao hơn, cũng không bao giờ xuất hiện trước khi những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ."[1]

Tuy nhiên, việc xác định trình độ chín muồi của mâu thuẫn để giải quyết nó một cách triệt để, hoàn toàn cũng không phải là đơn giản. Trong việc giải quyết hoàn toàn đối với mâu thuẫn, cần lưu ý một số điểm sau đây :

Một là, căn cứ vào tiêu chuẩn nào để xác định trình độ chín muồi của mâu thuẫn? Trong bài "*Mâu thuẫn trong học thuyết của Các Mác"*, A.X. Xipko có phàn nàn: "Mác và Ăngghen khăng khăng rằng sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội chỉ có thể thực hiện khi chủ nghĩa tư bản đã phát triển hết cỡ của nó. Tuy nhiên, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học không để lại cho chúng ta những tiêu chuẩn để có thể xác định độ chín muồi của chủ nghĩa tư bản."[2]

Thật ra, trong một số tác phẩm của mình, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng đã đề cập đến vấn đề này. Chẳng hạn, trong

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, , t. 13, tr. 15 - 16.
2. A.X. Xipko, *Mâu thuẫn trong học thuyết của Các Mác*, (*Противоречия учения Карла Маркса).* Trong: "Через тернии", Nxb Tiến Bộ, Matxcơva, 1990, tr. 71.

Chống Đuyrinh, Ph. Ăngghen giải thích: "Sự xóa bỏ giai cấp xã hội giả định phải có một trình độ phát triển lịch sử trong đó sự tồn tại không chỉ của một giai cấp thống trị nhất định này hay một giai cấp thống trị nhất định khác, mà là của một giai cấp thống trị nói chung, do đó ngay cả sự phân chia giai cấp, cũng đều trở thành một việc không hợp thời đại, trở thành lỗi thời. Do đó sự xóa bỏ giai cấp giả định phải có một trình độ phát triển cao của sản xuất, trong đó việc một giai cấp xã hội đặc biệt chiếm hữu tư liệu sản xuất và sản phẩm, và do đó, chiếm cả quyền thống trị chính trị, độc quyền giáo dục và chỉ đạo tinh thần, không những trở nên thừa mà còn cản trở sự phát triển kinh tế, chính trị và tinh thần nữa."[1]

Tuy nhiên, tiêu chuẩn để xác định sự chín muồi của mâu thuẫn xã hội không chỉ là vấn đề lý luận, mà còn là vấn đề thực tiễn nữa. Do đó, ngay cả C. Mác, Ph. Ăngghen, hoặc bất kỳ nhà lý luận nào cũng không thể dự kiến trước một cách đầy đủ được. Chỉ trên cơ sở kết hợp lý luận với thực tiễn mới có thể xác định vấn đề này một cách chính xác được.

Hai là, việc giải quyết triệt để mâu thuẫn khi nó đã phát triển đến trình độ chín muồi cũng không thể tiến hành ngay lập tức mà trên thực tế cũng là một quá trình lâu dài. Chính vì thế, một số nhà triết học Liên Xô trước đây, như V.A. Međveđev, P.N. Phedoxeev và các tác giả *Nguyên lý triết*

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 20, tr. 391.

học Mác-Lênin xem quá trình đó là một giai đoạn - *giai đoạn giải quyết mâu thuẫn* (этап разрешения противоречия).[1]

Sở dĩ việc giải quyết hoàn toàn một mâu thuẫn khi mâu thuẫn đó đã đạt đến trình độ chín muồi là một quá trình lâu dài, vì mâu thuẫn, nhất là mâu thuẫn xã hội rất phức tạp, do đó *cần phải giải quyết từng mặt, từng khía cạnh cho đến khi giải quyết hoàn toàn mâu thuẫn đó*. Thí dụ, mâu thuẫn giai cấp có các khía cạnh: kinh tế, chính trị, tư tưởng ; giải quyết mâu thuẫn tư tưởng có tác dụng làm tiền đề cho việc giải quyết mâu thuẫn kinh tế và mâu thuẫn chính trị. Tuy nhiên, không thể giải quyết dứt điểm mâu thuẫn tư tưởng khi mâu thuẫn kinh tế và mâu thuẫn chính trị chưa được giải quyết xong. Còn việc giải quyết mâu thuẫn kinh tế và mâu thuẫn chính trị thì được thực hiện không phải cùng một lúc như nhau, mà bằng cách vừa kết hợp, vừa theo theo trình tự ưu tiên trước sau, tùy theo tính chất của mỗi cuộc cách mạng trong lịch sử.

Công cuộc đổi mới ở nước ta chính là quá trình giải quyết mâu thuẫn giữa cái mới và cái cũ, cũng như những mâu thuẫn mới nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để giải quyết những mâu thuẫn của quá trình đổi mới, Đảng ta tiến hành từng bước một cách khoa học trên cơ sở nắm vững mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế, đổi mới

---

1. *Nguyên lý triết học Mác-Lênin* (*Основы марксистско-ленинской философии),* Nxb Chính trị, Matxcơva, 1979, tr. 96.

chính trị và đổi mới tư duy. Hơn nữa, Đảng ta cũng xác định rằng việc giải quyết những mâu thuẫn của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, không thể chủ quan, nóng vội được.

4.4. Nguyên tắc tính hệ thống và tính đồng bộ trong việc giải quyết mâu thuẫn

Như ta đã biết, mâu thuẫn không tồn tại riêng lẻ mà nằm trong một hệ thống các mâu thuẫn của sự vật. Trong hệ thống đó, các mâu thuẫn có vai trò không giống nhau, có mâu thuẫn cơ bản, mâu thuẫn không cơ bản, mâu thuẫn chủ yếu, mâu thuẫn thứ yếu, v,v.. Các mâu thuẫn của sự vật có tác động lẫn nhau, quy định lẫn nhau; sẽ không giải quyết được mâu thuẫn này nếu chưa giải quyết được những mâu thuẫn khác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: " Khi việc gì có mâu thuẫn, khi phải tìm cách giải quyết, tức là có vấn đề. Khi đã có vấn đề, ta phải nghiên cứu cho rõ cái gốc mâu thuẫn trong vấn đề đó là gì. Phải điều tra, phải nghiên cứu cái mâu thuẫn đó. Phải phân tách rõ ràng và có hệ thống, phải biết rõ cái nào là mâu thuẫn chính, cái nào là mâu thuẫn phụ. Phải đề ra cách giải quyết."[1]

Tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội trong các nước xã hội chủ nghĩa trong những năm đầu thập kỷ 80 đã đặt ra cho các đảng cộng sản nhiệm vụ phải tìm ra mâu thuẫn chủ

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, sđd, t. 5, tr. 302.

yếu của tình hình khủng hoảng. Một số đảng cộng sản do không nhận thức và giải quyết được mâu thuẫn này, chẳng những đã không khắc phục được tình hình khủng hoảng mà còn làm cho chủ nghĩa xã hội đi đến sụp đổ.

Để giải quyết thành công những mâu thuẫn của một giai đoạn cách mạng nhất định, không những cần nhận thức đúng bản chất và vai trò của của các mâu thuẫn trong hệ thống mâu thuẫn của sự vật, mà còn *cần phải có những biện pháp đồng bộ* nhất định.

Tính đồng bộ của việc giải quyết mâu thuẫn thể hiện trước hết là ở việc xã hội *nắm vững và có kế hoạch cụ thể* trong việc giải quyết những mâu thuẫn trong hệ thống mâu thuẫn của sự vật. Để giải quyết những mâu thuẫn trong hệ thống của chúng, cần phải có nhiều biện pháp khác nhau, trong đó có biện pháp kinh tế, biện pháp chính trị, biện pháp tư tưởng v.v., Tính đồng bộ của việc giải quyết mâu thuẫn chính là *sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa những biện pháp đó*. Ngoài ra, tính đồng bộ của việc giải quyết mâu thuẫn còn thể hiện ở *sự phối hợp nhịp nhàng, ăn khớp* của tất cả những nỗ lực, những hành động của tất cả các tổ chức, các thành viên của xã hội.

Sự thành công của Đảng ta trong việc giải quyết những mâu thuẫn của tình hình khủng hoảng chính là sự đồng bộ trong các biện pháp đổi mới. Đảng ta bắt đầu từ đổi mới tư duy, coi đổi mới tư duy là tiền đề cho đổi mới chính trị và đổi mới kinh tế. Tuy nhiên, đổi mới kinh tế là nền tảng cho toàn bộ sự nghiệp đổi mới. Trên cơ sở đổi mới kinh tế, Đảng ta từng bước tiến hành đổi mới chính trị.

Hiện nay, việc giải quyết mâu thuẫn trong quan hệ giữa cá nhân và xã hội, chống tiêu cực, chống quan liêu tham nhũng, chống lối sống đồi trụy, buông thả trong một bộ phận xã hội là *một vấn đề cực kỳ phức tạp và khó khăn*. Ở đây chúng ta phải giải quyết một loạt các mâu thuẫn bằng sự kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân, giữa xã hội và gia đình, bằng những biện pháp kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa; bằng sự kết hợp giữa thực thi pháp luật và giáo dục đạo đức.

4.5. Nguyên tắc thống nhất giữa mục đích nhân đạo và biện pháp nhân đạo trong việc giải quyết mâu thuẫn xã hội

Giải quyết mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn kinh tế, chính trị, tư tưởng theo tinh thần của chủ nghĩa Mác- Lênin là vì con người, vì mục đích tiến tới một xã hội công bằng, bình đẳng giữa người với người, ở đó không còn cảnh áp bức, bóc lột, không còn bạo lực và chiến tranh. Chủ nghĩa cộng sản khoa học theo đúng bản chất của nó *là một chủ nghĩa nhân đạo hơn bất kỳ một chủ nghĩa nhân đạo nào trong lịch sử*. Tuy nhiên, thế nào là nhân đạo trong việc giải quyết mâu thuẫn là vấn đề thường có sự bất đồng giữa các quan điểm khác nhau. Sau đây, chúng tôi xin nêu lên một số quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh về vấn đề này.

Một là, tính nhân đạo trong việc giải quyết mâu thuẫn *không trái với tinh thần đấu tranh kiên quyết* với kẻ thù, với tình trạng áp bức, bất công trong xã hội. Nó không phải là

sự điều hòa mâu thuẫn hay thỏa hiệp. Chính vì tinh thần nhân đạo sâu sắc, lòng yêu thương quần chúng lao động bị áp bức, bóc lột mà C. Mác đã chuyển từ lập trường dân chủ tư sản sang lập trường cách mạng vô sản.

Nhiều nhà tư tưởng phương Tây đã đối lập C. Mác thời trẻ mà họ cho là một ông Mác đầy tính nhân đạo, đặc biệt là sự phân tích con người bị tha hóa trong tác phẩm "*Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*", với C. Mác thời kỳ trưởng thành, khi C. Mác đi vào phân tích những quy luật kinh tế khách quan, những vấn đề đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội, mà họ cho rằng không còn tính nhân đạo nữa. Thật ra, chủ nghĩa nhân đạo của C. Mác quán xuyến từ thời Mác còn trẻ cho đến thời kỳ Mác trưởng thành, từ việc phân tích nguyên nhân và thực chất của việc con người bị tha hóa đến lý luận về đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội với tính cách là phương thức khắc phục sự tha hóa đó. Chính vì sự phân tích như thế, một tác giả triết học Mỹ - Giáo sư Tiến sĩ triết học T.Z. Lavine - đã trả lời câu hỏi: "Liệu có hai chủ nghĩa Mác - một chủ nghĩa Mác trẻ và một chủ nghĩa Mác trưởng thành-, và nếu có thì chúng có thể hòa hợp được với nhau không ?" bằng một câu trả lời rất đúng: "Không có hai mà chỉ có một chủ nghĩa Mác, nó tiến hóa, như chúng ta đã thấy, từ sự xung đột bên trong con người bị tha hóa đến sự xung đột của các giai cấp kinh tế."[1]

1. T.Z. Lavine, *Từ Xôcrat đến Sartre: Sự đi tìm triết học* (From Socrates to Sartre: The Philosophic Quest), Bantam Books, New York, 1989, tr. 286 – 287.

Cũng cần nói thêm rằng, tinh thần kiên quyết trong đấu tranh cách mạng vì mục đích nhân đạo đã bao hàm trong nó *tinh thần khoan dung đối với kẻ thù đã đầu hàng và đối với những người lầm đường lạc lối đã hối cải*. Chính vì lòng thương dân, thương nước mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Lênin, chủ nghĩa xã hội. Mặc dù Hồ Chí Minh là người rất kiên quyết đấu tranh, Người nói "thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ", "hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi", nhưng tinh thần đấu tranh kiên quyết, không khoan nhượng của Hồ Chí Minh không đối lập với lòng nhân đạo cao cả của Người đối với kẻ thù. Trong thư gửi cho đồng bào Nam Bộ ngày 26 tháng 9 năm 1945, Người viết:

"Đối với những người Pháp bị bắt trong lúc chiến tranh, ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phải đối đãi với họ cho khoan hồng. Phải làm cho thế giới trước hết là làm cho dân Pháp biết rằng: chúng ta là quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước."[1]

Đối với những người Việt Nam lầm đường lạc lối, Chủ tịch Hồ Chí Minh khuyên cán bộ, chiến sĩ không được báo thù báo oán, phải "lấy lời khôn lẽ phải mà bày cho họ", phải dùng chính sách khoan hồng, lấy tình thân ái mà cảm hóa họ.

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, sđd, t. 4, tr. 27 - 28.

Hai là, việc giải quyết mâu thuẫn theo tinh thần nhân đạo *không loại trừ việc sử dụng bạo lực khi cần thiết*, tuy nhiên, đây là *bạo lực cách mạng* chứ không phải là sự khủng bố ám sát, trả thù, đấu tố, v.v.. Hồ Chí Minh nói: "Cách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2, 3 anh vua, 9, 10 anh quan mà được."[1]

Đảng ta cũng đã từng xác định rõ ràng: "Chủ nghĩa cộng sản không thù oán cá nhân. Chủ nghĩa cộng sản chủ trương xóa bỏ bóc lột và đem lại cuộc sống mới cho mọi người; chỉ vì mục đích đó mà trong những trường hợp cần thiết, chúng ta mới dùng tới bạo lực để trấn áp những kẻ chống lại sự nghiệp chung của giai cấp và dân tộc."[2]

Lịch sử nhân loại đã trải qua các cuộc đấu tranh giai cấp: đấu tranh giữa giai cấp nô lệ chống giai cấp chủ nô, đấu tranh của giai cấp nông nô chống giai cấp địa chủ quý tộc phong kiến và đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản. Mục đích đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là xóa bỏ hoàn toàn sự phân biệt giai cấp, cho nên nó là cuộc đấu tranh giai cấp *cuối cùng* trong lịch sử. Sứ mệnh và mục đích cao cả đó của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản đã quy định biện pháp đấu tranh nhằm thực hiện sứ mệnh và mục đích đó.

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, sđd, t. 2, tr. 276.
2. Lê Duẩn, *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 631.

Mục đích nhân đạo của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản không thể thực hiện bằng biện pháp vô nhân đạo. Nếu dùng biện pháp vô nhân đạo thì không thể hóa giả được thù hận. Sự thù hận mà thế hệ này gây ra thì nhiều thế hệ mai sau vẫn còn phải gánh chịu hậu quả của nó. Nếu vậy thì cuộc đấu tranh này còn lâu mới là "trận cuối cùng" được.

Sau khi giải phóng miền Nam năm 1975, nhờ chính sách chính sách khoan hồng độ lượng và đường lối hòa hợp dân tộc của Đảng, chẳng những không có "biển máu" như luận điệu tuyên truyền trước đó của kẻ địch, mà *sự thù hận giữa những người trước đây đứng ở hai chiến tuyến cũng được hóa giải*.

Tinh thần khoan dung, nhân đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc giải quyết mâu thuẫn xã hội, trong đấu tranh giai cấp và giải phóng dân tộc đã trở thành một nguyên tắc chung cho việc giải quyết tất cả các mâu thuẫn, kể cả những mâu thuẫn mới nảy sinh trong giai đoạn cách mạng hiện nay ở nước ta, trong đó có những mâu thuẫn kinh tế - xã hội.

Giải quyết mâu thuẫn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay *phải phục vụ mục đích xóa bỏ giai cấp, xóa bỏ hận thù, thực hiện sự hòa hợp dân tộc và sự thống nhất của xã hội trên cơ sở những lợi ích chung*. Giải quyết mâu thuẫn trong chủ nghĩa xã hội phải nhằm mục đích *phục vụ con người*. Mục tiêu phấn đấu của chủ nghĩa xã hội không phải là sự phát triển của một thiểu số, mà là *sự phát triển toàn diện của đại đa số nhân dân lao động* thuộc

tất cả mọi tầng lớp, mọi dân tộc ở mọi miền của đất nước từ thành thị đến nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Trong các xã hội trước, việc giải quyết mâu thuẫn do giai cấp bóc lột thực hiện nhằm áp đặt sự thống trị của một thiểu số đối với đa số, cho nên chúng mới sử dụng những biện pháp vô nhân đạo. Còn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, việc giải quyết mâu thuẫn vì mục đích giải phóng con người, vì sự phát triển tự do và toàn diện của con người, vì sự thống nhất và hòa hợp dân tộc nên *chỉ có thể được thực hiện bằng những biện pháp nhân đạo*, *không thể bằng những biện pháp vô nhân đạo được*.

Đường lối khoan dung độ lượng, thêm bạn bớt thù cũng được Đảng ta áp dụng một cách nhất quán trong quan hệ quốc tế, kể cả với các nước vốn trước đây đã từng đem quân xâm lược nước ta. Có thể nói rằng nước ta bây giờ trở thành ngọn cờ đầu trong việc thực hiện đoàn kết, hợp tác quốc tế trên tinh thần bình đẳng cùng có lợi giữa các quốc gia, dân tộc. Trong khi hầu hết các nước trên thế giới đều bị đe dọa bởi nạn khủng bố thì nước ta được thế giới thừa nhận là một trong một số ít quốc gia có tình hình chính trị ổn định, an ninh trật tư bảo đảm. Đạt được kết quả đáng tự hào đó một phần lớn nhờ ở chính sách giải quyết mâu thuẫn một cách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta.

Tóm lại, chúng ta cần phân biệt hai cách khác nhau của sự giải quyết đối với mâu thuẫn khách quan. Mỗi cách giải quyết mâu thuẫn có đặc trưng riêng:

- *Sự giải quyết thường xuyên* của mâu thuẫn là *sự tái lập sự thống nhất* của các mặt đối lập khi sự thống nhất đó đã bị sự đấu tranh của các mặt đối lập phá vỡ.

- *Sự giải quyết triệt để, hoàn toàn của mâu thuẫn* là *sự xóa bỏ, sự vượt qua, sự tiêu vong* của mâu thuẫn, khi mâu thuẫn đã phát triển đến giai đoạn chín muồi của nó.

Sự giải quyết thường xuyên chỉ là *sự giải quyết cục bộ, tạm thời,* là từng bước tiến tới sự giải quyết triệt để, hoàn toàn của mâu thuẫn.

Giải quyết mâu thuẫn, nhất là mâu thuẫn xã hội là một vấn đề cực kỳ phức tạp, do đó cần phải nắm vững và tuân thủ một số nguyên tắc phương pháp luận nhất định. Đó là nguyên tắc thống nhất giữa việc tuân thủ tính khách quan và việc phát huy cao độ vai trò của nhân tố chủ quan, nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn phù hợp với bản chất và điều kiện tồn tại của mâu thuẫn, nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn phù hợp với từng giai đoạn phát triển của mâu thuẫn, nguyên tắc tính hệ thống và tính đồng bộ trong việc giải quyết mâu thuẫn, nguyên tắc thống nhất giữa mục đích nhân đạo và biện pháp nhân đạo trong việc giải quyết mâu thuẫn xã hội.

CHƯƠNG V

NHẬN THỨC VÀ GIẢI QUYẾT MỘT SỐ MÂU THUẪN QUAN TRỌNG TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cần phải giải quyết một loạt những mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Trước hết, trong thời kỳ quá độ giai cấp vô sản tuy đã giành được chính quyền nhà nước về tay nhân dân lao động, nhưng còn phải tiếp tục giải quyết những mâu thuẫn của xã hội cũ để lại, trong đó có *mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản chủ nghĩa*. Ngoài ra, còn phải giải quyết một loạt mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ, như mâu thuẫn giữa các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế, mâu thuẫn giữa bóc lột và bị bóc lột, mâu thuẫn giữa bình đẳng và bất bình đẳng, và nhất là mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội.

1. NHẬN THỨC LẠI VỀ MÂU CƠ BẢN CỦA CHẾ ĐỘ TƯ BẢN VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI QUYẾT NÓ

Hiện nay, trong sự nghiệp đổi mới có nhiều vấn đề lý luận được đặt ra và cần phải được làm rõ hơn, trong đó có vấn đề sở hữu, quan hệ giữa các thành phần kinh tế, vấn đề vai trò của

kinh tế tư nhân. Giải quyết những vấn đề nêu trên tuy là nhiệm vụ của việc xây dựng chế độ mới - chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nhưng nó lại *có liên quan mật thiết đến một vấn đề lý luận chung rất cơ bản*: đó là *việc nhận thức về bản chất và phương pháp giải quyết mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản*. Chính việc nhận thức này *quy định phương pháp của chúng ta* trong việc xóa bỏ chế độ tư hữu, xây dựng chế độ công hữu, *thái độ* của chúng ta đối với sở hữu và thành phần kinh tế tư nhân, *cách tiếp cận* của chúng ta về vai trò và quan hệ giữa các thành phần kinh tế, v.v..

Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, chúng ta đã tiến hành cải cách ruộng đất nhằm thủ tiêu toàn bộ chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ, biến ruộng đất thành sở hữu toàn dân.

Đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, thành phần kinh tế tư bản tư nhân ở nước ta chưa phát triển mấy, cũng vì thế mà *sở hữu tư bản để lại không đáng kể*. Tuy vậy, việc giải quyết vấn đề cũng không đơn giản. Chẳng hạn, sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, cách làm đơn giản trong việc cải tạo thành phần kinh tế tư bản tư nhân đã dẫn đến những sai lầm đáng tiếc. Do đó chúng ta cần phải *nhận thức lại* bản chất của mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản chủ nghĩa và phương pháp giải quyết nó như thế nào cho đúng.

1.1 Bản chất mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản

Xuất phát từ quan điểm duy vật lịch sử, mâu thuẫn cơ bản của một hệ thống xã hội là *mâu thuẫn trong đời sống*

kinh tế. Tất nhiên, mâu thuẫn kinh tế sẽ biểu hiện thành mâu thuẫn về chính trị và xã hội.

Nếu xem xét hệ thống xã hội đó với tính cách là một hình thái kinh tế - xã hội thì mâu thuẫn cơ bản của nó là sự liên hệ, đấu tranh giữa hai mặt đối lập do *phương thức sản xuất đặc trưng* của hình thái kinh tế - xã hội quy định.

Mâu thuẫn cơ bản của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa (hay nói gọn hơn, của chế độ hay xã hội tư bản) đã được C. Mác và Ph. Ăngghen vạch ra trong tác phẩm *Tư bản* và được trình bày tương đối cụ thể trong tác phẩm *Chống Đuyrinh*. Đó là *mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của nền sản xuất và tính chất tư bản chủ nghĩa của sự chiếm hữu*.

Ph. Ăngghen viết:

"Sự tách rời giữa một bên là những tư liệu sản xuất tập trung vào trong tay những nhà tư bản, và bên kia là những người sản xuất bị đẩy đến chỗ không còn sở hữu gì nữa ngoài sức lao động của mình, đã hoàn thành. Mâu thuẫn giữa sản xuất xã hội và sự chiếm hữu tư bản chủ nghĩa biểu hiện ra thành sự đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản."[1]

Thực chất của mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản là sự thống nhất và đấu tranh giữa hai mặt của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Đặc trưng của lực lượng sản xuất tư

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 20, tr. 377.

bản chủ nghĩa là nền sản xuất công nghiệp với một lực lượng lao động rất đông đảo. Mỗi tập đoàn kinh tế lớn có thể có số lượng người lao động làm thuê lên tới hàng trăm nghìn người, thậm chí có tập đoàn có trên một triệu người. Theo con số của Microsoft Encarta Reference Library 2005, thì trong 500 doanh nghiệp lớn nhất của Mỹ đã có gần 30 triệu người lao động. Riêng *Wal-Mart Stores Inc.* có 1.400.000; *Manpower Inc.* có 1.621.400; *Kelly Services Inc.* có 708.200 nhân viên. Các tập đoàn như *General Mortors Corporation*; *Ford Mortor Company*; *General Electric Company*; *McDonald's Corporation*; *International Business Machines Corporation*; *United Parcel Service Inc.*; *Target Corporation*, v.v., mỗi tập đoàn có trên 300.000 lao động.[1]

Mục đích của sản xuất tư bản là thu lợi nhuận (giá trị thặng dư), cho nên các nhà tư bản đều có khuynh hướng phân phối có lợi cho mình, người lao động bao giờ cũng phải chịu thua thiệt. Gấn 500 tỷ USD lợi nhuận thu được trong một năm của 500 doanh nghiệp nêu trên phần lớn được bỏ vào túi các nhà tư bản. Nên chúng ta không có gì ngạc nhiên khi thấy những nhà doanh nghiệp thành đạt Mỹ có gia tài kếch sù giá trị nhiều tỷ USD.

Mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của nền sản xuất và hình thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa là mâu thuẫn bản chất quy định mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp vô sản và

1. *500 largest US businesses*. Trong: *Thư viện tra cứu bách khoa của Microsoft* (Microsoft Encarta Reference Library DVD 2005), do Microsoft phát hành trên đĩa DVD, năm 2005.

giai cấp tư sản. Mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ngoài khía cạnh kinh tế còn có khía cạnh chính trị nữa. Bởi vì giai cấp vô sản không chỉ chiếm hữu về tư liệu sản xuất và sản phẩm xã hội, mà nó còn nắm trong tay bộ máy nhà nước. Nó đặt ra luật pháp và những chính sách kinh tế - xã hội bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản. Vì quyền lợi ích kỷ của mình, giai cấp tư sản đã tiến hành các cuộc *chiến tranh xâm lược chống lại các dân tộc trước sự phản đối mạnh mẽ của đông đảo nhân dân trong nước và thế giới*.

1.2. Phương pháp giải quyết mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản

Nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là giải quyết mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản. Để giải quyết triệt để mâu thuẫn này cần phải hiểu rõ nguyên nhân sâu xa và điều kiện tồn tại của nó.

Nguyên nhân sâu xa của mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, như Ph. Ăngghen vạch rõ, là sự tách rời giữa sở hữu và lao động trong điều kiện sản xuất tư bản chủ nghĩa. "Sự tách rời giữa một bên là những tư liệu sản xuất tập trung vào trong tay những nhà tư bản, và bên kia là những người sản xuất bị đẩy đến chỗ không còn sở hữu gì nữa ngoài sức lao động của mình".

Điều kiện tồn tại của mâu thuẫn này là "trình độ phát triển chưa đầy đủ của lực lượng sản xuất". Do đó, để giải quyết mâu thuẫn này phải có hai điều kiện cơ bản: *một là,* phải có một nền công nghiệp phát triển ở trình độ rất cao,

hai là, giai cấp vô sản và nhân dân lao động phải nắm trong tay chính quyền nhà nước và xây dựng nó thành công cụ có đủ năng lực đảm nhận thực hiện thành công những nhiệm vụ kinh tế và chính trị-xã hội đặt ra.

Như vậy, việc giải quyết mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản phải được tiến hành cả trên phương diện kinh tế và chính trị.

Sau khi giai cấp vô sản và nhân dân lao động đã có chính quyền trong tay, việc giải quyết mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải *xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu*.

Trong tác phẩm "*Hệ tư tưởng Đức*", C. Mác và Ph. Ăngghen đã lý giải một cách khoa học vì sao phải xóa bỏ chế độ tư hữu, xây dựng chế độ công hữu.

- Trước hết, chế độ tư hữu "đã biến đa số trong nhân loại thành những người hoàn toàn "không có sở hữu", đồng thời mâu thuẫn với cái thế giới đầy dẫy của cải và học thức". Chính nhờ chiếm hữu được tư liệu sản xuất mà một thiểu số người không lao động, bằng bóc lột trở nên giàu có được, trong khi đó cái đa số những người lao động kia không thể thoát khỏi cảnh nghèo khổ, đốt nát.

- Chế độ tư hữu *gắn liền với một hình thức phân công lao động nhất định*, trong đó mỗi người bị cột chặt vào những tư liệu sản xuất nhất định, vào một công việc nhất định, suốt đời không thể tự mình thoát ra được. Chính

việc xóa bỏ hình thức phân công lao động đó mới có thể giải phóng con người, nhường chỗ cho *một hình thức phân công lao động mới*. Con người có thể làm những công việc anh ta thích, trở thành cái mà anh ta mong muốn, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự giác, không còn bị bắt buộc, bị áp đặt.

- Hình thức phân công lao động trong chế độ tư hữu luôn luôn gắn liền với *tình trạng bất công*; bởi vì sự phân công lao động ấy không phải tự nguyện, không phải dựa trên phẩm chất, năng lực của mỗi cá nhân, mà thường bị áp đặt cho cá nhân bởi quyền lực từ bên ngoài. Không chỉ ngoài xã hội mà ngay rong gia đình, sự phân công lao động giữa vợ chồng, nam nữ cũng không có sự công bằng, hợp lý.

- Chế độ tư hữu vừa là kết quả, vừa là nguyên nhân của *tình trạng tha hóa của con người*. Chế độ tư hữu làm cho mâu thuẫn giữa lợi ích riêng của cá nhân với lợi ích chung của xã hội trở nên gay gắt, không thể dung hòa được. Cá nhân đã coi lợi ích chung đó là một cái gì "xa lạ", "không phụ thuộc" vào họ. Chỉ có xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu mới xóa bỏ được sự tha hóa đó.

- Ngoài ra, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng chỉ ra rằng tất cả các hình thức chiếm hữu trước kia (tư hữu) đều *có tính chất hạn chế*. Cá nhân bị lệ thuộc vào một sự chiếm hữu hạn chế, vào một công cụ sản xuất hạn chế, vào một sự phân công lao động hạn chế. Chỉ có giai cấp vô sản mới có đủ năng lực thực hiện *sự chiếm hữu tổng thể những tư liệu sản xuất* . Sự chiếm hữu tổng thể những tư liệu sản xuất (chế

độ công hữu) vừa đòi hỏi vừa tạo điều kiện để *phát triển tổng thể các năng lực của con người*.[1]

Theo quan điểm mácxít, mỗi hình thái kinh tế - xã hội có một cơ sở hạ tầng kinh tế nhất định bao gồm "toàn bộ những quan hệ sản xuất" hợp thành cơ cấu kinh tế của nó. *Bản chất* của cơ sở hạ tầng của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định được đặc trưng bởi *quan hệ sản xuất thống trị*. Cơ sở hạ tầng của chủ nghĩa tư bản gồm nhiều kiểu quan hệ sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, nhưng bản chất của nó được quy định bởi *sự thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa*; những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội đều nằm trong tay giai cấp tư sản; *kinh tế tư bản tư nhân là thành phần kinh tế chủ yếu*.

Sự khác nhau giữa cơ sở hạ tầng kinh tế của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản không phải ở chỗ trong chủ nghĩa tư bản chỉ có thành phần kinh tế tư bản tư nhân và trong chủ nghĩa xã hội chỉ có kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Trong chủ nghĩa xã hội cũng phải có nhiều kiểu quan hệ sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, nhưng *sở hữu công cộng phải bao quát những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội* và *thành phần kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo*.

Như vậy, khi ta nói đến *chế độ tư hữu* thì không có nghĩa là trong đó chỉ có kinh tế tư nhân và sở hữu tư nhân. Ta cần phân biệt chế độ tư hữu với *hình thức sở hữu tư nhân*. Chế

1. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, sđd, t. 3, tr. 45 – 51.

độ tư hữu là một hệ thống kinh tế, trong đó hình thức *sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất giữ vai trò thống trị*, các hình thức sở hữu khác là thứ yếu. Tương tự như vậy, khi nói *chế độ công hữu* thì không phải là toàn bộ tư liệu sản xuất, mà *chỉ có những tư liệu sản xuất chủ yếu* là thuộc về sở hữu công cộng mà thôi.

Thực chất của chủ trương xóa bỏ chế độ tư hữu là xóa bỏ một chế độ kinh tế, trong đó một thiểu số người nắm tư liệu sản xuất dùng nó để bóc lột, nô dịch đa số những người lao động làm thuê. Điều này đã được C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: "Chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái khả năng chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác."[1]

Theo chúng tôi, cần phân biệt *tư hữu* với *sở hữu của cá nhân, gia đình người lao động*. Khi nói đến *tư hữu* là nói đến hình thức kinh tế trong đó người sở hữu *sử dụng tư liệu sản xuất làm phương tiện bóc lột sức lao động của người làm thuê.* Còn sở hữu của cá nhân, gia đình người lao động là sở hữu gắn liền với lao động, không bóc lột, do đó nó không phải là đối tượng xóa bỏ của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, "Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản."[2]

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 4, tr. 618
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 4, tr. 615

Như vậy, xóa bỏ chế độ tư hữu không có nghĩa là xóa bỏ tất cả mọi hình thức kinh doanh có sở hữu cá nhân, mà chỉ làm cho chúng không còn giữ vai trò thống trị trong nền kinh tế quốc dân. Thiết lập chế độ công hữu không có nghĩa là công hữu hóa mọi tư liệu sản xuất, mà chỉ *làm cho sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất và thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, chi phối chiều hướng phát triển của các thành phần kinh tế khác*. Mục đích của xóa bỏ chế độ tư hữu và thiết lập chế độ công hữu là thiết lập quyền làm chủ của nhân dân lao động đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội; đa dạng hóa các hình thức sở hữu, không để tư liệu sản xuất tập trung trong tay một thiểu số, làm cho tư liệu sản xuất gắn bó một cách tốt hơn với người lao động, làm cho người lao động thật sự quan tâm hơn đến tư liệu sản xuất và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc phát triển kinh tế tư nhân trong chủ nghĩa xã hội phải đảm bảo nguyên tắc công bằng xã hội. Người ta thường đồng nhất kinh tế tư nhân với tình trạng bóc lột và bất công, nhưng không nhận thấy rằng kinh tế tư nhân trong chế độ công hữu, trong hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa sẽ *có đặc điểm khác với kinh tế tư nhân trong chế độ tư hữu, trong hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa*. Bởi vì, theo cách tiếp cận *cấu trúc-hệ thống*, cùng một yếu tố nhưng nằm trong những cấu trúc, hệ thống khác nhau thì những đặc điểm biểu hiện của nó cũng khác nhau. Trong hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa, khi quần chúng lao động nắm quyền làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, khi kinh

tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo, khi tất cả các thành phần kinh tế đều đặt dưới sự quản lý thống nhất và khoa học của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì những hiện tượng tiêu cực của kinh tế tư nhân như tình trạng bóc lột, cạnh tranh không lành mạnh có thể từng bước được khắc phục; quan hệ giữa người chủ doanh nghiệp và người lao động sẽ không còn đối kháng như trong các xã hội trước và ngày càng phát triển tốt đẹp hơn.

Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa chưa có bao nhiêu, kinh tế tư bản chủ nghĩa chưa từng giữ vai trò thống trị trong xã hội, do đó *việc giải quyết mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản cũng có tính chất đặc thù của nó*. Vấn đề không phải là xóa bỏ hay hạn chế các thành phần kinh tế tư tư bản chủ nghĩa mà là *không để cho quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển thành quan hệ sản xuất thống trị* trong cơ sở hạ tầng của xã hội. Cần phải *khuyến khích* kinh tế tư nhân, kể cả doanh nghiệp tư nhân có thuê mướn lao động không hạn chế về quy mô, nhưng phải *đảm bảo nó phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa*; nghĩa là giảm dần sự bóc lột của nó, làm cho công bằng xã hội được thực hiện ngày càng cao trong thành phần kinh tế này, làm cho doanh nghiệp tư nhân tư bản dần dần không còn mang tính chất tư bản chủ nghĩa nữa.

Không chỉ kinh tế doanh nghiệp tư nhân, mà tất cả các hình thức kinh tế tư nhân khác đều phải được quản lý và định hướng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Điều này có thể thực hiện được trong điều kiện *nhân dân lao động làm chủ về chính trị và kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo*.

Theo chúng tôi, kinh tế thị trường *không phải là bước quá độ tạm thời* sẽ bị xóa bỏ khi tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế trong chủ nghĩa xã hội *vẫn là nền kinh tế thị trường* (Trung Quốc đã không ngần ngại gọi nền kinh tế của họ là "nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa"; còn tên gọi "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" là phù hợp với trình độ và tính chất quá độ hiện nay của nền kinh tế ở nước ta). Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là *một trình độ cao hơn của kinh tế thị trường, khắc phục được những hạn chế* của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Tất nhiên, nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa cũng *là một nền kinh tế nhiều thành phần*; các doanh nghiệp *vừa hợp tác vừa cạnh tranh với nhau* một cách lành mạnh để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

Nắm vững vấn đề bản chất và phương thức giải quyết mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản có vai trò định hướng cho việc xây dựng chế độ chính trị và nhà nước, xây dựng chế độ sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế ở nước ta.

Trong những năm gần đây ở nước ta xuất hiện thuật ngữ "xã hội hóa giáo dục". Thuật ngữ này có nghĩa là làm cho hoạt động giáo dục không còn là độc quyền nhà nước nữa, mà trở thành hoạt động rộng rãi của xã hội, trong đó có cả cơ sở giáo dục công lập và dân lập dưới sự quản lý của nhà nước. Tương tự như vậy, theo chúng tôi nên sử dụng thuật ngữ "xã hội hóa

sở hữu" (thay cho các thuật ngữ *công hữu hóa* trước đây và *tư nhân hóa* hiện nay). Có thể coi đó là *phương thức xóa bỏ chế độ tư hữu*. Xã hội hóa sở hữu không phải là công hữu hóa, cũng không phải là tư nhân hóa, mà là *đa dạng hóa* các hình thức sở hữu, làm cho sở hữu ngày càng gắn liền với người lao động. Xã hội hóa không chỉ thể hiện ở quyền sở hữu mà cả ở quyền quản lý và sử dụng nữa.

Chủ trương của Đảng trong việc *phát triển một nền kinh tế nhiều thành với nhiều hình thức sở hữu và nhiều hình thức kinh doanh* với mục đích làm cho sở hữu gắn liền với người lao động, phát huy mọi tiềm năng vật chất và đầu óc sáng tạo của mọi người Việt Nam *là cách giải quyết đúng đắn*, nó đảm bảo sự phù hợp của *quan hệ sản xuất mới với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.*

2. MÂU THUẪN GIỮA BÓC LỘT VÀ BỊ BÓC LỘT

2.1. Thế nào là bóc lột

Bóc lột (exploitation) có nghĩa là *chiếm đoạt thành quả lao động* của người khác trong quá trình sản xuất và trao đổi.

Ta biết rằng mọi của cải vật chất đều do lao động của con người làm ra, kể cả lao động quá khứ và lao động hiện tại. Tổng số sản phẩm của xã hội là *có hạn.* Nếu trong cùng một quan hệ kinh tế, người này hưởng thụ nhiều hơn phần đóng góp của mình vào việc làm ra sản phẩm chung thì cũng có nghĩa là một phần lao động của người khác sẽ bị mất đi, tức là bị bóc lột. Nếu mỗi người lao động hưởng thụ

tương xứng với lao động và đóng góp của mình trong việc tạo ra của cải đó thì không có vấn đề bóc lột. Đóng góp ở đây cần phải được hiểu là đóng góp về sức lao động, về trí tuệ và hiệu quả quản lý. (Trong điều kiện nước ta hiện nay, đóng góp về vốn cũng được xem là một sự đóng góp).

Về đóng góp trí tuệ và hiệu quả công việc quản lý là vấn đề rất trừu tượng khó đánh giá chính xác, cho nên nhìn bề ngoài để đánh giá và kết luận một doanh nghiệp tư nhân có bóc lột hay không và bóc lột bao nhiêu là không chính xác. Cần phải có một số sự so sánh rộng rãi giữa thu nhập của doanh nhân và công nhân, giữa công nhân các doanh nghiệp cùng ngành nghề và điều kiện kinh doanh, giữa doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước, v.v., thì mới có một cách nhìn nhận thỏa đáng hơn, nhưng cũng chỉ là sự đánh giá *có tính chất tương đối* mà thôi.

2.2. Giải quyết mâu thuẫn giữa bóc lột và bị bóc lột

Trong các xã hội dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, nhờ nắm trong tay quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quyền quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm, giai cấp bóc lột chiếm đoạt phần lớn những khoản lợi nhuận. Do đó, tăng trưởng kinh tế tất yếu sẽ làm cho thu nhập của giai cấp bóc lột tăng nhanh hơn nhiều lần so với thu nhập của giai cấp bị bóc lột. Vì thế, trong xã hội do giai cấp bóc lột thống trị, kinh tế càng tăng trưởng thì hiện tượng bất bình đẳng, bất công xã hội cũng gia tăng theo.

Ở nước ta, kể từ khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, *sự thống trị về chính trị và kinh tế của giai*

cấp bóc lột đã được xóa bỏ. Nhân dân lao động từng bước trở thành người chủ của xã hội. Xóa bỏ được sự thống trị của giai cấp bóc lột là xóa bỏ được nguồn gốc bất công lớn nhất đã từng tồn tại hàng ngàn năm trong lịch sử dân tộc, vượt qua được một trở ngại lớn trên con đường đi tới một xã hội công bằng, bình đẳng.

Tuy vậy, ở nước ta hiện nay, do sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, trong đó có những thành phần kinh tế có tư hữu, do việc mở cửa và khuyến khích đầu tư nước ngoài, cho phép cá nhân, gia đình bỏ vốn ra kinh doanh, thuê mướn lao động, nên sự tăng trưởng kinh tế tất nhiên không thể không đi kèm với một số hiện tượng bóc lột, bất bình đẳng và bất công.

Vấn đề là *giải quyết mối quan hệ về lợi ích giữa người thuê mướn lao động và người lao động làm thuê* theo đúng luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định.

Không thể thực hiện việc xóa bỏ ngay các hiện tượng bóc lột bằng cách hạn chế, cấm đoán một số hình thức kinh doanh có thuê mướn lao động mà, trái lại, cần khuyến khích những người có vốn, có năng lực quản lý bỏ vốn ra kinh doanh, một mặt, để tận dụng nguồn vốn và tài năng của họ, mặt khác, để giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Trong việc khuyến khích đầu tư kinh doanh ở khu vực kinh tế tư nhân, kể cả khu vực có đầu tư nước ngoài, mối quan hệ giữa lợi ích của nhà kinh doanh và người lao động

làm thuê, nếu giải quyết không tốt có thể dẫn đến hai trường hợp sau đây:

Hoặc là lợi ích của người lao động làm thuê bị vi phạm,

Hoặc là lợi ích của nhà kinh doanh bị vi phạm.

Cả hai trường hợp trên đều có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Trong trường hợp lợi ích của người lao động bị vi phạm thì tính tích cực và năng suất lao động của họ sẽ giảm sút. Còn nếu lợi ích của nhà kinh doanh không được thỏa mãn thì nhiệt tình của họ trong việc đầu tư sẽ không còn nữa. Chẳng hạn, đối với những nhà đầu tư nước ngoài, nếu thấy việc đầu tư ở nước ta không đem lại lợi ích cho họ, họ sẵn sàng đem vốn và kỹ thuật của họ đầu tư vào nước khác. Như vậy, *nếu không giải quyết tốt mối quan hệ giữa các lợi ích đó thì chẳng những công bằng xã hội bị vi phạm, mà cả tăng trưởng kinh tế cũng không thể thực hiện được theo ý muốn*.

Giải quyết mâu thuẫn giữa bóc lột và bị bóc lột đảm bảo công bằng xã hội nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở nước ta hiện nay là *giải quyết mối quan hệ giữa các lợi ích - lợi ích của người lao động, lợi ích của nhà kinh doanh và lợi ích của nhà nước*. Không được coi trọng lợi ích này xem nhẹ lợi ích kia, mà phải *kết hợp hài hòa các lợi ích*.

Giải quyết mâu thuẫn giữa bóc lột và bị bóc lột là một quá trình lâu dài, không thể một sớm một chiều mà hoàn thành được. Để giải quyết nó cần phải phối hợp đồng bộ các biện pháp: biện pháp kinh tế, chính trị, tư tưởng, v.v.. Nhà

nước bằng hệ thống luật pháp và chính sách kinh tế, xã hội của mình vừa khuyến khích lợi ích chính đáng và tính tích cực sáng tạo của những nhà kinh doanh, vừa hạn chế sự bóc lột và những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của họ.

Về kinh tế, điều cơ bản là phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó sở hữu công cộng và thành phần kinh tế nhà nước ngày càng củng cố được vai trò chủ đạo của mình. Các doanh nghiệp và thành phần kinh tế cạnh tranh lành mạnh về chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế.

Về chính trị, phải xây dựng và hoàn thiện nhà nước của dân, do dân và vì dân và hệ thống pháp luật thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động. Xây dựng và kiện toàn các tổ chức Đảng và đoàn thể trong doanh nghiệp tư nhân. Các tổ chức này có chức năng vừa lãnh đạo công nhân tăng năng suất lao động, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, vừa bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động.

Về xã hội, vận động các doanh nghiệp quan tâm ngày càng nhiều hơn đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tôn trọng nhân phẩm của người lao động, *đóng bảo hiểm cho người lao động* để phát huy cao độ tinh thần tự giác, tính năng động sáng tạo của họ trong lao động và dịch vụ. Nhà nước thông qua nguồn thuế thu được và các khoản đóng góp khác từ các cơ sở kinh doanh mà mở rộng, phát triển các chương trình xã hội. Tuy nhiên, sự điều tiết thu nhập thông qua chính sách thuế, nếu không được thực hiện

một cách hợp lý sẽ có tác động tiêu cực đến việc khuyến khích đầu tư. Kinh nghiệm của một số nước Bắc Âu trong thập kỷ 80 của thế kỷ trước đã cho thấy điều đó. Ngoài ra, Nhà nước cần khuyến khích mọi cơ sở kinh doanh tham gia vào những công trình phúc lợi tập thể, tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động, tham gia vào các hoạt động nhân đạo, v.v..

Như vậy, trên con đường đi đến xóa bỏ hoàn toàn sự bóc lột, chúng ta phải chấp nhận hiện tượng bóc lột ở một mức độ nhất định, trong một phạm vi, một thời gian nhất định. *Khuyến khích những hình thức kinh doanh có thuê mướn lao động và hạn chế sự bóc lột của những hình thức đó* là hai mặt tuy có mâu thuẫn với nhau, nhưng trong điều kiện nhà nước đã thuộc về nhân dân lao động, khi thành phần kinh tế nhà nước củng cố được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, thì hai mặt đó có thể kết hợp được với nhau và mâu thuẫn giữa bóc lột và bị bóc lột có thể thường xuyên được giải quyết, đảm bảo việc thực hiện tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ngày càng tốt hơn.

3. MÂU THUẪN GIỮA LỢI ÍCH CÁ NHÂN VÀ LỢI ÍCH XÃ HỘI

Trong các xã hội dựa trên chế độ tư hữu có quan hệ đối kháng giai cấp thì mâu thuẫn cá nhân - xã hội chịu sự tác động của mâu thuẫn đối kháng giai cấp, lợi ích cá nhân đối lập với lợi ích xã hội ở *ba* khía cạnh:

- Sự đối lập giữa cái riêng và cái chung (giữa lợi ích riêng và lợi ích chung).

- Sự đối lập giữa lợi ích của cá nhân thuộc giai cấp bị bóc lột với lợi ích xã hội do giai cấp thống trị đại diện.

- Sự đối lập giữa lợi ích của cá nhân thuộc giai cấp bóc lột với lợi ích của cộng đồng xã hội trong đó khối đông đảo là quần chúng nhân dân lao động.

Trong tác phẩm "*Hệ tư tưởng Đức*", C. Mác và Ph. Ăngghen viết:

"Chính do mâu thuẫn giữa lợi ích riêng và lợi ích chung mà lợi ích chung với danh nghĩa là *nhà nước*, mang một hình thức độc lập, tách rời khỏi những lợi ích thực tế của cá nhân và của tập thể, đồng thời cũng mang một hình thức cộng đồng hư ảo."[1]

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mâu thuẫn cá nhân - xã hội *vẫn còn bị tác động của cuộc đấu tranh giai cấp*.

Cùng với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, khi mâu thuẫn giai cấp đã được giải quyết triệt để thì mâu thuẫn cá nhân-xã hội *không còn mang tính chất giai cấp nữa* mà chỉ còn là *biểu hiện của mâu thuẫn giữa lợi ích riêng và lợi ích chung*.

3.1. Sự thống nhất và đối lập giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội

Quan hệ cá nhân - xã hội là *quan hệ về lợi ích, là sự thống nhất và đối lập về lợi ích*.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 3, tr. 47.

- *Sự thống nhất lợi ích thể hiện ở chỗ***:** cá nhân và xã hội là hai mặt xâm nhập lẫn nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau. Cái xã hội (cái chung) có phần nằm trong mỗi cá nhân (cái riêng). Xã hội mà không có cá nhân thì xã hội không tồn tại. Cá nhân không thể tồn tại và phát triển bên ngoài môi trường xã hội. Không những sự hình thành nhân cách ở mỗi cá nhân, mà ngay cả *nhu cầu, lợi ích* của cá nhân cũng hình thành và được thực hiện dưới ảnh hưởng quyết định của điều kiện xã hội. Tự do cá nhân cũng chỉ có được trong cộng đồng xã hội và phụ thuộc vào trình độ văn hóa, văn minh của cộng đồng xã hội đó. Trong tác phẩm "*Hệ tư tưởng Đức*", C. Mác và Ph. Ăngghen viết:

"Chỉ có trong đời sống cộng đồng cá nhân mới có được những phương tiện để có thể phát triển toàn diện những năng khiếu của mình và do đó, chỉ có trong cộng đồng mới có thể có tự do cá nhân."[1]

- Trong chủ nghĩa xã hội, mâu thuẫn lợi ích đối kháng không còn (mâu thuẫn đối kháng giai cấp được giải quyết triệt để, mâu thuẫn đối kháng cá nhân cũng không còn có tính tất yếu nữa), nhưng *mâu thuẫn lợi ích không đối kháng giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với xã hội vẫn còn tồn tại, không tránh khỏi*. Nguyên nhân *mâu thuẫn* giữa lợi ích riêng của cá nhân và lợi ích chung của xã hội là ở chỗ:

+ Nhu cầu và lợi ích riêng của cá nhân thường *đa dạng, phong phú* hơn cái hiện có của xã hội.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 3, tr. 108.

+ Ngược lại, xã hội chỉ có những chuẩn mực chung, do đó không thể thỏa mãn mọi yêu cầu, mong muốn của mỗi cá nhân.

Mâu thuẫn cá nhân - xã hội do những nguyên nhân khác nhau và cách giải quyết khác nhau mà luôn luôn có hai mặt - tích cực và tiêu cực. Thông thường người ta chỉ thấy mặt tiêu cực trong mâu thuẫn cá nhân - xã hội, không thấy mặt tích cực của nó.

Mặt tích cực

Trong chủ nghĩa xã hội, mặt tích cực của mâu thuẫn cá nhân - xã hội ngày càng đóng vai trò chủ yếu. Sự thống nhất và đấu tranh giữa cá nhân và xã hội trở thành một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội.

+ Cá nhân luôn có những nhu cầu, lợi ích đa dạng, phong phú nên họ *luôn luôn phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực làm việc của mình; luôn suy nghĩ tìm tòi cách tăng năng suất lao động, sản xuất ra nhiều của cải vật chất và tinh thần cho xã hội để không ngừng nâng cao mức hưởng thụ của mình*. Với động lực phấn đấu của cá nhân đã góp phần cho xã hội phát triển đi lên. Điều này ta có thể nhận thức dễ dàng nếu thử so sánh nền kinh tế thị trường hiện nay với thời kỳ bao cấp trước đây. Trong thời kỳ bao cấp, cá nhân thường thỏa mãn với những cái mà xã hội cung cấp cho họ còn *ít ỏi;* cá nhân không có điều kiện vượt ra ngoài khuôn khổ đó. Còn xã hội lại quá chú trọng vào động lực tinh thần, nên đã có thời kỳ bị ngưng đọng, trì trệ.

Mặt khác, để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của xã hội, nên xã hội có những *yêu cầu cao* đối với cá nhân, tuy cũng tạo ra phản ứng của một số cá nhân đối với xã hội, nhưng đó là điều hoàn toàn cần thiết. Nếu xã hội để cho cá nhân "tự do" thích làm những điều mình muốn, và lẩn tránh những điều mình không muốn, thì lợi ích cộng đồng sẽ không thể đảm bảo, mà cá nhân cũng không thể phát triển lành mạnh được. Do đó, xã hội đấu tranh chống lại những tư tưởng và việc làm sai trái, vi phạm luật pháp, vi phạm đạo đức của cá nhân, yêu cầu cá nhân phải thực hiện các nghĩa vụ có tác dụng *tăng cường sự thống nhất, đoàn kết xã hội, đảm bảo lợi ích chung của mọi cá nhân và sự phát triển lành mạnh cho xã hội*.

Mặt tiêu cực

Biểu hiện mặt tiêu cực trong mâu thuẫn cá nhân - xã hội:

+ *Trong bộ máy Đảng, Nhà nước*, đó là tệ quan liêu tham nhũng, chạy theo địa vị, chức tước; lợi dụng quyền chức để mưu cầu lợi ích cho cá nhân. Nhiều cá nhân quan tâm không phải là chất lượng, hiệu quả công tác mà *chủ yếu là thu nhập của mình*. Khi xã hội có yêu cầu về trình độ thì họ cũng có đủ bằng cấp theo quy định nhưng đó chỉ là "học giả" mà thôi.

+ *Trong hoạt động sản xuất kinh doanh*, đó là hiện tượng gian lận thương mại, kinh doanh trái pháp luật, trốn thuế để có được lợi nhuận cao. Những cá nhân có hành vi này luôn đặt mình đối lập với xã hội, với Nhà nước, luôn tìm

cách thoát khỏi sự quản lý, giám sát của các cơ quan Nhà nước, hoặc thậm chí chống lại sự thi hành công vụ của cán bộ Nhà nước. Chủ nghĩa cá nhân là một khuynh hướng tư tưởng, lối sống của những người chỉ biết lợi ích ích kỷ của cá nhân mình, cống hiến thì ít, đòi hỏi thì nhiều, sẵn sàng hy sinh lợi ích của người khác, của xã hội để thực hiện lợi ích cá nhân.

+ *Trong lối sống cá nhân*, hiện tượng sa đọa, ăn chơi trác táng, sống buông thả bất chấp những qui định về luật pháp và đạo đức của xã hội. Ngoài ra còn có những kẻ vì lợi ích ích kỷ của mình, vì bất mãn, hoặc do nghe theo lời dụ dỗ, chịu làm tay sai cho các thế lực thù địch chống lại Nhà nước, chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, gây chia rẽ dân tộc, tôn giáo với Nhà nước.

+ *Trong quản lý xã hội*, nhiều khi cán bộ, cơ quan Nhà nước, lãnh đạo tập thể tuy xuất phát từ nhu cầu của xã hội, nhưng do sai lầm về nhận thức, sự yếu kém về quản lý, thái độ quan liêu, tư lợi nên đã đề ra những quy định không công bằng, sinh mâu thuẫn giữa các tầng lớp, giữa các cá nhân hoặc vô tình hay hữu ý làm hạn chế sự phát triển và nhu cầu chính đáng của cá nhân. Chẳng hạn, những thủ tục, qui định cho việc kinh doanh, đầu tư, các chính sách về đất đai, v.v.. Như vậy, nhiều khi *nhân danh xã hội có thể làm tổn thương đến lợi ích chính đáng cá nhân,* gây ra sự bất bình của cá nhân đối với xã hội, đối với Nhà nước, gây ra những điểm nóng, những vụ khiếu kiện cá nhân, tập thể.

Nhiều khi mâu thuẫn cá nhân xã hội chỉ dẫn đến những *phản ứng âm thầm* của cá nhân, nhưng mức độ tác hại của nó cũng không nhỏ. Bởi lẽ nó gây ra phản ứng tiêu cực của cá nhân thể hiện ở sự *thờ ơ với chất lượng và hiệu quả của lao động*. Đây cũng là một biểu hiện khác mặt tiêu cực của mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội.

4. 3. Giải quyết mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Mục đích của chủ nghĩa cộng sản là sự phát triển tự do và toàn diện của mọi cá nhân trong quan hệ với cộng đồng xã hội.

Trong tác phẩm: "*Marx - nhà tư tưởng của các có thể*", Michel Vadée cho rằng mục đích của xã hội cộng sản theo Mác và Ăngghen của là *sự phát triển tự do của cá nhân trong sự phụ thuộc lẫn nhau giữa cá nhân và xã hội*.[1]

Richard Schmitt, trong tác phẩm "*Giới thiệu về Marx và Engels*" đã có sự phân biệt giữa tự do cá nhân với tự do của con người. Theo ông, chủ nghĩa cộng sản không phải cung cấp tự do cho một số cá nhân mạnh, mà là *sự tự do của mọi cá nhân, tự do của cả cộng đồng*.

"Chúng ta gặp phải sự phân biệt giữa tự do cá nhân (personal freedom) và tự do của con người (human freedom)... Theo Mác và Ăgghen, chủ nghĩa tư bản chỉ

1. Xem Michel Vadée, *Marx nhà tư tưởng của cái có thể* (gồm 2 tập), Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 347 - 348.

cung cấp tự do cá nhân trong một số trường hợp... nhưng chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cung cấp tự do của con người, bởi vì nó đem lại một cộng đồng chân chính".[1]

Tuy nhiên, cũng theo tác giả, một câu hỏi đặt ra là: Để đạt được sự tự do của cộng đồng *có phải trả giá bằng sự hy sinh tự do cá nhân không*? Và Mác và Ăngghen đã hiểu và trả lời rõ, chủ nghĩa cộng sản không xóa bỏ tự do cá nhân mà trái lại, *sự tự do hoàn toàn của cá nhân chỉ có thể có được trong chủ nghĩa cộng sản mà thôi*. Trong chủ nghĩa tư bản, cá nhân chỉ tự do lựa chọn điều mình muốn làm, còn trong chủ nghĩa cộng sản cá nhân *còn được tự do lựa chọn cái mình sẽ trở thành*. Nghĩa là, cá nhân không chỉ được tự do trong hành động, trong việc làm, mà còn được *tự do lựa chọn trong việc hình thành nhân cách của mình*.

Ngoài ra, sự tự do của cá nhân và cộng đồng chẳng những không loại trừ nhau mà còn là tiền đề cho nhau. Sự phát triển tự do của cá nhân là điều kiện cho sự phát triển tự do của toàn thể xã hội. Và sự phát triển tự do của cộng đồng đến lượt nó lại là điều kiện cho sự phát triển tự do của mỗi cá nhân. Trong "*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*", C. Mác và Ph. Ăngghen viết:

"Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó

1. Richard Schmitt, *Nhập môn về Mác và Ăngghen: Sự cấu tạo lại có phê phán (Introduction to Marx and Engels: A Critical Reconstruction,* Westview Press, Boulder and London, 1987, tr. 201.

sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người."[1]

- Xây dựng và hoàn thiện chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội là điều kiện để phát triển bình đẳng mọi cá nhân

Tại sao phải xóa bỏ chế độ tư hữu? Vấn đề này có tầm quan trọng như thế nào mà C. Mác và Ph. Ăngghen phải nói: "Những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu"?[2]

Nghiên cứu lịch sử phát triển của xã hội cho thấy chế độ tư hữu luôn *gắn liền với tình trạng bóc lột, áp bức, bất công* trong xã hội, là *nguồn gốc* sinh ra đối kháng giai cấp, đấu tranh giai cấp, bạo lực và chiến tranh. Lịch sử phát triển của chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản đã chứng minh điều đó. Do đó, xóa bỏ chế độ tư hữu *là một trong những nguyên tắc* của những người cộng sản.

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình xây dựng và hoàn thiện chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu.

Chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu là điều kiện cần thiết để khắc phục tình trạng phân chia xã hội thành các giai cấp đối kháng, thực hiện công bằng xã hội,

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 4, tr. 628.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 4, tr. 616.

đảm bảo được lợi ích cộng đồng, tăng phúc lợi xã hội và đồng thời tạo điều kiện để cá nhân được bình đẳng về cơ hội tốt hơn và gắn bó với xã hội nhiều hơn.

- Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất của toàn thể xã hội

Ta biết rằng nền tảng quan hệ cá nhân-xã hội là *quan hệ về lợi ích, trước hết là lợi ích kinh tế.* Do đó, lợi ích là cái gắn bó giữa cá nhân với xã hội nhưng cũng là cái làm cho cá nhân mâu thuẫn với xã hội.

Nếu mọi cá nhân đều có công ăn việc làm, có cuộc sống vật chất đảm bảo, có gia đình hạnh phúc thì họ sẽ gắn bó với xã hội, gắn bó với Nhà nước, sẵn sàng hưởng ứng và tham gia những cuộc vận động và phong trào xã hội do Nhà nước đề ra. Tính tích cực của cá nhân sẽ tăng lên, tệ nạn xã hội sẽ giảm đi.

Ngược lại, nếu cuộc sống gặp khó khăn, các cá nhân dễ làm liều, dễ vượt qua những quy định, những luật lệ và gây khó khăn cho xã hội.

Rõ ràng việc đảm công ăn việc làm và đời sống vật chất của cá nhân là vô cùng cần thiết. Do đó, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cần phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó cần *coi trọng việc phát triển kinh tế tư nhân*.

- Phát triển giáo dục, nâng trình độ và mức hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân

Phát triển giáo dục - đào tạo vừa phục vụ mục tiêu kinh tế là tạo công ăn việc làm cho cá nhân, đồng thời phục vụ

mục tiêu xã hội là nâng cao dân trí, tạo ra sự đồng thuận trong toàn xã hội.

Môi trường xã hội lành mạnh trong đó mọi người đều được học tập và có điều kiện vui chơi, giải trí lành mạnh, không ngừng nâng cao mức hưởng thụ vật chất và tinh thần *là điều kiện vô cùng quan trọng* để có hạnh phúc và sự phát triển của cá nhân. Ánh sáng văn minh phải tỏa sáng đến từng thôn xóm, bản làng, thì mới đẩy lùi được các tệ nạn xã hội.

- Tôn trọng và phát triển quyền con người, quyền tự do cá nhân và quyền dân chủ của nhân dân trong khuôn khổ luật pháp của Nhà nước

Giải quyết mâu thuẫn cá nhân-xã hội không phải là hạn chế sự phát triển cá nhân, bắt cá nhân phải suy nghĩ, hành động cho phù hợp với khuôn khổ chật hẹp của xã hội; cũng không phải buông lõng sự quản lý của xã hội đối với cá nhân, để cho cá nhân "tự do" hành động bất chấp lẽ phải và đạo lý.

Xã hội phải *tạo mọi điều kiện xã hội thuận lợi* cho sự phát triển tài năng và nhân cách cá nhân, *tạo môi trường xã hội thông thoáng* để mọi cá nhân, gia đình phát huy mọi tiềm năng, óc sáng tạo trong lao động, nơi làm việc, nơi sinh sống, v.v..

Không ngừng mở rộng những quyền tự do dân chủ của nhân dân. Phát triển nên kinh tế thị trường, đa dạng hóa các hình thức sở hữu, kinh doanh trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước là *điều kiện cơ bản* của chế độ dân chủ.

Trên cơ sở dân chủ về kinh tế, phải không ngừng nâng cao sự hiểu biết về chính trị, tạo điều kiện cho người dân được tham gia ngày càng nhiều hơn, có hiệu quả hơn vào công việc quản lý xã hội, tham gia quản lý công việc Nhà nước thông Hội đồng nhân dân và Quốc hội.

Chỉ có trong một chế độ dân chủ thực sự, mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội mới được *thường xuyên giải quyết*, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội và cá nhân.

- Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân

Để đảm bảo tự do của mọi cá nhân cần phải *kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân*. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, "Chủ nghĩa cá nhân là như một thư vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm". Các bệnh mà nó sinh ra là: bệnh tham lam, bệnh lười biếng, bệnh kiêu ngạo, bệnh hiếu danh, thiếu kỷ luật, óc địa phương, óc lãnh tụ, tự tư tự lợi, sợ khó, sợ khổ, lãng phí, tham ô, quan liêu, mệnh lệnh, muốn hưởng thụ nhiều nhưng không muốn làm công tác tập thể giao, muốn địa vị cao nhưng sợ tránh trách nhiệm nặng nề, muốn phê bình nhưng không tự phê bình một cách thật thà. Nó bịt mắt những nạn nhân của nó. Theo Người, "Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên *thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân*.", "Chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó."[1]

---

1. Xem: Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, sđd, t. 5, tr. 255 - 256; t. 7, tr. 92; t. 9, tr. 287, 290, 291, 292.

Đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng trong bộ máy Đảng và Nhà nước có tác dụng vừa góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vừa củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Kiên quyết bài trừ tệ nạn xã hội là góp phần làm lành mạnh hóa xã hội.

Trong việc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cần phân biệt chủ nghĩa cá nhân với lợi ích chính đáng của cá nhân. Hồ Chủ tịch nói: "Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân". Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích tập thể thì không phải là xấu."[1]

- Kiện toàn hệ thống luật pháp để đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và đẩy lùi tệ nạn xã hội

Một trong những nguyên nhân vi phạm quyền làm chủ của nhân dân là hệ thống cơ chế và luật pháp chưa hoàn thiện. Do đó, Nhà nước cần phải *không ngừng phải hoàn thiện hệ thống luật pháp và đảm bảo việc thực thi luật pháp một cách nghiêm ngặt, triệt để* vừa đảm bảo được quyền làm chủ của nhân dân vừa ngăn chặn được hành vi vi phạm luật pháp và tệ nạn xã hội.

Việc soạn thảo và thông qua các văn bản luật pháp bao quát tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội như Quốc hội đang làm hiện nay là một cố gắng đáng được hoan nghênh. Nhưng vấn đề quan trọng hơn là làm sao cho các luật lệ đó

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, sđd, t. 9, tr. 291.

được áp dụng có hiệu quả thì quyền làm chủ của nhân dân lao động mới thật sự đảm bảo và đẩy lùi tệ nạn xã hội.

3. MÂU THUẪN GIỮA BÌNH ĐẲNG VÀ BẤT BÌNH ĐẲNG

3.1. Khái niệm công bằng và bình đẳng xã hội

Trong tiếng Việt, khi nói đến *công bằng*, người ta thường liên tưởng tới sự ngang bằng, sự tương đương nhau. Còn trong tiếng nước ngoài, từ *công bằng*, thí dụ "*justice*" trong tiếng Anh và tiếng Pháp, "*справедливость*" trong tiếng Nga, thường được hiểu là sự đúng đắn, chính đáng, lẽ phải, công lý.

Từ điển Bách khoa triết học, "Công bằng là phạm trù đạo đức- pháp quyền và chính trị - xã hội. Khái niệm công bằng bao hàm yêu cầu về sự tương xứng (соответствие) giữa vai trò thực tiễn của những cá nhân (nhóm xã hội) khác nhau với địa vị của họ trong đời sống xã hội, giữa những quyền và nghĩa vụ của họ, giữa cống hiến và sự đãi ngộ, giữa lao động và sự trả công, giữa sự phạm tội và sự trừng phạt, giữa công lao và sự thừa nhận của xã hội. Sự không tương xứng (несоответствие) trong những quan hệ đó được đánh giá là sự bất công (несправедливость)."[1]

1. L.F. Ilichev, P.N. Phedoxeev, X.M. Covalev và V.G. Panov (chủ biên), *Từ điển Bách khoa triết học* (*Философский энциклопедический словарь*), Nxb Bách khoa Xôviết, Matxcơva, 1983, tr. 650.

Như vậy, bản chất của công bằng xã hội chính là sự tương xứng (sự phù hợp) giữa một loạt các khía cạnh khác nhau trong quan hệ giữa cái mà cá nhân (hay nhóm xã hội) *làm* cho tập thể, cho xã hội và cái mà họ được *hưởng* từ tập thể, từ xã hội. Cái mà cá nhân làm cho tập thể, cho xã hội có thể là điều tốt lành (lao động, cống hiến, nghĩa vụ, công lao, v.v..) hoặc cũng có thể là điều xấu, có hại cho xã hội (thí dụ, tội phạm, v.v.). Còn cái mà cá nhân được hưởng có thể là tiền công, phần thưởng, quyền lợi, địa vị xã hội, sự đánh giá, ghi công của xã hội, v.v., và cũng có thể là sự trừng phạt bằng những hình thức từ thấp đến cao.

Bình đẳng (*égalité, equality, равенство* trong tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga) với tính cách là khái niệm chính trị - xã hội, đều có nghĩa là *sự bằng nhau, sự ngang nhau* giữa các cá nhân hay các nhóm xã hội về một hay một số phương diện xã hội nhất định. Chẳng hạn, sự ngang bằng nhau giữa các cá nhân hay các nhóm xã hội đó về những quyền và nghĩa vụ công dân, về địa vị xã hội, về cơ hội xã hội, về mức độ thỏa mãn những nhu cầu nhất định trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, v.v..

Trong thời gian gần đây, các nhà xã hội học thường nói đến hai loại bình đẳng: bình đẳng về cơ hội và bình đẳng về hưởng thụ. *Bình đẳng về cơ hội* là sự ngang nhau giữa các cá nhân, nhóm xã hội về những điều kiện do xã hội tạo ra (như bình đẳng về những điều kiện tham dự vào quá trình giáo dục, đào tạo để có được một trình độ văn hóa, nghề

nghiệp nhất định, bình đẳng trong quan hệ đối với tư liệu sản xuất, v.v.), để mọi người có thể tham gia một cách tốt nhất vào lao động sản xuất, thực hiện nghĩa vụ xã hội và vào các hoạt động phong phú khác của xã hội. *Bình đẳng về hưởng thụ* là sự ngang bằng nhau giữa các cá nhân hay nhóm xã hội trong việc hưởng thụ những của cải vật chất và tinh thần đã được xã hội tạo ra. *Bình đẳng về cơ hội là điều kiện để có sự bình đẳng về hưởng thụ*.

3.2. Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội không chỉ là công bằng xã hội, mà còn là bình đẳng xã hội.

Không phải ngẫu nhiên mà trong tư tưởng của nhiều nhà hiền triết trong lịch sử đã xuất hiện những hoài bão cao cả về sự sự bình đẳng xã hội. Tuy nhiên, bình đẳng xã hội chỉ mới được nêu lên thành khẩu hiệu đấu tranh cách mạng từ cách mạng tư sản Pháp thế kỷ XVIII. Ph. Ăngghen viết : "*Bản thân khái niệm về bình đẳng là một sản phẩm lịch sử*, để chế tạo ra sản phẩm đó, cần phải có toàn bộ lịch sử trước đây; như vậy, khái miệm đó không phải đã tồn tại từ xưa tới nay như là một chân lý vĩnh cửu . Nếu như hiện nay, khái niệm đó đối với đa số người - en principe (trên nguyên tắc) - là một cái gì đó hiển nhiên, thì đó không phải là do tính chất tiền đề của nó, mà do *việc truyền bá những tư tưởng của thế kỷ XVIII.*"[1]

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 20, tr. 842.

Lý tưởng xã hội chủ nghĩa không thể không bao hàm tư tưởng về bình đẳng xã hội, và trong thực tế, tư tưởng đó có thể tìm thấy ở bất cứ nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa nào từ chủ nghĩa xã hội không tưởng đến chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu cao tư tưởng về bình đẳng xã hội mà Người đã kế thừa được từ *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ, *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791. Người đã nhiều lần nói về bình đẳng giữa các dân tộc, bình đẳng giữa nam và nữ, bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, bình đẳng về nhân phẩm của mọi người lao động, v.v..

Cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản cũng nhằm tới mục tiêu bình đẳng xã hội, nhưng nội dung của bình đẳng xã hội theo quan điểm vô sản ở trình độ cao hơn rất nhiều so với bình đẳng tư sản. Ph. Ăngghen viết : "Bình đẳng tư sản (xóa bỏ các *đặc quyền* giai cấp) rất khác với bình đẳng vô sản (xóa bỏ bản thân các giai cấp)."[1]

Về điểm này, V.I. Lênin cũng viết: "Dân chủ nghĩa là bình đẳng. Rõ ràng là cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản để giành quyền bình đẳng và thực hiện khẩu hiệu bình đẳng có một ý nghĩa rất lớn, miễn là phải hiểu bình đẳng cho đúng, hiểu theo nghĩa xóa bỏ *giai cấp*."[2]

3.3. Quan hệ giữa bình đẳng và bất bình đẳng

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 20, tr. 842.
2. V.I. Lênin, *Toàn tập*, sđd, t. 33, tr. 122.

Công bằng và bình đẳng xã hội tuy có quan hệ với nhau nhưng là hai khái niệm có nội hàm và ngoại diên khác nhau. Công bằng có thể là bình đẳng hoặc không bình đẳng; bình đẳng có thể là công bằng hoặc không công bằng. Do đó *không được đồng nhất* công bằng với bình đẳng, bất công với bất bình đẳng.

Công bằng xã hội trong giai đoạn hiện nay *phải được xem xét ở hai mặt khác nhau*, -mặt bình đẳng và mặt bất bình đẳng. Bên cạnh mặt *bình đẳng* (bình đẳng về những quyền và nghĩa vụ công dân, bình đẳng trong quan hệ đối với những tư liệu sản xuất thuộc sở hữu toàn dân, v.v.), với tính cách là thành quả của cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, công bằng xã hội trong giai đoạn hiện nay phải chấp nhận đòi hỏi về *bất bình đẳng* (tức là sự chênh lệch về mức hưởng thụ tương ứng với sự chênh lệch về số lượng và chất lượng đóng góp).

Như vậy, *trong nội dung của công bằng xã hội trong giai đoạn hiện nay đã hàm chứa mâu thuẫn giữa bình đẳng và bất bình đẳng*.

Mâu thuẫn này cũng còn là mâu thuẫn *giữa sự bình đẳng* với tính cách là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội và chính là điều mà các chính sách xã hội của chúng ta đang phấn đấu từng bước thực hiện, *với sự bất bình đẳng* trong thực tế (về cơ hội tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh và vào các hoạt động xã hội khác và về phần hưởng thụ những kết quả của lao động, sản xuất) do những yêu cầu khắc khe của

tính hiệu quả kinh tế và của qui luật khách quan của nền kinh tế thị trường.

Mâu thuẫn giữa bình đẳng và bất bình đẳng nếu không được giải quyết thường xuyên và đúng đắn thì có thể có hai trường hợp xảy ra:

Hoặc là, do sự phát triển tự phát của kinh tế thị trường và do xã hội không có biện pháp điều chỉnh bằng những chính sách xã hội nhất định, sự bất bình đẳng tích tụ dần và biến thành sự phân cực xã hội sâu sắc; xã hội vì thế càng ngày càng xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Hoặc là, do nhận thức không đúng, xã hội can thiệp một cách chủ quan vào tiến trình xã hội, thực hiện bình đẳng xã hội bằng những biện pháp cào bằng, vi phạm những nguyên tắc của công bằng xã hội và vì thế mà kìm hãm sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

Để nhận thức và giải quyết đúng đắn mâu thuẫn này, trước hết cần nghiên cứu từng mặt và mối quan hệ của hai mặt - bình đẳng và bất bình đẳng, nghiên cứu vai trò và xu thế vận động của hai mặt ấy trong quá trình phát triển xã hội.

Bình đẳng xã hội trong xã hội ta hiện nay vừa là hiện thực, vừa là mục tiêu phấn đấu. Những thành quả mà nhân dân ta giành được bằng sự hy sinh của mình, như xóa bỏ sự thống trị của giai cấp bóc lột, thực hiện quyền làm chủ nhà nước, quyền làm chủ đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, quyền bình

đẳng nam nữ, v.v.. đó là sự bình đẳng phù hợp với công bằng và tiến bộ xã hội, cần phải được bảo vệ và phát triển hơn nữa. Các quyền bình đẳng nêu trên có thể coi là một phần của *sự bình đẳng về cơ hội xã hội*, nhưng đó chỉ là bước đầu; sự bình đẳng về cơ hội cũng còn là điều mà mỗi cá nhân cũng như cộng đồng xã hội phải phấn đấu nhiều hơn nữa.

Bên cạnh sự bình đẳng với tính cách là thành quả đã đạt được và là mục tiêu cần phấn đấu thực hiện như đã nói ở trên, trong giai đoạn hiện nay, chúng ta phải chấp nhận sự tồn tại của mặt đối lập với nó là *sự bất bình đẳng*.

Những biểu hiện của bất bình đẳng xã hội hiện nay có thể chia ra ba loại như sau:

Một là, sự bất bình đẳng trong thu nhập do sự chênh lệch về năng lực và sự đóng góp của các cá nhân vào kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh và của các hoạt động xã hội khác. Sự bất bình đẳng này *phù hợp với công bằng xã hội*, cần phải được thừa nhận để phát huy tính tích cực, năng động xã hội.

Hai là, sự bất bình đẳng do điều kiện lịch sử để lại, tuy không phải là công bằng hoàn toàn, nhưng không thể xóa bỏ ngay lập tức được. Chẳng hạn, sự bất bình đẳng sinh ra do sự khác nhau về nơi sinh sống (thành thị, nông thôn, miền núi ...), ở sự khác nhau về bình quân ruộng đất theo đầu người, về độ phì nhiêu của đất ở các vùng khác nhau, v.v.. Việc khắc phục những biểu hiện của loại bất bình đẳng này là một quá trình lâu dài.

Ba là, sự bất bình đẳng do những hoạt động tiêu cực như tham nhũng, ăn cắp, buôn lậu, cạnh tranh không lành mạnh; kết quả là những người kém tài, kém đức lại có mức sống cao hơn những người thực sự có năng lực nhưng sống lương thiện. Đây là bất công xã hội cần phải đấu tranh xóa bỏ.

Bình đẳng và bất bình đẳng là hai mặt đối lập có địa vị và vai trò khác nhau trong xã hội ta. Bất bình đẳng, dù được xã hội thừa nhận là công bằng, cũng chỉ là cái bắt buộc phải chấp nhận nhằm đảm bảo cho sự phát triển xã hội, *chứ không phải là mục đích của sự phát triển xã hội*. Khác với xã hội có giai cấp là xã hội dựa trên sự bất bình đẳng xã hội (như bất bình đẳng trong quan hệ đối với tư liệu sản xuất, bất bình đẳng trong thu nhập, bất bình đẳng nam nữ, bất bình đẳng giữa các chủng tộc, dân tộc, v.v.), xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội mà *một trong những mục đích cao cả của nó là phấn đấu thực hiện bình đẳng xã hội.* Mục đích lâu dài của xã hội ta là phấn đấu cho mọi người đều được *bình đẳng về cơ hội*, trên cơ sở đó lao động cống hiến để được *bình đẳng về hưởng thụ*.

Mâu thuẫn giữa bình đẳng và bất bình đẳng tuy có tính tất yếu khách quan trong điều kiện hiện nay, nhưng hai mặt của mâu thuẫn đó có vai trò không như nhau; bình đẳng xã hội là *mặt chủ đạo* của sự phát triển của xã hội ta trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, việc thực hiện không đúng sự bình đẳng xã hội đã dẫn đến tình trạng trì trệ của xã hội. Song điều đó không có nghĩa là lý tưởng về bình

đẳng xã hội đã trở thành sai lầm hay lỗi thời. Sự nghiệp đổi mới chủ nghĩa xã hội đòi hỏi chúng ta phải nhận thức lại vấn đề bình đẳng xã hội, quan hệ giữa công bằng và bình đẳng xã hội để giải quyết đúng đắn những quan hệ này. Trong định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển xã hội ta, có nhiều mục tiêu cần hướng tới, nhưng chắc chắn trong đó có vấn đề bình đẳng xã hội.

Giải quyết mâu thuẫn giữa bình đẳng và bất bình đẳng để thực hiện công bằng xã hội *là một quá trình* được thực hiện từ thấp đến cao, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, khả năng kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử.

Cần phân biệt bình đẳng từng mặt và bình đẳng hoàn toàn. Bình đẳng từng mặt là sự ngang bằng nhau giữa các cá nhân, các nhóm xã hội về một hoặc một số mặt hay phương diện nào đó. Bình đẳng hoàn toàn là sự ngang bằng nhau của các cá nhân, các nhóm xã hội về mọi mặt, mọi phương diện. *Thực hiện bình đẳng xã hội là một quá trình đi từ bình đẳng từng mặt đến bình đẳng hoàn toàn*.

Trong điều kiện hiện nay ở nước ta, *chỉ có thể thực hiện sự bình đẳng từng mặt chứ chưa thể thực hiện được sự bình đẳng hoàn toàn*. Cho nên đánh giá về sự tiến bộ của bình đẳng cũng phải căn cứ trên sự phát triển của bình đẳng về từng mặt, từng khía cạnh; còn nếu so sánh trên toàn bộ thu nhập của cá nhân hay nhóm xã hội thì kết quả đánh giá có thể sẽ ngược lại. Chẳng hạn, nếu so sánh trên tổng thu nhập của người dân nông thôn với người dân thành thị thì ở nước

ta trong những năm gần đây, sự chênh lệch này có chiều hướng tăng lên.

3.4. Biện pháp giải quyết mâu thuẫn giữa bình đẳng và bất bình đẳng

Phải phấn đấu từng bước thực hiện bình đẳng về cơ hội, bởi vì, muốn có bình đẳng về hưởng thụ, trước hết phải có bình đẳng về cơ hội. Để những cá nhân nhất định có được sự ngang bằng nhau về mức hưởng thụ thì trước hết, năng lực lao động, khả năng cống hiến của họ phải ngang bằng nhau.

Thực hiện bình đẳng về cơ hội có nghĩa là *từng bước tạo ra những điều kiện xã hội nhất định* để cho mọi người khi sinh ra đều có điều kiện học tập, rèn luyện, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực, phát huy tất cả những năng khiếu bẩm sinh, đều có thể phấn đấu đạt được một trình độ văn hóa và nghề nghiệp nhất định. Trên cơ sở đó, mọi người mới có thể tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và vào các hoạt động xã hội khác phù hợp với năng lực của mình; mới có thể có được mức hưởng thụ tương xứng với khả năng và lao động cống hiến của mình. Cụ thể hơn, với từng cá nhân, những điều kiện đó là sức khỏe, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, vốn, v.v.. Trên bình diện xã hội, đó là sự đảm bảo về công ăn việc làm, sự đa dạng, phong phú về ngành nghề lao động, sự phát triển của mạng lưới giáo dục, y tế, giao thông vận tải, sự làm chủ của nhân dân lao động đối với những cơ

sở sản xuất và văn hóa của xã hội, môi trường xã hội lành mạnh. Để tạo ra những điều kiện đó phải có sự phấn đấu của mỗi cá nhân, của từng gia đình và nhất là sự nỗ lực của toàn thể xã hội mà người đại diện là nhà nước.

Còn về mặt hưởng thụ thì trước mắt *chỉ có thể phấn đấu thực hiện bình đẳng ở sự thỏa mãn một số nhu cầu cơ bản nhất rồi dần dần phát triển lên*.

Tuy vậy, tùy theo từng lĩnh vực cụ thể mà bình đẳng xã hội có thể được thực hiện với tốc độ khác nhau, mức độ rộng rãi khác nhau. Chẳng hạn, sự bình đẳng về thu nhập là vấn đề không thể thực hiện ngay trong điều kiện hiện nay được. Bởi vì, nhu cầu phát triển của đất nước đòi hỏi phải huy động tối đa mọi khả năng của cá nhân về vốn, về trình độ chuyên môn nghề nghiệp, về năng lực quản lý, do đó, trong cơ chế thị trường, việc những cá nhân này, những bộ phận này có mức thu nhập cao hơn, tăng nhanh hơn so với những cá nhân khác, những bộ phận khác là điều bình thường. Chúng ta không nên chỉ căn cứ vào đó để đánh giá sự tiến bộ của bình đẳng, nhất là của công bằng xã hội. Còn sự bình đẳng về từng mặt, từng phương diện là cái có thể thực hiện được từng bước, từ thấp đến cao.

Bên cạnh đó, có những yêu cầu về bình đẳng mà xã hội không những có thể mà còn cần phải thực hiện càng sớm càng tốt, chẳng hạn, cần thực hiện tốt hơn nữa sự bình đẳng nam nữ không chỉ về mặt pháp lý như đã nói ở trên, mà còn cả về mặt thực tế trong mỗi gia đình và trong một số lĩnh

vực hoạt động xã hội. Sự bình đẳng trong giáo dục và đào tạo có thể được thực hiện bằng cách phát triển đầy đủ mạng lưới giáo dục đến tận miền núi, vùng sâu, vùng xa, miễn giảm học phí, cấp học bổng cho con em những gia đình nghèo nhưng có khả năng học tập. Sự bao cấp trong một số trường hợp đặc biệt cũng còn cần thiết; chẳng hạn, bao cấp một phần cho giáo dục cũng chính là sự đầu tư phát triển theo chiều sâu của xã hội.

Giải quyết mâu thuẫn giữa bình đẳng và bất bình đẳng, một mặt, đòi hỏi *sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của mỗi cá nhân, gia đình* bằng lao động, học tập và rèn luyện; mặt khác, đòi hỏi *xã hội phải đề ra và thực hiện những kế hoạch nhất định*, tạo ra những điều kiện nhất định để thực hiện sự bình đẳng về cơ hội xã hội cho mọi công dân, đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các cá nhân, ngăn ngừa những biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh và những hoạt động tiêu cực khác của cá nhân. Ngoài ra, *một vấn đề cấp bách hiện nay trong việc thực hiện bình đẳng xã hội là xóa đói giảm nghèo* bằng nhiều hình thức, nhiều biện pháp, bằng nỗ lực của mỗi cá nhân, gia đình kết hợp với sự hỗ trợ của cộng đồng xã hội, bằng nguồn lực của nhà nước, của các tổ chức kinh tế - xã hội trong nước và trên thế giới.

Giải quyết mâu thuẫn giữa bình đẳng và bất bình đẳng một cách đúng đắn, từng bước thực hiện bình đẳng xã hội một cách hợp lý *là một động lực phát triển xã hội*. Bởi vì, nếu trong xã hội chỉ một thiểu số người giàu có điều kiện

phát triển tài năng của họ, còn đại bộ phận nhân dân lao động sống trong cảnh nghèo đói, tối tăm, thì những người xuất thân từ bộ phận này không có điều kiện phát triển tài năng, cho nên năng lực bẩm sinh của họ nếu có cũng bị mai một mà thôi. Lúc đó, sự phát triển của các lĩnh vực khoa học, giáo dục, văn hóa, tinh thần của xã hội chỉ trông cậy vào một số ít người. Nhưng nếu mặt bằng hưởng thụ vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân trong xã hội được nâng lên thì nhu cầu vật chất và tinh thần của họ cũng được nâng cao và họ có những phương tiện nhất định do xã hội và do bản thân họ tạo ra đảm bảo cho họ thực hiện được những nhu cầu ấy. Khi đó, tính tích cực xã hội của họ sẽ được nâng lên, mọi người sẽ có điều kiện đóng góp tốt hơn cho sự phát triển của xã hội, như vậy nguồn nhân lực của sự phát triển xã hội sẽ dồi dào hơn. Đó là chưa kể nhân tài của xã hội về kinh tế, chính trị, khoa học, nghệ thuật, v.v.. thay vì chỉ tìm thấy ở một bộ phận nhỏ dân cư như trước đây, thì bây giờ có thể tìm thấy trong đông đảo quần chúng.

Dù sao đi nữa, việc thực hiện bình đẳng trong chủ nghĩa xã hội cũng không thể tách rời việc thực hiện công bằng xã hội. Sự bình đẳng mà chúng ta phấn đấu thực hiện là *sự bình đẳng phù hợp với công bằng*, *chứ không phải là sự bình đẳng bằng bất cứ giá nào*. Như vậy, khi nói đến bình đẳng xã hội với tính cách là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội thì phải hiểu rằng đó là *sự bình đẳng*

trong công bằng; Còn khi nói tới công bằng trong chủ nghĩa xã hội, chẳng hạn, trong mục tiêu mà Đảng ta đề ra - *xã hội công bằng, dân chủ văn minh*, thì *trong bản thân khái niệm công bằng đó đã bao hàm sự bình đẳng xã hội*. Như trên đã phân tích, công bằng trong chủ nghĩa xã hội có hai mặt: bình đẳng và bất bình đẳng, trong đó bình đẳng là mặt chủ đạo sự phát triển. Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, khi mặt bình đẳng của xã hội càng tăng lên, thì mặt bất bình đẳng càng bị thu hẹp lại. Đây là sự khác nhau về chất giữa công bằng trong chủ nghĩa xã hội và công bằng trong các xã hội có giai cấp. Sở dĩ có thể thực hiện được điều này là do qui luật và những điều kiện khách quan của chủ nghĩa xã hội cho phép, chứ không phải do ý muốn chủ quan của con người.

KẾT LUẬN

Mâu thuẫn là một hiện tượng tất yếu khách quan tồn tại phổ biến trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Nếu có ai hỏi rằng: tại sao thế giới có mâu thuẫn? tại sao cuộc sống có mâu thuẫn? thì những câu hỏi đó không thể được trả lời, vì cái phổ biến là cái không có khởi đầu và kết thúc. Tuy nhiên, nếu đặt ra những câu hỏi tương tự cho những hiện tượng cụ thể trong tự nhiên và xã hội thì hoàn toàn hợp lý và có thể tìm ra câu trả lời của chúng. Chúng ta phải chấp nhận mâu thuẫn là một thực tại khách quan, không thể chối bỏ hay lẩn tránh chúng. Vấn đề là phải nghiên cứu nó, hiểu nó và tìm cách giải quyết trong phạm vi, khả năng cho phép được để giúp cho con người ngày càng mở rộng sự làm chủ của mình đối với tự nhiên và xã hội.

Việc phản ánh hiện tượng mâu thuẫn vào trong tư duy triết học đã bắt đầu từ những học thuyết triết học xa xưa nhất, sơ khai nhất, như thuyết Âm Dương ở Trung Hoa cổ đại, hay triết học Hêraclit trong thời kỳ tiền Xôcrat ở Hy Lạp cổ đại. Quá trình phát triển của lý luận về mâu thuẫn cũng giống như số phận của triết học nói chung phải trải qua những bước thăng trầm. Lúc đầu nó gắn liền với chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng duy vật và đã đạt những

thành tựu nhất định. Về sau khía cạnh duy vật của nó bị lãng quên và nó được các nhà triết học phát triển trong lôgíc học với quy luật phi mâu thuẫn. Việc ra đời và áp dụng quy luật phi mâu thuẫn tuy là một thành tựu đáng kể trong quá trình phát triển của tư duy lôgíc, nhưng nó cũng tạo thói quen xem xét mâu thuẫn như là hiện tượng chủ quan, sai lầm, tiêu cực. Triết học Hêghen đã đạt được những thành tựu lớn lao về mâu thuẫn, nhưng quan niệm đó vẫn còn nằm trong cái vỏ thần bí của hệ thống triết học duy tâm. C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin sáng lập ra phép biện chứng duy vật với một trong những quy luật cơ bản - có thể nói là quy luật cơ bản nhất - quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.

Sự ra đời của lý luận mácxít về mâu thuẫn đã tạo điều kiện gắn kết hai loại biện chứng: biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan (biện chứng của sự vật và biện chứng của tư duy) xác định được sự tương quan giữa mâu thuẫn khách quan của sự vật với mâu thuẫn biện chứng trong tư duy và mâu thuẫn lôgíc hình thức.

Trong triết học Mác-Lênin, mâu thuẫn biện chứng là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, tồn tại tất yếu, khách quan, phổ biến trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Hai mặt đối lập vừa đồng nhất vừa khác biệt với nhau về bản chất, vừa gắn bó, xâm nhập lẫn nhau, qui định lẫn nhau, vừa tác động ngược chiều nhau, bài trừ, gạt bỏ, chống đối lẫn

nhau. Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc, động lực của sự vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

Cuộc sống đòi hỏi chúng ta cần phải hiểu đúng bản chất của từng mâu thuẫn trong đời sống xã hội, phân tích cụ thể để nắm được từng mặt đối lập và mối quan hệ giữa chúng, hiểu đúng mặt tích cực và mặt tiêu cực của nó. Thái độ đúng đắn đối với mâu thuẫn không phải là phủ nhận nó, tìm cách xóa bỏ nó một cách chủ quan mà phải chấp nhận nó, nghiên cứu nó, phát huy mặt tích cực của nó, hạn chế mặt tiêu cực của nó, thường xuyên giải quyết nó để thúc đẩy sự phát triển. Mâu thuẫn xã hội chỉ có thể được giải quyết hoàn toàn khi nó đã phát triển đến trình độ chín muồi, khi nó không còn có vai trò tích cực nữa và những điều kiện tồn tại của nó không còn trong xã hội nữa. Việc giải quyết mâu thuẫn là một quá trình khách quan không phụ thuộc ý muốn chủ quan của con người. Mâu thuẫn chỉ trở thành động lực thực sự của sự phát triển khi con người nhận thức được nó và có cách giải quyết đúng đắn.

Việc hiểu và giải quyết không đúng mâu thuẫn trong cuộc sống, chối bỏ mâu thuẫn hiện thực, nuôi ảo tưởng về một thế giới không có mâu thuẫn là người bạn đồng hành với thế giới quan tôn giáo. Việc hiểu và giải quyết không đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản chủ nghĩa và những mâu thuẫn nảy sinh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự

biến dạng của chủ nghĩa xã hội, sự trì trệ và khủng hoảng của nó.

Công cuộc đổi mới đất nước ta hiện nay đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu lại một cách có hệ thống lý luận về mâu thuẫn, vận dụng nó để hiểu và có thái độ đúng đắn đối với những mâu thuẫn hiện thực, thí dụ mâu thuẫn giữa các hình thức sở hữu, giữa các thành kinh tế, giữa bóc lột và bị bóc lột, giữa bình đẳng và bất bình đẳng, giữa lợi ích cá nhân lợi ích và xã hội, v.v.. Việc nhìn nhận đúng đắn mặt tích cực và tiêu cực của những mâu thuẫn này, tìm biện pháp tốt nhất để từng bước giải quyết chúng, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực sẽ góp phần làm tăng động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trọng Chuẩn, Phạm văn Đức, Hồ Sỹ Quý (Đồng chủ biên), *Những quan điểm cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
2. V.P. Cudomin, *Nguyên lý tính hệ thống trong lý luận và phương pháp luận của C. Mác*, Nxb Sự thật, Hà Nội,1986.
3. Lê Duẩn, *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976.
4. Ngô Thành Dương, *Một số khía cạnh về phép biện chứng duy vật*, Nxb Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội, 1986.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội,1998.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
8. Võ Nguyên Giáp, *Những xu thế chủ yếu của thế giới hiện nay và tính chất của thời đại*, Tạp chí Cộng sản, số 12 (6-1997), 8-13.
9. Nguyễn Ngọc Hà, *Một số vấn đề về nhận thức qui luật và mâu thuẫn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.

10. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình triết học Mác-Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.

11. François Jullien, *Đường vòng và lối vào* (Hoàng Ngọc Hiến và Phan Ngọc Minh Chu dịch và giới thiệu), Nxb Đà Nẵng, 2004.

12. Phùng Hữu Lan, *Đại cương Triết học sử Trung Quốc*, Nxb Thanh niên, 1999.

13. Nguyễn Hiến Lê (giới thiệu và chu dịch), *Trang Tử và Nam hoa kinh*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1994.

14. Nguyễn Hiến Lê (giới thiệu và chu dịch), *Lão Tử Đạo Đức kinh*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1994.

15. V.I. Lênin, *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1974-1981.

16. Mã Hồng (Chủ biên), Tôn Thượng Thanh, Lưu Quốc Quang, Ngô Kính Liễn, Tạ Mục (Phó chủ biên), *Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.

17. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994-1995.

18. Mao Trạch Đông, *Bàn về mâu thực tiễn*, *Bàn về mâu thuẫn*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1966.

19. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội,1994-1996.

20. Lê Hữu Nghĩa, *Phép biện chứng của công cuộc đổi mới ở nước ta*, Nghiên cứu lý luận, số 4/1997.

21. Phạm Ngọc Quang, *Thử vận dụng lý luận về mâu thuẫn vào thời kỳ quá độ ở nước ta*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991.

22. Nguyễn Duy Quý (Chủ biên), *Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

23. A.P. Septulin, *Phương pháp nhận thức biện chứng*, Nxb Sách giáo khoa Mác-Lênin, Hà Nội, 1987.

24. Lê Hữu Tầng, *Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: vấn đề nguồn gốc và động lực*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.

25. Lê Hữu Tầng (Chủ biên), *Về động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.

26. Lê Hữu Tầng (Chủ biên), *Chủ nghĩa xã hội: Từ lý luận đến thực tiễn, Những bài học kinh nghiệm chủ yếu*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

27. Michel Vadée, *Marx nhà tư tưởng của cái có thể* (gồm 2 tập), Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

28. Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện Triết học, *Lịch sử phép biện chứng* (gồm 6 tập), Bản dich, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

29. А.Н. Аверьянов, *Категория "противоречие" в системе нового мышления (Phạm trù mâu thuẫn trong hệ thống tư duy mới*). Trong tác phẩm: Диалектическая сущность нового мышления (Bản chất biện chứng của tư duy mới), Мысль, Москва, 1990.

30. В.Ф. Асмус, *Диалектика необходимости и свободы в философии истории Гегеля (Biện chứng của tất yếu và tự do trong triết học Hêghen)*, Вопросы Философии , №1, 1995, 52–69.

31. Г.С. Батищев, *Противоречие как категория диалектической логики (Mâu thuẫn với tính cách là phạm trù của Lôgic học biện chứng)*, Высшая Школа, Москва, 1963.

32. Г.С. Батищев, *Почему антиномия разлучается с истиной (Tại sao antinômi khác với chân lý).* Trong tác phẩm: Диалектическое противоречие (Mâu thuẫn biện chứng), Политиздат, Москва, 1979, 233 - 251.

33. Ф.Ф. Вяккерев, *Предметное противоречие и ее теоретический "образ" (Mâu thuẫn của sự vật và hình ảnh lý luận của nó).* Trong tác phẩm: Диалектическое противоречие (Mâu thuẫn biện chứng), Политиздат, Москва, 1979, 59 - 77.

34. Ф.Ф. Вяккерев, *Является ли антиномия "образом" противоречия? (Có phải antinômi là "hình ảnh" của mâu thuẫn).* Trong tác phẩm: Диалектическое противоречие (Mâu thuẫn biện chứng), Политиздат, Москва, 1979, 209 - 222.

35. Ф.Ф. Вяккерев, *Современное состояние теории диалектического противоречия и пути ее дальнейшего развития (Thực trạng hiện nay của lý luận về mâu thuẫn biện chứng và con đường tiếp tục phát triển nó).* Trong tác phẩm: Противоречие как источник развития (Mâu thuẫn là nguồn gốc của sự phát triển), ЛГУ, Ленинград, 1988, 6 - 17.

36. Э.В. Ильенков, *Диалектическая логика (Lôgíc học biện chứng),* Москва, 1974.

37. Э.В. Ильенков, *Проблема противоречия в логике (Vấn đề mâu thẫn trong Lôgíc học).* Trong tác phẩm: Диалектическое противоречие (Mâu thuẫn biện chứng), Политиздат, Москва, 1979, 122 - 143.

38. Б.М. Кедров, *Противоречивость познания и познание противоречия (Mâu thuẫn của nhận thức và nhận thức mâu thuẫn).* Trong tác phẩm: Диалектическое противоречие (Mâu thuẫn biện chứng), Политиздат, Москва, 1979, 9 - 38.

39. Б.М. Кедров, *Неизбежно ли "огрубление" в процессе познания противоречия ? Еще раз о научных дискуссиях (Liệu không thể tránh được sự "làm thô lỗ" trong quá trình nhận thức?).* Trong tác phẩm: Диалектическое противоречие (Mâu thuẫn biện chứng), Политиздат, Москва, 1979, 312 - 333.

40. *Краткий словарь по философии (Từ điển triết học giản yếu)*, Под общей редакцией И.В. Блауберга, П.В. Копнина, И.К. Пантина, Политиздат, Москва, 1966.

41. И.С. Нарский, *Проблема противоречия в диалектической логике (Vấn đề mâu thuẫn trong lôgíc học biện chứng)*, МГУ, Москва, 1969.

42. И.С. Нарский, *Ленинский анализ диалектических противоречий процесса познания (Sự phân tích của Lênin về mâu thuẫn biện chứng trong quá trình nhận thức)*. Trong tác phẩm: Противоречие как источник развития (Mâu thuẫn là nguồn gốc của sự phát triển), ЛГУ, Ленинград, 1988, 72 - 79.

43. З.М. Оруждев, *Формально -логическое и диалектическое противоречия. Различие структур (Mâu thuẫn lôgíc hình thức và mâu thuẫn biện chứng. Sự phân biệt về cấu trúc)* Диалектическое противоречие, Политиздат, Москва, 1979, 78 - 95.

44. *Основы марксистско-ленинской философии (Nguyên lý triết học Mác-Lênin),* Политиздат, Москва, 1979.

45. Ю.К. Плетников, *Противоречия как источник саморазвития социализма (Mâu thuẫn với tính cách là nguồn gốc tự thân phát triển của chủ nghĩa xã hội)*. Trong tác phẩm: Социализм : теория, практика и уроки, Москва (Chủ nghĩa xã hội: lý luận, thực tiễn và bài học), M. 1990, 118 - 120.

46. П.Н. Федосеев, *Диалектика общественной жизни (Biện chứng của đời sống xã hội),* Проблема мира и социализма, № 9, 1981, 28 - 30.

47. *Философия (triết học)***,** Учебное пособие (Sách giáo khoa), Под редакцией В.Н. Лавриненко, Юристь, Москва, 1996.

48. *Философский энциклопедический словарь (Từ điển Bách khoa triết học)*, Главная редакция: Л.Ф. Ильичев, П.Н. Федосеев, С.М. Ковалев, В.Г. Панов, Советская Энциклопедия, Москва, 1983.

49. А.С. Ципко, *Противоречия учения Карла Маркса (Những mâu thuẫn trong học thuyết của Các Mác)*, trong tác phẩm: Через тернии, Прогресс, Москва, 1990, 60 - 83.

50. Г.М. Штракс, *Социальное противоречие (Mâu thuẫn xã hội)*, Мысль, Москва, 1977.

51. Robert Audi (General Editor), *The Cambridge Dictionary of Philosophy (Từ điển triết học Cambridge)*, Cambridge University Press, 1996.

52. S.P. Huntington, *The Clash of Civilizations (Sự đụng độ giữa các nền văn minh)*, Foreign Affairs, 1993, Summer , Vol. 72, N. 3.

53. T.Z. Lavine, *From Socrates to Sartre: The Philosophic Quest (Từ Xôcrat đến Sartre: Sự đi tìm triết học)*, Bantam Books, New York, 1989.

54. Michael Martin, *Atheism: A Philosophical Justification (Chủ nghĩa vô thần: Sự chứng minh về mặt triết hoc)*, Philadelphia, PA: Temple University Press, 1990.

55. Thomas Mautner (Editor), *A Dictionary of Philosophy (Từ điển triết học)*, Blackwell Publishers Ltd, Oxford, 1996.

56. Microsoft Encarta Reference Library 2005 (Thư viện tra cứu bách khoa của Microsoft) , *500 largest US businesses*, Microsoft Corporation, 2004

57. Richard Norman, *The Problem of Contradiction (Vấn đề mâu thuẫn)*. Trong tác phẩm: Hegel, Marx and Dialectic: A Debate (Thảo luận về Hêghen, Mác và Phép biện chứng), Gregg Revivals, Hampshire, England, 1994.

58. Bertrand Russel, *Why I am not a Christian and other Essays on Religion and related Subjects (Tại sao tôi không theo Ki tô giáo và những tiểu luận khác về tôn giáo và các vấn đề có liên quan),* edited by Paul Edwards, Touchstone, Old Tappen, New Jersey USA, 1967.

59. Sean Sayers, *On the Marxist Dialectic (Về Phép biện chứng mácxít)* Trong tác phẩm: Hegel, Marx and Dialectic: A Debate (Thảo luận về Hêghen, Mác và Phép biện chứng) , Gregg Revivals, Hampshire, England, 1994.

60. Richard Schmitt, *Introduction to Marx and Engels: A Critical Reconstruction (Nhập môn về Mác và Ăngghen: Sự cấu tạo lại có phê phán)*, Westview Press, Boulder and London, 1987.

MÂU THUẪN
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. VI QUANG THỌ
Biên tập:
KIỀU VIỆT CƯỜNG
Kỹ thuật vi tính:
NGUYỄN KIM NỤ
Sửa bản in:
KIỀU VIỆT CƯỜNG
Trình bày bìa:
MINH TRANG

In 500 cuốn khổ 14,5x20,5 cm tại Công ty Cổ phần In 15-Bộ CN
Số đăng ký KHXB 53/1135/CXB cấp ngày 19/7/2005
In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2005

MỘT SỐ Ý KIẾN BỔ SUNG CỦA TÁC GIẢ

Quyển sách tuy được viết cách đây 8 năm, nhưng những vấn đề lý luận cơ bản được trình bày trong sách vẫn còn nguyên giá trị của nó; tuy vậy chúng tôi thấy có một vài biện pháp cụ thể cần được bổ sung, phát triển cho phù hợp và theo kịp với tình hình đất nước và thế giới.

Trong chương V, tiết 1.2., khi bàn về mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản và phương pháp giải quyết nó, chúng tôi có viết:

"Sự khác nhau giữa cơ sở hạ tầng kinh tế của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản không phải ở chỗ trong chủ nghĩa tư bản chỉ có thành phần kinh tế tư bản tư nhân và trong chủ nghĩa xã hội chỉ có kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Trong chủ nghĩa xã hội cũng phải có nhiều kiểu quan hệ sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, nhưng *sở hữu công cộng phải bao quát những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội* và *thành phần kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo*." (xem tr. 214).

Tư tưởng này cũng được chúng tôi đề cập đến trong việc giải quyết một số mâu thuẫn quan trọng ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Qua thực tế diễn biến của tình hình đất nước và kinh nghiệm của nhiều nước tiên tiến trên thế giới trong những năm gần đây, chúng tôi thấy cần giải thích rõ hơn và bổ sung thêm một số ý kiến chung quanh vấn đề này như sau:

1. Về chế độ sở hữu

Trong các văn kiện của Đảng ta thời kỳ đổi mới có nói đến sự tồn tại của *ba chế độ sở hữu, trong đó có chế độ sở hữu tư nhân* ở nước ta hiện nay, như vậy có trái với quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen coi *việc xóa bỏ chế độ tư hữu là một nguyên tắc* của cách mạng xã hội chủ nghĩa không?

Thật ra, khi Mác và Ăngghen nói đến "chế độ tư hữu" hay chế độ công hữu là muốn nói đến toàn bộ chế độ kinh tế của một hình thái kinh tế - xã hội; mỗi hình thái kinh tế - xã hội có một chế độ sở hữu nhất định. Như vậy, "chế độ tư hữu" mà theo các ông cần phải xóa bỏ là *chế độ kinh tế trong đó sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa là hình thức sở hữu cơ bản, nền tảng của xã hội,* nó là cơ sở của tình trạng giai cấp này thống trị, áp bức và bóc lột giai cấp khác, chứ không phải là xóa bỏ toàn bộ hình thức sở hữu tư nhân nói chung.

Còn *ba chế độ sở hữu* mà Đảng ta nói đến thực ra là *ba hình thức sở hữu nằm trong chế độ sở hữu của chủ nghĩa xã hội*, trong đó hình thức sở hữu công cộng là hình thức sở hữu cơ bản, nền tảng. Khi sở hữu công cộng trở thành nền tảng, khi tất cả mọi hình thức sở hữu và kinh doanh được đặt dưới sự quản lý một cách khoa học và có hiệu quả của nhà nước của dân, do dân và vì dân thì sẽ tránh được tình trạng bóc lột và áp bức giai cấp. Như vậy, tư tưởng của Đảng ta chẳng những không mâu thuẫn, mà còn là sự vận

dụng sáng tạo tư tưởng của Mác và Ăngghen trong "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" vào điều kiện hiện nay ở nước ta.

2. Thế nào là "công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu" và mối quan hệ giữa công hữu và tư hữu?

Theo chúng tôi, nên thay từ "chủ yếu" bằng từ "cơ bản" để được rõ nghĩa hơn. Khi nói "tư liệu sản xuất chủ yếu", người ta nghĩ ngay đến nhà máy, công cụ, thiết bị, v.v., thực ra những tư liệu này không cố đinh, thường xuyên được thay thế, đổi mới nên có thể do nhà nước hoặc do tư nhân đầu tư, không nhất thiết phải thuộc về công hữu. Còn "tư liệu sản xuất cơ bản" là những tư liệu tương đối ổn định lâu dài, làm cơ sở, nền tảng của toàn bộ nền kinh tế, như đất đai, tài nguyên trong lòng đất; thực vật, động vật tự nhiên, khoáng sản ở núi rừng, sông, biển, thềm lục địa; các nguồn năng lượng; đường giao thông, sân bay, bến cảng, kho tàng; các công trình (kinh tế, văn hóa…) được xây dựng từ nguồn vốn của nhà nước và tập thể, v.v., *nhất thiết phải thuộc về công hữu*.

Ví dụ, bờ biển (và hải phận quốc gia) là sở hữu của toàn thể nhân dân nước đó (công hữu), còn khách sạn, nhà hàng, các công trình du lịch, vui chơi, giải trí, v.v., được xây dựng trên bờ biển tuy là những tư liệu sản xuất chủ yếu nhưng *không nhất thiết phải thuộc về công hữu*. Tuy nhiên những cá nhân hay tập thể sử dụng lợi thế của bờ biển để kinh doanh thì phải nộp thuế vào ngân sách nhà nước để chi cho công việc chung và phúc lợi của nhân dân. Tương tự như vậy, tư nhân muốn kinh doanh ngành giao thông -

vận tải đường bộ, đường thủy hay đường hàng không thì cần phải có những kết cấu hạ tầng là đường giao thông, bến cảng, sân bay, v.v..

Như vậy, sở hữu công cộng là cơ sở, nền tảng, còn sở hữu tư nhân không thể độc lập với sở hữu công cộng, mà trái lại nó tồn tại trên cơ sở sở hữu công cộng. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa sở hữu công cộng và sở hữu tư nhân trong chủ nghĩa xã hội. Chính tư tưởng về một chế độ sở hữu *hai mặt* như vậy đã được C. Mác nêu ra trong "Tư bản". Theo Mác, chế độ sở hữu của xã hội tương lai là kết quả của hai lần phủ định, là sự thống nhất giữa sở hữu cá nhân và sở hữu công cộng, trong đó sở hữu công cộng là cơ sở. C. Mác viết:

"Phương thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đẻ ra, và do đó cả chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa nữa đều là sự phủ định đầu tiên đối với chế độ tư hữu cá nhân dựa trên lao động của bản thân. Nhưng nền sản xuất tư bản chủ nghĩa lại đẻ ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên. Đó là sự phủ định cái phủ định. Sự phủ định này không khôi phục lại chế độ tư hữu, mà khôi phục lại chế độ sở hữu cá nhân trên cơ sở những thành tựu của thời đại tư bản chủ nghĩa: trên cơ sở sự hiệp tác và sự chiếm hữu công cộng đối với ruộng đất và những tư liệu sản xuất do chính lao động làm ra."[1]

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, sđd, t. 23, tr.1090.

Đây chính là phương thức giải quyết mâu thuẫn giữa sở hữu cá nhân và sở hữu xã hội, là sự "dung hợp" của mặt đối lập trong một thể thống nhất mới. Tư tưởng này cũng được V.I. Lênin làm rõ trong tác phẩm "Những người bạn dân…":

"Khi xây dựng lý luận xã hội chủ nghĩa của mình… Mác đã đi đến kết luận là trong xã hội tương lai sẽ tồn tại một chế độ sở hữu vừa cá nhân, vừa công cộng, với tư cách là sự thống nhất tối cao … của cái mâu thuẫn đã bị xoá bỏ."[1]

Điều cần chú ý trong câu nói của Mác là ông không đồng nhất giữa chế độ tư hữu tư bản và sở hữu tư nhân. Chế độ tư hữu tư bản cần được xóa bỏ vì nó là kết quả của sự bóc lột. Còn sở hữu cá nhân là kết quả của "lao động của bản thân" người lao động. Trong câu nói của Lênin, trong chế độ sở hữu tương lai – một chế độ sở hữu vừa công cộng vừa cá nhân, khi hai mặt được kết hợp với nhau trong một thể thống nhất thì coi như *mâu thuẫn đã được giải quyết*, nhưng không phải là sự xóa bỏ một mặt mà là *sự kết hợp hài hòa giữa hai mặt*.

3. Về vai trò "chủ đạo" của kinh tế nhà nước.

Đây là vấn đề gây tranh cãi nhiều nhất. Chẳng những trong thời kỳ khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội những năm cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, mà trong mấy năm gần đây ở nước ta, nhiều tập đoàn kinh tế nhà nước cũng rơi vào tình trạng trì trệ hoặc phá sản. Theo chúng tôi nghĩ, kinh tế

---

1. Xem V.I. Lênin, *Toàn tập*, sđd, t. 1, tr. 204-205

nhà nước có vai trò rất quan trọng trong một số lĩnh vực và thời kỳ nhất định. Có những lĩnh vực rất cần cho lợi ích lâu dài của đất nước và nhân dân nhưng tư nhân không không thể bỏ vốn ra kinh doanh vì không thể thu được lợi nhuận trực tiếp, ví dụ việc xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện lớn, các công trình giao thông lớn, như mở đường Trường Sơn, xây dựng và quản lý đường dây điện 500 KV, xây dựng nhà máy điện hạt nhân, chỉnh trang đô thị và nông thôn, v.v., và nhiều công trình phúc lợi khác.

Mục đích của kinh tế nhà nước cũng khác với mục đích của kinh tế tư nhân. Đối với việc làm kinh tế của nhà nước thì hạch toán kinh tế chỉ nhằm đảm bảo "thu đủ chi", có khi lấy lời chỗ này bù cho lỗ chỗ khác, nhiều khi chỉ vì lợi ích lâu dài, không tính đến lợi nhuận trước mắt. Việc làm kinh tế của nhà nước tuy không có lợi nhưng trong những điều kiện nhất định bắt buộc phải làm, không thể khác hơn được.

Trong nhiều trường hợp nhà nước không trực tiếp kinh doanh nhưng có thể thuê các doanh nghiệp tư nhân làm và nhà nước giữ vai trò quản lý, giám sát nhưng vẫn thực hiện được mục đích phục vụ lợi ích công cộng. Ta thử so sánh việc nhà nước trực tiếp kinh doanh giao thông ở Liên Xô trước đây (vì hạch toán không chặt chẽ nên rất lãng phí, cá nhân thì được lợi nhưng nhà nước phải bù lỗ, rốt cục bị phá sản) với việc quản lý giao thông của nhà nước Singapore hay Canada hiện nay vừa tiện lợi vừa tránh được tình trạng lãng phí (các dịch vụ giao thông là của tư nhân được nhà

nước thuê để phục vụ việc đi lại của nhân dân; nhà nước đảm bảo thu đủ chi, không có tình trạng bao cấp; nhà nước buộc các cơ sở tư nhân phải tuân thủ chặt chẽ quy định của nhà nước về lệ phí, tuyến đường, giờ giấc, văn hóa).

Theo chúng tôi, nhà nước không cần kinh doanh và cũng nên tránh kinh doanh ở những lĩnh vực không có tính cấp thiết, nơi mà kinh tế tư nhân có thể làm tốt hơn, có lợi hơn, không ảnh hưởng gì đến an ninh quốc phòng, an sinh xã hội như công nghiệp đóng tàu chẳng hạn. Những doanh nghiệp nhà nước nào làm ăn thua lỗ lâu dài thi nên cổ phần hóa hoặc mạnh dạn giải thể, đừng lấy tiền của nhân dân để kéo dài sự tồn tại của tình trạng trì trệ này. Không những thế, khi thấy rằng một số cơ sở kinh doanh nào đó mà tư nhân có thể đảm nhận được, nhà nước quản lý và thu thuế thì có lợi hơn là trực tiếp đứng ra kinh doanh thì nên tiến hành xã hội hóa các cơ sở sản xuất này.

4. Về vai trò của quản lý nhà nước

Một trong những *điều kiện quan trọng nhất* của việc giải quyết những mâu thuẫn xã hội là *vai trò quản lý của nhà nước*. Điều này chúng tôi chưa có điều kiện phân tích kỹ trong tác phẩm. Qua kinh nghiệm ở nước ta và trên thế giới trong những năm qua, chúng tôi nhận thấy rằng đây mới là *yếu tố quyết định trực tiếp nhất* đối với sự thành công hay thất bại trong việc giải quyết các mâu thuẫn xã hội.

Như đã nói ở chương 1, trong một hệ thống mâu thuẫn thì có yếu tố tự điều chỉnh nằm trong quan hệ giữa hai mặt đối lập và *yếu tố điều chỉnh* nằm trong hệ thống của sự vật. Chẳng hạn, não bộ là trung tâm điều khiển và điều chỉnh của toàn bộ cơ thể. Nhà nước là cơ quan lãnh đạo và điều chỉnh của một quốc gia. Tất cả các mâu thuẫn trong một xã hội cụ thể không thể vận hành và được giải quyết một cách đúng đắn nếu không có vai trò quản lý của nhà nước hoặc nếu nhà nước yếu kém, không đủ năng lực quản lý xã hội.

Nếu có sự quản lý tốt của nhà nước, tình trạng gian lận thương mại, làm hàng giả, hàng đểu, cung cấp hàng hóa, thực phẩm, dịch vụ kém chất lượng, độc hại có thể được ngăn chặn (kinh nghiệm thành công ở một số nước tiên tiến cho ta cơ sở để khẳng định điều này và một số điều sau). Với sự quản lý tốt của nhà nước, tình trạng an toàn giao thông, an ninh xã hội, tính mạng, tài sản của cá nhân được đảm bảo, những hiện tượng tiêu cực trong hành vi của cá nhân như tham nhũng và các hành vi tội phạm khác được ngăn chặn kịp thời. Với sự quản lý tốt của nhà nước mối quan hệ giữa lợi ích người làm thuê và người thuê mướn lao động được đảm bảo hài hòa, người nghèo, người thất nghiệp được trợ giúp vượt qua khó khăn, trẻ con sinh ra, người già yếu, tật nguyền được xã hội chăm sóc.

Phần lớn những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội ở nước ta đều có nguyên nhân khách quan của nó từ một nền sản xuất nhỏ, lạc hậu nên không thể một sớm một chiều mà khắc phục hết được, nhưng suy cho cùng do sự

yếu kém trong quản lý nhà nước mà những hiện tượng này *phát triển một cách không bình thường so với nhiều nước khác ở cùng một trình độ phát triển như nước ta*.

Chính vì thế, việc xây dựng thành công nhà nước pháp quyền có ý nghĩa quyết định sự thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Còn biện pháp xây dựng nhà nước thì cần phải nghiên cứu lý luận về nhà nước pháp quyền, học tập kinh nghiệm thành công ở các nước tiên tiến trong việc tổ chức bộ máy, hoạt động và công tác quản lý của nhà nước, không nên có sự phân biệt một cách cứng nhắc giữa nhà nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta với những nhà nước khác được coi là "nhà nước tư sản", "phi xã hội chủ nghĩa".

Những điều nêu trên chỉ nhằm trình bày ý kiến bổ sung, trao đổi thêm của tác giả về những nội dung đã viết trong cuốn sách của mình. Mong nhận được ý kiến nhận xét, đóng góp của độc giả.

Ý kiến nhận xét và đóng góp xin gửi cho tác giả ở địa chỉ: ngthung46@gmai.com.

Xin chân thành cám ơn!

Tháng 9 – 2013

Tác giả: **PGS.TS. Nguyễn Tấn Hùng**